

**ĐẢNG BỘ TỈNH YÊN BÁI
HUYỆN ỦY YÊN BÌNH**

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Yên Bình, ngày 14 tháng 02 năm 2025

*
Số 1927 - CV/HU

Về việc phân công chuẩn bị tham luận tại Đại hội Đảng bộ huyện Yên Bình lần thứ XXIV, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

- Kính gửi:*
- Thường trực Hội đồng nhân dân huyện,
 - Lãnh đạo Ủy ban nhân dân huyện,
 - Thủ trưởng các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Huyện ủy,
 - Ủy ban MTTQVN và các tổ chức chính trị - xã hội huyện,
 - Trưởng các phòng chuyên môn của huyện,
 - Đảng ủy các xã, thị trấn.

Thực hiện Kế hoạch số 232-KH/HU ngày 23/7/2024 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Yên Bình về tổ chức đại hội các đảng bộ, chi bộ thuộc Đảng bộ huyện Yên Bình tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Thường trực Huyện ủy phân công:

1. Các đồng chí Thường trực HĐND, lãnh đạo UBND huyện, thủ trưởng các cơ quan, ban ngành, đoàn thể huyện; đảng ủy các xã, thị trấn trên cơ sở nghiên cứu kỹ lưỡng văn kiện đại hội Đảng các cấp chuẩn bị tốt nội dung tham luận tại Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XXIV, nhiệm kỳ 2025-2030 (*theo biểu chi tiết gửi kèm*).

Nội dung tham luận đảm bảo có chất lượng, ngắn gọn, đi thẳng vào vấn đề gợi ý, sát với tình hình thực tế của địa phương (nội dung từ 3-4 trang giấy A4, cỡ chữ 15, thời gian tham luận từ 5-7 phút); gửi về Thường trực Huyện ủy (qua Văn phòng Huyện ủy tổng hợp); file văn bản gửi về địa chỉ email: Vanphonghuyb@gmail.com **trước ngày 28/02/2025**.

2. Phân công thẩm định các tham luận

- Văn phòng Huyện ủy tổng hợp, chuyển các bài tham luận của các xã, thị trấn đến các cơ quan tham mưu, giúp việc Huyện ủy, các phòng chuyên môn trực thuộc UBND huyện hoàn thành thẩm định gửi Tiểu ban Văn kiện **trước ngày 10/3/2025**.

- *Tiểu ban Văn kiện đại hội* thẩm định kỹ lưỡng các bài tham luận, báo cáo Thường trực Huyện ủy *lần 1* trước ngày 15/3/2025; *lần 2* trước ngày 25/3/2025.

Đề nghị Thường trực HĐND, UBND huyện, các cơ quan, đơn vị, địa phương khẩn trương triển khai thực hiện.

Nơi nhận:

- Như kính gửi,
- Ban Tuyên giáo Huyện ủy,
- Lưu VPHU.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC**



Nguyễn Lê Dũng

CHUẨN BỊ NỘI DUNG THAM LUẬN ĐẠI HỘI

(kèm theo Công văn số 1927-CV/HU ngày 14/2/2025 của Huyện ủy Yên Bình)

STT	Nội dung	Phân công chuẩn bị	Phân công cơ quan, đơn vị thẩm định theo ngành, lĩnh vực
I	VĂN KIẾN ĐẠI HỘI XIV CỦA ĐẢNG (theo tài liệu đã gửi đến các chi, đảng bộ cơ sở)		
1	Tóm tắt dự thảo Báo cáo chính trị tại Đại hội lần thứ XIV của Đảng		
1.1	Tham gia ý kiến về nhận định, đánh giá tổng quát kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng cơ đồ, tiềm lực vị thế, uy tín đất nước qua 40 năm đổi mới "Đảng ta vững vàng lãnh đạo đất nước tiếp tục đạt được những kết quả quan trọng, khá toàn diện, nhiều điểm sáng nổi bật".	Đảng bộ xã Phúc Ninh	Ban Tuyên giáo và Dân vận Huyện ủy
1.2	Tham gia ý kiến về thành tựu, hạn chế và nguyên nhân; 5 bài học kinh nghiệm rút ra sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII.	Đảng bộ xã Đại Đồng	Ban Tuyên giáo và Dân vận Huyện ủy
1.3	Tham gia ý kiến về quan điểm, mục tiêu xây dựng, phát triển đất nước trong giai đoạn mới.	Đảng bộ xã Mông Sơn	Ban Tuyên giáo và Dân vận Huyện ủy
1.4	Tham gia ý kiến về mục tiêu phát triển chủ yếu giai đoạn 2026-2030, làm rõ tính khả thi, yêu cầu phải phát triển bứt phá khi bước vào kỷ nguyên phát triển mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc	Đảng bộ xã Xuân Lai	Ban Tuyên giáo và Dân vận Huyện ủy
1.5	Tham gia ý kiến về định hướng phát triển đất nước trong giai đoạn 2026-2030 "Về tiếp tục đẩy mạnh đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng con người; nâng cao dân trí, chất lượng đào tạo nhân lực, chú trọng phát triển, bồi dưỡng, trọng dụng nhân tài; xây dựng mô hình xã hội học tập, học tập suốt đời"	Đảng bộ cơ quan chính quyền	Đảng bộ cơ quan chính quyền
1.6	Tham gia ý kiến vào 6 nhiệm vụ trọng tâm và 3 đột phá chiến lược với những nội dung ưu tiên trong từng chiến lược.	Đảng bộ xã Cẩm Ân	Ban Tuyên giáo và Dân vận Huyện ủy
1.7	Giải pháp nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu	Bí thư Đảng ủy xã Hán Đà	Phòng Tài nguyên và Môi trường
1.8	Phát huy mạnh mẽ vai trò chủ thể của nhân dân, dân chủ xã hội chủ nghĩa, quán triệt sâu sắc quan điểm "Dân là gốc", phát huy mạnh mẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam	Bí thư Đảng ủy xã Tân Nguyên	Ban Tuyên giáo và Dân vận Huyện ủy

STT	Nội dung	Phân công chuẩn bị	Phân công cơ quan, đơn vị thẩm định theo ngành, lĩnh vực
1.9	Giải pháp tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng toàn diện, trong sạch, vững mạnh, đặc biệt là tiếp tục đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo hướng tinh, gọn, mạnh, hiệu lực, hiệu quả.	Đảng bộ các cơ quan Đảng	Đảng bộ các cơ quan Đảng
2	<i>Tóm tắt dự thảo Báo cáo đánh giá 5 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm giai đoạn 2021-2030, phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030</i>		
2.1	Tham gia ý kiến về những nhận định đánh giá kết quả đạt được trong 5 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030	Đảng bộ xã Yên Thành	Phòng Tài chính - Kế hoạch
2.2	Tham gia ý kiến về mục tiêu tổng quát và các chỉ tiêu chủ yếu về kinh tế, xã hội, môi trường trong giai đoạn 2026-2030.	Đảng bộ cơ quan chính quyền	Đảng bộ cơ quan chính quyền
2.3	Tham gia ý kiến về tiếp tục thực hiện 03 đột phá chiến lược trong giai đoạn 2026-2030	Đảng bộ cơ quan chính quyền	Đảng bộ cơ quan chính quyền
2.4	Tham gia ý kiến về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu về phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026-2030	Bí thư Đảng ủy xã Cẩm Ân	Phòng Tài chính - Kế hoạch
2.5	Tham gia ý kiến về giải pháp đổi mới hoạt động công vụ, xây dựng nền công vụ phục vụ nhân dân chuyên nghiệp, dân chủ, hiện đại, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả	Đảng bộ cơ quan chính quyền	Đảng bộ cơ quan chính quyền
4	<i>Tóm tắt dự thảo Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng và thi hành Điều lệ Đảng nhiệm kỳ Đại hội XIII</i>		
4.1	Tham gia ý kiến về giải pháp phát huy mạnh mẽ sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam	Đảng bộ các cơ quan Đảng	Đảng bộ các cơ quan Đảng
4.2	Tham gia ý kiến về các giải pháp đột phá của công tác xây dựng Đảng nhiệm kỳ đại hội XIV	Đảng bộ các cơ quan Đảng	Đảng bộ các cơ quan Đảng
II	VẤN KIẾN ĐẠI HỘI XX ĐẢNG BỘ TỈNH		
1	Tham gia ý kiến về quan điểm, mục tiêu xây dựng và các chỉ tiêu chủ yếu nhiệm kỳ 2025-2030	Đảng bộ cơ quan chính quyền	
2	Giải pháp chủ yếu "03 đột phá chiến lược và 06 nhiệm vụ trọng tâm nhiệm kỳ 2025-2030"	Đảng bộ cơ quan chính quyền	

STT	Nội dung	Phân công chuẩn bị	Phân công cơ quan, đơn vị thẩm định theo ngành, lĩnh vực
3	Tham gia ý kiến về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu về phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026-2030 "Giải pháp nâng cao nhận thức, chuyển đổi tư duy phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong giai đoạn mới, nhất là nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh"	Hội Nông dân huyện	
4	Tham gia ý kiến về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu về phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026-2030 "Giải pháp đẩy mạnh phát triển lâm nghiệp đa mục tiêu".	Đảng bộ cơ quan chính quyền	
5	Tham gia ý kiến về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu về phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026-2030 "Giải pháp phát triển nuôi trồng thủy sản đặc sản, có giá trị cao gắn với chế biến đa dạng các sản phẩm"	Đảng bộ cơ quan chính quyền	
6	Tham gia ý kiến về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu về phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026-2030 "Phát huy mạnh mẽ vai trò chủ thể, vừa là động lực, nguồn lực của người dân, kết hợp với sự vào cuộc trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp, huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực trong xây dựng nông thôn mới "	Đảng bộ xã Mỹ Gia	Ban Tuyên giáo và Dân vận Huyện ủy
7	Tham gia ý kiến về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu về phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026-2030 "Giải pháp phát triển đa dạng, chất lượng ngành du lịch, dịch vụ, thương mại; quyết tâm đưa du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh"	Đảng bộ cơ quan chính quyền	
8	Tham gia ý kiến về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu về phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026-2030 "Giải pháp nâng cao năng lực quản lý, điều hành của ủy ban nhân dân và trách nhiệm thi hành của các cơ quan chuyên môn thuộc ủy ban nhân dân các cấp"	Lãnh đạo UBND huyện	
III	VĂN KIẾN ĐẠI HỘI XXIV ĐẢNG BỘ HUYỆN		
1	Dự thảo Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ khóa XXIII, nhiệm kỳ 2020-2025		
1.1	Mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, lộ trình xây dựng huyện nông thôn mới nâng cao	Lãnh đạo UBND huyện	

STT	Nội dung	Phân công chuẩn bị	Phân công cơ quan, đơn vị thẩm định theo ngành, lĩnh vực
1.2	Sự lãnh đạo toàn diện của Đảng bộ, sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị và vai trò chủ thể của người dân là nhân tố quyết định hàng đầu trong chủ trương xây dựng nông thôn mới.	Bí thư Đảng ủy xã Đại Minh	Phòng Nông nghiệp và PTNT
1.3	Một số kinh nghiệm trong xây dựng xã nông thôn mới nâng cao	Chủ tịch UBND xã Xuân Long	Phòng Nông nghiệp và PTNT
1.4	Một số nhiệm vụ, giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp của tỉnh, Trung ương trên địa bàn	Giám đốc TTDV hỗ trợ phát triển NN huyện	Phòng Nông nghiệp và PTNT
1.5	Đề xuất giải pháp phát triển nông nghiệp đa giá trị, nông nghiệp sinh thái gắn với phát triển du lịch	Chủ tịch UBND xã Đại Minh	
1.6	Một số nhiệm vụ và giải pháp phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, nhất là công nghiệp chế biến các sản phẩm chủ lực (cá hồ Thác Bà, tre măng bát độ, gỗ rừng trồng...)	Trưởng phòng Kinh tế - Hạ tầng	Lãnh đạo UBND huyện
1.7	Kết quả thực hiện và nhiệm vụ, giải pháp triển khai hiệu quả công tác quy hoạch gắn với phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, tạo động lực thúc đẩy kinh tế - xã hội của huyện	Lãnh đạo UBND huyện	Lãnh đạo UBND huyện
1.8	Đề xuất giải pháp huy động và sử dụng nguồn lực trong xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông nông thôn (ưu tiên làm đường bê tông nhựa Asphalt).	Trưởng phòng Kinh tế - Hạ tầng	Lãnh đạo UBND huyện
1.9	Các giải pháp phát huy tiềm năng, lợi thế để phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch trên địa bàn.	Bí thư Đảng ủy xã Phúc An	Phòng Kinh tế - Hạ tầng
1.10	Một số kinh nghiệm trong thực hiện công tác giải phóng mặt bằng các công trình, dự án trọng điểm của tỉnh, huyện trên địa bàn xã	Chủ tịch UBND xã Thịnh Hưng	Phòng Tài nguyên và Môi trường
1.11	Các giải pháp bảo vệ môi trường, nâng cao năng lực ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển kinh tế xanh, bền vững.	Chủ tịch UBND xã Hán Đà	
1.12	Thực trạng, giải pháp nâng cao chất lượng công tác quản lý nhà nước về đất đai, xây dựng, khoáng sản, môi trường trên địa bàn	Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường	Lãnh đạo UBND huyện
		Chủ tịch UBND xã Vĩnh Kiên	Phòng Tài nguyên và Môi trường

STT	Nội dung	Phân công chuẩn bị	Phân công cơ quan, đơn vị thẩm định theo ngành, lĩnh vực
1.13	Đề xuất giải pháp quản lý và nuôi dưỡng, phát triển các nguồn thu, đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ thu ngân sách trên địa bàn huyện giai đoạn 2026-2030	Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch	Lãnh đạo UBND huyện
1.14	Một số giải pháp phát triển các thành phần kinh tế trên địa bàn huyện, nhất là kinh tế tư nhân và kinh tế tập thể.	Lãnh đạo UBND huyện	
1.15	Giải pháp nâng chỉ số năng lực cạnh cấp huyện góp phần nâng cao hiệu quả công tác thu hút đầu tư trên địa bàn	Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch	Lãnh đạo UBND huyện
1.16	Đẩy mạnh công tác giảm nghèo bền vững, hướng tới mục tiêu đến năm 2030 huyện Yên Bình đạt tiêu chí giảm nghèo trong xây dựng huyện nông thôn mới nâng cao.	Lãnh đạo UBND huyện	
1.17	Giải pháp nâng cao chất lượng công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn, xuất khẩu lao động gắn với chuyển dịch cơ cấu lao động.	Lãnh đạo UBND huyện	
1.18	Một số đề xuất, kiến nghị nhằm tận dụng tối đa tiềm năng, lợi thế, đẩy mạnh phát triển dịch vụ du lịch, trở thành ngành kinh tế quan trọng, động lực cho sự phát triển nhanh, bền vững	Lãnh đạo UBND huyện	
1.19	Giải pháp về bảo tồn và phát huy truyền thống văn hóa, bản sắc dân tộc gắn với phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn huyện.	Bí thư Đảng ủy xã Vũ Linh	Phòng Văn hóa và Thông tin
		Bí thư Đảng ủy xã Tân Hương	
1.20	Giải pháp đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số, khoa học, công nghệ nâng cao hiệu quả công tác khám chữa bệnh cho nhân dân	Giám đốc Trung tâm Y tế	Lãnh đạo UBND huyện
1.21	Giải pháp nâng cao chỉ số hạnh phúc cho người dân Yên Bình hướng tới mục tiêu xây dựng "xã, thị trấn hạnh phúc", góp phần xây dựng "huyện hạnh phúc"	Trưởng phòng Văn hóa Thông tin	Lãnh đạo UBND huyện
1.22	Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện các chỉ tiêu về giáo dục góp phần hoàn thành các chỉ tiêu xây dựng huyện Yên Bình đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao vào năm 2029	Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo	Lãnh đạo UBND huyện

STT	Nội dung	Phân công chuẩn bị	Phân công cơ quan, đơn vị thẩm định theo ngành, lĩnh vực
1.23	Giải pháp tiếp tục thực hiện có hiệu quả công tác giáo dục và đào tạo gắn với nâng cao chất lượng nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới.	Trường phòng Giáo dục và Đào tạo	Lãnh đạo UBND huyện
1.24	Nhiệm vụ, giải pháp nâng cao chất lượng công tác y tế dự phòng, công tác khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của nhân dân	Giám đốc Trung tâm y tế	Lãnh đạo UBND huyện
1.25	Một số giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã đáp ứng yêu cầu phát triển của huyện trong giai đoạn mới	Trường phòng Nội vụ	Lãnh đạo UBND huyện
		Bí thư Đảng ủy xã Cẩm Nhân	Trường phòng Nội vụ
1.26	Nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030	Trường phòng Dân tộc	Lãnh đạo UBND huyện
1.27	Thực trạng và giải pháp giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn trong tình hình mới.	Bí thư Đảng ủy thị trấn Yên Bình	Đảng ủy Công an huyện
1.28	Phát huy hiệu quả phong trào "Toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc, nâng cao chất lượng hoạt động của các Tổ tự quản về an ninh trật tự trên địa bàn.	Chủ tịch UBND xã Ngọc Chấn	
1.29	Kết quả đã đạt được và giải pháp tăng cường xây dựng, củng cố thể trận quốc phòng toàn dân trong nhiệm kỳ tới	Chi huy trưởng BCH Quân sự huyện	Lãnh đạo UBND huyện
1.30	Giải pháp đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật.	Đ/c Trường phòng Tư pháp	Lãnh đạo UBND huyện
1.31	Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Hội đồng nhân dân huyện và các xã, thị trấn.	Thường trực HĐND huyện	
1.32	Giải pháp nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong giai đoạn tới	Bí thư Đảng ủy xã Đại Đồng	Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy
1.33	Giải pháp công tác phát triển đảng viên, nhất là đảng viên là khu vực doanh nghiệp	Bí thư Đảng ủy xã Phú Thịnh	Ban Tổ chức Huyện ủy
1.34	Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục chính trị, tư tưởng; đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.	Phó trưởng Ban Tuyên giáo và Dân vận Huyện ủy	

STT	Nội dung	Phân công chuẩn bị	Phân công cơ quan, đơn vị thẩm định theo ngành, lĩnh vực
1.35	Vai trò của cấp ủy, tổ chức đảng ở cơ sở trong việc cụ thể hóa và tổ chức thực hiện chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXIV, nhiệm kỳ 2025-2030.	Bí thư Đảng ủy thị trấn Thác Bà	Ban Tuyên giáo và Dân vận Huyện ủy
1.36	Giải pháp tiếp tục nâng cao chất lượng hiệu quả phong trào "Dân vận khéo" trong xây dựng nông thôn mới nâng cao	Phó trưởng Ban Tuyên giáo và Dân vận Huyện ủy	
1.37	Giải pháp nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy và ủy ban kiểm tra các cấp trong Đảng bộ huyện	Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy	
1.38	Nâng cao chất lượng công tác giám sát thường xuyên của cấp ủy cơ sở đối với tổ chức đảng và đảng viên trong nhiệm kỳ tới.	Bí thư Đảng ủy xã Bạch Hà	Ban Tổ chức Huyện ủy
1.39	Giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân trong thực hiện nhiệm vụ chính trị tại địa phương, nhất là trong công tác giải phóng mặt bằng triển khai các dự án, công trình trên địa bàn và xây dựng nông thôn mới nâng cao	Phó Chủ tịch UBMTTQVN huyện	
1.40	Phát huy vai trò của tuổi trẻ huyện Yên Bình trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, tình nguyện vì cuộc sống cộng đồng.	Bí thư Huyện đoàn	
1.41	Nhiệm vụ, giải pháp đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Hội Cựu chiến binh các cấp giai đoạn 2026-2030	Chủ tịch Hội Cựu Chiến binh huyện	
1.42	Giải pháp nâng cao vai trò, trách nhiệm chủ thể của nông dân trong quá trình phát triển nông nghiệp, xây dựng huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao	Chủ tịch Hội Nông dân huyện	
2	<i>Dự thảo Báo cáo kết quả 5 năm phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025; phương hướng nhiệm vụ giai đoạn 2026-2030</i>		
2.1	Giải pháp phát triển xuất nông, lâm nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, hiệu quả, bền vững	Lãnh đạo UBND huyện	Lãnh đạo UBND huyện
2.2	Giải pháp hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trên địa bàn huyện.	Lãnh đạo UBND huyện	Lãnh đạo UBND huyện

STT	Nội dung	Phân công chuẩn bị	Phân công cơ quan, đơn vị thẩm định theo ngành, lĩnh vực
3	<i>Dự thảo Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị giai đoạn 2020-2025, phương hướng, nhiệm vụ giai đoạn 2026-2030</i>		
	Giải pháp tiếp tục đổi mới công tác đánh giá cán bộ, đảng viên gắn với nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của tổ chức đảng, đảng viên trong tình hình mới.	Phó trưởng Ban Tổ chức Huyện ủy	

*
(Dự thảo lần 5)

Yên Bình, ngày tháng 02 năm 2025

BÁO CÁO

Kết quả phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025;
Mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu giai đoạn 2026-2030

Phần thứ nhất KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2021-2025

A. ĐẶC ĐIỂM BỐI CẢNH, TÌNH HÌNH

Yên Bình là huyện miền núi nằm ở phía Đông Nam tỉnh Yên Bái, phía Đông giáp huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ và huyện Hàm Yên, huyện Yên Sơn tỉnh Tuyên Quang; phía Tây giáp huyện Trấn Yên, huyện Văn Yên và thành phố Yên Bái; phía Nam giáp huyện Hạ Hòa, huyện Đoan Hùng tỉnh Phú Thọ; phía Bắc giáp huyện Lục Yên. Tổng diện tích đất tự nhiên là 77.234,62 ha chiếm 11,2% diện tích toàn tỉnh Yên Bái. Toàn huyện được chia thành 23 đơn vị hành chính, gồm 21 xã (do xã Yên Bình sáp nhập vào xã Bạch Hà từ ngày 01/12/2024) và 02 thị trấn. Thị trấn Yên Bình là thị trấn trung tâm huyện lỵ, huyện có 12 dân tộc anh em cùng sinh sống, trong đó có 05 dân tộc có dân số trên 1.000 người, các dân tộc trên địa bàn luôn đoàn kết, tương trợ cùng phát triển. Lực lượng lao động trong độ tuổi chiếm trên 68%, trong đó lao động nữ chiếm 49,5% tổng số lao động. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 73,7% trên tổng số lao động trong độ tuổi.

Từ đầu nhiệm kỳ đến nay, huyện Yên Bình đã triển khai, thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trong bối cảnh có nhiều thuận lợi, cấp ủy, chính quyền, lực lượng vũ trang và nhân dân các dân tộc huyện Yên Bình luôn đoàn kết, thống nhất cao, phát huy trí tuệ tập thể, nỗ lực, quyết tâm, quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo, sáng tạo, linh hoạt trong thể chế hóa, cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Yên Bái lần thứ XIX, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Yên Bình lần thứ XXIII, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 và các chủ trương của Đảng, chính sách của nhà nước vào điều kiện thực tiễn của huyện, các quy định, quy chế, đề án, chính sách được triển khai thực hiện đồng bộ, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực, khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế, thúc đẩy mạnh mẽ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Bên cạnh những thuận lợi, huyện Yên Bình cũng gặp không ít khó

khăn, thách thức, nhất là ảnh hưởng của đại dịch Covid -19, tác động tiêu cực do biến động tình hình kinh tế, chính trị thế giới, ảnh hưởng của thiên tai, thời tiết cực đoan, biến đổi khí hậu, đặc biệt là những thiệt hại nặng nề do cơn bão số 3 Yagi (tháng 9/2024)... Song được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát của tỉnh, cùng với sự đoàn kết, thống nhất, nỗ lực, phấn đấu vươn lên của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân, huyện Yên Bình đã vượt qua khó khăn, thử thách, đạt được những kết quả quan trọng và khá toàn diện trên các lĩnh vực, tạo tiền đề, nền tảng vững chắc để tiếp tục đổi mới và phát triển.

B. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2021-2025

I. Việc cụ thể hóa các chiến lược, đường lối, quan điểm, chủ trương, chính sách phát triển của Trung ương, của tỉnh vào điều kiện thực tiễn của huyện

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXIII, nhiệm kỳ 2020-2025, ngay sau Đại hội, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện, Ban Thường vụ Huyện ủy đã tổ chức tốt việc học tập, quán triệt Nghị quyết Đại hội. Với tư duy đổi mới, phương châm chỉ đạo "*Không có gì là không thể, phải quyết tâm tìm cách để làm*", huyện Yên Bình đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo sát sao, quyết liệt, đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp căn cơ, bài bản trong tổ chức thực hiện, trên cơ sở phát huy tinh thần chủ động, đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm của cán bộ, công chức, người đứng đầu; phân công, giao nhiệm vụ cụ thể cho các cơ quan, đơn vị theo hướng rõ người, rõ việc, rõ sản phẩm, dễ kiểm tra, giám sát, dễ đánh giá. Trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo, luôn đảm bảo sự lãnh đạo toàn diện của Đảng trên tất cả các lĩnh vực, đồng thời lãnh đạo có trọng tâm, trọng điểm, hướng về cơ sở, tập trung giải quyết tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc cho cơ sở, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc đảm bảo thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện nhiệm kỳ 2020-2025 đã đề ra.

Huyện ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện đã chủ động xây dựng, sớm ban hành các văn bản để cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện và các nghị quyết chuyên đề của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng,

an ninh trên các lĩnh vực, gồm: 03 Nghị quyết¹, 09 Chỉ thị², 02 Đề án chuyên đề³ của Huyện ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy; nghị quyết, 06 đề án⁴, chính sách của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện để tổ chức triển khai thực hiện trong giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; đồng thời, ban hành đầy đủ, kịp thời các chương trình hành động, kế hoạch thực hiện các nghị quyết của trung ương, của tỉnh. Đây là cơ sở chính trị, cơ sở pháp lý quan trọng cho việc triển khai thực hiện nhiệm vụ trên các lĩnh vực bảo đảm theo đúng định hướng, mục tiêu, quan điểm Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội lần thứ XIX Đảng bộ tỉnh Yên Bái, Nghị quyết Đại hội lần thứ XXIII Đảng bộ huyện Yên Bình đã đề ra. Các nghị quyết, chỉ thị, đề án, chính sách đã phát huy hiệu quả thiết thực, đi vào cuộc sống, góp phần quan trọng vào kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, xây dựng đảng và hệ thống chính trị của huyện thời gian qua.

II. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu về phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2025

(1) Cơ cấu giá trị sản xuất trên địa bàn (theo giá hiện hành): Nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm: 15%; Công nghiệp - Xây dựng chiếm: 57%; Dịch vụ chiếm: 28% (đạt mục tiêu Đại hội và Nghị quyết HĐND huyện)

¹ Các nghị quyết chuyên đề đã ban hành: (1) Nghị quyết xây dựng huyện Yên Bình đạt chuẩn quốc gia nông thôn mới; (2) Nghị quyết về phát triển đô thị huyện Yên Bình giai đoạn 2021-2025; (3) Nghị quyết tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, phát huy vai trò nòng cốt của cán bộ, đảng viên gương mẫu thực hiện và vận động nhân dân thực hiện phong trào hiến đất, tài sản trên đất làm đường giao thông và xây dựng các công trình công cộng, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh.

² Các chỉ thị đã ban hành: (1) Chỉ thị của BTV Huyện ủy về lãnh đạo đại hội Phụ nữ cấp cơ sở tiến tới Đại hội đại biểu Phụ nữ huyện Yên Bình lần thứ XX; (2) Chỉ thị về tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của virus corona gây ra; (3) Chỉ thị về lãnh đạo nhiệm vụ Quân sự, Quốc phòng; (4) Chỉ thị về tăng cường hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện tiêu chí môi trường trong xây dựng huyện Yên Bình đạt chuẩn Nông thôn mới; (5) Chỉ thị về lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ diễn tập KVPT huyện năm; (6) Chỉ thị về lãnh đạo tổ chức thực hiện nhiệm vụ diễn tập chiến đấu phòng thủ; diễn tập Ứng phó cháy rừng - tìm kiếm cứu nạn cấp xã; (7) Chỉ thị về tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo gắn với tăng cường công tác nhận xét, đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức trên địa bàn huyện; (8) Chỉ thị về thực hiện công tác tiếp công dân và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, đề nghị, phản ánh của công dân; (9) Chỉ thị của BTV Huyện ủy về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao hiệu quả công tác giải phóng mặt bằng trên địa bàn huyện.

³ Các Đề án gồm: (1) Đề án xây dựng Trung tâm chính trị huyện Yên Bình đạt chuẩn mức 1 giai đoạn 2021-2025; (2) Đề án tổ chức bộ máy Đảng, chính quyền, đoàn thể tại các cơ quan được thành lập theo Đề án số 10-ĐA/TU của BTV Tỉnh ủy về việc dừng thí điểm mô hình cơ quan Tổ chức - Nội vụ, cơ quan Kiểm tra - Thanh tra, Văn phòng cấp ủy và chính quyền huyện theo Thông báo Kết luận số 16-TB/TW.

⁴ Đề án nâng cao giá trị, thương hiệu Bưởi Đại Minh huyện Yên Bình giai đoạn 2024-2030, Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn huyện Yên Bình giai đoạn 2025-2030, định hướng đến năm 2045, Đề án phát triển quế hữu cơ trên địa bàn huyện Yên Bình đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, Đề án phát triển cây tre măng Bát độ huyện Yên Bình giai đoạn 2025-2030; Đề án hỗ trợ phát triển trồng rừng gỗ lớn tiến tới tham gia thị trường tín chỉ carbon trên địa bàn huyện Yên Bình giai đoạn 2024-2025, định hướng đến năm 2030; Đề án trồng caay trà lá dài dưới cos 58 hồ Thác Bà kết hợp nuôi ong mật gắn với du lịch trên địa bàn huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

(2) Thu nhập bình quân đầu người/năm: Ước đạt 63 triệu đồng, tăng 5% (tăng 3 triệu đồng/người/năm) so với mục tiêu Đại hội và Nghị quyết HĐND huyện và tăng 75% (tăng 27 triệu đồng/người/năm) so với năm 2020.

(3) Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản (tính theo giá so sánh 2010) ước đạt 3.150 tỷ đồng, tăng 3,3% (tăng 100 tỷ đồng) so với mục tiêu Đại hội và Nghị quyết HĐND huyện và tăng 26% (tăng 650 tỷ đồng) so với năm 2020.

(4) Giá trị sản xuất công nghiệp (tính theo giá so sánh 2010) ước đạt 8.000 tỷ đồng, tăng 6,7% (tăng 500 tỷ đồng) so với mục tiêu Đại hội và Nghị quyết HĐND huyện và tăng 139,4% (tăng 4.658 tỷ đồng) so với năm 2020.

(5) Giá trị sản xuất xây dựng (tính theo giá so sánh 2010) ước đạt 4.850 tỷ đồng, đạt 100% so với mục tiêu Đại hội và Nghị quyết HĐND huyện và tăng 106,4% (tăng 2.500 tỷ đồng) so với năm 2020.

(6) Tổng sản lượng lương thực có hạt ước đạt 30.020 tấn, tăng 6,6% (tăng 1.870 tấn) so với mục tiêu Đại hội và Nghị quyết HĐND huyện và tăng 6% (tăng 1.711,4 tấn) so với năm 2020.

(7) Tổng đàn gia súc chính ước đạt 155.000 con, tăng 3,3% (tăng 5.000 con) so với mục tiêu Đại hội và Nghị quyết HĐND huyện và tăng 49,2% (tăng 51.100 con) so với năm 2020.

(8) Sản lượng thịt hơi xuất chuồng các loại ước đạt 17.850 tấn, tăng 2,9% (tăng 500 tấn) so với mục tiêu Đại hội và Nghị quyết HĐND huyện và tăng 65,1% (tăng 6.900 tấn) so với năm 2020. Trong đó sản lượng thịt hơi xuất chuồng đàn gia súc chính đạt 12.500 tấn, tăng 4,2% (tăng 500 tấn) so với mục tiêu Đại hội và Nghị quyết HĐND huyện và tăng 31,6% (tăng 3.000 tấn) so với năm 2020.

(9) Sản lượng thủy sản ước đạt 9.350 tấn, tăng 1,6% (tăng 150 tấn) so với mục tiêu Đại hội và Nghị quyết HĐND huyện và tăng 33,5% (tăng 2.345 tấn) so với năm 2020.

(10) Trồng rừng giai đoạn 2021-2025 ước đạt 16.019 ha, tăng 6,9% (tăng 1.039 ha) so với giai đoạn 2016 - 2020. Diện tích rừng được cấp chứng chỉ FSC và cấp chứng chỉ hữu cơ giai đoạn 2021-2025 ước 14.786 ha, bằng 73,9% kế hoạch, so với giai đoạn 2016 - 2020 tăng 139,8% (tăng 9.786 ha).

(11) Tiêu chí nông thôn mới: Lũy kế xã công nhận đạt chuẩn nông thôn mới: 21 xã; Lũy kế số xã công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao ước đạt: 08 xã, tăng 14,3% (tăng 01 xã) so với Nghị quyết HĐND huyện và tăng 60% (tăng 3 xã) so với mục tiêu Đại hội; Lũy kế số xã công nhận đạt chuẩn NTM kiểu mẫu ước đạt: 04 xã, tăng 33,3% (tăng 01 xã) so với mục tiêu Đại hội và Nghị quyết HĐND huyện.

(12) Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 7.900 tỷ đồng, tăng 5,3% so với mục tiêu Đại hội và Nghị quyết HĐND huyện và tăng 105,7% (tăng 4.060 tỷ) so với năm 2020.

(13) Giá trị xuất khẩu hàng hoá ước đạt 155 triệu USD, tăng 3,3% (tăng 5 triệu USD) so với mục tiêu Đại hội và Nghị quyết HĐND huyện và tăng 180% (tăng 99,65 triệu USD) so với năm 2020.

(14) Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn ước đạt 505 tỷ đồng, tăng 1% (tăng 5 tỷ đồng) so với mục tiêu Đại hội và Nghị quyết HĐND huyện và tăng 68,3% (tăng 205 tỷ đồng) so với năm 2020.

(15) Tổng vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2025 ước đạt 27.405 tỷ đồng, tăng 1,5% (tăng 405 tỷ đồng) so với mục tiêu Đại hội và Nghị quyết HĐND huyện và tăng 60,5% (tăng 10.333 tỷ đồng) so với giai đoạn 2016-2020.

(16) Kiên cố hóa đường giao thông nông thôn giai đoạn 2021-2025 ước đạt 563,3 km, tăng 74,39% (tăng 240,3 km) so với giai đoạn 2016-2020, tăng 40,8% (tăng 163,3 km) so với Chương trình hành động số 17 của Huyện ủy.

(17) Số doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác thành lập mới:

- Số doanh nghiệp thành lập mới ước đạt 233 doanh nghiệp, tăng 55,3% (tăng 83 doanh nghiệp) so với mục tiêu Đại hội và Nghị quyết HĐND huyện và tăng 76,5% (tăng 101 doanh nghiệp) so với năm 2020.

- Số hợp tác xã thành lập mới ước đạt 73 HTX, tăng 46% (tăng 23 HTX) so với mục tiêu Đại hội và Nghị quyết HĐND huyện và tăng 46% (tăng 23 HTX) so với năm 2020.

- Số tổ hợp tác (THT) thành lập mới ước đạt 390 THT, tăng 18,2% (tăng 60 THT) so với mục tiêu Đại hội và tăng 56% (tăng 140 THT) so với Nghị quyết HĐND huyện và giảm 19,4% (giảm 94 THT) so với năm 2020.

(18) Tỷ lệ đô thị hóa ước đạt 26,62%, đạt 100% so với mục tiêu Đại hội và Nghị quyết HĐND huyện.

(19) Số lượt khách du lịch đến huyện ước đạt 380.000 lượt khách, tăng 8,6% (tăng 30.000 lượt khách) so với mục tiêu Đại hội và Nghị quyết HĐND huyện và tăng 111,1 % (tăng 200.000 lượt khách) so với năm 2020. Doanh thu từ du lịch ước đạt 320 tỷ đồng, tăng 6,7% (tăng 20 tỷ) so với mục tiêu Đại hội và Nghị quyết HĐND huyện và tăng 210,7% (tăng 217 tỷ đồng) so với năm 2020.

(20) Phát triển du lịch cộng đồng ước đạt 20 mô hình, đạt 100% so với mục tiêu Đại hội và Nghị quyết HĐND huyện, tăng 122,2% (tăng 11 mô hình) so với năm 2020.

(21) Số lao động được tạo việc làm mới ước đạt 18.310 lao động, tăng 4,6% (tăng 810 lao động) so với mục tiêu Đại hội và Nghị quyết HĐND huyện và tăng 22,9% (tăng 3.416 lao động) so với năm 2020.

(22) Tỷ lệ lao động qua đào tạo ước đạt 76%, tăng 4% so với mục tiêu Đại hội và Nghị quyết HĐND huyện và tăng 12% so với nhiệm kỳ trước. Trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng, chứng chỉ ước đạt 56%, tăng 1% so với mục tiêu Đại hội và Nghị quyết HĐND huyện, tăng 24% so với năm 2020.

(23) Số lao động chuyển dịch từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp ước đạt 5.249 lao động, tăng 16,6% (tăng 749 lao động) so với mục tiêu Đại hội và Nghị quyết HĐND huyện và tăng 198,9% (tăng 3.493 lao động) so với năm 2020.

(24) Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân giai đoạn 2021-2025: Theo chuẩn mới 2,65%, giảm 1,35% so với mục tiêu Đại hội và Nghị quyết HĐND huyện.

(25) Lũy kế số trường mầm non và phổ thông đạt chuẩn quốc gia đạt 55 trường, đạt 100% mục tiêu Đại hội và Nghị quyết HĐND huyện và tăng 52,8% (tăng 19 trường) so với năm 2020.

(26) Duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục:

- Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi đạt 23/23 xã, thị trấn, đạt 100% mục tiêu Đại hội và Nghị quyết HĐND huyện.

- Phổ cập giáo dục tiểu học cả 3 mức độ: đạt 23/23 xã, thị trấn, đạt 100% mục tiêu Đại hội và Nghị quyết HĐND huyện.

- Phổ cập giáo dục THCS mức độ 1, mức độ 2, mức độ 3: đạt 23/23 xã, thị trấn, đạt 100% mục tiêu Đại hội và Nghị quyết HĐND huyện.

(27) Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (cân nặng theo tuổi) ước đạt 12,8%, giảm 0,2% so với mục tiêu Đại hội và Nghị quyết HĐND huyện và giảm 1,5% so với năm 2020.

(28) Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin đạt 99,5% đạt mục tiêu Đại hội và Nghị quyết HĐND huyện.

(29) Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên ước đạt 1,05%, đạt so với mục tiêu Đại hội và Nghị quyết HĐND huyện.

(30) Tuổi thọ trung bình của người dân ước đạt: 75 tuổi, tăng 0,7% (tăng 0,5 tuổi) so với mục tiêu Đại hội và Nghị quyết HĐND huyện và tăng 3,4% (tăng 2,5 tuổi) so với năm 2020.

(31) Chỉ số hạnh phúc của người dân huyện ước đạt 73%, đạt mức 1/3 của Hạnh phúc.

(32) Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế ước đạt 97%, đạt so với mục tiêu Đại hội và Nghị quyết HĐND huyện, tăng 0,5% so với năm 2020.

(33) Tổng số xã, thị trấn đạt tiêu chí Quốc gia về Y tế đạt 23 xã, thị trấn, đạt so với mục tiêu Đại hội và Nghị quyết HĐND huyện và tăng 21,1% (tăng 4 xã) so với năm 2020.

(34) Tỷ lệ hộ dân được nghe, xem phát thanh truyền hình đạt 100% so với mục tiêu Đại hội và Nghị quyết HĐND huyện.

(35) Tỷ lệ hộ gia đình đạt tiêu chuẩn văn hóa ước đạt 93,2%, tăng 5% so với mục tiêu Đại hội và Nghị quyết HĐND huyện, tăng 2,8% so với năm 2020.

(36) Tỷ lệ thôn, tổ dân phố đạt tiêu chuẩn văn hóa ước đạt 99,4% tăng 14,1% so với mục tiêu Đại hội và Nghị quyết HĐND huyện và tăng 1,7% so với năm 2020.

(37) Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đạt tiêu chuẩn văn hóa đạt 98,7%, đạt so với mục tiêu Đại hội và Nghị quyết HĐND huyện và tăng 1,9% so với năm 2020.

(38) Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý đạt 92%, tăng 2% so với mục tiêu Đại hội và giảm 3% so với Nghị quyết HĐND huyện và tăng 20% so với năm 2020.

(39) Tỷ lệ dân số đô thị được sử dụng nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đạt 45,5%, tăng 1,5% so với mục tiêu Đại hội và Nghị quyết HĐND huyện, tăng 18,3% so với năm 2020.

(40) Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%, tăng 2% so với mục tiêu Đại hội và Nghị quyết HĐND huyện, tăng 5% so với năm 2020.

(41) Tỷ lệ thu gom xử lý chất thải rắn đô thị đạt 95%, đạt so với mục tiêu Đại hội và Nghị quyết HĐND huyện.

(42) Tỷ lệ thu gom xử lý chất thải rắn nông thôn đạt 55%, tăng 10% so với mục tiêu Đại hội và Nghị quyết HĐND huyện.

(43) Tỷ lệ rác thải sinh hoạt được thu gom, xử lý ở khu vực nông thôn đạt 95,5%, tăng 0,4% so với mục tiêu Đại hội và Nghị quyết HĐND huyện và tăng 10,5% so với năm 2020.

(44) Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý đạt 100%, đạt so với mục tiêu Đại hội và Nghị quyết HĐND huyện.

(45) Tỷ lệ hộ dân cư nông thôn có hố xí hợp vệ sinh ước đạt 92%, đạt so với mục tiêu Đại hội và Nghị quyết HĐND huyện và tăng 17% so với năm 2020.

(46) Tỷ lệ che phủ rừng đạt 54,8%, giảm 1,1% so với mục tiêu Đại hội và Nghị quyết HĐND huyện và giảm 0,1% so với năm 2020.

III. Kết quả thực hiện 3 đột phá chiến lược, 04 chương trình trọng điểm

1. Kết quả thực hiện 3 đột phá chiến lược

a) Triển khai thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách của Trung ương, của tỉnh

Tổ chức thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách của Trung ương, của tỉnh để huy động, sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển của huyện; tập trung thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số, cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp

Chủ động rà soát, đơn giản hóa, rút ngắn từ 40% - 50% thời gian thực hiện các thủ tục hành chính; củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động Bộ phận phục vụ hành chính công huyện, xã, hàng năm huyện đều ở trong nhóm dẫn đầu về kết quả cải cách hành chính, năm 2023 đứng thứ 2, năm 2024 huyện Yên Bình đứng đầu về thực hiện bộ 5 chỉ số phục vụ người dân và doanh nghiệp; tích cực thực hiện nhiều giải pháp cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, đến năm 2025 chỉ số năng lực cạnh tranh cấp huyện đứng nhóm dẫn đầu toàn tỉnh; mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp ngày càng tích cực. Qua đó, đã tiếp tục phát huy được tiềm năng, lợi thế tháo gỡ những nút thắt, thúc đẩy hiệu quả cơ cấu lại kinh tế, hoàn thiện kết cấu hạ tầng, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, chăm lo an sinh, phúc lợi xã hội, giảm nghèo nhanh và bền vững, bảo đảm quốc phòng, an ninh, xây dựng hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

b) Tập trung đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, từng bước đáp ứng yêu cầu quản lý, điều hành và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương

Triển khai hiệu quả Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TU ngày 20/01/2021 của Tỉnh ủy về phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 19/4/2021⁵ của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định một số chính sách nâng cao chất lượng nguồn nhân lực giai đoạn 2021-2025.

Phát triển nguồn nhân lực, trọng tâm là nâng cao chất lượng nhân lực khu vực nông nghiệp, nông thôn, nhân lực vùng đồng bào dân tộc và xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý các phòng, ban chuyên môn của huyện, cán bộ chủ chốt các xã, thị trấn đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, đáp ứng yêu cầu phát triển trong tình hình mới; phát huy giá

⁵ Đã được sửa đổi tại Nghị quyết 41/2022/NQ-HĐND ngày 19/10/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

trị, bản sắc văn hoá, ý chí, khát vọng vươn lên của nhân dân, đáp ứng yêu cầu phát triển của huyện

Quy mô và chất lượng nhân lực của huyện được nâng lên, tổng số lao động năm 2025 khoảng 7,5 vạn người, tăng 5,8% so với năm 2020; trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo ước đạt 76%, tăng 12% so với năm 2020 và vượt 3% Nghị quyết, trong đó số có văn bằng, chứng chỉ chiếm 56%, vượt 3% mục tiêu Nghị quyết, tăng 24% so với năm 2020; có 15.271 lao động được đào tạo nghề với trên 85% có việc làm, thu nhập ổn định sau đào tạo. Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện được đầu tư nâng cấp và hoạt động khá hiệu quả. Cơ cấu lao động chuyên dịch tích cực, tỷ lệ lao động khu vực nông nghiệp giảm từ 56,5% năm 2020 xuống còn 45,9% năm 2025.

Tập trung cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị; thực hiện đồng bộ, hiệu quả việc sắp xếp, tinh giản biên chế gắn với tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, từng bước bảo đảm tiêu chuẩn chính trị, chuyên môn và yêu cầu vị trí việc làm, góp phần nâng cao chất lượng cán bộ, công chức, viên chức. Triển khai thực hiện tốt các nghị quyết, đề án thu hút, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, đặc biệt là Đề án số 11-ĐA/TU về xây dựng và tạo nguồn cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý đến năm 2030, định hướng đến năm 2035. Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức khối hành chính, sự nghiệp có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên chiếm 78,4%, trong đó tiến sỹ, thạc sỹ chiếm khoảng 1,32%; tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã có trình độ chuyên môn đại học là 98,7%, tỷ lệ cán bộ có trình độ Thạc sỹ 0,9%.

c) Huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng giao thông, tạo diện mạo mới cho hạ tầng của huyện

Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, trọng tâm là hạ tầng giao thông, hạ tầng nông thôn mới, hạ tầng đô thị. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, ưu tiên nguồn lực, tạo bước đột phá quan trọng về phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội. Huy động 1.592 tỷ đồng đầu tư kết cấu hạ tầng, tăng 165% so với nhiệm kỳ trước, tập trung cho các dự án trọng điểm, quan trọng, có sức lan tỏa, tác động lớn tới phát triển kinh tế - xã hội của huyện và các công trình xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh. Trong nhiệm kỳ đã hoàn thành và đưa vào khai thác 169 công trình hạ tầng đô thị, nông thôn mới, thủy lợi, trường học, y tế; hoàn thành nâng cấp Quốc lộ 70, Quốc lộ 2D, giai đoạn 1 dự án nâng cấp, cải tạo đường Yên Thế - Vĩnh Kiên, dự án nâng cấp, cải tạo đường đường Vũ Linh - Yên Bình - Bạch Hà, trên 90% đường giao thông nông thôn của huyện được bê tông hóa. Thị trấn Yên Bình, thị trấn Thác Bà, các xã Cẩm Ân, Cẩm Nhân được công nhận đô thị loại V; tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2025 đạt 26,62%. 100% số hộ dân được sử dụng điện lưới

quốc gia. Hạ tầng thông tin, viễn thông được đầu tư đồng bộ, 100% các xã có trạm BTS cung cấp dịch vụ 3G, 4G; 100% các xã và 100% thôn có cáp quang băng thông rộng cung cấp dịch vụ internet; 100% cơ quan, đơn vị có mạng nội bộ, kết nối internet tốc độ cao.

2. Kết quả thực hiện các chương trình, dự án trọng điểm

a) Xây dựng huyện Yên Bình đạt chuẩn nông thôn mới

Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đạt kết quả nổi bật, toàn diện, trở thành điểm sáng, dẫn đầu tỉnh Yên Bái với nhiều cách làm sáng tạo, hiệu quả, phát huy vai trò gương mẫu, đi đầu của cán bộ, đảng viên, đã tạo thành phong trào thi đua sôi nổi, rộng khắp, huy động sự vào cuộc trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và vai trò chủ thể, trực tiếp, tâm huyết của nhân dân⁶; đổi mới phương thức tổ chức sản xuất nông nghiệp, kinh tế nông thôn theo hướng liên kết, gắn sản xuất với chế biến, tiêu thụ; huy động, sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực, nhất là xã hội hóa để đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng, xóa nhà tạm, nhà dột nát cho nhân dân; từ đó, diện mạo nông thôn đã thực sự khởi sắc, đời sống của người dân không ngừng được nâng lên, bản sắc văn hóa tốt đẹp của cộng đồng các dân tộc được phát huy. Đến hết năm 2025, toàn huyện có 08/21 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 04/21 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và 63/160 thôn đạt thôn nông thôn mới kiểu mẫu, Yên Bình trở thành huyện thứ hai của tỉnh Yên Bái và khu vực Tây Bắc⁷ đạt chuẩn nông thôn mới, **sớm hơn 02 năm so với mục tiêu Nghị quyết**. Huy động, lồng ghép, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư cho phát triển nông nghiệp, nông dân và nông thôn, trong đó bố trí hợp lý các nguồn vốn để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn, đầu tư phát triển sản xuất, tạo việc làm, xóa đói giảm nghèo. Tổng vốn đầu tư cho khu vực nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2021-2025 đạt trên 5.000 tỷ đồng, trong đó nguồn vốn từ ngân sách nhà nước đạt khoảng 1.000 tỷ đồng... cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn được đầu tư, nâng cấp, mở rộng ngày càng khang trang, kinh tế nông thôn phát triển khá toàn diện, tăng mạnh các ngành dịch vụ, phát triển các ngành nghề nông thôn đã góp phần tạo việc làm và tăng thu nhập cho các hộ dân; diện mạo nông thôn có nhiều đổi mới; đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn được nâng lên rõ rệt; thu nhập bình quân của người dân nông thôn đạt khoảng 63 triệu đồng/năm, gấp gần 1,8 lần so với năm 2020; tỷ lệ hộ nghèo vùng nông thôn giảm từ 14,99% năm 2022 xuống còn dưới 2,00% năm 2025.

b) Cơ cấu lại kinh tế, trọng tâm là thúc đẩy phát triển lâm nghiệp và thủy sản gắn với công nghiệp chế biến sâu, nâng cao giá trị gia tăng

⁶ Giai đoạn 2021-2025 đã huy động trên 621,743 tỷ đồng để xây dựng nông thôn mới, trong đó ngân sách nhà nước chiếm 76,05, huy động khác và nhân dân đóng góp chiếm 21,25%.

⁷ Là huyện đầu tiên của khu vực Tây Bắc và tỉnh Yên Bái được công nhận đạt chuẩn huyện nông thôn mới theo bộ tiêu chí Quốc gia giai đoạn 2021-2025.

Cơ cấu lại kinh tế theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ, giảm dần tỷ trọng nông, lâm nghiệp và thủy sản; đến năm 2025, công nghiệp - xây dựng đạt 57% (tăng 8% so với năm 2020); thương mại - dịch vụ đạt 28% (tăng 3% so với năm 2020); khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản 15% (giảm 9% so với năm 2020). Chỉ đạo triển khai thực hiện hiệu quả đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới. Hình thành được một số vùng sản xuất hàng hóa như: Vùng cây ăn quả có múi, vùng quế, vùng gạo đặc sản xã Bạch Hà, tập trung phát triển thủy sản hồ Thác Bà; phát triển rừng gỗ lớn và cấp chứng chỉ rừng FSC... Triển khai thực hiện 08 dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm thuộc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) với 41 sản phẩm.

c) Phát huy lợi thế hồ Thác Bà để phát triển du lịch bền vững, trọng tâm là du lịch nghỉ dưỡng, vui chơi, giải trí, thể thao gắn với du lịch trải nghiệm và du lịch cộng đồng

Huyện đã tập trung triển khai nhiều nội dung hợp tác phát triển trên các lĩnh vực du lịch, dịch vụ nhằm khai thác, phát huy thế mạnh trên cơ sở tiềm năng, tài nguyên sẵn có của địa phương⁸ để xây dựng địa điểm du lịch thu hút du khách. Chú trọng tạo điều kiện cho nhiều ngành dịch vụ kinh doanh mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng dịch vụ đáp ứng nhu cầu của du khách. Hồ Thác Bà đã trở thành điểm đến thân thiện, hấp dẫn, thu hút khách du lịch trong và ngoài nước. Hệ thống cơ sở hạ tầng, lưu trú, dịch vụ du lịch được đầu tư, phát triển². Quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch Quốc gia hồ Thác Bà, tỉnh Yên Bái đến năm 2040 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt¹⁰; quy mô, chất lượng dịch vụ, hệ thống cơ sở hạ tầng, lưu trú, dịch vụ du lịch từng bước được nâng cao.

d) Đẩy mạnh thu hút đầu tư, khởi nghiệp, phát triển mạnh các thành phần kinh tế, nhất là kinh tế tập thể

Triển khai hiệu quả kế hoạch nâng cao chất lượng, rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính trên địa bàn huyện từ 30-50% so với quy định; hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư; triển khai các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp. Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội 5 năm 2021-2025 ước đạt 27.405 tỷ đồng, vượt mục tiêu Nghị quyết Đại hội, tăng

⁸ Gồm: Dự án Du lịch cộng đồng Homestay và phát triển không gian văn hóa truyền thống Phúc An; Dự án đầu tư xây dựng khu du lịch sinh thái kết hợp nuôi cá lồng trên hồ Thác Bà; Dự án nghiên cứu, khảo sát và tài trợ lập đồ án Quy hoạch: Đô thị sinh thái nghỉ dưỡng Quần đảo thiên nhiên thế giới hồ Thác Bà; các công trình văn hóa tín ngưỡng tâm linh như Đền Mẫu Thác Bà...

² Toàn huyện hiện có 03 cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch, 36 cơ sở kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà nghỉ; các nhà hàng kinh doanh dịch vụ ăn uống.

¹⁰ Quyết định số 396/QĐ-TTg ngày 10/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ.

1,61 lần so với giai đoạn 2016-2020. Đẩy mạnh phát triển các thành phần kinh tế, nhất là kinh tế tư nhân, số doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác thành lập mới tăng cả số lượng và số vốn đăng ký, trong 5 năm dự kiến chuyên đổi, thành lập mới 222 doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh, 71 hợp tác xã, 390 tổ hợp tác và trên 3.500 hộ kinh doanh cá thể. Hiện toàn huyện có 478 doanh nghiệp, 135 hợp tác xã, tổng giá trị sản xuất kinh doanh năm 2025 ước đạt trên 4.000 tỷ đồng.

IV. Kết quả thực hiện một số ngành, lĩnh vực chủ yếu

1. Về phát triển kinh tế

Tập trung lãnh đạo triển khai đồng bộ, linh hoạt, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế và đạt được nhiều kết quả quan trọng, khá toàn diện, có mặt nổi trội trong bối cảnh khó khăn chung do ảnh hưởng bởi thiên tai, dịch bệnh và suy thoái kinh tế thế giới.

Kinh tế duy trì tốc độ tăng trưởng khá, cơ cấu chuyển dịch tích cực. Trong giai đoạn 2021-2025, kinh tế của huyện duy trì tăng trưởng khá. Tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn năm 2025 (giá so sánh năm 2010) ước đạt 11.730 tỷ đồng; Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân giai đoạn 2021 - 2025 đạt khoảng 12,3%. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch tích cực theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ, giảm dần tỷ trọng nông, lâm nghiệp và thủy sản; đến năm 2025, công nghiệp - xây dựng đạt 57% (tăng 8% so với năm 2020); thương mại - dịch vụ đạt 28% (tăng 3% so với năm 2020); khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản 15% (giảm 9% so với năm 2020) - đạt mục tiêu Nghị quyết Đại hội. Thu nhập bình quân đầu người năm 2025 ước đạt 63 triệu đồng, bằng 105% mục tiêu Đại hội, tăng 75% so với năm 2020.

1.1. Cơ cấu lại nông nghiệp theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả, giá trị gia tăng theo chuỗi giá trị, gắn với xây dựng nông thôn mới bền vững đạt kết quả quan trọng và khá toàn diện, có mặt nổi trội

Triển khai thực hiện Chương trình hành động số 10-CTr/HU ngày 17/4/2021 của Huyện ủy về thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TU ngày 20/01/2021 của Tỉnh ủy Yên Bái về phát triển ngành Nông nghiệp theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả, giá trị gia tăng gắn với xây dựng nông thôn mới bền vững tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021-2025.

- *Lĩnh vực nông, lâm nghiệp, thủy sản:* Huyện Yên Bình đã xây dựng và ban hành các chương trình hành động, kế hoạch thực hiện Nghị quyết chuyên đề, Đề án của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh về phát triển nông lâm

nghiệp, thủy sản¹¹; thực hiện đồng bộ, lồng ghép có hiệu quả 03 chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản (giá so sánh 2020) hằng năm đều đạt và vượt kế hoạch, dự ước đến 2025 đạt 5.700 tỷ đồng (tương đương 3.150 tỷ đồng giá so sánh năm 2010), vượt 3,3% mục tiêu Nghị quyết, tăng 19,8% so với năm 2020. Tốc độ tăng trưởng bình quân ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản của huyện ước đạt 3,32%, trong đó tốc độ tăng bình quân giá trị sản xuất ngành nông nghiệp đạt 3,13%, ngành lâm nghiệp đạt 6,48%; ngành thủy sản đạt 1,89%; cơ cấu nội ngành chuyển dịch tích cực theo hướng giảm tỷ trọng nông nghiệp, tăng tỷ trọng lâm nghiệp, thủy sản¹²; giá trị sản xuất trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản bình quân tăng khá, nhiều diện tích canh tác cho thu nhập khá cao¹³.

Phát huy lợi thế, phát triển mạnh nông nghiệp và kinh tế nông thôn, thúc đẩy sản xuất hàng hóa, giảm nghèo bền vững và nâng cao giá trị các sản phẩm chủ lực gắn với xây dựng nông thôn mới. Huyện đã tập trung mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng, hiệu quả các vùng sản xuất tập trung chuyên canh, thâm canh cao sản có quy mô lớn gắn với hình thành thị trường tiêu thụ ổn định cho các sản phẩm nông, lâm nghiệp chủ lực.

- Về trồng trọt: Sản xuất trồng trọt có nhiều chuyển biến tích cực. Các giống cây trồng có năng suất, chất lượng cao, phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu được ứng dụng rộng rãi vào sản xuất. Thực hiện chuyển đổi trồng lúa, ngô có hiệu quả thấp¹⁴ sang trồng các loại cây trồng có giá trị kinh tế cao¹⁵. Từ 2021 đến nay, Yên Bình đã xây dựng và hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh với quy mô lớn và chất lượng ngày càng nâng cao như: Vùng cây lâm nghiệp trên 30.600 ha (trong đó có gần 11.000 ha được cấp chứng chỉ FSC dẫn đầu tỉnh); vùng cây ăn quả trên 2.250 ha (1.000 ha bưởi đặc sản Đại Minh doanh thu trên 100 tỷ đồng/năm);

¹¹ Huyện Yên Bình đã ban hành Chương trình hành động số 10-CTr/HU ngày 17/4/2021 thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TU ngày 20/01/2021 của Tỉnh ủy Yên Bái về phát triển ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả, giá trị gia tăng gắn với xây dựng nông thôn mới bền vững tỉnh Yên Bái, giai đoạn 2021 - 2025; Kế hoạch số 120-KH/HU ngày 26/10/2022 thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn huyện Yên Bình; Kế hoạch số 153/KH-UBND ngày 12/4/2022 thực hiện Chương trình hành động số 117-CTr/TU ngày 30/8/2022 của Tỉnh ủy Yên Bái thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết 06-NQ/HU ngày 16/12/2020 về xây dựng huyện Yên Bình đạt chuẩn quốc gia nông thôn mới.

¹² Tỷ trọng thủy sản đạt 20,2%, tỷ trọng nông nghiệp đạt 65,3 %; lâm nghiệp đạt 14,5%.

¹³ Giá trị sản phẩm thu hoạch trên 01 ha đất trồng trọt bình quân đạt gần 100 triệu đồng; giá trị sản phẩm thu hoạch trên 01 ha diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản bình quân đạt trên 213 triệu đồng; đàn gia súc chính tăng bình quân 7,7%/năm, từ 103.900 con năm 2020, dự kiến đến hết năm 2025 đạt 155.000 con, sản lượng thịt hơi xuất chuồng các loại tăng 60% so với năm 2020, đạt 100% mục tiêu Nghị quyết.

¹⁴ Tổng diện tích chuyển đổi cơ cấu cây trồng và trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản trên đất trồng lúa giai đoạn 2021-2025 dự kiến đạt 157,125 ha, trong đó: Năm 2021 là 52,9 ha, năm 2022 là 30,47 ha, năm 2023 là 38,36 ha, năm 2024 là 10,709 ha, dự kiến năm 2025 là 24,686 ha.

¹⁵ Cây ăn quả có hiệu quả kinh tế cao gấp từ 3 - 4 lần so với trồng lúa.

vùng quế trên 3.000 ha (trên 1.000 ha quế hữu cơ). Đến năm 2025, dự ước tổng sản lượng lương thực có hạt toàn huyện đạt 30.020 tấn, tăng 6% so với năm 2020.

- Về chăn nuôi: Từng bước chuyển đổi phương thức chăn nuôi nhỏ lẻ, phân tán sang phát triển chăn nuôi hàng hóa tập trung¹⁶; đầu tư chuồng trại và áp dụng các tiên bộ mới về cơ giới hóa, tự động hóa; năng suất, chất lượng và kiểm soát dịch bệnh đáp ứng các tiêu chuẩn an toàn thực phẩm, công tác tiêm phòng vắc xin phòng bệnh đạt 80% tổng đàn hàng năm. Tổng đàn gia súc chính đạt 155.000 con, vượt 3,4 % so với Nghị quyết, tăng 12,5% so với năm 2020; sản lượng thịt hơi xuất chuồng các loại ước đạt 17.850 tấn, tăng 68,4% so với năm 2020.

- Về lâm nghiệp: Quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững diện tích rừng hiện có. Trong 5 năm, đã trồng mới được 15.922 ha rừng, bình quân mỗi năm trồng mới được trên 3.100 ha, vượt mục tiêu Nghị quyết Đại hội. Khuyến khích phát triển một số sản phẩm chủ lực, hình thành vùng nguyên liệu tập trung, hiện nay, huyện có trên 30.600 ha cây lâm nghiệp (trong đó có gần 11.000 ha được cấp chứng chỉ FSC dẫn đầu tỉnh); 2.000 ha rừng gỗ lớn; trên 3.000 ha quế (trên 1.000 ha quế hữu cơ). Cơ cấu giống cây trồng lâm nghiệp chuyển sang trồng những cây đa tác dụng, hiệu quả kinh tế cao; bình quân thu nhập từ kinh tế rừng đạt 60 triệu đồng/ha; mạng lưới sản xuất và cung ứng giống cây lâm nghiệp chất lượng cao dần được hình thành.

- Về thủy sản: Khuyến khích phát triển một số sản phẩm đặc sản có lợi thế. Quản lý, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản hồ Thác Bà, hiện nay, toàn huyện có trên 2.000 lồng nuôi cá tại hồ Thác Bà với tổng sản lượng thủy sản hàng năm đạt gần 8.000 tấn; sản lượng khai thác, nuôi trồng thủy sản dự ước đạt 9.350 tấn, bằng tăng 1,6% (tăng 150 tấn) so với mục tiêu Đại hội và Nghị quyết HĐND huyện và tăng 33,5% (tăng 2.345 tấn) so với năm 2020.

Phát triển nông, lâm nghiệp và xây dựng nông thôn mới đồng bộ, toàn diện gắn với chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 69/2020/NQ-HĐND ngày 16/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh và lồng ghép 03 chương trình mục tiêu quốc gia, đến hết năm 2025, tổng kinh phí giải ngân hỗ trợ phát triển sản xuất dự kiến gần 60 tỷ đồng. Thực hiện và duy trì các dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm, tập trung chủ yếu phát triển các sản phẩm như: tre măng bát độ, cây chè, cây ăn quả, thủy sản, lâm nghiệp¹⁷... Đồng thời, hỗ trợ thực hiện nhiều mô hình phát triển

¹⁶ Hiện nay huyện có 103 trang trại chăn nuôi, trong đó 95 trang trại chăn nuôi quy mô vừa, 8 trang trại chăn nuôi quy mô nhỏ. Có 06 cơ sở giết mổ nhỏ lẻ, trong đó có 04 cơ sở giết mổ lợn, 02 cơ sở giết mổ gia cầm.

¹⁷ Gồm: (1) Dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm bưởi Đại Minh, (2) Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm gỗ keo huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái, (3) Dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm cây dược liệu (cây Khôi Nhung), (4) Dự án phát triển sản xuất gỗ ván dán và viên nén liên kết theo chuỗi giá

sản xuất nông, lâm nghiệp¹⁸. Xây dựng, phát triển được 48 sản phẩm đạt tiêu chuẩn OCOP, trong đó 01 sản phẩm được công nhận 4 sao; đẩy nhanh ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm đi đôi với xây dựng thương hiệu cho 6 sản phẩm¹⁹. Toàn huyện hiện có 52 hợp tác xã nông, lâm nghiệp, thủy sản, một số sản phẩm liên kết đã xuất khẩu sang thị trường nước ngoài: Đài Loan, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc... Góp phần cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới hiện đại, bền vững, thay đổi tư duy sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp, khuyến khích phát triển nông nghiệp xanh, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao, sử dụng hiệu quả tài nguyên gắn với bảo vệ môi trường sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu; Yên Bình về đích huyện nông thôn mới năm 2023, trước 02 năm so với mục tiêu Nghị quyết Đại hội.

1.2. Tập trung phát triển công nghiệp theo hướng hiện đại gắn với bảo vệ môi trường, khai thác và sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên; sản xuất công nghiệp duy trì tốc độ tăng trưởng khá theo hướng chuyển dần sản xuất, chế biến sâu, gắn với tiềm năng, lợi thế của huyện

Triển khai thực hiện Chương trình hành động số 12-CTr/HU ngày 17/4/2021 của Huyện ủy về thực hiện Nghị quyết số 29/NQ-TU ngày 24/02/2021 của Tỉnh ủy Yên Bái về phát triển công nghiệp theo hướng bền vững, hiệu quả và thân thiện với môi trường giai đoạn 2021-2025.

trị gắn sản xuất với tiêu thụ gỗ Bạch đàn, Bồ đề và phụ phẩm gỗ keo huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái, (5) Dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm cá nuôi ở hồ Thác Bà, (6) Dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm cá nuôi ở hồ Thác Bà (dự án cá mở rộng); (7) Dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm gà đồi Linh Môn xã Yên Bình năm 2020, (8) Dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm gạo đặc sản Bạch Hà, (9) Dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gắn sản xuất lợn giống phục vụ tái đàn với tiêu thụ sản phẩm lợn thịt thương phẩm huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái năm 2020, (10) Dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm chè xã Hán Đà, huyện Yên Bình năm 2021, (11) Dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm chè xã Vĩnh Kiên và xã Bạch Hà, huyện Yên Bình năm 2021, (12) Dự án phát triển chăn nuôi lợn quy mô vừa và lớn theo chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm tại xã Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái, (13) Dự án phát triển chăn nuôi lợn quy mô vừa và lớn theo chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm tại xã Phú Thịnh, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái, (14) Dự án phát triển chăn nuôi lợn quy mô vừa và lớn theo chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm tại xã Đại Đồng, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái, (15) Dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm cây dược liệu Lá Khôi tại 02 xã Xuân Long, Ngọc Chấn huyện Yên Bình giai đoạn 2022-2023; (16) Dự án phát triển chăn nuôi lợn quy mô vừa và lớn theo chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm tại xã Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái; (17) Dự án liên kết theo chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm măng tre Bát độ xã Mỹ Gia, xã Cầm Nhân, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái; (18) Dự án liên kết theo chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm quế hữu cơ xã Tân Hương, huyện Yên Bình; (19) Dự án xây dựng liên kết theo chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm Bí xã Mỹ Gia thuộc Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Yên Bình tỉnh Yên Bái; (20) Dự án xây dựng liên kết theo chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm Bí xã Tân Hương thuộc Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Yên Bình tỉnh Yên Bái; (21) Dự án phát triển sản xuất măng tre Bát độ liên kết theo chuỗi giá trị giai đoạn 2024-2025 trên địa bàn huyện Yên Bình

¹⁸ Mô hình vườn rau kiểu mẫu, vườn thanh long kiểu mẫu; hỗ trợ phát triển trồng dưa hấu, dưa lê dưới cos Hồ Thác Bà; hỗ trợ nuôi ốc nhồi.

¹⁹ Đã xây dựng được nhãn hiệu chứng nhận “Bưởi Đại Minh”, nhãn hiệu tập thể “Gạo Bạch Hà”; nhãn hiệu chứng nhận “Cá hồ Thác Bà” và chỉ dẫn địa lý “Bưởi Khả Linh xã Đại Minh”; nhãn hiệu tập thể “Chè xanh Hán Đà”; nhãn hiệu tập thể “Gạo nếp Léch Bảo Ái”; nhãn hiệu tập thể “Thanh Long ruột đỏ Yên Bình”.

Xác định phát triển công nghiệp là trọng tâm, là khâu đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội, tiếp tục duy trì ổn định và có bước phát triển khá, khai thác được tiềm năng thế mạnh, huy động nhiều nguồn lực từ các thành phần kinh tế đầu tư vào công nghiệp, tạo việc làm, thu nhập ổn định cho người dân, phát triển đô thị, xây dựng nông thôn mới. Đẩy mạnh thu hút các dự án đầu tư sản xuất công nghiệp theo hướng hiện đại, chế biến sâu gắn với lợi thế của huyện như chế biến đá trắng, sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến gỗ, sản xuất điện năng theo công nghệ mới gắn với bảo vệ môi trường... đến nay một số dự án công nghiệp có quy mô lớn được thu hút đầu tư vào huyện, sau khi đi vào hoạt động sẽ góp phần giải quyết việc làm, nâng cao giá trị sản xuất công nghiệp, góp phần tăng năng lực và sức cạnh tranh cho kinh tế của huyện²⁰.

Triển khai đồng bộ các chính sách ưu đãi, hỗ trợ phát triển công nghiệp; chú trọng quy hoạch, đầu tư hạ tầng khu, cụm công nghiệp, trong nhiệm kỳ 2021-2025, thu hút được một số doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực thủy điện, hạ tầng cụm công nghiệp, du lịch.... Tiếp tục hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, cơ bản lấp đầy cụm công nghiệp Thịnh Hưng và thành lập thêm 03 cụm công nghiệp Phú Thịnh 1, 2, 3 theo cơ chế doanh nghiệp đầu tư hạ tầng. Quan tâm phát triển và hỗ trợ đổi mới công nghệ, quy trình sản xuất cho các hợp tác xã, tổ hợp tác, làng nghề tiểu thủ công nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp, góp phần thúc đẩy tăng trưởng ngành công nghiệp và đổi mới phương thức tổ chức sản xuất ở nông thôn.

Giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng giai đoạn 2021-2025 (theo giá so sánh 2010) ước đạt 12.850 tỷ đồng, tăng gấp 2,2 lần giai đoạn 2016-2020; trong đó, giá trị sản xuất công nghiệp đạt 8.000 tỷ đồng, giá trị xây dựng đạt 4.850 tỷ; tốc độ tăng toàn ngành đạt 15,6%. Đến năm 2025 tỷ trọng giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng chiếm 56,8% trong cơ cấu kinh tế, gấp hơn 1,16 lần giai đoạn 2016-2020; giá trị sản xuất công nghiệp tăng cao đã từng bước khẳng định vai trò nền tảng của nền kinh tế. Phân theo ngành cấp 1, giá trị sản xuất ngành chế biến, chế tạo chiếm tỷ trọng 85%, chủ yếu là đóng góp của 08 doanh nghiệp chế biến các sản phẩm từ đá (*gồm: 01 doanh nghiệp chế biến đá xẻ tấm, 07 doanh nghiệp chế biến bột đá các loại, hạt phụ gia...*); 150 doanh nghiệp và cơ sở cá thể chế biến các sản phẩm từ gỗ rừng trồng (*gồm: 04 doanh nghiệp và 127 cơ sở cá thể chế biến gỗ ván bóc; 07 doanh nghiệp và 04 cơ sở cá thể chế biến gỗ ván ép; 35 doanh nghiệp và cơ sở cá thể chế biến gỗ xẻ bao bì, gỗ cốp pha, gỗ xẻ thanh và mộc dân dụng*); 05 doanh nghiệp và 265 cơ sở cá thể chế biến thực phẩm; 04 doanh nghiệp và 33 cơ sở cá thể gia công cơ khí...; giá trị sản xuất ngành sản xuất và phân phối

²⁰ Nhà máy chế biến sâu đá vôi trắng của Tập đoàn Bào Lai; nhà máy gạch đất sét nung lò Tuynen của Công ty Cổ phần Vật liệu chịu lửa và Xây lắp điện Việt - Trung; nhà máy chế biến gỗ ván dán của Công ty TNHH Hoàng Gia Yên Bái; nhà máy chế biến gỗ và sản xuất đồ mộc dân dụng Hợp tác xã Nông lâm nghiệp Thịnh Hưng....

điện, khí đốt và nước chiếm 12% (chỉ bao gồm công ty CP thủy điện Thác Bà); giá trị sản xuất ngành khai khoáng, chỉ chiếm 3% (gồm: 07 doanh nghiệp và 01 cơ sở cá thể khai thác đá, cát sỏi; 06 doanh nghiệp có dịch vụ hỗ trợ khai thác).

1.3. Hoạt động dịch vụ, thương mại tăng trưởng nhanh và khá đa dạng, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu đầu tư, kinh doanh của doanh nghiệp và đời sống nhân dân

Triển khai thực hiện Chương trình hành động số 15-CTr/HU ngày 08/07/2021 của Huyện ủy về thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TU ngày 24/02/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIX về phát triển ngành dịch vụ tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021-2025; Đề án cơ cấu lại ngành dịch vụ giai đoạn 2021-2025.

Hoạt động thương mại ổn định, phát triển và tiếp tục được quan tâm đầu tư; phát triển nhanh đa dạng các loại hình trong kinh doanh thương mại, đáp ứng yêu cầu cho phát triển kinh tế xã hội và phục vụ đời sống nhân dân. Mạng lưới kinh doanh thương mại, dịch vụ trên địa bàn không ngừng được mở rộng đa dạng với 18 chợ và nhiều chi nhánh tập đoàn, tổng công ty bán lẻ, ngân hàng, bảo hiểm lớn, có thương hiệu²¹; hình thành một số siêu thị, chuỗi cửa hàng tiện ích, kinh doanh tổng hợp, tự chọn theo hướng hiện đại tại trung tâm thị trấn Yên Bình, thị trấn Thác Bà, các xã Đại Minh, Cẩm Nhân, Cẩm Ân, Tân Hương, Vĩnh Kiên... đáp ứng nhu cầu của nhân dân. Thị trường xuất khẩu sản phẩm hàng hóa được mở rộng đến nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ, giá trị xuất khẩu hàng hóa năm 2025 ước đạt 155 triệu USD, vượt 3,3% mục tiêu Nghị quyết, gấp 2,8 lần năm 2020. Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2025 ước đạt 7.900 tỷ đồng, vượt 5,3% mục tiêu Nghị quyết, gấp 2,3 lần năm 2020; tốc độ tăng trưởng bình quân 18,7%/năm. Doanh thu bán lẻ hàng hóa đạt 3.053 tỷ đồng. Tổng mức luân chuyển hàng hoá đến năm năm 2025 ước đạt 65.500.000 tấn.km, tăng 15.000.000 tấn.km so với năm 2020.

Tập trung phát triển các ngành dịch vụ, phục vụ tốt nhu cầu của nhân dân. Trên địa bàn có 05 chi nhánh ngân hàng và 02 quỹ tín dụng nhân dân hoạt động cơ bản đáp ứng nhu cầu vốn vay cho các hộ gia đình, cá nhân và các thành phần kinh tế; dịch vụ Bưu chính Viễn thông phát triển nhanh với nhiều dịch vụ mới, toàn huyện hiện có 04 bưu cục, 22 bưu điện văn hóa xã; 22 điểm cung cấp dịch vụ Internet; 04 nhà mạng hoạt động; 23/23 xã, thị trấn được kết nối Internet, mạng thuê bao di động được phủ sóng trên toàn huyện... đáp ứng nhu cầu thông tin liên lạc của người dân. Các dịch vụ có giá trị gia tăng cao như đại lý xăng dầu, vật liệu xây dựng, vật tư nông nghiệp,

²¹ Chuỗi cửa hàng Winmart, Viettel, Mediamart, Thế giới di động; chi nhánh ngân hàng Viettinbank, Ngân hàng thương mại cổ phần quân đội (MB), Vietcombank; bảo hiểm Prudential, Manulife, Daichilife...

thức ăn gia súc, đồ gỗ gia dụng phát triển mạnh, hiện nay toàn huyện có 20 đại lý xăng dầu, 65 cơ sở dịch vụ vật tư nông nghiệp, thức ăn gia súc và 30 cơ sở đồ gỗ gia dụng. Hoạt động xuất khẩu hàng hóa có mức tăng trưởng khá; năm 2023, huyện có trên 20 đơn vị tham gia xuất khẩu, trong đó có 01 đơn vị FDI. Giá trị xuất khẩu năm 2023 dự kiến đạt 155 triệu USD, tăng 271% so năm 2020.

Dịch vụ du lịch có bước phát triển hiệu quả, bước đầu hình thành Vùng du lịch trọng điểm hồ Thác Bà và dọc sông Chảy (là chương trình trọng điểm của huyện) với một số sản phẩm, dịch vụ du lịch đặc trưng thu hút khách trong nước và quốc tế, như: Lễ hội khám phá Danh thắng Quốc gia Hồ Thác Bà và sản vật Bưởi Đại Minh, Lễ hội Đèn Thác Bà, Đình làng Khả Lĩnh, Đình làng Ba Chãng; du lịch nghỉ dưỡng, trải nghiệm, ẩm thực trên hồ tại khu du lịch sinh thái Rubi, Làng An Bình, Omtara; du lịch khám phá bản sắc văn hóa các dân tộc tại các xã Vũ Linh, Phúc An, Ngọc Chân.... Năm 2023 dự ước lượng khách du lịch đến huyện đạt 370.000 lượt người, vượt 5,7% mục tiêu Nghị quyết, gấp hơn 2 lần năm 2020; doanh thu từ dịch vụ du lịch ước đạt 350 tỷ đồng, vượt 16% mục tiêu Nghị quyết, gấp hơn 3 lần năm 2020. Đẩy mạnh phát triển du lịch gắn với bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa dân tộc, từng bước đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của huyện. Du lịch vùng hồ Thác Bà đã trở thành một điểm đến thu hút khách trong và ngoài nước. Hệ thống cơ sở hạ tầng, lưu trú, dịch vụ du lịch được đầu tư, phát triển, toàn huyện hiện có 05 cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch, 52 cơ sở kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà nghỉ; nhiều nhà hàng kinh doanh dịch vụ ăn uống với có các món ăn truyền thống mang đậm nét đặc trưng các dân tộc vùng hồ.

1.4. Huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển gắn với cơ cấu lại đầu tư công, lồng ghép, sử dụng hiệu quả các nguồn vốn đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội

Huy động, sử dụng các nguồn lực từ ngân sách cấp trên, ngân sách cấp huyện và các nguồn vốn ngoài ngân sách để tập trung đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, ưu tiên các dự án trọng điểm, quan trọng có sức lan tỏa và tác động lớn tới phát triển kinh tế xã hội của huyện. Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội 5 năm 2021-2025 ước đạt 27.405 tỷ đồng, tăng 1,61 lần so với giai đoạn 2016-2020. Thực hiện nghiêm túc, hiệu quả kế hoạch đầu tư công trung hạn; rà soát, hoãn giãn tiến độ các dự án chưa thật sự cấp bách, ưu tiên cho các công trình trọng điểm, quan trọng, công trình đã hoàn thành, xử lý dứt điểm nợ đọng xây dựng cơ bản. Cơ cấu nguồn vốn đầu tư chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng đầu tư từ dân cư, doanh nghiệp; giảm tỷ trọng đầu tư từ ngân sách nhà nước.

Hệ thống kết cấu hạ tầng đô thị và nông thôn được quan tâm đầu tư xây dựng. Trong 5 năm đã đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước trên 500 tỷ đồng cho xây dựng kết cấu hạ tầng; dự án phát triển quỹ đất gắn với sắp xếp, bố trí

dân cư thị trấn Yên Bình, dự án đường vành đai là những công trình lớn, có ý nghĩa quan trọng đối phát triển kinh tế xã hội, từng bước thay đổi diện mạo đô thị trung tâm của huyện. Hạ tầng giao thông trên địa bàn huyện đã có nhiều đột phá, phát triển mạnh mẽ, đồng bộ từ thành thị đến nông thôn, các tuyến đường huyện, các trục đường liên xã, liên thôn, xóm trên được quan tâm đầu tư, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa, bảo trì đã góp phần bảo đảm nhiệm vụ an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội, tăng cường tiềm lực nền quốc phòng toàn dân, xây dựng thế trận phòng thủ bảo vệ tổ quốc, thúc đẩy kinh tế phát triển, phục vụ đời sống sinh hoạt của nhân dân. Hệ thống điện được chú trọng cải tạo, nâng cấp, xây mới, cơ bản đáp ứng nhu cầu sản xuất và đời sống. Đến nay 100% xã phủ lưới điện quốc gia, 100% dân số được dùng điện lưới. Mạng lưới viễn thông phủ sóng rộng, chất lượng đảm bảo, đáp ứng yêu cầu.

Công tác chỉnh trang đô thị được chú trọng; quan tâm đầu tư nâng cấp các tuyến đường nội thị, hệ thống điện chiếu sáng, cấp thoát nước, vườn hoa, cây xanh. Hoàn thành phê duyệt Chương trình phát triển đô thị thị trấn Yên Bình và thị trấn Thác Bà, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; hoàn thành phê duyệt Đề án công nhận thị trấn Yên Bình và thị trấn Thác Bà là đô thị loại V; thị trấn Yên Bình và thị trấn Thác Bà được công nhận đạt chuẩn đô thị văn minh. Hoàn thành nội dung Chương trình phát triển đô thị xã Cẩm Ân và xã Cẩm Nhân; hoàn thành Đề án công nhận xã Cẩm Ân đô thị loại V; cơ bản hoàn thành Đề án công nhận xã Cẩm Nhân đô thị loại V.

1.5. Tích cực cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; thu hút đầu tư, phát triển các thành phần kinh tế

Thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao Chỉ số cải cách hành chính; Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp huyện, Chỉ số sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước. Tiếp tục đồng hành, hỗ trợ các nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư; duy trì phong trào “Ngày cuối tuần cùng dân và doanh nghiệp”, định kỳ tổ chức hội nghị gặp mặt doanh nghiệp, nhà đầu tư, thường xuyên đối thoại với doanh nghiệp để kịp thời nắm bắt và tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện thuận lợi cho thu hút đầu tư, phát triển doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã, tổ hợp tác. Tiếp tục triển khai hiệu quả chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư, hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể giai đoạn 2021-2025²². Đến nay, trên địa bàn huyện Yên Bình có 78 dự án đầu tư đã được UBND tỉnh cấp giấy chứng nhận đầu tư hoặc chấp thuận đầu tư với tổng số vốn đăng ký đầu

²² Thực hiện Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 19/4/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 14/4/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2020-2025; Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 19/4/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành một số chính sách về hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể giai đoạn 2021-2025.

tư là 16.886,72 tỷ đồng và 17,5 triệu USD đầu tư vào địa bàn huyện, trong đó có một số dự án lớn, sau khi đi vào hoạt động sẽ tác động lớn đến sự phát triển kinh tế của huyện²³. Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội 5 năm 2021-2025 ước đạt 27.405 tỷ đồng, vượt 1,5% mục tiêu Nghị quyết, tăng gấp 1,6 lần so với giai đoạn 2016-2020.

Đẩy mạnh phát triển các thành phần kinh tế nhất là kinh tế tư nhân, số doanh nghiệp thành lập mới tăng cả số lượng và số vốn đăng ký. Trong 5 năm dự kiến chuyển đổi, thành lập mới 222 doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh, 71 hợp tác xã, 390 tổ hợp tác và trên 3.500 hộ kinh doanh cá thể. Hiện toàn huyện có 552 doanh nghiệp, hợp tác xã. ... Tổng giá trị sản xuất kinh doanh năm 2023 ước đạt trên 4.000 tỷ đồng.

1.6. Cơ cấu lại thu, chi ngân sách nhà nước, quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước chặt chẽ, hiệu quả; phát triển hệ thống các tổ chức tài chính, tín dụng

Triển khai đồng bộ các giải pháp để tăng thu ngân sách, quản lý các nguồn thu chặt chẽ, minh bạch, kiên quyết chống thất thu, nợ đọng thuế; mở rộng nguồn thu, tăng cường thu tiền sử dụng đất để huy động các nguồn lực cho đầu tư hạ tầng kinh tế - xã hội. Thu ngân sách trên địa bàn huyện hàng năm cơ bản đều đạt và vượt dự toán tinh giao, bình quân tăng trên 10%/năm. Nhiều khoản thu tăng cao so với giai đoạn trước: Thu tiền sử dụng đất tăng 402,2%; Thu cân đối tăng 32,9%; các khoản thu từ doanh nghiệp địa phương quản lý tăng 191%; thu ngoài quốc doanh tăng 179%; thuế thu nhập cá nhân tăng 199%; lệ phí trước bạ tăng 225%; thu phí lệ phí tăng 184%; thu tiền thuê đất tăng 232%. Thu ngân sách trên địa bàn tăng cao qua các năm góp phần đảm bảo nguồn chi cho thực hiện nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế- xã hội trên địa bàn. Năm 2025 thu ngân sách trên địa bàn huyện ước đạt 505 tỷ đồng, tăng 1,7 lần so với năm 2020.

Đổi mới phương thức phân bổ, giao dự toán chi thường xuyên đối với các cơ quan, đơn vị, tăng cường tự chủ, tự chịu trách nhiệm, nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng ngân sách. Chi ngân sách tăng bình quân 10,6%/năm, tổng chi giai đoạn 2016-2020, trong đó chi đầu tư phát triển chiếm 23,8% tổng chi.

Thị trường tiền tệ ổn định, các chi nhánh ngân hàng, quỹ tín dụng nhân dân luôn duy trì thực hiện và bảo đảm tốt khả năng chi trả, đáp ứng kịp thời

²³ Dự án Du lịch cộng đồng Homestay và phát triển không gian văn hóa truyền thống Phúc An của Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Thuận Phát STAR; Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy chế biến gỗ ván ép thanh, ván sàn và sản xuất đồ chơi, tranh 3D của Công ty TNHH sản xuất và thương mại đồ chơi Việt Nam; Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp huyện Yên Bình của Công ty Cổ phần thực nghiệp Kiến Phát; Dự án khảo sát lập dự án đầu tư khu du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng Núi Bang thôn Làng Mới, xã Mông Sơn; Dự án nghiên cứu, khảo sát và tài trợ lập đồ án Quy hoạch: Đô thị sinh thái nghỉ dưỡng Quần đảo thiên nhiên thế giới hồ Thác Bà của Công ty Cổ phần Flamingo Holding Group; Dự án khảo sát lập dự án đầu tư nhà máy điện sinh khối An Việt Phát Yên Bái của Công ty TNHH một thành viên năng lượng An Việt Phát...

nhu cầu vốn tín dụng phục vụ phát triển sản xuất, kinh doanh của các thành phần kinh tế và nhu cầu vay vốn của các hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách xã hội. Tổng dư nợ đến ngày 31/12/2024 đạt 2.850 tỷ đồng, tăng 78,8% so với năm 2020.

1.7. Tăng cường quản lý và bảo vệ tài nguyên, môi trường; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu

Đã triển khai, thực hiện tốt Kế hoạch số 59-KH/HU ngày 31/8/2021 của Ban Thường vụ Huyện ủy thực hiện Nghị quyết số 50-NQ/TU ngày 19/7/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường năng lực lãnh đạo của Đảng trong công tác quản lý tài nguyên đất đai, nước, khoáng sản trên địa bàn tỉnh Yên Bái, giai đoạn 2021-2025. Đến nay, các cấp ủy Đảng, chính quyền từ huyện đến cơ sở đã có những chuyển biến rõ nét trong chỉ đạo, điều hành, được thực hiện một cách toàn diện, đồng bộ hơn, thông qua việc ban hành kịp thời nhiều văn bản tăng cường trong công tác quản lý hiệu quả đất đai, tài nguyên nước, khoáng sản góp phần tăng cường hiệu lực, hiệu quả trong công tác quản lý nhà nước.

Tập trung hoàn thiện, ban hành đồng bộ các quy hoạch, kế hoạch quản lý hiệu quả đất đai, tài nguyên, bảo vệ môi trường²⁴. Khai thác khá tốt nguồn lực đất đai, tài nguyên phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; triển khai kịp thời việc lập, cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính và cơ bản hoàn thành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu; công tác cấp phép, quản lý hoạt động khoáng sản được thực hiện nghiêm theo quy định.

Công tác quản lý môi trường được quan tâm, từng bước thực hiện các biện pháp phòng ngừa, kiểm soát, xử lý khắc phục ô nhiễm trong sản xuất và các hoạt động dễ phát thải ô nhiễm môi trường; Quan tâm bảo vệ môi trường sinh thái, bảo đảm phát triển hài hòa, bền vững; tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%, tăng 02% mục tiêu Nghị quyết, tăng 05% so với năm 2020; tỷ lệ rác thải sinh hoạt được thu gom, xử lý ở khu vực nông thôn nông thôn đạt 95,2%, vượt 15,2% mục tiêu Nghị quyết; công tác tuyên truyền và kiểm tra thực hiện cam kết bảo vệ môi trường được đẩy mạnh, trong 05 năm đã tổ chức 28 cuộc thanh tra, kiểm tra đối với các tổ chức, cá nhân về lĩnh vực môi trường; quá đó đã phát hiện, xử phạt nghiêm các tổ chức vi phạm; đã cơ bản hoàn thành việc xử lý 100% cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

²⁴ Quy hoạch sử dụng đất huyện Yên Bình đến năm 2030 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái phê duyệt tại Quyết định số 2118/QĐ-UBND ngày 29/9/2021 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái điều chỉnh tại Quyết định số 2250/QĐ-UBND ngày 28/11/2023 về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 huyện Yên Bình; Kế hoạch sử dụng đất hằng năm đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái phê duyệt tại các Quyết định: Quyết định 3496/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Yên Bình; Quyết định 3079/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Yên Bình; Quyết định 2757/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Yên Bình; Quyết định 2637/QĐ-UBND ngày 30/12/2023 về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Yên Bình.

Xây dựng kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu, tích cực chủ động phòng chống thiên tai. Bố trí các nguồn lực thực hiện việc sắp xếp, bố trí lại dân cư và sản xuất tại các khu vực có nguy cơ chịu ảnh hưởng của thiên tai. Thường xuyên tuyên truyền, tổ chức diễn tập, phổ biến kinh nghiệm, nâng cao nhận thức và ý thức phòng chống thiên tai cho cấp ủy, chính quyền và người dân, khi xảy ra thiên tai đã chỉ đạo thực hiện tốt theo phương châm “bốn tại chỗ” để giảm thiểu thiệt hại, khắc phục nhanh hậu quả, sớm ổn định đời sống, sản xuất của người dân. Tập trung thực hiện có hiệu quả công tác phòng chống hoàn lưu cơn bão số 3 (năm 2024), trong đó: cơ bản hoàn thành việc bố trí tái định cư tập trung và tái định cư xen ghép trong khu dân cư (chuyển mục đích đất nông nghiệp trong khu dân cư sang đất ở) đảm bảo ổn định cuộc sống an toàn cho nhân dân các vùng có nguy cơ cao do ảnh hưởng bởi thiên tai cho 173 hộ gia đình, cá nhân tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện²⁵.

2. Về phát triển văn hóa - xã hội: quan tâm phát triển đồng bộ, toàn diện lĩnh vực văn hóa - xã hội, thiết thực nâng cao chất lượng cuộc sống và chỉ số hạnh phúc của Nhân dân

2.1. Tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo

Chỉ đạo triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Quy mô mạng lưới trường, lớp học được sắp xếp hợp lý đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh. Toàn huyện hiện có 57 cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên (22 trường MN, 04 trường TH, 22 trường TH&THCS, 03 trường THCS, 01 trường PTDTNT THCS, 04 trường THPT, 01 Trung tâm GDTX), với quy mô 931 nhóm, lớp, 30.719 học sinh. Chất lượng đội ngũ, cán bộ quản lý, giáo viên nhân viên được nâng lên. Tỷ lệ giáo viên có trình độ chuyên môn đạt chuẩn trở lên đạt 93,5%. Chất lượng giáo dục vùng đặc biệt khó khăn, vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số được cải thiện đáng kể; chất lượng giáo dục đại trà tăng, chất lượng mũi nhọn có chuyển biến rõ nét, chất lượng giáo dục mầm non, tiểu học, THCS luôn trong tốp đầu của tỉnh. Triển khai xây dựng hiệu quả mô hình “trường học hạnh phúc”; “lớp học hạnh phúc”; mô hình “Trường xanh”. Duy trì 24/24 xã, thị trấn đạt chuẩn về PCGD mầm non cho trẻ em 5 tuổi; 24/24 xã, thị trấn đạt chuẩn về XMC mức độ 2, tăng 03 xã so với đầu nhiệm kỳ; 24/24 xã, thị trấn đạt chuẩn PCGD tiểu học mức độ 3, PCGD THCS mức độ 1, PCGD THCS mức độ 2; 22/24 xã, thị trấn đạt chuẩn về PCGD THCS mức độ 3, tăng 8 xã so với đầu nhiệm kỳ. Cơ sở vật chất trường học, trang thiết bị dạy học, được quan tâm đầu tư theo hướng chuẩn hóa, tỷ lệ phòng học kiên cố đạt 96,4%, tăng 8% so với năm 2020, không còn phòng học tạm.

²⁵ Trong đó: Bố trí tái định cư tại các khu tái định cư tập trung cho 59 hộ (xã Bạch hà: 37 hộ; thị trấn thác bà: 04 hộ; xã Tân Hương: 12 hộ; xã Phúc Ninh: 03 hộ; xã Phúc An: 02 hộ); Bố trí tái định cư xen ghép trong khu dân cư tổng số 114 hộ trên địa bàn 14 xã, thị trấn trên địa bàn huyện.

2.2. Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân; công tác dân số, trẻ em, bình đẳng giới

Triển khai đồng bộ, hiệu quả các giải pháp bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân; các nghị quyết, đề án về nâng cao chất lượng bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân giai đoạn 2021-2025²⁶.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ khám chữa bệnh tại các cơ sở y tế được đầu tư theo hướng ngày càng hiện đại. Trong 5 năm đã xây dựng mới được 05 trạm y tế²⁷; sửa chữa nâng cấp 4 Trạm Y tế. Toàn huyện hiện có 01 Trung tâm Y tế, 03 phòng khám đa khoa khu vực, 20 Trạm Y tế các xã, thị trấn; có 11 phòng khám, 03 dịch vụ Y tế tư nhân, 02 phòng chẩn trị Y học cổ truyền. Cơ sở vật chất và các trang thiết bị phục vụ khám chữa bệnh tại các cơ sở y tế được từng bước được đầu tư, tháng 12/2023 Trung tâm Y tế đã triển khai thành công bệnh án điện tử, tiến tới không sử dụng bệnh án giấy.

Thực hiện hiệu quả công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu, làm tốt công tác y tế dự phòng, công tác vệ sinh an toàn thực phẩm được chú trọng, đảm bảo²⁸. Trong nhiệm kỳ qua, huyện Yên Bình đã thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch COVID-19, không để xảy ra ca tử vong do dịch bệnh trên địa bàn huyện Yên Bình; tỷ suất chết trẻ em dưới 1 tuổi giảm từ 8‰ năm 2020 xuống còn 5‰ năm 2025; Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng giảm từ 14,5% năm 2020 xuống còn 12,8% năm 2025. Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ hàng năm đạt từ 95 - 99,5%, đều vượt so với đầu nhiệm kỳ từ 5-10%; 23/23 xã, thị trấn được công nhận đạt tiêu chí quốc gia về y tế đạt 100%, chỉ tiêu đại hội đề ra.

Công tác khám, chữa bệnh có nhiều chuyển biến tích cực, nâng cao chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh hướng tới sự hài lòng của người bệnh; hàng năm, Trung tâm Y tế huyện Yên Bình thực hiện khám, chữa bệnh cho trên 140.000 lượt (đạt trên 100% chỉ tiêu kế hoạch giao của Sở Y tế) và điều trị nội trú cho trên 7.000 lượt người bệnh/năm, công suất sử dụng giường bệnh luôn đạt trên 100%, tỷ lệ hài lòng người bệnh qua các năm đều tăng đạt trên 90%. Công tác đào tạo, liên kết đào tạo được quan tâm triển khai, thực hiện để nâng cao tay nghề đối với đội ngũ y bác sĩ từ huyện đến cơ sở, nhiều kỹ thuật vượt tuyến, kỹ thuật khó được chuyển giao và thực hiện thành

²⁶ Chương trình hành động số 22-CTr/HU ngày 21/01/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện thực hiện Nghị quyết số 62-NQ/TU ngày 26/10/2021 của Tỉnh ủy; Đề án nâng cao năng lực khám, chữa bệnh và đẩy mạnh tự chủ tài chính trong các cơ sở y tế công lập giai đoạn 2021-2025; Đề án nâng cao năng lực và chất lượng dịch vụ y tế dự phòng, y tế cơ sở giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030.

²⁷ Xây 02 trạm y tế bằng nguồn vốn AP, 02 trạm y tế bằng nguồn vốn EU, 01 trạm y tế bằng nguồn vốn Nông thôn mới.

²⁸ Năm 2024, có 01 vụ ngộ độc thực phẩm xảy ra tại xã Mỹ Gia (với 61 người mắc) tuy nhiên không có trường hợp tử vong

công²⁹; trình độ chuyên môn đội ngũ cán bộ y tế từ huyện đến cơ sở từng bước được nâng lên, tỷ lệ bác sỹ đạt 5,4 bác sỹ/vạn dân; 1,3 dược sỹ đại học/1 vạn dân; tỷ lệ xã có bác sỹ đạt 87,5%. Cuối năm 2022, Trung tâm Y tế huyện đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái công nhận đạt Trung tâm Y tế hạng II (Quyết định số 2707/QĐ-UBND ngày 28/12/2022). Ngoài công tác khám chữa bệnh cho người dân tại các cơ sở khám chữa bệnh, hằng năm, Trung tâm Y tế còn tổ chức các đợt khám tình nguyện vì sức khỏe cộng đồng cho bà con nhân dân vùng khó khăn, các đối tượng chính sách xã hội trên địa bàn huyện góp phần nâng cao tuổi thọ cho người dân. Tuổi thọ trung bình người dân Yên Bình năm 2021 là 72,6 tuổi, ước thực hiện đến năm 2025 là 75 tuổi đạt mục tiêu Nghị quyết đại hội đề ra.

Công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình được triển khai rộng khắp với nhiều nội dung đổi mới, hình thức phong phú và đa dạng. Công tác tuyên truyền, vận động người dân không sinh con thứ ba trở lên được đẩy mạnh. Củng cố, nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hoá gia đình, bảo đảm người dân dễ dàng, thuận tiện tiếp cận các dịch vụ. Chất lượng dân số được nâng lên cả về thể chất, trí tuệ và tinh thần. Kiểm soát tốt tỷ lệ tăng dân số tự nhiên, duy trì 1,05%/năm.

2.3. Phát triển văn hóa, thể dục thể thao thực sự là nền tảng tinh thần, là động lực cho phát triển xã hội

Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” gắn với phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” được triển khai đồng bộ, ngày càng đi vào chiều sâu; tỷ lệ thôn, tổ dân phố đạt tiêu chuẩn văn hóa năm 2025 ước đạt 99,4%, vượt 13,3% mục tiêu Nghị quyết, tăng 1,8% so với năm 2020; tỷ lệ hộ gia đình đạt tiêu chuẩn văn hóa đạt 93,4%, vượt 5,4% mục tiêu Nghị quyết, tăng 3% so với năm 2020. Công tác đầu tư, nâng cấp, cải tạo các thiết chế văn hóa, thể thao, thông tin và truyền thông được quan tâm thực hiện, đến nay 100% thôn tổ dân phố đã có hội trường thôn, tổ đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của nhân dân.

Các hoạt động thể dục, thể thao ngày càng phát triển và nâng cao về chất lượng. Hoạt động văn hóa văn nghệ diễn ra sôi nổi và phát triển rộng khắp ở các địa phương, đáp ứng nhu cầu văn hóa tinh thần của nhân dân; tích cực sưu tầm và truyền dạy các làn điệu dân ca, dân vũ truyền thống, bảo tồn và phát huy giá trị văn hoá truyền thống của các dân tộc.

Toàn huyện hiện có 25 di tích lịch sử văn hóa đã được xếp hạng (01 di tích quốc gia, 24 di tích cấp tỉnh). Trong nhiệm kỳ đã phục dựng 04 lễ hội truyền thống của các dân tộc trên địa bàn huyện, góp phần thu hút khách du

²⁹ Trung tâm Y tế thực hiện được 115 Kỹ thuật mới, trong đó có 97 kỹ thuật vượt tuyến đã triển khai thành công như kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính, kỹ thuật tiêu sợi huyết điều trị đột quỵ não, các kỹ thuật xét nghiệm miễn dịch phát hiện ung thư sớm, kỹ thuật tiêm khớp, kỹ thuật nội soi can thiệp đường tiêu hoá....

lich³⁰. Tổ chức tốt các hoạt động lễ hội văn hóa, du lịch thường niên, thu hút khách du lịch trong và ngoài nước: Lễ hội Đền Thác Bà, Lễ hội Bưởi Đại Minh và khám phá danh thắng quốc gia hồ Thác Bà; Lễ hội xuống đồng...

Thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp hiệu quả, thực chất nâng cao sự hài lòng và chỉ số hạnh phúc của nhân dân; chỉ số hạnh phúc của người dân Yên Bình năm 2025 ước đạt 74%, tăng 16,1% so với năm 2021. Toàn huyện hiện có 56/56 mô hình “Trường học hạnh phúc”, trên 80% “Gia đình hạnh phúc”; trên 70% “thôn, tổ dân phố hạnh phúc”.

2.4. Nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo nghề, giải quyết việc làm gắn với chuyển dịch cơ cấu lao động; thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội; đồng bộ các giải pháp giảm nghèo bền vững

Tập trung thực hiện các chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho người lao động, nhất là các chính sách trong chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững. Tỷ lệ lao động trong độ tuổi qua đào tạo tăng từ 64% năm 2020 lên 76% năm 2025, trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng chứng chỉ đạt 56%, vượt 01% mục tiêu Nghị quyết, tăng 24% so với năm 2020. Ngoài tạo việc làm tại chỗ, đã tăng cường tuyên truyền, vận động, phối hợp, hỗ trợ các doanh nghiệp trong và ngoài huyện tuyển dụng lao động; đồng thời, đẩy mạnh công tác xuất khẩu lao động. Trong 5 năm, đã giải quyết việc làm cho 18.500 lao động, trung bình mỗi năm giải quyết được trên 3.700 việc làm mới, vượt 5,7% mục tiêu Nghị quyết.

Công tác an sinh xã hội được bảo đảm, các chính sách, chế độ đối với các đối tượng chính sách, đối tượng bảo trợ xã hội, người lao động được thực hiện đầy đủ... Hoàn thành hỗ trợ xây dựng 801 nhà cho người có công, hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ bị ảnh hưởng thiệt hại do cơn bão số 3 gây ra có khó khăn; thực hiện đầy đủ, kịp thời chính sách bảo trợ và trợ giúp xã hội cho 4.085 cho đối tượng; cơ bản bảo đảm cuộc sống đối với các đối tượng thiệt hại bởi thiên tai, rủi ro bất khả kháng; 100% đối tượng bảo trợ xã hội được cấp thẻ bảo hiểm y tế.

Tập trung triển khai hiệu quả, thực chất công tác giảm nghèo; hằng năm xây dựng kế hoạch cụ thể, sát thực tới từng hộ nghèo; đồng thời, phân công nhiệm vụ cho từng tổ chức, cá nhân trong hệ thống chính trị, huy động sự vào cuộc đồng bộ của cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân thực hiện mục tiêu giảm nghèo nhanh và bền vững. Tỷ lệ giảm hộ nghèo bình quân giai đoạn 2021-2025 khoảng 2,65%/năm (theo chuẩn mới), góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo toàn huyện từ 14% năm 2021, dự kiến xuống còn 1,3% năm 2025, đảm bảo kế hoạch giảm nghèo giai đoạn 2021-2025, đạt mục tiêu Nghị quyết Đại hội.

³⁰ Lễ hội Cầu Yên, dân tộc Cao Lan xã Tân Hương; Lễ hội Cầu mùa 12 con giáp dân tộc Dao Quần trắng xã Yên Thành; Lễ hội Đình Làng Ba chặng xã Phúc An; lễ hội xuống đồng xã Bạch Hà.

2.5. Triển khai thực hiện hiệu quả các chương trình, dự án, chính sách về dân tộc, tôn giáo

Thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo về công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo; chất lượng, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo được nâng lên. Nhận thức về công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo của cấp ủy, chính quyền, đoàn thể, cán bộ, đảng viên và Nhân dân chuyển biến tích cực. Phát huy tốt vai trò người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số, góp phần triển khai thực hiện tốt các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; làm tốt công tác vận động và thực hiện chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, hướng dẫn chính quyền các địa phương, các tổ chức tôn giáo thực hiện đúng chính sách, pháp luật về dân tộc tín ngưỡng, tôn giáo. Làm tốt công tác phối hợp vận động, đấu tranh ngăn chặn, xử lý kịp thời các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trái pháp luật.

Triển khai thực hiện hiệu quả các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025, từ nguồn kinh phí của Chương trình đã hỗ trợ xóa 123 ngôi nhà dột nát, hỗ trợ 465 hộ nghèo vùng dân tộc thiểu số nông cụ máy móc, chuyển đổi nghề; hướng dẫn, hỗ trợ đồng bào thay đổi tập quán canh tác, ứng dụng khoa học kỹ thuật trong sản xuất. Ưu tiên bố trí hơn 160 tỷ đồng đầu tư cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số, tập trung hỗ trợ sản xuất nông, lâm nghiệp, xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi, đầu tư cơ sở vật chất giáo dục, trạm y tế, nước hợp vệ sinh³¹... Toàn huyện có 04 xã đặc biệt khó khăn giai đoạn 2021-2025 đạt tiêu chí nông thôn mới; tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số bình quân giảm 6,06%/năm; năm 2025 tỷ lệ hộ nghèo là hộ dân tộc thiểu số còn 5,16%, hộ cận nghèo còn 3,41%.

Tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và tự do không tín ngưỡng, tôn giáo của công dân. Các tôn giáo cơ bản hoạt động đúng tôn chỉ, mục đích; chức sắc, chức việc và tín đồ tôn giáo chấp hành tốt các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước, các hoạt động xã hội, từ thiện, xây dựng khối đại đoàn kết trong cộng đồng dân cư; hằng năm, có trên 90% hộ gia đình tín đồ đạt gia đình văn hóa, 95% hộ giáo đạt giáo họ tiên tiến.

2.6. Đẩy mạnh hoạt động chuyển đổi số; ứng dụng khoa học công nghệ

Nghiên cứu, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào các lĩnh vực sản xuất và đời sống, nhất là đẩy mạnh ứng dụng, chuyển giao, nhân rộng các tiến bộ khoa học công nghệ trong sản xuất nông lâm nghiệp. Thực hiện tốt

³¹ 100% số xã có đường ô tô đến trung tâm xã; trên 96% phòng học được xây dựng kiên cố, bán kiên cố; 100% các xã có trạm y tế và điểm phục vụ bưu chính, trên 90% đồng bào được sử dụng nước hợp vệ sinh.

chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ, thiết bị, chuyển giao công nghệ và xác lập quyền sở hữu công nghiệp, hỗ trợ tài chính cho các doanh nghiệp có hoạt động đổi mới công nghệ, thiết bị; xây dựng chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể, xác lập quyền bảo hộ sở hữu trí tuệ cho 02 sản phẩm nông, lâm nghiệp, tập trung vào các sản phẩm chủ lực, đặc sản của huyện; 100% cơ quan hành chính cấp huyện và ủy ban nhân dân cấp xã áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015.

Công tác chuyên đổi số được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện đồng bộ, đạt kết quả nổi bật. Tập trung rà soát, xây dựng kế hoạch chuyển đổi số; dành nguồn lực thỏa đáng đầu tư cho công tác chuyên đổi số, xây dựng Trung tâm giám sát, điều hành thông minh IOC cấp huyện, triển khai hệ thống OC cấp xã, nền tảng phòng họp không giấy tờ; xây dựng cơ quan, đơn vị, trường học, xã, thôn chuyên đổi số. Sử dụng hệ thống quản lý văn bản và điều hành để xử lý công việc trên môi trường mạng tại 100% cơ quan, đơn vị, địa phương trong toàn huyện; tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến phát sinh hồ sơ trực tuyến đạt 90,92%. Duy trì sử dụng nền tảng số tay Đảng viên điện tử tỉnh Yên Bái tại 100% các chi bộ trên toàn huyện. Phối hợp với các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông đưa 100% sản phẩm nông nghiệp chủ lực, sản phẩm OCOP của các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất lên sàn giao dịch Voso và Postmart. 100% doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình có đăng ký kinh doanh có sản phẩm OCOP, sản phẩm đặc sản chủ lực của huyện có đủ điều kiện đã được đưa lên sàn thương mại điện tử. Kết quả xếp hạng chuyên đổi số DTI hàng năm huyện luôn đứng nhóm đầu khối huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh.

3. Quốc phòng - an ninh, nội chính

Tập trung xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân vững chắc, bảo đảm sẵn sàng chiến đấu và phòng chống có hiệu quả âm mưu “diễn biến hoà bình” của các thế lực thù địch, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Xây dựng khu vực phòng thủ huyện ngày càng vững chắc, xã, thị trấn, cơ quan, đơn vị vững mạnh toàn diện; quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả các căn cứ chiến đấu, căn cứ hậu phương và các công trình quốc phòng trong khu vực phòng thủ. Chất lượng tổng hợp và khả năng sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang không ngừng được nâng lên. Làm tốt công tác xây dựng lực lượng³², luyện tập và diễn tập khu vực phòng thủ³³, phòng chống cháy rừng; chủ động, trách nhiệm trong giúp đỡ nhân dân phòng chống lụt bão, dịch bệnh, tìm kiếm cứu nạn, khắc phục hậu quả thiên tai, ổn định cuộc sống. Quản lý chặt chẽ quân nhân dự bị động viên; hàng

³² Công tác xây dựng lực lượng được thực hiện theo đúng luật dân quân tự vệ, tỷ lệ đạt 1,8% so với tổng dân số.

³³ Trong nhiệm kỳ qua huyện đã tổ chức diễn tập cấp huyện 03 cuộc (trong đó 01 cuộc diễn tập khu vực phòng thủ; 01 cuộc diễn tập động viên quân nhân dự; 01 cuộc diễn tập ứng phó bão lụt, tìm kiếm cứu nạn). Chỉ đạo các xã, thị trấn diễn tập 28 lượt, kết quả 100% đạt giới, xuất sắc

năm hoàn thành 100% chỉ tiêu công dân nhập ngũ; thực hiện tốt chính sách quân đội và hậu phương quân đội. Tỷ lệ đảng viên trong dân quân tự vệ đạt 23,7%, tỷ lệ đảng viên trong dự bị động viên đạt 11,3%.

Tình hình an ninh chính trị ổn định, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện được bảo đảm. Phong trào "Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc" được triển khai rộng khắp, đem lại hiệu quả tích cực, chuyển hoá thành công 05/05 địa bàn trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự³⁴. Lực lượng vũ trang đã chủ động phối hợp chặt chẽ, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác nắm tình hình, nhất là ở những địa bàn, khu vực trọng điểm phức tạp về an ninh trật tự; kịp thời giải quyết tốt các vấn đề phát sinh; chủ động tấn công, trấn áp có hiệu quả với các loại tội phạm. Thành lập 177 Tổ bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở với 530 tổ viên tại 100% thôn, tổ dân phố, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác bảo đảm an ninh trật tự ở cơ sở và cộng đồng dân cư.

Công tác nội chính, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực được tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện đồng bộ với nhiều giải pháp hiệu quả³⁵. Kịp thời nắm bắt, lãnh đạo, chỉ đạo xử lý các vấn đề phức tạp, bức xúc về an ninh, trật tự an toàn xã hội; các vụ việc, vụ án nghiêm trọng, phức tạp, dư luận xã hội quan tâm ngay từ khi mới phát sinh, chất lượng điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án của các cơ quan tiến hành tố tụng được nâng lên; không để xảy ra oan, sai, bỏ lọt tội phạm và người phạm tội³⁶. Thành lập, duy trì hoạt động hiệu quả Bộ phận giúp việc Ban Thường vụ Huyện ủy về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, phát huy vai trò nòng cốt của Bộ phận giúp việc trong tham mưu cho Huyện ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy trong công tác nội chính, phòng chống tham nhũng, tiêu cực. Thực hiện nghiêm túc việc kê khai và kiểm soát kê tài sản, thu nhập; định kỳ chuyển đổi vị trí công tác các chức danh theo quy định³⁷.

Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng và giải quyết khiếu nại, tố cáo thực hiện nghiêm túc, hiệu quả. Trong nhiệm kỳ đã tổ chức 24 cuộc thanh tra hành chính, tập trung vào các lĩnh vực, địa bàn trọng điểm, nhạy cảm, dễ phát sinh vi phạm, tiêu cực, tham nhũng, quản lý, sử

³⁴ Gồm các địa bàn: Thị trấn Yên Bình, xã Cẩm Nhân, xã Tân Hương, xã Yên Bình, xã Vũ Linh

³⁵ Chỉ thị số 46-CT/TW ngày 22/6/2015 về "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác an ninh trật tự trong tình hình mới"; Chỉ thị số 26-CT/TW ngày 09/11/2028 của Bộ Chính trị và Hướng dẫn số 08-HD/TW ngày 09/12/2020 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với các cơ quan bảo vệ pháp luật trong điều tra, xét xử các vụ án, vụ việc; Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về "Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội Chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới"...

³⁶ Tỷ lệ thụ lý tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị, khởi tố đạt 100%; tỷ lệ giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố đạt trên 90%. Viện Kiểm sát ra quyết định truy tố đúng thời hạn trên 100% số vụ đã có kết luận điều tra đề nghị truy tố; bảo đảm truy tố bị can đúng tội đạt 100%; 100% các vụ việc có dấu hiệu tội phạm đều được khởi tố vụ án để điều tra theo quy định của pháp luật. Tỷ lệ giải quyết án dân sự đạt 100%, án hình sự đạt 100%, án hành chính đạt 100%. Tỷ lệ thi hành án dân sự đạt 95,4% trên tổng số án có điều kiện thi hành án.

³⁷ Đã thực hiện chuyển đổi vị trí công tác 91 người (công chức, viên chức các CQĐV thuộc UBND huyện: 05 người, Nhân viên kế toán trường học: 50 người, công chức cấp xã 36 người).

dụng đất đai, qua đó nâng cao ý thức, tuân thủ, chấp hành pháp luật của các đơn vị, địa phương và người dân.

Công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo được quan tâm thực hiện ngay từ cơ sở; tập trung rà soát, giải quyết dứt điểm một số vụ việc khiếu nại, tố cáo kéo dài, không để phát sinh phức tạp. Triển khai nghiêm túc, có hiệu quả quy định về trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền trong việc tiếp công dân, đối thoại trực tiếp với công dân và xử lý những phản ánh, kiến nghị của dân, góp phần ổn định tình hình, tạo đồng thuận trong xã hội, tỷ lệ giải quyết đơn thư hằng năm đạt 98,5%.

V. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được và nguyên nhân

1.1. Kết quả đạt được

Kinh tế duy trì tăng trưởng khá, cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực; các chỉ tiêu chủ yếu về phát triển kinh tế - xã hội hằng năm đều đạt và vượt kế hoạch đề ra. Sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản có bước phát triển quan trọng, đáp ứng mục tiêu bảo đảm an ninh lương thực, xóa đói giảm nghèo, kết hợp với đẩy mạnh sản xuất hàng hóa các sản phẩm nông nghiệp chủ lực theo chuỗi giá trị; diện mạo nông thôn có thay đổi rõ nét. Công nghiệp từng bước phát huy vai trò nền tảng và có đóng góp tích cực thúc đẩy phát triển kinh tế- xã hội của huyện. Hoạt động thương mại, dịch vụ tăng trưởng khá, từng bước khai thác, phát huy được tiềm năng, thế mạnh của huyện. Xây dựng nông thôn mới đạt kết quả toàn diện, Yên Bình đã được công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới năm 2023, sớm hơn 02 năm so với mục tiêu Nghị quyết đề ra. Thực hiện có hiệu quả việc huy động, lồng ghép các nguồn lực, nhất là các nguồn lực ngoài nhà nước cho đầu tư phát triển, đặc biệt là làm đường giao thông nông thôn. Kiểm soát chặt chẽ, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công, giảm tối đa nợ xây dựng cơ bản.

Lĩnh vực văn hóa xã hội có nhiều tiến bộ; đời sống văn hóa, tinh thần của người dân từng bước được nâng lên. Giáo dục, đào tạo đạt được nhiều kết quả tích cực, chất lượng giáo dục đại trà tăng, chất lượng mũi nhọn có chuyển biến rõ nét, hàng năm số giáo viên giỏi, học sinh giỏi cấp tỉnh đều tăng luôn trong top đầu của tỉnh; công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm gắn với chuyển đổi nghề cho lao động nông thôn có nhiều đổi mới, góp phần từng bước nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Công tác xóa đói, giảm nghèo nhanh; chăm lo, thực hiện đầy đủ các chính sách an sinh xã hội đối với các đối tượng chính sách, hộ nghèo, đồng bào vùng khó khăn...

Quốc phòng an ninh được giữ vững, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo, một số vấn đề phát sinh được tập trung lãnh đạo, chỉ đạo xử lý dứt điểm, không phát sinh phức tạp.

1.2. Nguyên nhân của những kết quả đạt được

Được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, sự phối hợp giúp đỡ của các sở, ban, ngành và sự quyết tâm của Đảng bộ huyện trong thực hiện nhiệm vụ, sự đoàn kết, thống nhất của cả hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở là điều kiện thuận lợi để huyện Yên Bình thực hiện thắng lợi các mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện đề ra.

Huyện ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện đã bám sát và kịp thời cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ trong các nghị quyết, chỉ thị của tỉnh và Nghị quyết Đại hội XXIII Đảng bộ huyện thành các chương trình, kế hoạch, đề án cụ thể phát triển kinh tế - xã hội để thực hiện. Quá trình lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội đã kế thừa, phát huy những thành tựu mang tính nền tảng của giai đoạn trước và những yếu tố thuận lợi mới; khai thác, phát huy hiệu quả tiềm năng, lợi thế, huy động và sử dụng hợp lý các nguồn lực, đồng thời tranh thủ sự giúp đỡ của cấp trên để thực hiện các giải pháp phát triển kinh tế - xã hội theo hướng nhanh và bền vững. Tích cực, chủ động đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, phát huy dân chủ, vai trò của người đứng đầu, trách nhiệm nêu gương, năng động, sáng tạo, kỷ luật, kỷ cương trong thực hiện nhiệm vụ; huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân, khơi dậy ý chí tự lực, tự cường, khát vọng vươn lên, đoàn kết, đồng lòng, nỗ lực phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

2.1. Tồn tại, hạn chế

(1) Về phát triển kinh tế

Phát triển kinh tế còn chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh. Khả năng cạnh tranh của một số sản phẩm chưa cao. chất lượng thu hút đầu tư chưa cao.

Nông nghiệp phát triển chưa thực sự ổn định và bền vững, nhất là thị trường tiêu thụ sản phẩm. Sản phẩm nông nghiệp chủ yếu là sản phẩm thô nên giá trị hàng hóa không cao. Chưa có nhiều mô hình liên kết theo chuỗi giá trị từ sản xuất, chế biến đến tiêu thụ nông sản một cách bền vững.

Du lịch, dịch vụ phát triển khá nhưng chưa khai thác và phát huy được tiềm năng, lợi thế, nhất là dịch vụ du lịch; sản phẩm du lịch chưa đa dạng, phong phú; doanh thu từ dịch vụ du lịch chiếm tỷ trọng thấp trong cơ cấu kinh tế.

Tiến độ giải phóng mặt bằng và thu ngân sách từ giao tiền sử dụng đất còn chậm, nhất là các dự án, công trình trọng điểm, có quy mô lớn. Hạ tầng kỹ thuật còn thiếu, chưa đồng bộ, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển nhất là ở khu vực nông thôn, tình hình xử lý tài sản công còn chậm.

Khai thác sử dụng tài nguyên chưa thực sự hiệu quả, quản lý đất đai, tài nguyên có mặt còn hạn chế. Tình trạng sử dụng đất đai sai mục đích, vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường trong sản xuất công nghiệp, khai thác khoáng sản vẫn còn xảy ra.

(2) Về văn hóa – xã hội:

Chưa huy động được nhiều nguồn lực đầu tư vào lĩnh vực văn hóa, xã hội, nhất là đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị; công tác quản lý Nhà nước đối với các hoạt động dịch vụ văn hóa còn hạn chế; chất lượng các danh hiệu văn hóa chưa thực sự bền vững; nguồn nhân lực thực hiện công tác chuyên đổi số còn thiếu về số lượng, yếu về trình độ chuyên môn.

Cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục có nơi chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới toàn diện; giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống ở một số cơ sở giáo dục còn hạn chế.

Công tác đào tạo nghề gắn với nhu cầu của thị trường, giải quyết việc làm và chuyển dịch cơ cấu lao động hiệu quả chưa cao; chất lượng nguồn lao động còn thấp.

Giảm nghèo tuy đạt kết quả nổi bật, nhưng ở một số xã còn thiếu bền vững. Đời sống của một bộ phận người dân, đặc biệt là các khu vực bị ảnh hưởng của thiên tai, vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn.

(3) Về quốc phòng, an ninh, nội chính

Tội phạm, tệ nạn xã hội tuy được kiềm chế song còn tiềm ẩn phức tạp; việc nắm tình hình, tham mưu, xử lý một số vụ việc ở cơ sở có lúc, có nơi còn chưa kịp thời.

Công tác thanh tra công vụ, thanh tra phòng, chống tham nhũng có mặt chưa thực sự hiệu quả, chất lượng một số cuộc thanh tra chưa cao. Công tác giải quyết khiếu nại tố cáo ở cơ sở chưa thật sự triệt để, vẫn còn một số vụ việc kéo dài, vượt cấp. Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật hiệu quả chưa cao; kết quả cải cách tư pháp chưa rõ nét.

2.2. Nguyên nhân của hạn chế, khuyết điểm

** Nguyên nhân khách quan:*

Do dịch bệnh Covid 19 bùng phát, an ninh chính trị trên thế giới diễn biến phức tạp, nền kinh tế thế giới nhiều bất ổn; ảnh hưởng của nhiều đợt thiên tai, đặc biệt ảnh hưởng bởi bão số 3 năm 2024 (Yagi) đã để lại hậu quả nặng nề đến phát triển kinh tế - xã hội của huyện, ước tính tổng thiệt hại trên 630 tỷ đồng.

Các quy định của pháp luật còn nhiều bất cập, chồng chéo trên một số lĩnh vực, như quy hoạch, đất đai, đầu tư, xây dựng, môi trường, lâm nghiệp...

Xuất phát điểm nền kinh tế thấp, nhu cầu đầu tư lớn song nguồn vốn nhà nước và huy động xã hội hóa còn hạn chế.

** Nguyên nhân chủ quan*

Do quá trình xác định mục tiêu, định hướng phát triển không lường hết được những khó khăn, thách thức, rủi ro phát sinh; đề ra một số chỉ tiêu, nhiệm vụ chưa sát thực tiễn.

Năng lực lãnh đạo, chỉ đạo của một số cấp ủy, chính quyền còn hạn chế, quyết tâm chính trị không cao; thiếu tính năng động, chủ động, đổi mới sáng tạo; chưa làm tốt công tác hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ của cấp dưới.

Một số cán bộ đứng đầu cơ quan, đơn vị thiếu quyết liệt và sát sao chỉ đạo lĩnh vực ngành phụ trách chưa chủ động tham mưu giải pháp để thực hiện và tháo gỡ khó khăn; một số cán bộ lãnh đạo cấp ủy, chính quyền cấp cơ sở chưa nắm chắc tình hình, tâm tư, nguyện vọng chính đáng của nhân dân, chưa kịp thời tháo gỡ, giải quyết khó khăn, vướng mắc ngay từ cơ sở.

Trình độ, năng lực của một số cán bộ lãnh đạo, quản lý, nhất là ở cơ sở có nơi chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ; một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức năng lực còn yếu, thiếu tinh thần trách nhiệm.

Sự phối hợp giữa các cơ quan trong giải quyết một số việc có lúc còn thiếu đồng bộ, chưa chặt chẽ, kịp thời.

3. Bài học kinh nghiệm

Một là, không ngừng xây dựng Đảng bộ ngày càng trong sạch, vững mạnh; củng cố, tăng cường đoàn kết, thống nhất trong toàn Đảng bộ và hệ thống chính trị, sự đồng thuận, ủng hộ của nhân dân. Thực hiện nghiêm các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Đề cao vai trò, trách nhiệm nêu gương, tinh thần “*dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đổi mới sáng tạo, dám đương đầu với khó khăn, thử thách và quyết liệt trong hành động vì lợi ích chung*” của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát, kịp thời chấn chỉnh, xử lý nghiêm các vi phạm.

Hai là, bám sát Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp, các chủ trương, định hướng, nghị quyết của Trung ương, kịp thời cụ thể hóa, thể chế hóa thành nghị quyết, chỉ thị, đề án, kế hoạch ... của Huyện ủy, HĐND, UBND huyện đồng bộ, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị phù hợp với điều kiện thực tiễn của huyện.

Ba là, quá trình lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện phải có quyết tâm chính trị cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt với những giải pháp đồng bộ, hiệu quả; đồng thời, khi có các yếu tố tác động, biến động lớn thì linh hoạt điều chỉnh các nhiệm vụ, giải pháp theo đúng phương châm “*kiên định về*

mục tiêu, linh hoạt về giải pháp”, bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tiễn để đạt được mục tiêu đã đề ra.

Bốn là, Huy động, lồng ghép, sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng, nhất là trong xây dựng nông thôn mới, qua đó tạo động lực mạnh mẽ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

Năm là, Đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức chính trị - xã hội các cấp; thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc. Khơi dậy, phát huy giá trị văn hóa, ý chí tự lực, tự cường và khát vọng vươn lên của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân.

Phần thứ hai

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI GIAI ĐOẠN 2026-2030

I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH

Giai đoạn tới, hòa bình, hợp tác, phát triển vẫn là xu thế căn bản; cuộc cách mạng Công nghiệp lần thứ tư phát triển mạnh mẽ vừa tạo thời cơ, vừa đặt ra thách thức cho các quốc gia; cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng mở rộng, gay gắt; tranh chấp chủ quyền lãnh thổ, biển đảo ở Biển Đông có chiều hướng, phức tạp hơn; xung đột, chiến tranh, bất ổn xã hội, biến đổi khí hậu và những thách thức an ninh phi truyền thống tiếp tục diễn biến khó lường. Đất nước sau gần 40 năm đổi mới có cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế tiếp tục được nâng lên; vai trò lãnh đạo của Đảng ngày càng được củng cố, tăng cường; đời sống Nhân dân không ngừng được nâng cao, đang chuẩn bị bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của đất nước, của dân tộc.

Tỉnh ta với những thành tựu quan trọng đạt được 35 năm tái lập, cùng với hệ thống thể chế, cơ chế, chính sách của Trung ương, của tỉnh ngày càng được hoàn thiện đồng bộ, đặc biệt là Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Quy hoạch tỉnh Yên Bái thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, sẽ quyết tâm, phấn đấu đến năm 2030 nằm trong nhóm 5 tỉnh phát triển hàng đầu của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, là động lực thúc đẩy các địa phương trong tỉnh phải vươn lên, phát triển nhanh hơn.

Đối với huyện Yên Bình, với truyền thống văn hóa và sự đoàn kết thống nhất trong Đảng bộ, sự đồng thuận trong Nhân dân, sự ổn định về chính trị cùng với kinh nghiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành các nhiệm kỳ qua tiếp tục là tiền đề, là động lực cho sự phát triển. Tuy vậy, bên cạnh những khó khăn chung của nền kinh tế trong nước, diễn biến phức tạp của thời tiết, khí hậu là những yếu tố sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến phát triển kinh tế - xã hội của huyện; các vấn đề liên quan đến quản lý quy hoạch, tài nguyên, khoáng sản, bảo vệ môi trường, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, huy động các nguồn lực đầu tư cho phát triển cũng là những thách thức đặt ra cho Đảng bộ, chính quyền và nhân dân toàn huyện cần phải nỗ lực, phấn đấu để đưa Yên Bình tiếp tục phát triển.

II. QUAN ĐIỂM

1. Phù hợp với đường lối, chủ trương, định hướng của Đảng, phù hợp với Quy hoạch tỉnh Yên Bái thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định 1955/QĐ-UBND, ngày 27/10/2023 của UBND tỉnh Yên Bái về phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái đến năm 2030, định hướng đến năm 2050.

2. Khai thác, sử dụng hiệu quả các tiềm năng, thế mạnh và lợi thế; thu hút đầu tư để khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế đặc biệt là tiềm năng du lịch Hồ Thác Bà, đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của huyện. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư. Đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới gắn với thực hiện có hiệu quả tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Phấn đấu đến năm 2030, huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, có kinh tế - xã hội phát triển hàng đầu của tỉnh.

3. Phát triển kinh tế phải đi đôi với phát triển văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả tài nguyên, chủ động ứng phó với thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu; quan tâm bảo tồn và phát huy các bản sắc văn hóa dân tộc tốt đẹp; giảm nghèo nhanh và bền vững, thực hiện hiệu quả các chính sách an sinh xã hội, bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống và chỉ số hạnh phúc của Nhân dân.

4. Gắn kết chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với củng cố, tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh; giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, xây dựng chính quyền các cấp vững mạnh.

5. Phát huy truyền thống đoàn kết, ý chí tự lực, tự cường và khát vọng phát triển; đẩy mạnh đổi mới, sáng tạo, phát triển nhanh, toàn diện, bền vững theo hướng "*Xanh, hài hòa, bản sắc và hạnh phúc*".

III. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT, CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI CHỦ YẾU

1. Mục tiêu tổng quát

Tiếp tục phát huy sức mạnh đại đoàn kết các dân tộc, khơi dậy khát vọng phát triển; không ngừng đổi mới, sáng tạo, khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế; đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ, chuyển đổi số, thu hút đầu tư, xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, có tính kết nối cao, phát triển kinh tế nhanh, bền vững theo hướng “xanh, hài hòa, bản sắc, hạnh phúc”; nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho Nhân dân, thực hiện công bằng xã hội; phát triển kinh tế, xã hội gắn với bảo vệ môi trường; củng cố vững chắc quốc phòng an ninh, giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo trật tự an toàn xã hội. Phấn đấu huyện Yên Bình trở thành huyện nông thôn mới nâng cao, có kinh tế - xã hội phát triển hàng đầu của tỉnh Yên Bái vào năm 2030, là một trong những huyện phát triển của vùng Trung du và miền núi Bắc bộ.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2030

a) Chỉ tiêu về kinh tế (14 chỉ tiêu)

- (1) Tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn đạt 20.707 tỷ đồng.
- (2) Thu nhập bình quân đầu người/năm 90 triệu đồng/người/năm.
- (3) Tổng sản lượng lương thực có hạt đạt 30.100 tấn.
- (4) Sản lượng thịt hơi xuất chuồng các loại đạt 18.000 tấn, trong đó sản lượng thịt hơi xuất chuồng đàn gia súc chính 14.000 tấn. .
- (5) Sản lượng khai thác, nuôi trồng thủy sản đạt 9.500 tấn.
- (6) Diện tích rừng trồng mới tập trung hằng năm đạt 3.000 ha.
- (7) Huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; 14 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, trong đó 09 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu (theo bộ tiêu chí mới).
- (8) Giá trị xuất khẩu hàng hoá 200 triệu USD.
- (9) Doanh thu bán lẻ hàng hoá đạt 5.000 tỷ đồng.
- (10) Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt từ 720 tỷ đồng.
- (11) Tổng vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn giai đoạn 2025-2030 đạt 32.000 tỷ đồng.
- (12) Số doanh nghiệp, HTX, tổ hợp tác thành lập mới
 - Số doanh nghiệp thành lập mới: 150 doanh nghiệp.
 - Số Hợp tác xã thành lập mới: 40 hợp tác xã.
 - Số tổ hợp tác thành lập mới: 200 tổ hợp tác.
- (13) Tỷ lệ đô thị hoá 26,87%.
- (14) Lượt khách du lịch đạt 1.000.000 lượt người, doanh thu đạt 900 tỷ đồng.

b) Chỉ tiêu về văn hoá - xã hội (12 chỉ tiêu)

- (15) Số lao động tạo việc làm mới giai đoạn 2025-2030 đạt 19.000 lao

động.

(16) Tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2030 đạt 85%, trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng, chứng chỉ đạt 60%; tỷ lệ chuyển dịch cơ cấu lao động từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp đạt 2-3%/năm.

(17) Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân đạt 1-2%/năm (theo chuẩn giai đoạn 2026-2030).

(18) Tỷ lệ trẻ mẫu giáo đến trường đạt 99,7%; tỷ lệ huy động trẻ em trong độ tuổi tiểu học đến trường đạt 100%.

(19) Duy trì tỷ lệ trường mầm non và phổ thông đạt chuẩn quốc gia; Số trường mầm non và phổ thông đạt chuẩn quốc gia mức độ 2: 19 trường, Lưu ý kế số trường mầm non và phổ thông đạt chuẩn quốc gia mức độ 2: 35 trường, Tỷ lệ trường mầm non và phổ thông đạt chuẩn quốc gia mức độ 2: 63,6%.

(20) Số giường điều trị, điều dưỡng: 311 giường; Số Bác sĩ/vận dân: 6 bác sĩ/vận dân.

(21) Tuổi thọ trung bình của người dân: 77 tuổi; trong đó số năm sống khoẻ tối thiểu: 70 năm.

(22) Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 97%.

(23) Tỷ lệ trẻ em dưới 01 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin đạt 99,5% trở lên.

(24) Chỉ số hạnh phúc của người dân tăng 8-10% so với năm 2025: 80,3%.

(25) Tỷ lệ hộ gia đình đạt tiêu chuẩn văn hóa đạt: 91,5%; Tỷ lệ thôn, tổ dân phố đạt tiêu chuẩn văn hóa đạt: 92,7%.

(26) Chỉ tiêu chuyển đổi số: Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa cơ quan nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử, được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng (trừ văn bản mật theo quy định) đạt: 100%; Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản đạt: 100%.

c) Chỉ tiêu về môi trường (04 chỉ tiêu)

(27) Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%, trong đó tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn 45%.

(28) Tỷ lệ chất thải sinh hoạt được thu gom, xử lý khu vực thành thị: 98,5%. Tỷ lệ chất thải sinh hoạt được thu gom, xử lý khu vực nông thôn: 98%. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được phân loại tại nguồn: 90%.

(29) Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý đạt 100%.

(30) Tỷ lệ độ che phủ rừng đạt 54,5%.

III- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI GIAI ĐOẠN 2026-2030

1. Tiếp tục thực hiện các đột phá chiến lược

- Kịp thời cụ thể hóa các cơ chế, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền hợp lý, hiệu quả gắn với tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực; đẩy mạnh chuyển đổi số, cải cách hành chính, đơn giản hoá các thủ tục hành chính, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, thu hút đầu tư, phát triển các thành phần kinh tế.

- Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao, trọng tâm là nâng cao chất lượng nhân lực khu vực nông nghiệp, nông thôn, nhân lực vùng đồng bào dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức từ huyện đến cơ sở đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; lựa chọn, bố trí đội ngũ lãnh đạo các cơ quan, đơn vị đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; khơi dậy khát vọng vươn lên góp xây dựng quê hương, đất nước ngày càng giàu đẹp văn minh.

- Huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực; xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, trọng tâm là hạ tầng đô thị, hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp; hạ tầng giao thông, đối với giao thông nông thôn tập trung mở rộng đường hiện có, ưu tiên làm đường bê tông nhựa asphalt; các hạ tầng gắn kết với khu du lịch quốc gia hồ Thác Bà.

2. Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động và sức cạnh tranh của nền kinh tế

2.1. Về định hướng phát triển kinh tế

Tuân thủ và thực hiện hiệu quả các chủ trương, đường lối lãnh đạo của Đảng và các chính sách pháp luật của nhà nước phù hợp với Quy hoạch tỉnh Yên Bái thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định 1955/QĐ-UBND, ngày 27/10/2023 của UBND tỉnh Yên Bái về phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái đến năm 2030, định hướng đến năm 2050; quy hoạch chung xây dựng khu du lịch Quốc gia hồ Thác Bà.

Khai thác, sử dụng hiệu quả các tiềm năng, thế mạnh và lợi thế; đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư, kết nối chặt chẽ với các địa phương trong và ngoài tỉnh để tập trung phát triển bền vững các ngành kinh tế có thế mạnh; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, năng xuất lao động, đổi mới cơ chế quản lý để tăng sức cạnh tranh của nền kinh tế.

Phát triển kinh tế phải đi đôi với phát triển văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả tài nguyên, chủ động ứng phó với thiên tai, thích

ứng với biến đổi khí hậu; quan tâm bảo tồn và phát huy các bản sắc văn hóa dân tộc tốt đẹp; giảm nghèo nhanh và bền vững, thực hiện hiệu quả các chính sách an sinh xã hội, bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống và chỉ số hạnh phúc của nhân dân.

Gắn kết chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với củng cố, tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh; giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, xây dựng chính quyền các cấp vững mạnh.

Nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của các cấp ủy, tổ chức đảng; xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh toàn diện; phát huy thống đoàn kết, thống nhất, bảo đảm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị và kịp thời giải quyết những vấn đề phát sinh từ thực tiễn.

Xây dựng huyện Yên Bình đạt chuẩn huyện nông thôn mới nâng cao; thiết thực nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân.

2.2. Cơ cấu lại ngành nông, lâm nghiệp theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả, giá trị gia tăng theo chuỗi giá trị, gắn với xây dựng nông thôn mới bền vững

Phấn đấu giá trị sản xuất ngành nông lâm nghiệp đến năm 2030 đạt 3.600 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân 5 năm giai đoạn 2026-2031 đạt 3-5 %/năm.

Tiếp tục thực hiện hiệu quả các giải pháp cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị đối với các sản phẩm chủ lực của huyện, đáp ứng nhu cầu của thị trường. Tập trung phát triển các sản phẩm như: Gạo chất lượng cao, cây ăn quả có múi, thanh long ruột đỏ, chè, gỗ rừng trồng, quế, măng tre Bát Độ, cây dược liệu, cá lồng hồ Thác Bà, đại gia súc, lợn, gia cầm... Mở rộng quy mô sản xuất hàng hóa tập trung bảo đảm phù hợp với quy hoạch và định hướng chung của tỉnh, tạo sản phẩm sạch, an toàn, đáp ứng tiêu chuẩn trong nước và xuất khẩu. Phấn đấu giá trị sản xuất nông nghiệp bình quân hàng năm tăng trên 5%.

Thực hiện mở rộng diện tích lúa cao sản lên 1.000 ha tại 15 xã. Mở rộng diện tích lúa đặc sản Bạch Hà từ 100ha lên 150ha/năm, lúa Nếp Léch xã Bảo Ái từ 50 ha/vụ lên 70ha/vụ theo tiêu chuẩn VietGAP; nghiên cứu, thử nghiệm, đưa các giống lúa mới năng suất, chất lượng cao trồng thử nghiệm trên địa bàn huyện. Ứng dụng khoa học kỹ thuật trong cải tạo giống, chăm sóc cây trồng và bảo quản sơ chế sản phẩm cây ăn quả để nâng cao năng suất, chất lượng và thu nhập cho vùng cây ăn quả. Tiếp tục xây dựng các dự án sản xuất Bưởi Đại Minh, Thanh Long ruột đỏ theo tiêu chuẩn VietGAP gắn với thực hiện dự án sản xuất theo chuỗi giá trị để nâng cao tiêu chuẩn chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm đáp ứng yêu cầu các siêu thị.

Hình thành khu phức hợp nông nghiệp, trong đó bố trí các chức năng từ nghiên cứu, trồng trọt, chế biến, phân phối sản phẩm,... để hình thành chuỗi sản xuất hiệu quả, ứng dụng công nghệ cao, tạo thương hiệu, nâng giá trị gia tăng cho ngành nông nghiệp ngay tại nơi sản xuất. Cung cấp sản phẩm nông nghiệp đặc sản cho Vùng du lịch hồ Thác Bà và dọc sông Chảy (gồm huyện Yên Bình, Lục Yên). Hình thành các vùng nông nghiệp tập trung: Vùng sản xuất lúa hàng hóa chất lượng tại các xã vùng đông hồ (diện tích khoảng 500 ha); Vùng trồng sản nguyên liệu tại các xã như Tân Nguyên, Bảo Ái, Xuân Long, Ngọc Chấn, Vũ Linh, Cẩm Nhân, Xuân Lai; Vùng trồng bưởi công nghệ cao tại xã Đại Minh, Hán Đà (800 ha); Vùng trồng măng Bát Độ tại các xã Mỹ Gia, Cẩm Nhân (200 ha); Vùng trồng chè tại các xã như Bảo Ái, Tân Hương, Vĩnh Kiên, Bạch Hà, Phú Thịnh, Thị trấn Yên Bình, Thịnh Hưng; Phát triển vùng trồng quế diện tích khoảng 1.300ha, tập trung chủ yếu ở các xã dọc Quốc lộ 70; Nuôi trồng thủy sản tập trung, các trang trại, gia trại nông nghiệp... tại các xã ven hồ như Mông Sơn, Phúc Ninh, Mỹ Gia, Vũ Linh, Phúc An, Xuân Lai, Yên Thành, Vĩnh Kiên, Hán Đà, Thị trấn Thác Bà...

Phát huy lợi thế so sánh, sự đa dạng các vùng sinh thái; phát triển các sản phẩm chủ lực, đặc sản, OCOP gắn với du lịch dịch vụ, công nghiệp chế biến, bảo quản, tiêu thụ đối với các sản phẩm chủ lực, đặc sản của huyện. Hình thành và phát triển các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị; thu hút, khuyến khích các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác để đầu tư vào sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Phấn đấu đến năm 2030, duy trì và xây dựng 45 sản phẩm OCOP, trong đó có: 4 Sản phẩm 4*; 41 Sản phẩm 3*; duy trì và phát triển 10 Dự án liên kết theo chuỗi giá trị; Xây dựng 3 mô hình sản xuất nông nghiệp với du lịch dịch vụ, công nghiệp chế biến, bảo quản, tiêu thụ đối với các sản phẩm chủ lực, đặc sản của huyện (*tên, quy mô, dự kiến địa điểm thực hiện*)... Các sản phẩm chủ lực trên địa bàn huyện gồm: Lúa chất lượng cao và đặc sản; Chè chất lượng cao; Bưởi và cây có múi; Lâm sản: Cây quế và măng Bát độ; Sản phẩm thịt lợn, trâu, bò; Sản phẩm thịt và trứng gia cầm; Sản phẩm cá lồng hồ Thác Bà; Phát triển các sản phẩm đặc sản, sản phẩm OCOP, sản phẩm phục vụ du lịch nông nghiệp như: Chè xanh, bưởi Đại Minh, măng Bát độ, lúa đặc sản, cá hồ Thác Bà, gà đồi Linh Môn, ...

Áp dụng mô hình sử dụng tuần hoàn tài nguyên rừng để phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường: Thúc đẩy tuần hoàn “trồng rừng - quản lý rừng - sử dụng - trồng rừng” (sử dụng tuần hoàn tài nguyên rừng) nhằm đảm bảo việc trồng rừng được triển khai thích hợp, đồng thời, vẫn có thể sử dụng gỗ trong tương lai. Trên cơ sở mô hình sử dụng tuần hoàn tài nguyên rừng, hình thành đô thị sinh khối (Bio City) phát huy tài nguyên địa phương. Hình thành ngành công nghiệp chế biến vật liệu mới sử dụng nguồn nguyên liệu thu được từ hoạt động “trồng rừng - quản lý rừng - sử dụng - trồng rừng”, như

sản xuất vật liệu xây dựng từ gỗ, các sản phẩm tiêu dùng từ gỗ... Sử dụng vật liệu địa phương để xây dựng công trình công cộng và đô thị, tạo ra bản sắc đô thị và đồng thời góp phần quảng bá ngành nghề, vật liệu gỗ của địa phương. Phát triển sản xuất năng lượng sinh khối (Biomass), sử dụng hiệu quả các tài nguyên gỗ ở địa phương như cành cây sau tia tán, gỗ bỏ, gỗ vụn Thúc đẩy cơ chế tự sản tự tiêu, tạo hiệu quả đảm bảo sự cân bằng cho kinh tế vùng.

Khai thác hiệu quả tiềm năng phát triển thủy sản hồ Thác Bà, tập trung nuôi cá lồng theo hướng thâm canh cao, ứng dụng khoa học công nghệ. Xây dựng vùng nuôi trồng thủy sản chuyên canh với quy mô 150ha, với đầu tư dự án thả cá của Công ty Vietfood thúc đẩy phát triển ngành nuôi trồng thủy sản nước ngọt trên hồ Thác Bà, phát nguy nguồn nước và môi trường tự nhiên của hồ Thác Bà. Khuyến khích nuôi một số sản phẩm đặc thù, đặc sản có lợi thế của địa phương như cá nước lạnh (cá tầm, cá hồi), ốc nhồi... Tận dụng tối đa diện tích ao, hồ nhỏ để nuôi cá bán thâm canh; cải tạo hệ thống ao nuôi cá đảm bảo tiêu chuẩn nuôi cá thâm canh, bán thâm canh để nâng cao sản lượng.

Áp dụng đồng bộ các giải pháp nuôi trồng, quản lý theo tiêu chuẩn VietGAP, dán tem truy suất nguồn gốc sản phẩm. Đồng thời tích cực mở rộng thị trường đưa sản phẩm cá hồ Thác Bà vào hệ thống các siêu thị và là đầu mối liên kết các doanh nghiệp đầu tư xây dựng nhà máy chế biến thủy sản xuất khẩu để đưa sản phẩm cá sạch, chất lượng cao, an toàn vệ sinh thực phẩm đến người tiêu dùng, góp phần nâng cao danh tiếng thương hiệu “Cá hồ Thác Bà - đặc sản Yên Bái”. Hình thành trọng điểm sản xuất thủy sản, tập trung chức năng nghiên cứu, sản xuất, chế biến, bảo quản, phân phối, đào tạo nguồn nhân lực ngành thủy sản, tạo thương hiệu và nâng cao giá trị gia tăng của ngành thủy sản địa phương. Tập trung thu hút đầu tư các dự án chế biến thức ăn, chế biến thủy sản nước ngọt của hồ Thác Bà. Phấn đấu đến năm 2025, thu hút xây dựng 01 nhà máy sơ chế, bảo quản, chế biến sản phẩm thủy sản tại địa phương. Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ nguồn lợi thủy sản tự nhiên trên hồ Thác Bà, hạn chế tối đa tình trạng khai thác thủy sản trái phép. Bảo vệ nghiêm ngặt bãi cá đẻ tự nhiên để tạo nguồn thủy sản khai thác, đánh bắt tự nhiên trên hồ Thác Bà; xây dựng và triển khai các đề tài bảo vệ bãi đẻ tự nhiên của các loài thủy sản; xây dựng dự án bảo tồn và phát triển giống cá Ngạnh tự nhiên trên hồ Thác Bà.

2.3. Tập trung phát triển công nghiệp theo hướng hiện đại gắn với bảo vệ môi trường, khai thác và sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên; sản xuất công nghiệp duy trì tốc độ tăng trưởng cao theo hướng chuyển dần sang sản xuất, chế biến sâu, gắn với tiềm năng, lợi thế của huyện

Tập trung hỗ trợ nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án đầu tư hạ tầng các khu, cụm công nghiệp để tạo lợi thế trong thu hút đầu tư vào những ngành công nghiệp phát huy được tiềm năng, thế mạnh của huyện, sản phẩm có lợi thế cạnh tranh, đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội

và giải quyết việc làm cho người lao động... Ưu tiên thu hút các dự án sử dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại, công nghiệp xanh, chế biến sâu tạo ra giá trị gia tăng lớn, tiết kiệm tài nguyên, bảo vệ môi trường.

Tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi để các nhà đầu tư đến tìm hiểu, khảo sát lập dự án đầu tư sản xuất công nghiệp vào địa bàn huyện và đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các dự án đã được cấp chủ trương đầu tư sớm đưa vào sản xuất để thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu công nghiệp theo hướng giảm tỷ trọng công nghiệp khai khoáng, tăng tỷ trọng công nghiệp chế biến sâu; đồng hành cùng doanh nghiệp tìm kiếm thị trường, đổi mới công nghệ, mở rộng sản xuất, đào tạo và thu hút lao động; quyết tâm xử lý vấn đề ô nhiễm môi trường trong sản xuất công nghiệp với lộ trình phù hợp, hài hòa lợi ích giữa các bên.

Tập trung rà soát, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, thúc đẩy các hoạt động sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn huyện; triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách thu hút, ưu đãi, hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư phát triển sản xuất công nghiệp một cách bài bản, thiết thực, phù hợp với xu hướng và nhu cầu thực tiễn của doanh nghiệp, nhất là các vấn đề về đất đai, thủ tục pháp lý, lao động... Tập trung thu hút đầu tư phát triển hoàn chỉnh hạ tầng các khu, cụm công nghiệp hiện có...

Đẩy mạnh phát triển công nghiệp trên cơ sở vừa tiếp tục phát triển các ngành có quy mô lớn, chế biến sâu, vừa coi trọng phát triển công nghiệp vừa và nhỏ, công nghiệp phụ trợ, gắn với phát triển tiểu thủ công nghiệp và làng nghề. Tiếp tục duy trì và phát triển sản xuất, đặc biệt là các nhà máy sản xuất quy mô lớn như: Nhà máy thủy điện Thác Bà, hai nhà máy sản xuất xi măng; các nhà máy chế biến đá của công ty TNHH MTV đá trắng Bảo Lai, công ty CP Eco Green Plastic, công ty TNHH khoáng sản V.star, công ty CP Mông Sơn; các nhà máy chế biến gỗ của Công ty TNHH Hoàng Gia, công ty CP khai thác và chế biến khoáng sản Vũ Gia Yên Bái, công ty CP Yên Thành, công ty TNHH Sơn Hà Hương, Chi nhánh công ty TNHH Wood Industry Yên Bái; nhà máy may của công ty TNHH Deaseung Global... Phấn đấu giai đoạn 2026-2030, thu hút được khoảng 30 dự án đầu tư trên địa bàn.

Thực hiện có hiệu quả các cơ chế chính sách của Trung ương, của tỉnh để phát triển ngành nghề tiểu thủ công nghiệp truyền thống; phát triển các ngành nghề mới, ưu tiên những ngành, nghề thu hút nhiều lao động (dệt may, nghề chế biến sản phẩm), thân thiện với môi trường, nghề gắn với phát triển các sản phẩm du lịch như chế tác đá quý, nghề mộc mỹ nghệ và các nghề tiểu thủ công nghiệp khác. Ưu tiên nguồn lực đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng công nghiệp, nhất là hạ tầng giao thông, hạ tầng cụm công nghiệp. Phấn đấu đến năm 2030, các doanh nghiệp sản xuất lấp đầy khoảng 60% diện tích đất công nghiệp của các cụm công nghiệp. Khuyến khích, thu hút các nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư và kinh doanh. Tiếp tục phối hợp với Ban Quản lý các khu

công nghiệp tỉnh Yên Bái đẩy mạnh phát triển khu công nghiệp phía Nam; giữ nguyên diện tích và tập trung dồn đốc đầu tư hoàn thiện hạ tầng cụm công nghiệp Thịnh Hưng, xây dựng hạ tầng các cụm công nghiệp Phú Thịnh 1, Phú Thịnh 2, Phú Thịnh 3 đồng thời tiếp tục đề xuất, đăng ký bổ sung quy hoạch 01 Khu công nghiệp tại xã Thịnh Hưng³⁸, và 01 cụm công nghiệp Phú Thịnh 4 với diện tích khoảng 75 ha/cụm. Giai đoạn sau năm 2030, bổ sung thêm 2 cụm công nghiệp với quy mô 75 ha/cụm (cụm công nghiệp Phú Thịnh 5, 6) nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển công nghiệp và di dời các nhà máy xi măng, các cơ sở chế biến đá nằm trong Quy hoạch Khu du lịch Quốc gia hồ Thác Bà.

2.4. Cơ cấu lại ngành thương mại, dịch vụ, du lịch theo hướng phát triển nhanh, khai thác và phát huy các tiềm năng, lợi thế của huyện

Phát triển các ngành dịch vụ, thương mại, du lịch trên cơ sở phát huy tiềm năng của huyện để phát triển mạnh mẽ các loại hình thương mại, dịch vụ góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội của huyện; mời gọi, thu hút các doanh nghiệp đầu tư phát triển các trung tâm, khu, cụm dịch vụ, thương mại gắn với các khu du lịch, vui chơi giải trí và theo các trục đường quốc lộ, đường tỉnh, tại trung tâm huyện, trung tâm các xã. Tập trung nâng cao chất lượng và đa dạng hóa các sản phẩm xuất khẩu. Phân đấu giá trị xuất khẩu hàng hóa năm 2030 đạt 200 triệu USD.

Ưu tiên đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng, phối hợp với nhà đầu tư sớm triển khai thực hiện khu đô thị sinh thái Thịnh Hưng 1, 2 với tổng diện tích khoảng 100 ha; thúc đẩy phát triển mạnh mẽ dịch vụ du lịch, phát triển các mô hình du lịch cộng đồng kết hợp với bảo tồn các giá trị văn hóa, nâng cao chất lượng các sản phẩm du lịch có sẵn như: Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng trên hồ Thác Bà, du lịch cộng đồng, du lịch tâm linh, du lịch nông nghiệp, phát triển loại hình du lịch homestay, vui chơi, giải trí... Chú trọng phát triển du lịch gắn với nông nghiệp, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, di sản văn hóa, danh lam thắng cảnh. Tăng cường các hoạt động quảng bá, xúc tiến đầu tư, đẩy mạnh hợp tác trong lĩnh vực du lịch; thu hút, mời gọi các nhà đầu tư phát triển các điểm, khu du lịch trên địa bàn... Phân đấu đến năm 2030 thu hút trên 1.000.000 lượt khách du lịch và doanh thu từ hoạt động du lịch trên địa bàn đạt trên 900 tỷ đồng. Tu bổ, tôn tạo một số hạng mục trong quần thể di tích lịch sử cấp quốc gia, cấp tỉnh.

Tập trung thu hút đầu tư phát triển hệ thống trung tâm thương mại, siêu thị, cửa hàng tự chọn hài hòa với hệ thống chợ dân sinh truyền thống; đáp ứng yêu cầu phát triển và nhu cầu của người dân. Phân đấu đến năm 2030, toàn huyện có 22 chợ, trong đó: Cải tạo nâng cấp 06 chợ tại các xã: Cẩm Ân, Bảo Ái, Phúc An, Yên Thành, Xuân Lai, Tân Nguyên; xây dựng mới trên nền

³⁸ Phù hợp với Quy hoạch tỉnh Yên Bái đã được phê duyệt

đất đã được quy hoạch 02 chợ dân sinh hạng III tại xã Yên Bình và xã Cẩm Nhân xây mới 04 chợ dân sinh hạng III: tại thị trấn Thác Bà, xã Phúc Ninh, xã Mỹ Gia, xã Hán Đà. Thu hút đầu tư phát triển 01 trung tâm thương mại hạng III tại thị trấn Yên Bình. Phát triển cửa hàng xăng dầu trên các tuyến đường Quốc lộ, đường tỉnh tại các xã chưa có cửa hàng xăng dầu, các tuyến đường mới mở, khu đô thị mới và các khu, cụm công nghiệp; khuyến khích nhà đầu tư đầu tư vào các xã chưa có cửa hàng xăng dầu và các xã vùng sâu, vùng xa, kinh tế còn nhiều khó khăn. Phát triển mới 04 cửa hàng xăng dầu loại III trên địa bàn huyện Yên Bình.

Phát triển du lịch xanh, hài hoà, bản sắc, hấp dẫn và trở thành ngành kinh tế quan trọng của huyện; xây dựng sản phẩm du lịch có chất lượng cao, đa dạng, có thương hiệu và là một trong những điểm đến du lịch hàng đầu của tỉnh Yên Bái cũng như vùng Tây Bắc, tạo nên hình ảnh và điểm đến với thương hiệu "Điểm đến an toàn, thân thiện, đặc sắc, hấp dẫn, ấn tượng", lấy Khu du lịch Quốc gia Hồ Thác Bà là trọng tâm phát triển. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong lĩnh vực du lịch; chú trọng đào tạo, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực về du lịch. Xây dựng cơ chế, giải pháp để huy động tối đa các nguồn lực đầu tư vào phát triển hạ tầng du lịch, tạo ra đột phá cho phát triển kinh tế - xã hội huyện.

Xây dựng các sản phẩm du lịch chủ đạo, đặc trưng: *Du lịch sinh thái hồ Thác Bà*: Trải nghiệm du lịch sinh thái trên mặt hồ và khám phá sinh thái các đảo nổi và vùng cảnh quan sinh thái nông nghiệp ven hồ (du lịch sinh thái theo chuyên đề); phát triển du lịch mạo hiểm như lặn, leo núi, trò chơi nước, ... *Du lịch cộng đồng khám phá văn hóa các dân tộc* (Tày, Nùng, Cao Lan ...) và gắn với trải nghiệm, khám phá văn hóa sông Chảy. Tổ chức các hoạt động trải nghiệm lối sống của cư dân bản địa, nghỉ homestay; Mua sắm các sản phẩm thủ công mỹ nghệ; tổ chức các hoạt động du lịch nông nghiệp như trang trại thủy sản, vườn cây ăn quả, rừng trồng, ... Phát triển du lịch cộng đồng gắn với chăm sóc sức khỏe - tại điểm du lịch cộng đồng Ngòi Tu (Vũ Linh); Đồng tý (Phúc An). *Du lịch nghỉ dưỡng*: Nghỉ dưỡng cao cấp, nghỉ cuối tuần, nghỉ trăng mật, điều dưỡng và du lịch chăm sóc sức khỏe. *Du lịch tham quan, tâm linh, tín ngưỡng*: Tham quan núi Linh Sơn - Cao Biền, đền Thác ông, đền Thác Bà, hệ thống di tích lịch sử, nhà máy thủy điện Thác Bà. Kết nối liên kết chuỗi sản phẩm du lịch tâm linh tín ngưỡng với khu vực lân cận, cụ thể như: Khu khảo cổ học Hắc Y (xã Tân Lĩnh, huyện Lục Yên), đền Đại Kại (xã Tân Lĩnh, huyện Lục Yên), Chùa hang Sào (xã Tân Lập, huyện Lục Yên), ... Xây dựng các sản phẩm du lịch phụ trợ: Du lịch thể thao, vui chơi giải trí ngoài trời: Các hoạt động thể thao trên cạn và mặt nước; công viên chuyên đề...; Du lịch MICE gắn với các sự kiện văn hóa, lễ hội đặc trưng của dân cư vùng Hồ Thác Bà, các giải thể thao quốc tế, đặc biệt thể thao địa hình. Du lịch đô thị: Du lịch mua sắm, giải trí gắn với các không gian trung tâm đô

thị, được tổ chức có bản sắc và thú vị đối với du khách. Chú trọng tổ chức dịch vụ kinh tế ban đêm như chợ đêm du lịch, các tuyến phố đi bộ, phố đêm, nghệ thuật biểu diễn đường phố, ... Xây dựng các tuyến du lịch: Tuyến du lịch trải nghiệm không gian hồ Thác Bà và văn hóa các dân tộc; Tuyến du lịch Thác Bà - Sông Cháy tìm hiểu văn hóa dân tộc, tâm linh và mua sắm đá quý; Tuyến du lịch khám phá cảnh quan sinh thái, tìm hiểu VH DT thiểu số Yên Bình – Thành phố Yên Bái - MCC- KBT loài và sinh cảnh MCC theo tuyến QL 32 và QL 37; Tuyến du lịch kết nối hồ Thác Bà với một số điểm du lịch lân cận như: Khu suối khoáng Mỹ Lâm, du lịch cộng đồng Cao Lan, di tích cách mạng Lào - Mỹ Bằng (Tuyên Quang),...

Quan tâm đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu như giao thông, điện, nước... làm cơ sở để thu hút các nhà đầu tư thực hiện các dự án phát triển dịch vụ du lịch vào địa bàn.

2.5. Đẩy mạnh cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, phát triển các thành phần kinh tế

Thực hiện có hiệu quả các giải pháp thu hút đầu tư và thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp của tỉnh; cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp huyện (DDCI). Xác định cải cách hành chính là nhiệm vụ trọng tâm. Thực hiện đổi mới phong cách làm việc, đề cao trách nhiệm cá nhân, nâng cao kỷ luật công vụ và kỹ năng hành chính của cán bộ thực thi nhiệm vụ. Kiên quyết xử lý những cá nhân có biểu hiện sách nhiễu, gây khó khăn cho doanh nghiệp. Đẩy mạnh các hoạt động tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp như: Xúc tiến thương mại, tìm kiếm thị trường, tăng cường quảng cáo giới thiệu sản phẩm, hội chợ thương mại, tăng cường các hoạt động cung cấp thông tin thị trường, hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực, xây dựng thương hiệu.

Tiếp tục thúc đẩy, tạo điều kiện thuận lợi phát triển mạnh mẽ khu vực kinh tế tư nhân cả về số lượng và chất lượng, từng bước trở thành động lực quan trọng trong phát triển kinh tế của huyện. Phát triển gia tăng số lượng gắn với nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của hợp tác xã, tổ hợp tác phù hợp với xu thế, yêu cầu và định hướng phát triển với phương thức quản trị tiên tiến, hiệu quả, nhất là trong sản xuất nông, lâm nghiệp, góp phần nâng cao giá trị, sức cạnh tranh bền vững cho sản phẩm nông sản. Đến năm 2030 toàn huyện có trên 500 doanh nghiệp, 150 hợp tác xã, 800 tổ hợp tác hoạt động có hiệu quả, phân đầu mỗi năm thành lập mới 20 doanh nghiệp, 10 hợp tác xã, 30 tổ hợp tác.

2.6. Cơ cấu lại đầu tư công; thu, chi ngân sách nhà nước; phát triển hệ thống các tổ chức tài chính, tín dụng

Điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn đầu tư phát triển theo hướng giảm dần tỷ trọng vốn đầu tư từ ngân sách, tăng dần tỷ trọng vốn đầu tư ngoài ngân sách;

ưu tiên bố trí, sử dụng ngân sách cho các dự án tạo động lực thu hút các nguồn lực đầu tư ngoài ngân sách, các dự án trọng điểm của các địa phương có tính chất lan tỏa, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và các dự án cấp bách phòng chống thiên tai; mở rộng đầu tư theo hình thức đối tác công tư để thu hút các nguồn lực ngoài ngân sách cho phát triển; phân đấu tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2026-2030 đạt trên 32.000 tỷ đồng.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các giải pháp tăng thu ngân sách. Tiếp tục rà soát để quản lý và nuôi dưỡng tốt các nguồn thu để tăng thu bền vững. Tăng thu ngân sách trên cơ sở thực hiện đồng bộ các giải pháp, chính sách trong thu hút đầu tư, phát triển mạnh sản xuất, kinh doanh trên tất cả các lĩnh vực, đồng thời tích cực đấu tranh chống thất thu thuế và gian lận thương mại, phân đấu mỗi năm tăng từ 5-7% trở lên, đến năm 2030, thu ngân sách đạt 720 tỷ đồng.

Quản lý tốt các nguồn vốn, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn ngân sách; tăng tỷ trọng chi đầu tư, giảm tỷ trọng chi thường xuyên, phân đấu cân đối chi cho đầu tư phát triển đạt 33,3% trong tổng chi ngân sách của huyện vào năm 2030. Thực hiện phân bổ, giao dự toán theo hình thức giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu, khoán chi gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ. Sử dụng ngân sách tiết kiệm, hiệu quả, đúng theo quy định.

Quản lý chặt chẽ hoạt động của các tổ chức tín dụng, nâng cao năng lực cạnh tranh của hệ thống các tổ chức tín dụng trên địa bàn; giảm tỷ trọng cho vay tiêu dùng, tăng tỷ trọng cho vay sản xuất vật chất và kinh doanh các loại hình dịch vụ có tiềm năng của huyện; kiểm soát tốc độ tăng trưởng tín dụng hợp lý, phù hợp với tốc độ tăng trưởng kinh tế.

2.7. Tăng cường quản lý và bảo vệ tài nguyên, môi trường; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu

Quản lý, sử dụng, khai thác hợp lý, tiết kiệm, có hiệu quả các nguồn tài nguyên đặc biệt là đất đai, khoáng sản, nước... gắn với phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Rà soát, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất của huyện đến năm 2030; quản lý đất đai theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; hoàn thành công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu gắn với việc đo đạc bản đồ, lập hồ sơ địa chính và xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý đất đai; tăng cường rà soát, kiểm tra công tác giao đất, cho thuê đất, tình hình quản lý, sử dụng đất trên địa bàn.

Nâng cao công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, đặc biệt là công tác giám sát việc chấp hành về bảo vệ môi trường trong các dự án sản xuất công nghiệp, khai thác khoáng sản, chăn nuôi.... Bảo vệ môi trường khu vực nông thôn gắn với nâng cao chất lượng tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới. Quản lý chặt chẽ các hoạt động khai thác, tập kết, vận chuyển, chế biến tài nguyên, phát hiện và xử lý nghiêm các vi phạm.

Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, nâng cao khả năng phòng chống và hạn chế tác động của thiên tai nhất là mưa lũ, sạt lở đất và sự biến đổi bất lợi của khí hậu, thời tiết và môi trường.

3. Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, trọng tâm là hạ tầng giao thông, hạ tầng đô thị, hạ tầng khu, cụm công nghiệp tạo động lực thu hút đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội bền vững

Tập trung huy động các nguồn lực phát triển mạnh kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng thống giao thông. Huy động tối đa các nguồn lực đầu tư, xây dựng và hoàn thiện hệ thống giao thông, đặc biệt là hệ thống giao thông nông thôn; xây dựng hoàn thiện các tuyến đường nội thị và kết nối với hồ Thác Bà. Tích cực phối hợp, triển khai thực hiện các dự án đầu tư theo nguồn vốn Trung ương, nguồn vốn của tỉnh. Đầu tư nâng cấp một số tuyến đường cấp huyện theo quy hoạch. Phấn đấu mỗi năm kiên cố hóa được trên 50 km đường giao thông nông thôn và mở rộng, giải aphan các tuyến đường sẵn có để đáp ứng tình hình mới.

Phối hợp với ngành điện đầu tư hoàn thiện hệ thống truyền tải và phân phối điện trong huyện, nâng cấp hệ thống truyền tải ở thị trấn, thị tứ và khu vực nông thôn, đảm bảo an toàn và hiệu quả, giảm tổn thất điện năng.

Xây dựng phát triển các tiểu khu dân cư trong đô thị nhằm đáp ứng nhu cầu nhà ở cho nhân dân... Đẩy mạnh thu hút đầu tư một số dự án xây dựng điểm dân cư theo hướng đô thị, đi trước một bước về hạ tầng kỹ thuật và quỹ nhà ở đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy đô thị hóa.

Tập trung phát triển các cụm dân cư, trung tâm cụm xã, tạo hạt nhân phát triển hệ thống đô thị, tăng tốc độ đô thị hóa, xây dựng các điểm dân cư, hoàn thiện, nâng cấp kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn đáp ứng mục tiêu xây dựng nông thôn mới; từng bước hoàn thiện hệ thống hạ tầng y tế, giáo dục, đầu tư xây dựng các công trình văn hóa, thể thao trên địa bàn các xã, thôn đạt tiêu chí nông thôn mới nâng cao trước năm 2030. Khuyến khích các nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước đầu tư hạ tầng văn hóa, thể thao, bưu chính viễn thông đáp ứng kịp thời nhu cầu phát triển.

4. Phát triển con người và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực gắn với bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa và con người Yên Bái; đẩy mạnh đổi mới, sáng tạo, ứng dụng và phát triển khoa học công nghệ, chuyển đổi số

4.1. Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục - đào tạo, xây dựng xã hội học tập đáp ứng yêu cầu phát triển

Tiếp tục rà soát, sắp xếp quy mô trường, lớp hợp lý, hiệu quả, đáp ứng nhu học tập của người dân. Duy trì kết quả phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học (mức độ 1, 2, 3); phổ cập giáo dục trung học

cơ sở mức độ 1, 2, 3 tại 24 xã, thị trấn trên địa bàn. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên; nâng cao chất lượng giáo dục dân tộc và công tác phổ cập giáo dục, từng bước thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 3, 4 tuổi; bảo đảm tỷ lệ trẻ mẫu giáo đến trường đạt 98%. Xây dựng đội ngũ giáo viên thực sự tâm huyết, trách nhiệm, bảo đảm cân đối về cơ cấu, chuẩn hóa về trình độ và đồng đều về chất lượng. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả chương trình giáo dục phổ thông, tập trung đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người dạy và người học; phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học. Phát triển mô hình giáo dục thông minh với trang bị cơ sở vật chất hiện đại, môi trường học tập chủ động, được hỗ trợ bởi công nghệ tiên tiến nhằm đào tạo nên thế hệ công dân tương lai toàn diện, thông minh. Phấn đấu, đến năm 2030 duy trì 100% trường học các cấp mầm non, phổ thông đạt chuẩn quốc gia, trong đó 60% trường mầm non và tiểu học công lập đạt chuẩn mức độ 2; 100% các xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao đạt chuẩn về tiêu chí Trường học; xây dựng 04 trường trọng điểm về chất lượng (Trường THPT Cẩm Ân, THPT Trần Nhật Duật, trường tiểu học Nguyễn Viết Xuân, THCS thị trấn Yên Bình); xây dựng Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên huyện đạt chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2. Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, giáo dục quốc phòng, an ninh gắn với việc xây dựng và phát huy giá trị văn hoá, con người Việt Nam. Xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, thực hiện nghiêm quy tắc ứng xử trong trường học, chú trọng giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống, thẩm mỹ, kiến thức pháp luật và ý thức công dân cho học sinh. Xây dựng và nâng cao chất lượng mô hình “trường học hạnh phúc”, trường học xanh, trường học thông minh, phấn đấu đến năm 2030, có 100% trường học hạnh phúc.

4.2. Nâng cao chất lượng công tác y tế, bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân

Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân. Phát triển hệ thống y tế theo hướng hiện đại, huy động các nguồn lực xã hội tham gia sự nghiệp bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân, khuyến khích phát triển dịch vụ y tế ngoài công lập và khám, chữa bệnh chất lượng cao ở những nơi có điều kiện. Tập trung đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế, gắn với đổi mới phong cách, thái độ phục vụ, nâng cao ý thức của đội ngũ thầy thuốc. Củng cố năng lực y tế dự phòng, nâng cao ý thức phòng, chống dịch bệnh của người dân, hoàn thiện, nâng cao hệ thống sở sức khỏe điện tử đến từng người dân, chủ động ứng phó kịp thời với các tình huống khẩn cấp. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong khám, chữa bệnh, nâng cao chất lượng dịch vụ y tế gắn với đảm bảo an sinh xã hội,

giúp người dân dễ dàng tiếp cận, sử dụng các dịch vụ y tế có chất lượng cao. Tăng cường quản lý nhà nước về hành nghề y, dược tư nhân, kiểm soát chặt chẽ vệ sinh an toàn thực phẩm; tuyên truyền, thực hiện tốt chính sách bảo hiểm y tế, tiến tới bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân. Phấn đấu đến năm 2030, tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt trên 98,9%; duy trì 100% xã, thị trấn đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã. Thực hiện tốt các chính sách dân số và phát triển; tăng cường tuyên truyền, vận động, cung cấp kịp thời, đa dạng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản kế hoạch hóa gia đình, góp phần nâng cao chất lượng dân số để phát triển bền vững, bảo đảm 100% dân số được quản lý trong hệ thống cơ sở dữ liệu dân cư.

4.3. Nâng cao chất lượng đào tạo nghề, giải quyết việc làm gắn với chuyển dịch cơ cấu lao động; chăm lo an sinh, phúc lợi xã hội; thực hiện giảm nghèo nhanh và bền vững

Thực hiện đồng bộ các giải pháp phát triển nguồn nhân lực phù hợp với nhu cầu thị trường lao động; nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác hướng nghiệp, đào tạo, bồi dưỡng trong hệ thống giáo dục phổ thông, thực hiện phân luồng, liên thông trong giáo dục, đào tạo. Đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút sự tham gia của các doanh nghiệp và các tổ chức xã hội - nghề nghiệp trong việc đào tạo nghề; từng bước thực hiện cơ chế tự chủ, đặt hàng trong đào tạo nghề.

Quan tâm giải quyết việc làm cho người lao động đi đôi với xây dựng và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao dựa trên các nền tảng số và hỗ trợ kết nối cung - cầu lao động; thực hiện liên kết, hợp tác đào tạo và tuyển dụng sau đào tạo đối với các doanh nghiệp; gắn đào tạo nghề với giải quyết việc làm và chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng giảm tỷ trọng lao động nông nghiệp, tăng tỷ trọng lao động công nghiệp, dịch vụ, chú trọng đào tạo lao động có tay nghề gắn với xuất khẩu lao động. Phấn đấu đến năm 2030, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 80%, trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo được cấp văn bằng, chứng chỉ đạt trên 60%; tạo việc làm mới cho trên 17.500 lao động và chuyển dịch ít nhất 2-3% lao động từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp.

Không ngừng chăm lo nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, thực hiện tốt các chính sách an sinh, đảm bảo công bằng xã hội, tạo cơ hội cho mọi người dân, nhất là nhóm yếu thế hòa nhập, tiếp cận các nguồn lực phát triển và thụ hưởng các dịch vụ cơ bản, các phúc lợi xã hội. Từng bước thu hẹp khoảng cách chênh lệch trong thu nhập và đời sống giữa thành thị và nông thôn, vùng thấp và vùng cao. Tổ chức thực hiện có hiệu quả các giải pháp giảm nghèo bền vững, tập trung hỗ trợ về vốn, kiến thức, kỹ thuật sản xuất, giới thiệu việc làm, định hướng chuyển đổi nghề nghiệp cho lao động thuộc diện hộ nghèo, tạo điều kiện thuận lợi để người nghèo có hoàn cảnh khó khăn phấn đấu, vươn lên thoát nghèo, không để người nghèo bị bỏ

lại phía sau; phần đầu tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân mỗi năm (theo chuẩn nghèo trong giai đoạn) giảm 2-3%/năm (theo chuẩn nghèo từng thời kỳ).

4.4. Phát triển văn hóa, con người thực sự là nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội; thiết thực nâng cao chất lượng cuộc sống, sự hài lòng và chỉ số hạnh phúc của nhân dân

Đẩy mạnh phát triển văn hóa gắn kết chặt chẽ và đồng bộ với phát triển kinh tế. Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, tạo điều kiện để phát triển con người toàn diện, ý thức làm chủ, trách nhiệm công dân, có tri thức, sức khỏe, tinh thần lao động, có lối sống tốt đẹp. Đổi mới và nâng cao chất lượng thực hiện phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*”, nâng cao ý thức người dân trong xây dựng và thực hiện nếp sống văn hóa, thực hiện văn hóa công sở, gắn với xây dựng văn hóa số trong cộng đồng; nâng cao chất lượng các danh hiệu gia đình văn hóa, thôn, tổ văn hóa, cơ quan, đơn vị văn hóa, thực hiện có hiệu quả các mô hình tổ tự quản, tạo chuyên biến mới, tích cực trong việc cưới, việc tang, lễ hội. Phần đầu đến năm 2030, 90% số hộ gia đình đạt chuẩn văn hóa; 86% số thôn, bản, tổ dân phố được công nhận thôn, bản, tổ dân phố văn hóa; 100% cơ quan, đơn vị đạt tiêu chuẩn văn hóa.

Thực hiện tốt công tác bảo tồn, tu bổ, tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa tiêu biểu; hoàn thành kiểm kê 100% các di sản văn hoá trên địa bàn; khai thác phát huy giá trị văn hóa truyền thống các dân tộc gắn với phát triển du lịch, duy trì tổ chức hằng năm các lễ hội truyền thống, các lớp truyền dạy văn hoá phi vật thể của địa phương đến người dân.

Huy động các nguồn lực đầu tư các thiết chế văn hóa cơ sở, quy hoạch và thu hút đầu tư xây dựng các khu vui chơi, giải trí, văn hóa phục vụ phát triển du lịch và nâng cao mức hưởng thụ của nhân dân. Đầu tư, phát triển các công trình thể thao như sân vận động, nhà thi đấu đa năng và các thiết chế thể thao cơ sở, bảo đảm 100% số xã, thị trấn có thiết chế thể thao đạt tiêu chuẩn. Đẩy mạnh các hoạt động thể dục thể thao, duy trì và phát triển phong trào luyện tập thể dục thể thao trong nhân dân, thể thao học đường, thể thao thành tích cao. Phần đầu năm 2030, số người tập luyện thể thao thường xuyên đạt tỷ lệ 80% dân số.

Đổi mới công tác truyền thông, tuyên truyền theo hướng hiện đại, phù hợp với yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới. Nâng cao chất lượng, hiệu quả, tính chuyên nghiệp các chương trình phát thanh, mở rộng các dịch vụ, từng bước đáp ứng nhu cầu của người dân ở vùng đặc biệt khó khăn và vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số. Đa dạng hóa các kênh thông tin tuyên truyền phục vụ tốt các nhiệm vụ chính trị tại địa phương, nhất là trang thông tin điện tử cấp huyện, cấp xã. Phần đầu năm 2030, duy trì tỷ lệ người dân

được nghe, xem phát thanh - truyền hình và cơ bản được tiếp cận, khai thác mạng Internet đạt 100%.

Tiếp tục thực hiện tốt các giải pháp nâng cao chỉ số hạnh phúc cho người dân Yên Bình, trọng tâm là cải thiện và nâng cao chất lượng môi trường sống và sự hài lòng của nhân dân. Phát động phong trào thi đua xây dựng, nhân rộng các mô hình “Trường học hạnh phúc”, “Gia đình hạnh phúc”, “Thôn, tổ dân phố hạnh phúc”, “Xã, thị trấn hạnh phúc”, hướng tới mục tiêu xây dựng “huyện hạnh phúc” phấn đấu đến năm 2030, chỉ số hạnh phúc của người dân đạt 80,5%.

4.5. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo; đẩy mạnh chuyển đổi số, quyết tâm số hóa toàn diện hoạt động quản lý nhà nước

Tăng cường ứng dụng khoa học - công nghệ hiện đại, gắn với xây dựng nông thôn mới, đô thị thông minh. Đẩy mạnh các hoạt động chuyển giao và ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ thông tin phục vụ sản xuất, đời sống. Tạo điều kiện hỗ trợ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân nghiên cứu sáng chế, ứng dụng tiến bộ công nghệ vào sản xuất. Ưu tiên hỗ trợ các tổ chức, cá nhân hoạt động chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất nông lâm nghiệp, chế biến và bảo quản nông sản, bảo vệ môi trường.

Thực hiện đồng bộ các giải pháp chuyển đổi số, chú trọng phát triển hạ tầng thông tin, viễn thông; đồng thời, ưu tiên triển khai các công nghệ mới như: 5G, IoT, AI, Big Data để tạo đột phá và sáng tạo trong các lĩnh vực, tập trung xây dựng xã hội số, số hóa toàn diện hoạt động quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ cao; phấn đấu đến năm 2030, 100% thủ tục hành chính cấp huyện và cấp xã có đủ điều kiện theo quy định được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 và được cung cấp trên nhiều phương tiện khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động. Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến của dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trên tổng số hồ sơ đạt ít nhất 80% và tối thiểu 95% người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính.

4.6. Triển khai thực hiện đồng bộ, kịp thời, hiệu quả các chương trình, dự án, chính sách về dân tộc, tôn giáo

Triển khai tốt công tác quản lý nhà nước lĩnh vực dân tộc, tôn giáo. Triển khai hiệu quả các chính sách đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, nhất là các dự án, chính sách thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc và thiểu số giai đoạn II (2026-2030). Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Phát huy hơn nữa nội lực của đồng bào dân tộc thiểu số và vai trò của người có uy tín trong công tác tuyên truyền, vận động thực

hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước giúp người dân nhận thức sâu sắc về vai trò chủ thể thực hiện các chương trình, dự án trên địa bàn. Đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc, vận động quần chúng xây dựng thế trận lòng dân tại các vùng dân tộc thiểu số, tôn giáo. Tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân theo quy định của pháp luật; động viên chức sắc, tín đồ các tổ chức tôn giáo sống tốt đời, đẹp đạo. Quan tâm và tạo mọi điều kiện cho các tổ chức tôn giáo sinh hoạt theo hiến chương, điều lệ của các tổ chức tôn giáo đã được Nhà nước công nhận, đúng quy định của pháp luật. Chủ động phòng ngừa, kiên quyết đấu tranh với những hành vi lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để vi phạm pháp luật, chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc.

5. Quốc phòng - an ninh - nội chính

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác bảo vệ Tổ quốc và đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Xây dựng lực lượng công an, quân sự vững mạnh toàn diện; xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên đủ về số lượng, đảm bảo chất lượng; hoàn thành kế hoạch tuyển quân hằng năm. Tăng cường củng cố thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân.

Đẩy mạnh các biện pháp đảm bảo an ninh, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường ổn định cho phát triển kinh tế - xã hội; chú trọng đảm bảo an ninh trong vùng dân tộc, tôn giáo, an ninh mạng, an ninh nội bộ và bảo vệ chính trị nội bộ; có giải pháp mạnh để trấn áp các loại tội phạm, không để bị động, bất ngờ, giảm thiểu tai, tệ nạn xã hội, tình trạng xuất cảnh trái phép, tai nạn giao thông.

Thực hiện có hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật. Thực hiện nghiêm các quy định về phòng chống tham nhũng và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí từ huyện đến cơ sở. Xem xét giải quyết kịp thời các kiến nghị, phản ánh của công dân. Chú trọng phát huy dân chủ ở cơ sở. Duy trì, thực hiện nghiêm công tác đối thoại, tiếp công dân, giải quyết thỏa đáng những kiến nghị hợp pháp, chính đáng của nhân dân ngay từ cơ sở.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên tất cả các lĩnh vực, nhất là lĩnh vực quy hoạch, đất đai, đầu tư, xây dựng, tài chính, tài nguyên, môi trường.... Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong thực thi công vụ và hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở, tạo chuyển biến mạnh mẽ về vai trò và trách nhiệm trong thực thi công vụ của cán bộ, công chức nhất là người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

Triển khai thực hiện đồng bộ và hiệu quả giải pháp tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh; cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao

năng lực cạnh tranh cấp huyện (DDCI). Rà soát, cắt giảm, rút ngắn tối đa thời gian giải quyết các thủ tục hành chính, phát huy hiệu quả của Bộ phận phục vụ hành chính công cấp huyện, cấp xã trong giải quyết các thủ tục hành chính.

Trên đây là báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2026-2030 huyện Yên Bình./.

TIỂU BAN VĂN KIẾN ĐẠI HỘI

BIỂU SỐ 01: KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Báo cáo số -BC'/HU ngày / /2025 của Huyện ủy Yên Bình)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện năm 2020 (Giai đoạn 2016 - 2020)	Kế hoạch giao theo CTHĐ số 17	Kế hoạch giao theo Nghị quyết HĐND huyện số 31	Giai đoạn 2021-2025					Kết quả thực hiện giai đoạn 2021 - 2025	So sánh		
						Thực hiện năm 2021	Thực hiện năm 2022	Thực hiện năm 2023	Thực hiện năm 2024	Dự ước thực hiện năm 2025		So với năm 2020	So với CTHĐ số 17	So với NQ HĐND số 31
I	CÁC CHỈ TIÊU VỀ KINH TẾ													
1	Cơ cấu giá trị sản xuất trên địa bàn (theo giá hiện hành)	%	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100,0	100,0	100,0
	- Nông, lâm nghiệp, thủy sản	%	25,9	15,0	15,0	24	22	20	17,6	15,0	15,0	Giảm 10,9%	100,0	100,0
	- Công nghiệp - Xây dựng	%	49,3	57,0	57,0	51	52	54	55,4	57,0	57,0	Tăng 7,72%	100,1	100,1
	- Dịch vụ	%	24,8	28,0	28,0	25	26	26	27,0	28,0	28,0	Tăng 3,32%	100,0	100,0
2	Thu nhập bình quân đầu người/năm	Tr. Đồng	36,0	60,0	60,0	40,1	45,1	53,36	59	63	63	175,0	105,0	105,0
3	Giá trị sản xuất ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản (tính theo giá so sánh 2010)	Tỷ đồng	2.500	3.050	3.050	2.720	2.805	2.890	3.050	3.150	3.150	126,0	103,3	103,3
4	Giá trị sản xuất công nghiệp (tính theo giá so sánh 2010)	Tỷ đồng	3.342	7.500	7.500	4.500	5.100,4	6.150,3	6.991	8.000	8.000	239,4	106,7	106,7
5	Giá trị sản xuất xây dựng (tính theo giá so sánh 2010)	Tỷ đồng	2.350	4.850	4.850	2.700	3.200	3.610	4.310	4.850	4.850	206,4	100,0	100,0
6	Tổng sản lượng lương thực có hạt	Tấn	28.309	28.150	28.150	28.019	27.701	29.962	28.669	30.020	30.020	106,0	106,6	106,6
7	Tổng đàn gia súc chính	Con	103.900	150.000	150.000	120.000	127.000	131.040	145.100	155.000	155.000	149,2	103,3	103,3
8	Sản lượng thịt hơi xuất chuồng các loại	Tấn	10.600	17.000	17.000	12.200	13.520	14.440	17.730	17.500	17.500	165,1	102,9	102,9
	Trong đó: Sản lượng thịt hơi xuất chuồng đàn gia súc chính	Tấn	9.500	12.000	12.000	10.000	10.850	10.500	11.350	12.500	12.500	131,6	104,2	104,2

9	Sản lượng thủy sản	Tấn	7.005	9.200	9.200	7.586	7.906	8.400	9.200	9.350	9.350	133,5	101,6	101,6
10	Trồng rừng	Ha	14.980	3.100	3.100	3.250	3.227,7	3.145	3.196,6	3.200	3.200	21,4	103,2	103,2
	Diện tích rừng được cấp chứng chỉ FSC	Ha	3.000	2.000		3.000	4.968	1.780		2.000		0,0	0,0	
	Lũy kế Diện tích rừng được cấp chứng chỉ FSC	Ha	7.000	20.000	20.000	4.038	9.006	10.786	12.786	14.786	14.786	211,2	73,9	73,9
11	Huyện đạt nông thôn mới	huyện	-	1			2.022							
	Số xã công nhận đạt chuẩn nông thôn mới	Xã	3	9		5	4							
	- Lũy kế số xã công nhận đạt chuẩn nông thôn mới	Xã	13	22		18	22	22	22	21	21	161,5	95,5	
	Số xã công nhận đạt chuẩn NTM nâng cao	Xã	-	5		2	2	3		1	1		20,0	
	Lũy kế số xã công nhận đạt chuẩn NTM nâng cao	Xã	-	5	7	2	4	7	7	8	8		160,0	114,3
	Số xã công nhận đạt chuẩn NTM kiểu mẫu	Xã	-	3				1	2	1	1		33,3	
	Lũy kế số xã công nhận đạt chuẩn NTM kiểu mẫu	Xã		3	3				3	4	4		133,3	133,3
12	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	Tỷ đồng	3.840	7.500	7.500	4.400	5.055	5.600,2	6.550	7.900	7.900	205,7	105,3	105,3
13	Giá trị xuất khẩu hàng hóa	Tr.USD	55,35	150	150	75,5	93	113,1	136	155	155	280,0	103,3	103,3
14	Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng	300	500	500	319,7	360	363,6	330	505	505	168,3	101,0	101,0
15	Tổng vốn đầu tư phát triển	Tỷ đồng	17.072	27.000	27.000	5.250	5.355	5.425	5.625	5.750	27.405	160,5	101,5	101,5
16	Kiên cố hóa đường GTNT	km	323	400	320	164	104,6	153	82,2	60	563,3	174,4	140,8	176,0
17	Số doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác thành lập mới													
	- Số doanh nghiệp thành lập mới	DN	132	150	150	42	45	45	51	50	233	176,5	155,3	155,3
	- Số hợp tác xã được thành lập mới	HTX	50	50	50	19	15	15	12	12	73	146,0	146,0	146,0

	- Số tổ hợp tác thành lập mới	Tổ hợp tác	484	330	250	140	90	60	60	40	390	80,6	118,2	156,0
18	Tỷ lệ đô thị hóa	%		26,62	26,62		15,20	18,22	26,57	26,62	26,62		100,0	100,0
II	Các chỉ tiêu về xã hội													
19	Số lượt khách du lịch đến huyện	Lượt khách	180.000	350.000	350.000	182.000	325.150	347.438	356.240	380.000	380.000	211,1	108,6	108,6
	Doanh thu từ du lịch	Tỷ đồng	103	300	300	110,7	195	243	312,14	320	320	310,7	106,7	106,7
20	Phát triển du lịch cộng đồng	Mô hình	9	20	20	2	3	4	5	6	20	222,2	100,0	100,0
21	Chỉ số hạnh phúc của người dân	%				57,9	63,05	69,72	71,4	73	73			
22	Số lao động được tạo việc làm mới	Lao động	14.894	17.500	17.500	3.528	3.657	3.661	3.710	3.754	18.310	122,9	104,6	104,6
23	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	64	72	72	65,2	70,6	73,7	76,0	76,0	76,0	118,8	105,6	105,6
	Trong đó: Tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng, chứng chỉ	%	32	55	55	35	40,2	45	50,2	56	56	175,0	101,8	101,8
24	Số lao động chuyển dịch từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp	Lao động	1.756	4.500	4.500	929	1.010	1.050	1.110	1.150	5.249	298,9	116,6	116,6
25	Tỷ lệ hộ nghèo giảm so năm trước (theo chuẩn nghèo từng giai đoạn)	%	4	5	4	0,98	5,9	3,58	2,98	0,96	0,96	24,0	19,2	24,0
26	Tổng số trường mầm non và phổ thông đạt chuẩn quốc gia	Trường	9			8	11							
	Lũy kế số trường MN và phổ thông đạt chuẩn quốc gia		36	55	55	44	55	56	56	55	55	152,8	100,0	100,0
	Tỷ lệ trường mầm non và phổ thông đạt chuẩn quốc gia	%	64,3	98,2	98,2	78,6	98,2	100,0	100,0	100,0	100,0	155,5	101,8	101,8
	Duy trì và nâng cao chất lượng PCGD:													
	- Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi	Xã, thị trấn	24	24	24	24	24	24	24	23	23	95,8	95,8	95,8
	- Phổ cập giáo dục tiểu học cả 3 mức độ	Xã, thị trấn	24	24	24	24	24	24	24	23	23	95,8	95,8	95,8

27	- Phổ cập giáo dục trung học cơ sở													
	+ Phổ cập GDTHCS mức độ 1	Xã, thị trấn	24	24	24	24	24	24	24	23	23	95,8	95,8	95,8
	+ Phổ cập GDTHCS mức độ 2	Xã, thị trấn	24	24	24	24	24	24	24	23	23	95,8	95,8	95,8
	+ Phổ cập GDTHCS mức độ 3	Xã, thị trấn	14	21	21	16	18	21	22	23	23	164,3	109,5	109,5
28	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (cân nặng theo tuổi)	%	14,5	13,0	13,0	14,3	14,0	13,5	12,9	12,8	12,8	88,3	98,5	98,5
29	Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin	%	99,5	99,5	99,5	99,5	99,5	99,5	99,5	99,5	99,5	100,0	100,0	100,0
30	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%	1,07	1,05	1,05	1,050	1,050	1,05	1,05	1,05	1,05	98,1	100,0	100,0
31	Tuổi thọ trung bình của người dân	tuổi	72,5	74,5	74,5	72,6	73,1	74,16	74,5	75	75	103,4	100,7	100,7
32	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	96,5	97,0	97,0	90	99,2	96,72	98	97	97	100,5	100,0	100,0
33	Tổng số xã, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế	X, tt	19,0	24,0	24,0	22	24	24	24	23	23	121,1	95,8	95,8
	Tỷ lệ xã, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế	%	79,2	100,0	100,0	91,6	100	100	100	100	100	126,3	100,0	100,0
34	Tỷ lệ hộ dân được nghe, xem phát thanh truyền hình	%	100,0	100,0	100,0	100	100	100	100	100	100	100,0	100,0	100,0
35	Tỷ lệ hộ gia đình đạt tiêu chuẩn văn hóa	%	90,4	88,0	88,0	91,5	92,0	92,3	92,3	93,2	93,2	103,1	105,9	105,9
36	Tỷ lệ làng, tổ dân phố đạt tiêu chuẩn văn hóa	%	97,7	85,3	85,3	97,7	98,8	99,4	98,3	99,4	99,4	101,7	116,5	116,5
37	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đạt tiêu chuẩn văn hóa	%	96,8	98,7	98,7	98,0	97,0	96,8	97,8	98,7	98,7	102,0	100,0	100,0
III	Các chỉ tiêu về môi trường													
38	Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý	%	72,0	90,0	95,0	75	80,5	85	90	92	92	127,8	102,2	96,8
39	Tỷ lệ dân số đô thị được sử dụng nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	%	27,2	44,0	44,0	30	33	36	45	45,5	45,5	167,3	103,4	103,4

40	Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh	%	95,0	98,0	98,0	96	97,05	98	100	100	100	105,3	102,0	102,0
41	Tỷ lệ thu gom xử lý chất thải rắn đô thị	%		95,0	95,0	90	94,3	94,5	95	95	95		100,0	100,0
42	Tỷ lệ thu gom xử lý chất thải rắn nông thôn	%		45,0	45,0	25,2	30	52	54	55	55		122,2	122,2
43	Tỷ lệ rác thải sinh hoạt được thu gom, xử lý ở khu vực nông thôn	%	85,0	95,1	95,1	91	92,5	93	95,2	95,5	95,5	112,4	100,4	100,4
44	Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý	%		100,0	100,0	100	100	100	100	100	100		100,0	100,0
45	Tỷ lệ hộ dân cư nông thôn có hố xí hợp vệ sinh	%	75,0	92,0	92,0	78,2	81,5	84	90	92	92	122,7	100,0	100,0
46	Tỷ lệ che phủ rừng	%	54,7	55,9	55,9	54,8	54,8	54,76	54,8	54,8	54,8	100,2	98,0	98,0

BỘ CHỈ TIÊU
VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI HUYỆN YÊN BÌNH GIAI ĐOẠN 2026 - 2030
(Kèm theo Báo cáo số -BC/HU ngày tháng năm 2025 của Huyện ủy Yên Bình)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Dự ước kết quả đến năm 2025	Kế hoạch giai đoạn 2026-2030					Kế hoạch đến năm 2030	UBND tỉnh dự kiến giao đến năm 2030	So sánh KH huyện giao so với KH UBND tỉnh dự kiến giao	Ghi chú
				Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030				
I	Về kinh tế											
1	Tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn	Tỷ đồng	11.730	13.025	14.500	16.200	18.150	20.710	20.710	20.707	100	
2	Thu nhập bình quân đầu người/năm	Triệu. Đồng	63	68,0	73	78	84	90	90			x
3	Tổng sản lượng lương thực có hạt	Tấn	30.020	30.030	30.040	30.060	30.080	30.100	30.100	29.950	101	
4	Sản lượng thịt hơi xuất chuồng các loại	Tấn	17.850	17.500	17.600	17.700	17.800	18.000	18.000	16.000	113	
	<i>Trong đó: Sản lượng thịt hơi xuất chuồng đàn gia súc chính</i>		12.000	11.500	12.200	12.800	13.400	14.000	14.000	13.700	102	
5	Sản lượng khai thác, nuôi trồng thủy sản	Tấn	9.350	9.350	9.450	9.500	9.500	9.500	9.500			
6	Diện tích rừng trồng mới tập trung hằng năm	ha	3.150	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	15.000	11.500	130	
7	Huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao											
	- Số xã được công nhận đạt chuẩn NTM nâng cao	Xã		2	2	2	1		7	5	140	
	Lũy kế số xã công nhận đạt chuẩn NTM nâng cao	Xã	8	10	12	14	15	15	15			
	- Số xã được công nhận NTM kiểu mẫu	Xã		1	1	1	1	1	5	5	100	
Lũy kế số xã công nhận đạt chuẩn NTM kiểu mẫu	Xã	4	5	6	7	8	9	9				

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Dự ước kết quả đến năm 2025	Kế hoạch giai đoạn 2026-2030					Kế hoạch đến năm 2030	UBND tỉnh dự kiến giao đến năm 2030	So sánh KH huyện giao so với KH UBND tỉnh dự kiến giao	Ghi chú
				Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030				
8	Giá trị xuất khẩu hàng hóa	Triệu USD	155	165	175	185	192	200	200			x
9	Doanh thu bán lẻ hàng hoá	Tỷ đồng	3.053	3.300	3.650	4.000	4.400	5.000	5.000	4.905	102	
10	Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng	505	550	590	640	680	720	720	720	100	
11	Tổng vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn giai đoạn 2025-2030	Tỷ đồng	27.405	5.800	6.000	6.400	6.800	7.000	32.000	32.000	100	
12	Số doanh nghiệp, HTX, tổ hợp tác thành lập mới											x
	- Số doanh nghiệp thành lập mới	DN	233	30	30	30	30	30	150			
	-Số doanh nghiệp thành lập mới	HTX	73	8	8	8	8	8	40			
	- Số tổ hợp tác thành lập mới	Tổ hợp tác	390	40	40	40	40	40	200			
13	Tỷ lệ đô thị hóa		26,62	26,67	26,72	26,77	26,82	26,87	26,87			x
14	Lượt khách du lịch đến huyện	Lượt người	380.000	500.000	600.000	700.000	850.000	1.000.000	1.000.000			
	Doanh thu từ du lịch	Tỷ đồng	320	450	540	560	760	900	900			
II	Chỉ tiêu về Văn hoá - xã hội											
15	Số lao động được tạo việc làm mới	Lao động	18.500	3.800	3.800	3.800	3.800	3.800	19.000	14.250	133	
16	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	76	77,5	79,5	81,5	83,0	85	85	79,4	107	
	Trong đó: tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng, chứng chỉ	%	56	56	57	58	59	60	60	57,5	104	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Dự ước kết quả đến năm 2025	Kế hoạch giai đoạn 2026-2030					Kế hoạch đến năm 2030	UBND tỉnh dự kiến giao đến năm 2030	So sánh KH huyện giao so với KH UBND tỉnh dự kiến giao	Ghi chú
				Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030				
23	Tỷ lệ trẻ em dưới 01 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin	%	99,5	99,5	99,5	99,5	99,5	99,5	99,5	99	101	
24	Chỉ số hạnh phúc của người dân tăng so với năm 2025 từ 8-10%	%	72	73,5	75	76,5	78,5	80,3	80,3			
25	Tỷ lệ hộ gia đình đạt tiêu chuẩn văn hóa	%	89,0	90	90,5	91	91,5	91,5	91,5			x
	Tỷ lệ thôn, tổ dân phố đạt tiêu chuẩn văn hóa	%	89,2	92,7	92,7	92,7	92,7	92,7	92,7			
26	Chi tiêu chuyển đổi số											x
	- Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa cơ quan nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử, được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng (trừ văn bản mật theo quy định)	%	100	100	100	100	100	100	100			
	- Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản	%	100	100	100	100	100	100	100			
III	Chỉ tiêu về môi trường											
27	Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh	%	100	100	100	100	100	100	100	100	100	
	Trong đó tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn	%	15	20	26	32	38	45	45	42,2	107	
28	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý khu vực đô thị	%	95	95,5	96,4	97	97,8	98,5	98,5	98,5	100	
	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý khu vực nông thôn	%	95	95,5	96,2	96,8	97,5	98	98	98	100	
	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được phân loại tại nguồn	%	83	84	85,0	86,5	88	90	90			

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Dự ước kết quả đến năm 2025	Kế hoạch giai đoạn 2026-2030					Kế hoạch đến năm 2030	UBND tỉnh dự kiến giao đến năm 2030	So sánh KH huyện giao so với KH UBND tỉnh dự kiến giao	Ghi chú
				Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030				
29	Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý	%	100	100	100	100	100	100	100			x
30	Tỷ lệ độ che phủ rừng	%	54,76	54,7	54,65	54,6	54,55	54,5	54,5			

*

(Dự thảo)

BÁO CÁO
tổng kết công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị
giai đoạn 2020-2025; phương hướng, nhiệm vụ giai đoạn 2025-2030

Thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW ngày 14/6/2024 của Bộ Chính trị về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Kế hoạch số 232-Kh/HU ngày 23/7/2024 của Huyện ủy về tổ chức đại hội đảng bộ, chi bộ các cấp trong Đảng bộ huyện Yên Bình tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng; Ban Chấp hành Đảng bộ huyện xây dựng Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị giai đoạn 2020-2025; phương hướng, nhiệm vụ giai đoạn 2025-2030, cụ thể như sau:

Phần thứ nhất
TỔNG KẾT CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG
VÀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ GIAI ĐOẠN 2020-2025

Yên Bình là huyện miền núi nằm ở cửa ngõ phía Đông Nam của tỉnh Yên Bái, có tổng diện tích tự nhiên 77.261,79 ha, diện tích mặt nước hồ Thác Bà chiếm trên 15.000 ha; huyện có 21 xã, 02 thị trấn với 177 thôn, tổ dân phố; 100% thôn, tổ dân phố có chi bộ. Đảng bộ huyện có 31 đảng bộ, chi bộ cơ sở trực thuộc và 327 chi bộ trực thuộc Đảng ủy cơ sở với trên 6.800 đảng viên. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện có 35/39 đồng chí, Ban Thường vụ Huyện ủy có 11/13 đồng chí.

Trong nhiệm kỳ triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXIII, Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII trong bối cảnh có nhiều thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen. Tình hình thế giới diễn biến nhanh chóng, phức tạp, khó lường, bất ổn địa chính trị, xung đột vũ trang tại một số quốc gia, khu vực, thiên tai, dịch bệnh Covid-19, biến đổi khí hậu, thị trường xuất nhập, khẩu, giá cả hàng hoá biến động mạnh mẽ đã tác động đến nhiều quốc gia. Đối với huyện Yên Bình, cùng với những thành tựu đã đạt được trong nhiệm kỳ trước, thành công của đại hội

đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2020-2025 và cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 góp phần củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ tiếp tục được nâng lên; cùng với sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh; sự giúp đỡ của các sở, ban, ngành của tỉnh là những điều kiện thuận lợi để Ban Chấp hành Đảng bộ huyện, Ban Thường vụ Huyện ủy lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng và hệ thống chính trị. Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi là cơ bản, huyện cũng phải đối mặt với những khó khăn, thách thức bởi địa hình chia cắt; quy mô kinh tế còn nhỏ bé, cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội có mặt chưa đáp ứng nhu cầu; đời sống của một bộ phận nhân dân, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn khó khăn; ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, nhất là việc bùng phát dịch bệnh Covid-19 và hậu quả của cơn bão số 3 đã tác động rất lớn đến việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Trong bối cảnh đó, công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị được Đảng bộ huyện Yên Bình đặc biệt coi trọng, triển khai thực hiện toàn diện, đồng bộ với quyết tâm chính trị cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt và đạt được những kết quả nổi bật, góp phần quan trọng thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Yên Bình lần thứ XXIII.

I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG

1. Việc quán triệt, cụ thể hóa nghị quyết và công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ Huyện ủy

Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ Huyện ủy luôn coi trọng việc quán triệt và tổ chức thực hiện nghị quyết đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2020-2025, các nghị quyết chuyên đề, chỉ thị, kết luận, quy định của Trung ương, của Tỉnh ủy và của Huyện ủy. Việc phổ biến, quán triệt, học tập và xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXIII, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX và Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII được triển khai nghiêm túc từ huyện đến cơ sở với nhiều hình thức phong phú, phù hợp như: Tổ chức hội nghị học tập, quán triệt; gửi tài liệu trên nền tảng Sổ tay đảng viên điện tử để đảng viên tự nghiên cứu; đưa tin, bài trên hệ thống đài truyền thanh huyện, cơ sở...

Thông qua việc quán triệt, triển khai các chỉ thị, nghị quyết, Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Huyện ủy căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương, xây dựng các kế hoạch, chương trình hành động, cụ thể hoá thành các chủ trương, định hướng lãnh đạo, có các giải pháp cụ thể để tổ chức thực hiện.

Trong nhiệm kỳ, Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Thường trực Huyện ủy đã ban hành trên 4.400 văn bản để lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ trên tất cả các lĩnh vực; trọng tâm là 03 nghị quyết chuyên đề (Nghị quyết về xây dựng huyện Yên Bình đạt chuẩn nông thôn mới; Nghị quyết về phát triển đô thị huyện Yên Bình giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, phát huy vai trò nòng cốt của cán bộ, đảng viên gương mẫu thực hiện và vận động nhân dân thực hiện phong trào hiến đất, hiến tài sản trên đất làm đường giao thông và xây dựng các công trình công cộng, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh), 09 chỉ thị, 02 đề án, 12 chương trình hành động. Các nghị quyết, chỉ thị, đề án, chương trình hành động được ban hành phù hợp với yêu cầu thực tiễn và được lãnh đạo tổ chức thực hiện nghiêm túc, từng bước đi vào cuộc sống, góp phần giải quyết được những vấn đề quan trọng, cấp thiết của địa phương. Đồng thời quan tâm chỉ đạo nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện của các cấp uỷ, tổ chức đảng trực thuộc; công tác sơ kết, tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm để tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chỉ thị, nghị quyết, kết luận, quy định của Trung ương, của Tỉnh ủy và của Huyện ủy.

Trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện, luôn quán triệt quan điểm chỉ đạo xuyên suốt của Đảng: phát triển kinh tế - xã hội là nhiệm vụ trung tâm; xây dựng, chỉnh đốn Đảng là nhiệm vụ then chốt; văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh - nhiệm vụ trọng yếu, tạo ra sự phát triển toàn diện bền vững. Từ kết quả đạt được đã khẳng định vai trò, năng lực lãnh đạo và niềm tin của nhân dân đối với Huyện ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy cũng như cấp uỷ, tổ chức đảng trong toàn Đảng bộ huyện, thể hiện khả năng cụ thể hoá, khả năng dự báo tình hình để đề ra các chủ trương, giải pháp phù hợp với thực tiễn của địa phương.

2. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; thực hành trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên và việc thực hiện văn hóa, đạo đức trong Đảng

Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng luôn được Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ Huyện ủy xác định là nhiệm vụ then chốt và thường xuyên, liên tục. Trong nhiệm kỳ Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Huyện ủy đã lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả kế hoạch thực hiện Kết luận số 21-KL/TW ngày 25/10/2021 của Trung ương về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”; Kế hoạch số 69-KH/HU

ngày 18/5/2021 của Ban Thường vụ Huyện ủy thực hiện Kết luận số 01-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị "về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh"; Chương trình hành động số 16-CTr/HU ngày 08/7/2021 về thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TU ngày 09/3/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về "Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của cấp ủy, tổ chức đảng, trọng tâm là cấp ủy cơ sở và cấp trên trực tiếp cơ sở giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; các quy định về nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu. Trong triển khai thực hiện, luôn bám sát sự chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương, Tỉnh ủy, đồng thời vận dụng sáng tạo, phù hợp với điều kiện thực tiễn của huyện.

Chi đạo, hướng dẫn đưa việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4, Chỉ thị số 05-CT/TW và thực hiện các quy định về nêu gương vào nội dung sinh hoạt định kỳ của cấp ủy, chi bộ; tổ chức kiểm điểm tự phê bình, phê bình, đánh giá, phân loại chất lượng tổ chức đảng, đảng viên hằng năm và gợi ý kiểm điểm của cấp ủy cấp trên đối với các tập thể, cá nhân cấp dưới theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4. Sau kiểm điểm, Ban Thường vụ Huyện ủy ban hành kế hoạch khắc phục những khuyết điểm, hạn chế với yêu cầu cụ thể về nội dung, nhiệm vụ, trách nhiệm, thời gian hoàn thành; định kỳ tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện bảo đảm mục đích, yêu cầu đề ra.

Ban hành kế hoạch và chi đạo việc xây dựng, nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Đến nay, toàn huyện đã có 446 tập thể và 287 cá nhân đăng ký xây dựng mô hình, điển hình tiên tiến trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Huyện ủy cũng triển khai rộng rãi việc vận động cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân tham gia hưởng ứng cuộc vận động sáng tác, quảng bá tác phẩm văn học, nghệ thuật, báo chí về chủ đề học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và Giải báo chí toàn quốc về xây dựng Đảng (Giải "Búa liềm vàng") giai đoạn 2021-2025¹.

Triển khai thực hiện có hiệu quả Quy định số 09-QĐ/TU ngày 30/6/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về trách nhiệm nêu gương của cán bộ đảng viên, trước hết là Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy viên Ban Chấp hành đảng bộ tỉnh và cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý và Hướng dẫn số 02-HD/BTCTU ngày 30/9/2021 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy về việc đánh giá kết quả thực hiện trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên hằng năm. Từ đó đã tạo chuyển biến mạnh mẽ, rõ nét từ nhận thức đến hành động của cấp ủy, chính quyền, cán bộ, công chức, viên chức trong học tập và

1. Đã có 4 tác phẩm đạt giải (trong đó: 01 giải B, 02 giải C, 01 giải khuyến khích).

làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về “Xây dựng ý thức tôn trọng nhân dân, phát huy dân chủ, chăm lo đời sống nhân dân”; gắn kết chặt chẽ giữa cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức với người dân, qua đó thể hiện rõ vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên nhất là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp.

Quan tâm bồi dưỡng phẩm chất đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên, phát huy tinh thần "tự soi", "tự sửa", nâng cao ý thức tu dưỡng, rèn luyện của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu. Trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ đã tăng cường siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong cơ quan Đảng, chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội; thường xuyên giáo dục cán bộ, công chức về đạo đức công vụ, về thái độ phục vụ nhân dân; phát huy vai trò nêu gương của người đứng đầu, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm. Từ đó, đã tạo sự chuyển biến rõ nét về ý thức trách nhiệm đối với công việc được giao, thái độ phục vụ nhân dân, phong cách, tác phong, lề lối làm việc của đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức trong toàn Đảng bộ.

3. Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng; nắm bắt, dự báo, xử lý các vấn đề về tư tưởng, đảm bảo thống nhất trong Đảng, đồng thuận trong xã hội

Xác định công tác giáo dục chính trị, tư tưởng là một nhiệm vụ quan trọng nhằm nâng cao bản lĩnh chính trị, lập trường tư tưởng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên; Huyện ủy Yên Bình đã quan tâm, tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác giáo dục chính trị tư tưởng, phát huy vai trò nòng cốt của cấp ủy các cấp bảo đảm tính đảng, tính khoa học, tính chiến đấu, tính thực tiễn. Chỉ đạo làm tốt công tác quán triệt nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy đảng và cả hệ thống chính trị, trước hết là người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, thủ trưởng cơ quan đơn vị đối với công tác giáo dục chính trị, tư tưởng.

Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ chủ chốt các cấp, các ngành; bồi dưỡng nhận thức, lập trường, quan điểm và năng lực vận dụng Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh nhằm tạo sự thống nhất cao trong Đảng, sự đồng thuận trong xã hội đối với Cương lĩnh, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Đẩy mạnh công tác đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; đấu tranh phản bác những quan điểm sai trái, thù địch. Coi trọng công tác bảo vệ chính trị nội bộ góp phần tăng cường đoàn kết trong Đảng. Phát huy hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo 35, thường xuyên nâng cao tinh thần chủ động trong việc phát hiện thông tin có nội dung sai trái để kịp thời định hướng dư

luận; hướng dẫn cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người dân tuyệt đối không được chia sẻ, phát tán những bài viết có nội dung độc hại. Kịp thời phát hiện, đấu tranh có hiệu quả, làm thất bại âm mưu, hoạt động “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch, tổ chức phản động, phản tử cơ hội, bất mãn chính trị.

Bám sát các nhiệm vụ tại Chi thị số 17-CT/TU ngày 06/8/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy, tổ chức đảng đối với công tác điều tra, nắm bắt, nghiên cứu dư luận xã hội trong tình hình mới, Ban Thường vụ Huyện ủy đã cụ thể hóa để tổ chức thực hiện bằng Kế hoạch số 61-KH/HU ngày 10/9/2021; theo đó, đặc biệt quan tâm chỉ đạo theo dõi, nắm bắt nhanh, kịp thời, chính xác tư tưởng, tâm trạng, dư luận xã hội của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân về các vấn đề, hiện tượng, sự kiện có tính thời sự, được nhiều người quan tâm như: Tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí và các tệ nạn xã hội; giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, an toàn giao thông; bảo vệ môi trường; vệ sinh an toàn thực phẩm; thực hiện chính sách xã hội; tình hình tôn giáo, dân tộc; tình hình giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo... để kịp thời định hướng dư luận xã hội.

Công tác nghiên cứu, nắm bắt tình hình tư tưởng cán bộ, đảng viên, định hướng dư luận xã hội từ đầu nhiệm kỳ đến nay đã trở thành một kênh thông tin quan trọng góp phần giúp cấp ủy, chính quyền kịp thời có những biện pháp cụ thể trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương; tạo sự thống nhất trong toàn đảng bộ huyện, sự đồng thuận cao trong các tầng lớp nhân dân, cổ vũ, động viên các phong trào thi đua thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ huyện.

4. Quan tâm lãnh đạo công tác tổ chức xây dựng Đảng; trọng tâm là nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của cấp ủy, tổ chức đảng từ huyện đến cơ sở

Nhận thức sâu sắc về tầm quan trọng công tác tổ chức xây dựng đảng, từ đầu nhiệm kỳ đến nay, Huyện ủy Yên Bình luôn bám sát các nghị quyết, chỉ thị, kết luận... của Trung ương, của Tỉnh ủy cụ thể hóa phù hợp với tình hình thực tiễn của huyện để tổ chức thực hiện.

Tập trung sắp xếp, tinh gọn và nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Từ đầu nhiệm kỳ đến nay, huyện

Yên Bình đã thực hiện giảm 01 đơn vị hành chính xã (xã Yên Bình), 01 cơ quan tham mưu giúp việc Huyện ủy (Ban Tuyên giáo hợp nhất với Ban Dân vận), 04 phòng chuyên môn (Phòng Y tế, phòng Lao động-Thương binh và Xã hội, phòng Nông nghiệp và Thanh tra huyện), 02 đơn vị sự nghiệp (Trung tâm Phát triển quỹ đất, Đội công trình Giao thông vận tải và Vệ sinh môi trường); giảm 17 đảng bộ, chi bộ cơ sở. Đồng thời, chỉ đạo kiện toàn tổ chức cơ sở đảng phù hợp với đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị nâng cao chất lượng hoạt động, bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của Đảng ở cơ sở; chỉ đạo đảng ủy cơ sở thực hiện việc kiện toàn tổ chức đảng trực thuộc phù hợp với mặt tổ chức bộ máy hành chính; đã giải thể 13 Đảng bộ, chi bộ cơ sở; thành lập mới, kiện toàn 03 đảng bộ cơ sở; thành lập 19 chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở².

Công tác cán bộ tiếp tục được đổi mới, chú trọng nâng cao chất lượng đánh giá cán bộ, công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ. Xây dựng quy hoạch cán bộ nhiệm kỳ 2025-2030, 2026-2031; hằng năm, thực hiện rà soát, bổ sung quy hoạch các chức danh cán bộ chủ chốt thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy quản lý nhiệm kỳ 2020-2025, 2021-2026 và nhiệm kỳ 2025-2030, 2026-2031. Thực hiện đánh giá chấm điểm đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý theo tháng. Kịp thời củng cố, bổ sung đội ngũ cán bộ có chất lượng, đủ số lượng, hợp lý về cơ cấu cả trước mắt và lâu dài³. Thực hiện nghiêm chủ trương bí thư chi bộ kiêm trưởng thôn hoặc Trưởng ban Công tác MTTQ thôn, tổ dân phố, bí thư cấp ủy đồng thời là thủ trưởng cơ quan, đơn vị⁴. Ban hành Kế hoạch luân chuyển cán bộ và chuyển đổi vị công tác cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2023-2025 để tiếp tục sắp xếp, bố trí cán bộ phù hợp với trình độ, năng lực, phẩm chất, uy tín

2. Xã Yên Bình sáp nhập với xã Bạch Hà; Ban Tuyên giáo Huyện ủy hợp nhất với Ban Dân vận Huyện ủy; Phòng Y tế sáp nhập với Văn phòng HĐND và UBND; Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội sáp nhập với Phòng Nội vụ; Trung tâm Phát triển quỹ đất và Đội công trình Giao thông vận tải và Vệ sinh môi trường huyện sáp nhập vào Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện; giải thể 03 đảng bộ cơ sở (Đảng bộ xã Yên Bình, Đảng bộ cơ quan Đảng, đoàn thể, Đảng bộ Trung tâm Dịch vụ, Hỗ trợ phát triển nông nghiệp), 10 chi bộ cơ sở (Chi bộ Ban quản lý Dự án Đầu tư xây dựng; Chi bộ Trung tâm Truyền thông và Văn hóa; Chi bộ Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên; Chi bộ Bưu điện; Chi bộ Bảo hiểm xã hội; Chi bộ Ngân hàng Chính sách xã hội, Chi bộ Hạt Kiểm lâm, Chi bộ Tòa án, Chi bộ Viện Kiểm sát, Chi bộ Thi hành án Dân sự) thành lập các chi bộ trực thuộc đảng bộ cơ sở.

³ Thành lập mới 19 chi bộ trực thuộc: Chi bộ Công an, Chi bộ Quân sự, Chi bộ trường Mầm non trực thuộc Đảng bộ xã Bạch Hà; Chi bộ Chi bộ Ban quản lý Dự án Đầu tư xây dựng, Chi bộ Văn hóa và Truyền thông, Chi bộ Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên, Chi bộ Bưu điện, Chi bộ Bảo hiểm xã hội, Chi bộ Ngân hàng Chính sách xã hội, Chi bộ Hạt Kiểm lâm trực thuộc Đảng bộ cơ quan chính quyền; Chi bộ Tòa án, Chi bộ Viện Kiểm sát, Chi bộ Thi hành án Dân sự, Chi bộ Tuyên giáo và Dân vận trực thuộc Đảng bộ các cơ quan Đảng; Chi bộ Công ty tư vấn giao thông, Chi bộ Công ty Cổ phần Yên Thành trực thuộc Đảng bộ thị trấn Yên Bình, Chi bộ HTX chè xanh trực thuộc Đảng bộ xã Phú Thịnh, Chi bộ HTX CCB trực thuộc Đảng bộ xã Hán Đà.

⁴ Trong nhiệm kỳ đã bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử 791; luân chuyển, điều động 345 (trong đó số giữ chức vụ cao hơn 07; đề nghị Thường trực Tỉnh ủy tăng cường 02 cán bộ Đề án số 11 của Tỉnh ủy đảm nhiệm các chức danh cán bộ của huyện.

⁵ Đến nay: có 176/177 bí thư kiêm trưởng Ban công tác Mặt trận, 01/177 bí thư chi bộ kiêm Tổ trưởng Tổ dân phố; 100% trưởng thôn, tổ trưởng dân phố là đảng viên. Các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp đã thực hiện 100% chủ trương bí thư cấp ủy đồng thời là thủ trưởng cơ quan, đơn vị.

gắn với đào tạo, bồi dưỡng, tạo nguồn cán bộ kế cận lâu dài và chuyển đổi vị công tác của cán bộ, công chức, viên chức theo tinh thần Nghị định số 59/NĐ-CP.

Công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức được quan tâm chú trọng, trong đó tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt các nội dung, giải pháp về công tác cán bộ, kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ theo tinh thần Kết luận số 21-KL/TW ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyên hóa”; Kết luận số 01-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước các cấp. Triển khai thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 46-CT/TU ngày 03/4/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường kỷ luật, kỷ cương, khắc phục tình trạng né tránh, đùn đẩy, sợ trách nhiệm trong thi hành nhiệm vụ. Từ đó đã tạo bước chuyển biến căn bản, rõ nét trong nhận thức, ý thức trách nhiệm và hành động của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, nhất là người đứng đầu trong việc đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường kỷ luật, kỷ cương, khắc phục tình trạng né tránh, đùn đẩy, sợ trách nhiệm, không làm đúng, đầy đủ chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

Công tác bảo vệ chính trị nội bộ tiếp tục được quan tâm chỉ đạo thực hiện: Đã kịp thời kiện toàn Bộ phận bảo vệ chính trị nội bộ huyện do đồng chí Bí thư Huyện ủy làm Trưởng Bộ phận và phân công các đồng chí Bí thư cấp ủy cơ sở trực tiếp phụ trách công tác bảo vệ chính trị nội bộ của đơn vị mình; thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ chính trị nội bộ theo Quy định số 58-QĐ/TW ngày 08/02/2022 của Bộ Chính trị về một số vấn đề về Bảo vệ chính trị nội bộ Đảng. Thực hiện nghiêm túc việc thẩm định tiêu chuẩn chính trị cho cán bộ khi điều động, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử, quy hoạch cán bộ; thẩm định tiêu chuẩn chính trị quần chúng ưu tú để giới thiệu kết nạp Đảng, đảng viên dự bị khi chuyển Đảng chính thức.

Chú trọng nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của cấp ủy, tổ chức đảng theo tinh thần Nghị quyết số 37-NQ/TU ngày 20/4/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIX về *nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của cấp ủy, tổ chức đảng, trọng tâm là cấp ủy cơ sở và cấp trên trực tiếp cơ sở giai đoạn 2021-2025, định hướng 2030*. Theo đó, Ban Thường vụ Huyện ủy đã chỉ đạo đổi mới nội dung, hình thức và nâng cao chất lượng

sinh hoạt cấp ủy, sinh hoạt chi bộ gắn với lãnh đạo thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị; quán triệt và ban hành đầy đủ các văn bản nhằm cụ thể hóa các nghị quyết, chỉ thị, hướng dẫn của Trung ương, của Tỉnh ủy về sinh hoạt chi bộ. Tổ chức tập huấn nghiệp vụ công tác cho đội ngũ bí thư chi bộ trực thuộc. Hằng tháng trong Bản tin sinh hoạt chi bộ gửi cho các chi bộ có mục hướng dẫn nội dung sinh hoạt thường kỳ, sinh hoạt chuyên đề. Triển khai thực hiện Đề án số 11-ĐA/TU của Tỉnh ủy về ứng dụng nền tảng số “Sổ tay đảng viên điện tử vào sinh hoạt chi bộ” đạt kết quả tốt; đến nay có 5793/6888 đảng viên đã cài đặt và sử dụng được nền tảng số Sổ tay đảng viên điện tử tỉnh Yên Bái vào sinh hoạt chi bộ, đạt 84,1%. Chỉ đạo cấp ủy cơ sở thực hiện nghiêm túc Quy định số 10-QĐ/TU ngày 22/6/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về trách nhiệm của đảng viên trong việc chấp hành chế độ sinh hoạt đảng và thực hiện nhiệm vụ được chi bộ phân công, trách nhiệm của chi ủy, bí thư chi bộ trong việc duy trì và nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, Quy định số 11-QĐ/TU ngày 22/6/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiêu chí đánh giá chất lượng sinh hoạt chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở.

Quan tâm xây dựng đảng bộ 04 tốt, chi bộ 04 tốt và Chi bộ kiểu mẫu, đến nay đã xây dựng được 23 Chi bộ kiểu mẫu, dự kiến năm 2025 sẽ có thêm 08 chi bộ được công nhận chi bộ kiểu mẫu, bằng 238,5% kế hoạch tỉnh giao; thành lập mới được 03 chi bộ doanh nghiệp, hợp tác xã thuộc lĩnh vực kinh tế tư nhân.

Quan tâm phát triển đảng viên, nâng cao chất lượng kết nạp đảng viên, đã ban hành kế hoạch phát triển đảng viên mới giai đoạn 2021-2025; trong đó giao chỉ tiêu cụ thể hằng năm cho từng tổ chức đảng; hoàn thành chỉ tiêu kết nạp đảng viên mới, chuyển Đảng chính thức cho đảng viên dự bị theo kế hoạch. Từ đầu nhiệm kỳ đến nay đã kết nạp được 1084 đảng viên mới đạt 145% kế hoạch; kết nạp 75 đảng viên mới và 10 tổ chức công đoàn trong doanh nghiệp.

Chỉ đạo cấp ủy cơ sở tăng cường quản lý, phân công nhiệm vụ cho đảng viên; đặc biệt quan tâm những đảng viên đi làm ăn xa, đảng viên ra nước ngoài. Rà soát, phát hiện, giáo dục, giúp đỡ, sàng lọc, đưa đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng: Thực hiện Hướng dẫn số 02-HD/BTCTW ngày 12/4/2021 của Ban Tổ chức Trung ương về tiêu chí, quy trình rà soát, phát hiện, giáo dục, giúp đỡ, sàng lọc, đưa đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng, Công văn số 329-CV/BTCTU ngày 22/7/2021 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy về việc thực hiện Hướng dẫn số 02-HD/BTCTW. Theo đó, Ban Thường vụ Huyện ủy đã ban hành Công văn số 408-CV/HU ngày 04/8/2022 về thực hiện Hướng dẫn số 02-HD/BTCTW, Ban Tổ chức Huyện ủy đã ban hành Công văn số 68-CV/BTCHU ngày 05/7/2023 yêu cầu nâng cao trách nhiệm thực hiện

Hướng dẫn số 02-HD/BTCTW ngày 12/4/2021 của Ban Tổ chức Trung ương. Từ đầu nhiệm kỳ đến nay đã rà soát, phát hiện, phân công người giúp đỡ đối với đảng viên thuộc diện cần được giáo dục, giúp đỡ; nghiêm túc thực hiện quy trình sàng lọc, đưa đảng viên không còn tư cách ra khỏi Đảng⁵.

Ban hành Kế hoạch lãnh đạo, chỉ đạo thành công đại hội đảng bộ các cấp, tổ chức thành công đại hội điềm cấp xã, cấp huyện.

5. Lãnh đạo thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật Đảng

Huyện ủy đã tổ chức quán triệt, học tập, tuyên truyền, triển khai thực hiện nghiêm túc các quy định, quy chế, hướng dẫn, đề án của Trung ương, của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng đến 100% tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên⁶, bảo đảm mục tiêu, yêu cầu đề ra. Từ đó nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên đối với công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật Đảng được nâng lên. Công tác kiểm tra, giám sát được đổi mới theo hướng mở rộng giám sát, kiểm tra có trọng tâm, trọng điểm; chú trọng kiểm tra, giám sát các cấp ủy, tổ chức đảng, người đứng đầu, cán bộ chủ chốt ở địa bàn, lĩnh vực, vị trí dễ xảy ra sai phạm; nơi có nhiều đơn thư bức xúc, dư luận xã hội, cán bộ, đảng viên quan tâm; nơi thực hiện nhiệm vụ chính trị đạt kết quả thấp. Công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng được đẩy mạnh, kỷ luật, kỷ cương được siết chặt đã góp phần quan trọng vào việc giáo dục, uốn nắn, đồng thời có tác dụng cảnh báo, cảnh tỉnh, răn đe, phòng ngừa sai phạm đối với tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên; giúp mỗi cán bộ, đảng viên tự soi, tự sửa, tự điều chỉnh hành vi, tích cực rèn luyện đạo đức, lối sống, tác phong công tác; góp phần tích cực trong phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh.

Quan tâm, kịp thời kiện toàn Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy, cơ quan Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy và ủy ban kiểm tra đảng ủy cơ sở đảm bảo đủ số lượng, chất lượng theo quy định; đồng thời tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp

⁵. Từ đầu nhiệm kỳ đến nay là 89 đảng viên thuộc 25 đảng bộ cơ sở, trong đó: Số đảng viên đã được đảng ủy cơ sở phê duyệt đưa ra khỏi danh sách cần theo dõi giáo dục, giúp đỡ là 61 đảng viên thuộc 25 đảng bộ cơ sở.

⁶ Quy định số 22-QĐ/TW ngày 28/7/2021 của Ban Chấp hành Trung ương về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng và hướng dẫn thực hiện; Quy định số 37-QĐ/TW ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương về những điều đảng viên không được làm và hướng dẫn thực hiện; Kết luận số 34-KL/TW ngày 18/4/2022 về chiến lược công tác kiểm tra, giám sát của Đảng đến năm 2030; Quyết định số 89-QĐ/TW, ngày 22/12/2021 của Ban Bí thư về việc ban hành quy trình kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng, giải quyết tố cáo, khiếu nại kỷ luật đảng của cấp ủy tỉnh và tương đương đến cơ sở; Quy định số 69-QĐ/TW ngày 06/7/2022 của Ban Chấp hành Trung ương về quy định kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm và hướng dẫn thực hiện; Quy định số 131-QĐ/TW ngày 27/10/2023 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, phòng chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng và trong hoạt động thanh tra, kiểm toán; Đề án số 04-ĐA/TU ngày 01/9/2021 của Tỉnh ủy về nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát trong Đảng bộ tỉnh, giai đoạn 2021-2025...

vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật Đảng, công tác phòng, chống, tham nhũng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ⁷.

Huyện ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy, Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy đã xây dựng, ban hành đầy đủ hệ thống văn bản về công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật Đảng; triển khai đầy đủ văn bản về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật Đảng để triển khai thực hiện đồng bộ, thống nhất; nội dung các văn bản đảm bảo theo nguyên tắc, chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Phân công đồng chí Bí thư Huyện ủy trực tiếp phụ trách công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng. Hằng tháng Ban Thường vụ Huyện ủy nghe báo cáo phụ trách theo dõi địa bàn của các đồng chí Huyện ủy viên, nghe Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy báo cáo, cho ý kiến vào những kiến nghị, yêu cầu về nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật Đảng và dự thảo kết luận của các đoàn kiểm tra. Hằng quý Thường trực Huyện ủy giao ban với các cơ quan khối nội chính đánh giá kết quả, những khó khăn, vướng mắc và chỉ đạo định hướng công tác kiểm tra - giám sát theo chương trình, kế hoạch đề ra. Ngoài ra, trên cơ sở đề xuất, Thường trực, Ban Thường vụ Huyện ủy cho chủ trương giải quyết các nội dung khó khăn, phức tạp phát sinh theo thẩm quyền trong quá trình thực hiện công tác kiểm tra, giám sát của các đoàn kiểm tra bảo đảm đúng quy định hiện hành. Chỉ đạo ban hành, tổ chức thực hiện nghiêm túc 08 quy chế phối hợp giữa UBKT Huyện ủy với các cơ quan liên quan trong công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật của Đảng để nắm tình hình, phát hiện, phòng ngừa, ngăn chặn khuyết điểm, vi phạm kịp thời.

Căn cứ chương trình kiểm tra, giám sát toàn khóa và yêu cầu thực tiễn, hằng năm Ban Thường vụ Huyện ủy chỉ đạo Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội, các cơ quan tham mưu, giúp việc Huyện ủy phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy đề xuất nội dung, đối tượng kiểm tra, giám sát, thanh tra tập trung ở những lĩnh

⁷ (1) Kiện toàn đủ thành viên ủy ban kiểm tra đảng uỷ các xã: Xuân Long, Mỹ Gia, Đại Đông, Công an huyện, Cơ quan Chính quyền, Cơ quan Đảng, Đoàn thể; thực hiện việc dừng thí điểm mô hình hợp nhất cơ quan Kiểm tra - Thanh tra huyện; thành lập cơ quan Ủy ban Kiểm tra huyện Yên Bình đảm bảo theo quy định, hướng dẫn của cấp trên, kịp thời kiện toàn Ủy ban kiểm tra Huyện ủy, bầu mới 01 Ủy viên Ủy ban Kiểm tra và bầu Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy; giới thiệu, cử 02 đồng chí Ủy viên ủy ban Kiểm tra giữ các chức vụ Chánh Thanh tra, Phó chánh thanh tra huyện. (2) Phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy mở 01 lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác kiểm tra, giám sát cho 123 đồng chí là Chủ nhiệm, Phó chủ nhiệm, Ủy viên UBKT Đảng ủy cơ sở và cán bộ làm công tác kiểm tra ở các chi bộ trực thuộc Huyện ủy; phối hợp với Ban Nội chính tỉnh mở 01 lớp tập huấn nghiệp vụ cho 79 cán bộ là bí thư các xã, thị trấn, hiệu trưởng các đơn vị trường học trên địa bàn huyện. (3) Cử 18 lượt cán bộ là thành viên Ủy ban kiểm tra Huyện ủy, công chức cơ quan Kiểm tra - Thanh tra; 45 đồng chí Phó bí thư thường trực, Chủ nhiệm UBKT Đảng uỷ, Phó bí thư chi bộ phụ trách công tác kiểm tra tham gia lớp tập huấn về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng, giải quyết đơn thư do Ủy Ban Kiểm tra Tỉnh ủy tổ chức.

vực, địa bàn, vị trí công tác dễ xảy ra tiêu cực, tham nhũng có nhiều bức xúc, dư luận xã hội quan tâm; bám sát chỉ đạo của tỉnh rà soát, tham mưu đề Ban Thường vụ Huyện ủy kết luận cho chủ trương, định hướng về nội dung chương trình kiểm tra, giám sát của Huyện ủy, Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy, kế hoạch thanh tra của Ủy ban nhân dân huyện, kế hoạch kiểm tra, giám sát của Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội bảo đảm không trùng lặp, chồng chéo, không làm cản trở đến hoạt động bình thường của các đơn vị được kiểm tra, giám sát, thanh tra⁸; làm căn cứ, cơ sở để Huyện ủy, Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy và các cơ quan, cấp ủy, tổ chức đảng xây dựng, ban hành, phối hợp và thực hiện hoàn thành chương trình kiểm tra, giám sát hằng năm bảo đảm phù hợp, chất lượng, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ⁹.

Chỉ đạo thực hiện xác minh tài sản, thu nhập đảm bảo quy định, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ¹⁰.

Thực hiện tốt việc sơ kết, tổng kết công tác kiểm tra, giám sát gắn với sơ kết, tổng kết nhiệm vụ chính trị hàng năm của đảng bộ; duy trì tốt chế độ thông tin báo cáo với cấp ủy và Ủy ban Kiểm tra cấp trên.

6. Quan tâm công tác nội chính, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và công tác cải cách tư pháp

Công tác nội chính, cải cách tư pháp thường xuyên được quan tâm chỉ đạo triển khai thực hiện. Hoạt động của các cơ quan tư pháp đã có những

⁸ Kết luận số 116-KL/HU ngày 06/12/2021 của Ban Thường vụ Huyện ủy về định hướng xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát, thanh tra năm 2022; Kết luận số 254-KL/HU ngày 18/11/2022 của Ban Thường vụ Huyện ủy về định hướng xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát, thanh tra năm 2023; Kết luận số 399-KL/HU, ngày 16/11/2023 của Ban Thường vụ Huyện ủy về định hướng xây dựng chương trình kiểm tra, giám sát, thanh tra năm 2024.

⁹ Từ đầu nhiệm kỳ đến nay, *cấp ủy các cấp đã*: (1) Kiểm tra 132 tổ chức đảng, 1.013 đảng viên (254 cấp ủy viên), trong đó: cấp ủy huyện kiểm tra 11 tổ chức đảng, 118 đảng viên (99 cấp ủy viên); cấp ủy cơ sở kiểm tra 121 tổ chức đảng, 375 đảng viên (155 cấp ủy viên); chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở kiểm tra 520 đảng viên. (2) Giám sát 95 tổ chức đảng, 403 đảng viên (213 cấp ủy viên), trong đó: cấp ủy huyện giám sát 12 tổ chức đảng, 82 đảng viên (75 cấp ủy viên); cấp ủy cơ sở giám sát 83 tổ chức đảng, 196 đảng viên (138 cấp ủy viên); chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở giám sát 125 đảng viên. (3) Giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng 01 đảng viên (cấp ủy huyện giải quyết); (4) Xem xét, thi hành kỷ luật 58 đảng viên, trong đó: cấp ủy huyện thi hành kỷ luật 08 đảng viên (01 cảnh cáo, 07 khai trừ); cấp ủy cơ sở kỷ luật 50 đảng viên (47 khiển trách, 03 cảnh cáo). *Ủy ban kiểm tra cấp ủy các cấp đã*: (1) Kiểm tra 164 tổ chức đảng và 23 đảng viên (kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm 01 tổ chức đảng, 05 đảng viên), trong đó: UBKT Huyện ủy kiểm tra 23 tổ chức đảng, 23 đảng viên (kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm 01 tổ chức đảng, 05 đảng viên); UBKT cấp ủy cơ sở kiểm tra 141 tổ chức đảng; (2) Giải quyết tố cáo đối với 03 đảng viên (UBKT Huyện ủy giải quyết tố cáo 03 đảng viên); (3) Thi hành kỷ luật 01 tổ chức đảng, 13 đảng viên, trong đó: UBKT Huyện ủy kỷ luật 01 tổ chức đảng (cảnh cáo), 11 đảng viên (04 khiển trách, 02 cảnh cáo, 05 khai trừ); UBKT cấp ủy cơ sở kỷ luật 02 đảng viên (02 cảnh cáo); (4) Giám sát 57 tổ chức đảng và 132 đảng viên (UBKT Huyện ủy giám sát 8 tổ chức đảng, 34 đảng viên; UBKT cấp ủy cơ sở giám sát 49 tổ chức đảng, 98 đảng viên).

¹⁰ Xác minh tài sản cá nhân đối với 17 cá nhân: (1) Đồng chí Nguyễn Thị Mai - Phó chủ tịch HĐND thị trấn Yên Bình; (2) đồng chí Nguyễn Xuân Tùng - Trưởng phòng Tài nguyên Môi trường; (3) đồng chí Nguyễn Ngọc Tú - Phó trưởng Ban quản lý dự án đầu tư và xây dựng; (4) đồng chí Nguyễn Vinh Quang - Trưởng phòng Tài chính KH; (5) đồng chí Hoàng Thị Duyên - Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng; (6) đồng chí Ngô Vũ Liêm - Phó trưởng phòng Nội vụ...

chuyên biến tích cực, công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án được thực hiện đúng quy định, không để xảy ra oan, sai và bỏ lọt tội phạm, tạo được lòng tin của quần chúng nhân dân đối với Đảng và Nhà nước¹¹. Tích cực triển khai ứng dụng chuyển đổi số trong thực thi nhiệm vụ của các cơ quan tư pháp. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật được chú trọng, góp phần nâng cao ý thức chấp hành pháp luật cho cán bộ, nhân dân¹².

Công tác tiếp dân, giải quyết đề nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện. Ban Thường vụ Huyện ủy ban hành quy định về tiếp nhận, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo; chỉ đạo Ủy ban nhân dân huyện, các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch tập trung giải quyết dứt điểm các đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân không để nảy sinh phức tạp, kéo dài; giao Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy theo dõi, giám sát việc giải quyết đơn, thư của công dân.

Xác định công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí là nhiệm vụ quan trọng nhằm xây dựng cơ quan, đơn vị, trong sạch, vững mạnh, Ban Thường vụ Huyện ủy đã quan tâm chỉ đạo tổ chức phổ biến, quán triệt kịp thời các chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác phòng, chống tham nhũng đến các cấp ủy Đảng, chính quyền và cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức trên địa bàn huyện; đồng thời đã cụ thể hóa các văn bản để chỉ đạo triển khai thực hiện thống nhất trong huyện.

Đã kiện toàn và chỉ đạo hoạt động nề nếp, hiệu quả đối với Bộ phận giúp việc Huyện ủy về công tác nội chính và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Chỉ đạo tăng cường thực thi trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, trước hết là người đứng đầu trong đấu tranh, phòng chống tham nhũng, lãng phí: Cấp ủy Đảng, chính quyền từ huyện đến cơ sở đã tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện nghiêm túc, đồng bộ, hiệu quả các quan điểm, mục tiêu về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, lấy phòng ngừa là chính, tránh không để xảy ra tham nhũng, lãng phí; kịp thời xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng, lãng phí xảy ra trên địa bàn. Trong đó yêu cầu người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị phải xác định phòng, chống tham nhũng là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên, vừa cấp bách, vừa lâu dài;

¹¹ Tòa án nhân dân huyện thực hiện công tác xét xử, giải quyết vụ án, vụ việc đúng quy định: Đã thụ lý, giải quyết 796/849 vụ, còn tồn 54 vụ. Án theo thủ tục hòa giải thụ lý 201 vụ, giải quyết 201 vụ. Chi cục Thi hành án dân sự huyện thụ lý 1516 việc, với số tiền là 63.182.104 đồng (trong đó: Thụ lý mới 1422 việc với số tiền 29.089.171 đồng; số cũ chuyển sang 406 việc với số tiền 34.092.933). Viện kiểm sát đã kiểm sát đã thụ lý 156 tin báo tố giác tội phạm, đã giải quyết 151 tin đạt tỷ lệ 96,7%. Thực hiện nghiêm hoạt động kiểm sát việc khởi tố, điều tra án: Tổng số vụ án, bị can đang kiểm sát điều tra 127 việc, 129 bị can, trong đó: Đã giải quyết 114 vụ, 129 bị can, hiện đang giải quyết 13 vụ, 39 bị can, xây dựng 12 vụ án trọng điểm.

¹² Đã tổ chức được 929 buổi tuyên truyền với 59.793 lượt người tham dự; tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác xây dựng, đánh giá xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật hằng năm.

thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện phòng, chống tham nhũng ở cơ quan, đơn vị mình phụ trách.

Thực hiện nghiêm quy chế làm việc, quy chế chi tiêu nội bộ, các quy định về công khai, minh bạch trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị; nhất là trong việc kê khai, minh bạch tài sản, thu nhập cá nhân, lĩnh vực thu - chi ngân sách, mua sắm đầu tư công, các khoản chi thường xuyên... Chỉ đạo 100% các cơ quan, đơn vị, xã, thị trấn trong toàn huyện xây dựng quy định về đạo đức nghề nghiệp, đạo đức công vụ; kịp thời phát hiện và xử lý sai phạm của tổ chức, cá nhân theo đúng quy định.

Việc thực hiện các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức được thực hiện đúng quy định. Trong nhiệm kỳ trên địa bàn huyện chưa phát hiện vụ việc nào có hành vi tham nhũng; các đơn vị cơ bản thực hiện tốt các biện pháp phòng, chống tham nhũng như công khai minh bạch trong quản lý tài chính ngân sách, công khai thu chi các khoản đóng góp của nhân dân, kê khai minh bạch tài sản, thu nhập, không có tổ chức, cá nhân nào phải thu hồi tài sản do tham nhũng.

Vai trò của các cơ quan dân cử, Mặt trận tổ quốc, các đoàn thể, các cơ quan báo chí và nhân dân trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đã được phát huy tích cực, hiệu quả. Hội đồng nhân dân, Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp trong huyện đã làm tốt công tác giám sát trong công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực qua việc giám sát cán bộ, công chức, đảng viên ở cơ sở; phối hợp giải quyết đơn thư, đồng thời phát hiện, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử vụ việc theo quy định. Thông qua từng vụ việc cụ thể Hội đồng nhân dân huyện đã giám sát việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng, tiêu cực tại các cơ quan, đơn vị, địa phương khắc phục những hạn chế thiếu sót. Tại kỳ họp Hội đồng nhân dân huyện các đại biểu đã thực hiện quyền chất vấn và yêu cầu giải trình làm rõ những kiến nghị, phản ánh của cử tri quan tâm.

7. Công tác dân vận của hệ thống chính trị; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc

Huyện ủy luôn chú trọng việc đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác dân vận của Đảng trong tình hình mới. Phương pháp, nội dung công tác dân vận có nhiều đổi mới, hiệu quả được nâng lên; bám sát nhiệm vụ chính trị để giải quyết các vấn đề liên quan trực tiếp đến nhân dân. Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 03/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về “Tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới”; Kết luận số 43-KL/TW ngày 07/01/2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tiếp tục thực hiện Nghị quyết 25-NQ/TW ngày

03/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI. Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 66-NQ/TU ngày 10/12/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Yên Bái về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận; Đề án số 13-ĐA/TU ngày ngày 16/3/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về nâng cao chất lượng, hiệu quả phong trào thi đua “Dân vận khéo” trên địa bàn tỉnh Yên Bái, giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động nhân dân tích cực hưởng ứng các phong trào thi đua, cuộc vận động, tiêu biểu như: “Toàn dân tham gia xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, “Toàn dân tham gia xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” gắn với phong trào thi đua “Dân vận khéo” với nhiều mô hình có cách làm hay, sáng tạo, hiệu quả, tạo được sự lan tỏa trong quần chúng nhân dân. Đến nay, toàn huyện đã xây dựng được 1.438 mô hình “Dân vận khéo” trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, góp phần quan trọng hoàn thành các nhiệm vụ chính trị của địa phương. Ban hành, triển khai hiệu quả Nghị quyết số 48-NQ/HU ngày 15/9/2022 của Ban Thường vụ Huyện ủy về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, phát huy vai trò nòng cốt của cán bộ, đảng viên gương mẫu thực hiện và vận động nhân dân thực hiện phong trào hiến đất, tài sản trên đất làm đường giao thông và xây dựng các công trình công cộng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh và duy trì thực hiện nền nếp đồng bộ kế hoạch “Ngày cuối tuần cùng dân và doanh nghiệp”¹³ góp phần phát huy trách nhiệm, vai trò gương mẫu đi đầu của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo các cấp trong đồng hành, gắn kết, huy động hiệu quả đóng góp, sự vào cuộc người dân và doanh nghiệp.

Việc triển khai thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở được thực hiện nghiêm túc theo đúng quy định. Nhận thức và trách nhiệm của cấp ủy đảng, chính quyền, của cán bộ, đảng viên và nhân dân, nhất là người đứng đầu tổ chức đảng, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện dân chủ ngày càng được phát huy, đã tác động tích cực đến việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh của địa phương. Vai trò, trách nhiệm của Mặt trận Tổ chức và các đoàn thể chính trị - xã hội trong việc thực hiện dân chủ được nâng cao, nhất là trong công tác phối hợp với chính quyền, các ngành chức năng, tham gia giải quyết các vấn đề liên quan đến tranh chấp, khiếu nại của nhân dân, tham gia giám sát và phản biện xã hội. Thông qua việc thực hiện dân chủ ở cơ sở, quyền làm chủ của nhân dân ngày càng được phát huy, ý thức chấp hành pháp luật, thực hành dân chủ trong nhân dân được cải thiện.

¹³ Tổ chức 2.314 buổi cuối tuần cùng doanh nghiệp với 203.261 lượt người tham gia; diện tích đất hiến 213.843 m².

Công tác dân vận chính quyền có nhiều đổi mới theo hướng dân chủ, minh bạch, quyết liệt, kỷ cương, hiệu quả, đúng quy định của pháp luật, chủ trương, định hướng của cấp ủy và nghị quyết của hội đồng nhân dân. Triển khai các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội gắn với việc thực hiện Chỉ thị số 33/CT-TTg ngày 26/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục tăng cường và đổi mới công tác dân vận của cơ quan hành chính nhà nước, chính quyền các cấp trong tình hình mới; tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho người dân, doanh nghiệp trong sản xuất, kinh doanh; tích cực thực hiện xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu theo Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 đảm bảo theo lộ trình, kế hoạch đề ra. Triển khai nghiêm túc quy định về trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền trong việc tiếp công dân, đối thoại trực tiếp với công dân và xử lý những phản ánh, kiến nghị của dân, góp phần ổn định tình hình, tạo đồng thuận trong xã hội.

Huyện ủy Yên Bình luôn chú trọng công tác dân vận trong đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có đông đồng bào có đạo. Chỉ đạo UBND huyện cụ thể hóa và triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025¹⁴. Ưu tiên đầu tư cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số, tập trung hỗ trợ sản xuất nông, lâm nghiệp, xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi, đầu tư cơ sở vật chất giáo dục, trạm y tế, nước hợp vệ sinh¹⁵... Do vậy, kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của huyện tiếp tục có bước đổi thay tích cực, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được được nâng lên, khắc phục tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước; phong tục, tập quán lạc hậu dần được xóa bỏ, bản sắc văn hóa được phát huy, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Tôn trọng và đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng của nhân dân, quyền được sinh hoạt tôn giáo theo pháp luật. Các tôn giáo cơ bản hoạt động đúng tôn chỉ, mục đích; chức sắc, chức việc và tín đồ tôn giáo chấp hành tốt các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước, các hoạt động xã hội, từ thiện, xây dựng khối đại đoàn kết trong cộng đồng dân cư; hằng năm, có trên 90% hộ gia đình tín đồ đạt gia đình văn hóa, 95% hộ giáo đạt giáo họ tiên tiến.

8. Nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp

¹⁴ Từ nguồn kinh phí của Chương trình đã hỗ trợ xóa 123 ngôi nhà dột nát, 465 hộ nghèo vùng dân tộc thiểu số được hỗ trợ nông cụ máy móc, chuyển đổi nghề; trên 300 hộ được hỗ trợ vật dụng chứa nước sinh hoạt; 55 hộ được hỗ trợ sinh kế; trên 2.000 hộ dân được tham gia các lớp tập huấn, hội nghị tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật

¹⁵ 100% số xã có đường ô tô đến trung tâm xã; trên 70% phòng học được xây dựng kiên cố, bán kiên cố, 100% các xã có trạm y tế và điểm phục vụ bưu chính, trên 90% đồng bào được sử dụng nước hợp vệ sinh.

Hội đồng nhân dân các cấp phát huy mạnh mẽ vị trí, vai trò trong quyết định, giám sát việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Chất lượng tổ chức các kỳ họp được nâng lên, đảm bảo dân chủ, khoa học, kịp thời quyết định đúng đắn những vấn đề quan trọng ở địa phương, thể chế hóa, cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước bằng các nghị quyết phù hợp thực tế theo hướng tích hợp các chính sách một cách đồng bộ, toàn diện, đem lại hiệu quả thiết thực, góp phần giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống nhân dân... Hoạt động chất vấn, trả lời chất vấn tại các kỳ họp ngày càng đổi mới, thực chất và hiệu quả, thu hút được sự quan tâm của cử tri, thể hiện ngày càng rõ nét vai trò giám sát của đại biểu Hội đồng nhân dân. Công tác thông tin, tuyên truyền trước, trong và sau các kỳ họp Hội đồng nhân dân được thực hiện tốt giúp đại biểu, cử tri và nhân dân nắm bắt kịp thời các hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp. Hoạt động giám sát có nhiều đổi mới cả về hình thức và nội dung, giảm giám sát tại hội nghị, chú trọng, tăng cường giám sát thực tế và trực tiếp; có sự phối hợp chặt chẽ giữa Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban của Hội đồng nhân dân với các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân trong quá trình giám sát. Hoạt động tiếp xúc cử tri được tổ chức thường xuyên theo quy định, ghi nhận, phản ánh đầy đủ ý kiến, nguyện vọng của công dân; hoạt động tiếp công dân được thực hiện nghiêm túc; việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân được thực hiện kịp thời, đúng quy định. Công tác phối hợp giữa Hội đồng nhân dân huyện với các cơ quan, tổ chức liên quan được duy trì thường xuyên, chặt chẽ, hiệu quả thông qua việc ký kết Quy chế phối hợp công tác với Ủy ban nhân dân huyện và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện.

9. Nâng cao chất lượng hoạt động của Ủy ban nhân dân huyện và ủy ban nhân dân cấp xã

Hoạt động của ủy ban nhân dân các cấp có nhiều đổi mới, linh hoạt, bám sát chủ trương của Đảng, nghị quyết của hội đồng nhân dân cùng cấp. Trong chỉ đạo, điều hành đã đề ra các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với nguồn lực và điều kiện thực tiễn của huyện.

Thực hiện đồng bộ việc rà soát, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập và đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã, những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, thôn tổ dân phố theo tinh thần Nghị quyết 18-NQ/TW, Nghị quyết 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII và các chương trình, kế hoạch hành động của Tỉnh ủy. Tăng cường kiểm tra việc thực hiện chế độ công vụ, công chức, kịp thời phát hiện, chấn chỉnh, uốn nắn các trường hợp những nhiều, gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp.

Tiếp tục chỉ đạo Bộ phận phục vụ hành chính công cấp huyện, cấp xã đi vào nền nếp, hoạt động hiệu quả; số lượng thủ tục hành chính được giải quyết đúng và trước hạn tăng cao; chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước được nâng lên. Công tác xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật của địa phương, cải cách thủ tục hành chính, xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức, cải cách tài chính công, hiện đại hóa nền hành chính tiếp tục thu được nhiều kết quả. Chỉ số cải cách hành chính của huyện hàng năm luôn đứng trong nhóm các địa phương đứng đầu tỉnh.

Các cơ quan chuyên môn thi hành nghiêm sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân huyện trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được quy định; tích cực phối hợp với ủy ban nhân dân cấp xã trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn và tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc tại cơ sở.

10. Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội

Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp bám sát nhiệm vụ chính trị của địa phương, phát huy vai trò, chức năng theo quy định, hướng mạnh về cơ sở; khối đại đoàn kết dân tộc không ngừng được củng cố, tăng cường. Hoạt động giám sát, phản biện xã hội và tham gia góp ý xây dựng Đảng, chính quyền của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện theo Quyết định số 217-QĐ/TW, Quyết định số 218-QĐ/TW của Bộ Chính trị gắn với Quy định số 124-QĐ/TW ngày 02/02/2018 của Ban Bí thư được triển khai, từng bước đi vào nền nếp. Nội dung giám sát gắn với các nhiệm vụ chính trị của địa phương, liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên, người lao động và các tầng lớp nhân dân.

Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tăng cường phối hợp, triển khai mạnh mẽ các cuộc vận động, phong trào thi đua phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói, giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh. Chất lượng, hiệu quả các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước trên các lĩnh vực đời sống xã hội từng bước được nâng lên. Đặc biệt, trong cuộc vận động ủng hộ phòng, chống dịch bệnh Covid-19, vận động xây dựng "*Quỹ vì người nghèo*", "*chung tay xây dựng nông thôn mới*" làm mới và sửa chữa nhà ở cho hộ nghèo, hỗ trợ hộ nghèo nhân dịp Tết nguyên đán...qua đó đã vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân chấp hành tốt các chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước, tích cực tham gia phát triển kinh tế-xã hội, bảo đảm an ninh trật tự ở cơ sở, xây dựng huyện Yên Bình đạt chuẩn nông thôn mới.

Phát huy hiệu quả vai trò của người có uy tín trong cộng đồng dân cư, nhất là ở vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào có đạo. Chủ động phối hợp nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của nhân dân; tổng hợp ý kiến, kiến nghị của nhân dân, đề xuất với cấp ủy, chính quyền tổ chức tiếp xúc, đối thoại kịp thời những vấn đề nhân dân bức xúc.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm và nguyên nhân

1.1. Ưu điểm

Giai đoạn 2020-2025, công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị của Đảng bộ huyện đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, toàn diện trên các lĩnh vực. Đảng bộ đã thể hiện sự đoàn kết, thống nhất cao trong xây dựng quyết tâm chính trị, có nhiều giải pháp cụ thể thông qua việc xây dựng, ban hành các Nghị quyết, Chương trình hành động, kế hoạch thực hiện cụ thể, sát đúng, có tính khả thi cao; tập trung đổi mới, nâng cao chất lượng công tác chính trị, tư tưởng; thể hiện quyết tâm cao trong triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về xây dựng, chỉnh đốn Đảng; Kết luận 21-KL/TW ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" gắn với Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về việc đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Các tổ chức cơ sở đảng và bộ máy tổ chức chính quyền các cấp thường xuyên được kiện toàn đảm bảo sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành. Các chỉ tiêu, nhiệm vụ được triển khai toàn diện, đồng bộ, kịp thời, đảm bảo yêu cầu đề ra. Kết quả cụ thể trên các mặt như sau: (1) Làm tốt công tác chính trị, tư tưởng gắn với nâng cao chất lượng học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. (2) Quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp tạo sự chuyển biến tích cực trong công tác tổ chức xây dựng Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các cấp ủy, tổ chức đảng; tập trung xây dựng đội ngũ cấp ủy, cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp; công tác đánh giá cán bộ đã có nhiều đổi mới và dần đi vào nền nếp hơn; công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng bố trí, sử dụng cán bộ thực chất, khách quan, khoa học, hiệu quả; bộ máy trong hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở từng bước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả hơn; chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức được nâng lên. (3) Công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng được thực hiện nghiêm túc; triển khai đầy đủ, kịp thời các quy định của Trung ương, Tỉnh ủy về công tác kiểm tra, giám sát; xây dựng và tổ chức

thực hiện toàn diện các nhiệm vụ theo Đề án số 04-ĐA/TU ngày 01/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra giám sát trong Đảng bộ tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021-2025 và chương trình đề ra. (4) Công tác dân vận của hệ thống chính trị có nhiều đổi mới, hướng mạnh về cơ sở, nhất là dân vận chính quyền; tăng cường tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, các chương trình, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội tích cực tham gia các phong trào thi đua, lao động sản xuất gắn với xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh. Chủ động nắm tình hình nhân dân, đặc biệt là vùng đồng bào dân tộc thiểu số và đồng bào tôn giáo. Thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 66-NQ/TU ngày 12/12/2021 của Tỉnh ủy Yên Bái về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận; Chỉ thị số 33/CT-TTg ngày 26/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường, đổi mới công tác dân vận trong cơ quan nhà nước, chính quyền các cấp trong tình hình mới. Triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án số 13-ĐA/TU của Tỉnh ủy; phong trào “Dân vận khéo” gắn với các phong trào thi đua yêu nước, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh và chương trình “Ngày cuối tuần cùng dân và doanh nghiệp”. (5) Tăng cường công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng gắn với phòng, chống tiêu cực, xác định nhiệm vụ trọng tâm là phòng, chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp trong hệ thống chính trị.

1.2. Nguyên nhân

Nguyên nhân khách quan: Trong nhiệm kỳ 2020-2025, Huyện ủy Yên Bình luôn nhận được sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của Trung ương, trực tiếp là Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái; sự phối hợp, tạo điều kiện, giúp đỡ của các ban, sở, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tỉnh, các địa phương trong và ngoài tỉnh; trách nhiệm tham gia xây dựng Đảng của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội từ huyện đến cơ sở và nhân dân trên địa bàn.

Nguyên nhân chủ quan: Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Thường trực Huyện ủy đoàn kết, thống nhất ý chí, hành động và quyết tâm chính trị cao, đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ huyện có sự đoàn kết, đổi mới, vượt khó, chủ động, sáng tạo và ý thức kỷ luật, kỷ cương trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương.

2. Hạn chế, khuyết điểm và nguyên nhân

2.1. Hạn chế, khuyết điểm

Việc cụ thể hóa các nhiệm vụ trọng tâm, nội dung đột phá, việc cần làm ngay để thực Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng (Kết luận số 21-KL/TW) ở một số cấp ủy, tổ chức đảng vẫn còn chung chung, nội dung dàn trải. Việc chỉ đạo, tổ chức thực hiện những nhiệm vụ trọng tâm để khắc phục khuyết điểm, yếu kém sau kiểm điểm hàng năm ở một số cấp ủy có lúc, có việc chưa tập trung, quyết liệt nên tiến độ thực hiện chậm, kết quả chưa cao.

Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của một số cấp ủy, tổ chức đảng còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu, còn có cán bộ đảng viên là lãnh đạo quản lý chưa gương mẫu, vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật; một số bí thư cấp ủy, cấp ủy viên cơ sở còn chưa tâm huyết, chưa dành thời gian thỏa đáng cho công tác xây dựng Đảng.

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng của một số cấp ủy, tổ chức đảng, người đứng đầu cấp ủy chưa quyết liệt, thường xuyên, kịp thời; việc xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát có nơi còn dàn trải, chưa xác định đúng trọng tâm, trọng điểm; chất lượng, hiệu lực, hiệu quả của công tác kiểm tra, giám sát ở một số cấp ủy, ủy ban kiểm tra cấp ủy cơ sở còn hạn chế.

Công tác dân vận có lúc, có nơi còn hạn chế về cả nội dung và phương thức hoạt động, chưa phát huy được sức mạnh của cả hệ thống chính trị làm công tác dân vận; hoạt động giám sát, phản biện xã hội, góp ý xây dựng Đảng, chính quyền và giám sát việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị xã hội còn ít, hiệu quả chưa cao.

Công tác quản lý, điều hành của Ủy ban nhân dân huyện có mặt còn hạn chế nhất là trong lĩnh vực quản lý quy hoạch, quản lý đất đai, xây dựng, giải phóng mặt bằng các công trình trọng điểm.

2.2. Nguyên nhân:

- *Nguyên nhân khách quan:* Yên Bình có địa hình chia cắt, quy mô nền kinh tế nhỏ, sức cạnh tranh thấp, nguồn lực đầu tư còn hạn chế, kết cấu hạ tầng chưa phát triển đồng bộ, đời sống một bộ phận nhân dân còn khó khăn; bên cạnh đó là dịch bệnh Co vid-19, cơn bão số 3- Yagi đã tác động không nhỏ đến công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Thường trực Huyện ủy.

- *Nguyên nhân chủ quan:* (1) Nhận thức của một số cấp ủy, tổ chức đảng, người đứng đầu về tầm quan trọng của công tác xây dựng Đảng trong giai đoạn mới còn hạn chế, một số nơi, người đứng đầu chưa phát huy hết tinh thần trách nhiệm, thiếu gương mẫu, còn có tư tưởng ngại khó, ngại khổ,

trông chờ, ý nại. (2) Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của một số cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền còn chậm đổi mới, chưa chủ động, sâu sát, thiếu quyết liệt; công tác kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc triển khai thực hiện nhiệm vụ còn chưa thực sự sát sao; sự phối hợp giữa các cấp ủy, tổ chức đảng có lúc, có nơi hiệu quả chưa cao. (3) Việc chấp hành nguyên tắc, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước của một số cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, nhất là cấp ủy viên và cán bộ lãnh đạo, quản lý chưa nghiêm. (4) Năng lực tham mưu cho cấp ủy của một số cơ quan tham mưu giúp việc Huyện ủy còn hạn chế; ý thức trách nhiệm đối với công việc được giao, trình độ chuyên môn, kỹ năng làm việc của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức chưa đáp ứng yêu cầu.

3. Bài học kinh nghiệm

Một là, Đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng; kiên định, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh phù hợp với thực tiễn ở địa phương; xác định mục tiêu, lựa chọn hướng đi đúng, có bước đi thích hợp; đề ra các nhiệm vụ và giải pháp đột phá để thực hiện mục tiêu phát triển; giữ vững và thực hiện nghiêm các nguyên tắc của Đảng nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ.

Hai là, Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Thường trực Huyện ủy phải đoàn kết, thống nhất ý chí, hành động và quyết tâm chính trị cao, đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội; chú trọng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, coi đây là việc làm thường xuyên, liên tục, xác định từng nhiệm vụ trọng tâm, đột phá trong từng năm.

Ba là, Coi trọng xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của cấp ủy các cấp, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, siết chặt kỷ luật kỷ cương; kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Xây dựng Đảng phải gắn kết chặt chẽ với lãnh đạo phát triển kinh tế-xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Bốn là, tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là người đứng đầu đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; nêu cao ý thức, trách nhiệm của từng cán bộ, đảng viên trong tu dưỡng, rèn luyện, nâng cao bản lĩnh chính trị, nhận thức sâu sắc về trách nhiệm trước Đảng, trước Nhân dân. Phát huy vai trò, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt các ngành, các cấp, nhất là người đứng đầu phải thực sự gương mẫu, năng động, sáng tạo, sâu sát cơ sở, có tính quyết đoán cao, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm trước Đảng, trước nhân dân.

Năm là, chú trọng công tác dân vận, phát huy vai trò của mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong việc vận động, tập hợp quần chúng, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân. Quán triệt sâu sắc quan điểm “Dân là gốc”, dựa vào Nhân dân để xây dựng Đảng: Phát huy quyền dân chủ, tính chủ động, sáng tạo của nhân dân, gần dân, sát dân, tôn trọng và lắng nghe ý kiến của nhân dân; đồng thời phải luôn quan tâm đến lợi ích của nhân dân. Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm và lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp làm thước đo hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền các cấp.

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ GIAI ĐOẠN 2025-2030

Trong những năm tới, tình hình thế giới và khu vực tiếp tục có những diễn biến phức tạp, khó lường bên cạnh những thời cơ, thuận lợi là cơ bản, dự báo tiếp tục có nhiều khó khăn, thách thức, nhất là ảnh hưởng của thiên tai, biến đổi khí hậu, sự chống phá của các thế lực thù địch. Trước bối cảnh đó, đòi hỏi Đảng bộ huyện phải tiếp tục đặc biệt coi trọng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, quyết tâm thực hiện thắng lợi toàn diện các mục tiêu Đại hội Đảng bộ huyện nhiệm kỳ 2025-2030 đề ra.

1. Phương hướng

Tiếp tục kiên định, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội và đường lối đổi mới của Đảng. Đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả, tạo sự chuyển biến trong công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức bộ máy, công tác cán bộ, cơ sở đảng và đảng viên, kiểm tra, giám sát, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, công tác dân vận, đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, sự quản lý, điều hành của Ủy ban nhân dân, sự giám sát của Hội đồng nhân dân huyện, phát huy vai trò của Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể. Củng cố, nâng cao năng lực, sức chiến đấu của tổ chức đảng và đảng viên. Tập trung sắp xếp, tinh gọn bộ máy, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp ngang tầm nhiệm vụ.

2. Nhiệm vụ, giải pháp

2.1. Đẩy mạnh công tác xây dựng, chỉnh đốn; việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; thực hành trách nhiệm nêu

gương của cán bộ, đảng viên và việc thực hiện văn hóa, đạo đức trong Đảng: Tiếp tục thực hiện hiệu quả Kết luận số 21-KL/TW ngày 25/10/2021 của Trung ương về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”; Kết luận số 01-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị “về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”; Chương trình hành động số 16-CTr/HU ngày 08/7/2021 về thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TU ngày 09/3/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về “Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của cấp ủy, tổ chức đảng, trọng tâm là cấp ủy cơ sở và cấp trên trực tiếp cơ sở giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; các quy định về nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu.

2.2. Tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng; nắm bắt, dự báo, xử lý các vấn đề về tư tưởng, đảm bảo thống nhất trong Đảng, đồng thuận trong xã hội:

Tiếp tục đổi mới công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt các chỉ thị, nghị quyết. Tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên; giúp cho cán bộ, đảng viên nâng cao trình độ lý luận chính trị, năng lực công tác.

Chú trọng công tác nghiên cứu, nắm bắt, định hướng dư luận xã hội tạo sự đồng thuận trong cán bộ, đảng viên, nhân dân, đồng thuận xã hội; quan tâm đẩy mạnh công tác đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; coi trọng xây dựng, củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị, nhất là ở cơ sở. Coi trọng công tác bảo vệ chính trị nội bộ

2.3. Tăng cường công tác tổ chức xây dựng Đảng; trọng tâm là củng cố, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các cấp ủy, tổ chức đảng, khâu then chốt là công tác cán bộ

Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ đảng viên theo tinh thần Nghị quyết số 37-NQ/TU ngày 20/4/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIX về *nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của cấp ủy, tổ chức đảng, trọng tâm là cấp ủy cơ sở và cấp trên trực tiếp cơ sở giai đoạn 2021-2025, định hướng 2030.* Quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và phát triển tổ chức đảng, các tổ chức chính trị - xã hội trong doanh nghiệp khu vực ngoài nhà nước. Nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, coi sinh hoạt đảng là cuộc họp quan trọng nhất; bố trí thời

gian thoả đáng cho các cuộc họp sinh hoạt chi bộ, cấp uỷ; chú trọng đổi mới nội dung và phương pháp tổ chức, gắn với nhiệm vụ, quyền hạn của đảng viên; phát huy dân chủ trong tranh luận, thảo luận, gắn với đề cao kỷ luật, kỷ cương. Tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác kiểm điểm tự phê bình và phê bình, đánh giá chất lượng tổ chức đảng, đảng viên. Nâng cao bản lĩnh chính trị, năng lực lãnh đạo cho đội ngũ cấp uỷ viên cơ sở, nhất là bí thư cấp uỷ. Thực hiện chủ trương bí thư cấp uỷ đồng thời là người đứng đầu doanh nghiệp nhà nước và đơn vị sự nghiệp.

Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ thực sự tiêu biểu về bản lĩnh chính trị, phẩm chất, đạo đức, năng lực nổi trội, dám đổi mới, sáng tạo, dám đương đầu với khó khăn, thử thách, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung, là hạt nhân đoàn kết. Thường xuyên rà soát, kiện toàn kịp thời đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý theo phân cấp tổ chức, quản lý cán bộ; rà soát bổ sung quy hoạch cán bộ hằng năm đảm bảo chặt chẽ, liên thông; quan tâm công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức; công tác bảo vệ chính trị nội bộ. Triển khai thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 46-CT/TU ngày 03/4/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về tăng cường kỷ luật, kỷ cương, khắc phục tình trạng né tránh, đùn đẩy, sợ trách nhiệm trong thi hành nhiệm vụ. Kịp thời miễn nhiệm, cho từ chức, thay thế những cán bộ yếu kém về năng lực, trách nhiệm, uy tín thấp, mắc sai phạm mà không chờ hết nhiệm kỳ, hết thời hạn bổ nhiệm, xử lý nghiêm những người có sai phạm.

Tiếp tục sắp xếp, tinh gọn và nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

2.4. Tiếp tục lãnh đạo thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật Đảng:

Làm tốt công tác quán triệt, học tập, tuyên truyền, triển khai có hiệu quả các nghị quyết, chỉ thị, quy định, hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh về công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng, nhất là Kết luận số 34-KL/TW ngày 18/4/2022 của Bộ Chính trị về Chiến lược kiểm tra, giám sát của Đảng đến năm 2030.

Không ngừng đổi mới phương pháp nâng cao chất lượng kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật Đảng. Tập trung kiểm tra, giám sát cán bộ, đảng viên có biểu hiện suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, vi phạm nguyên tắc, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước,

vi phạm quy định về những điều đảng viên không được làm và trách nhiệm nêu gương; những lĩnh vực, địa phương, vị trí công tác dễ xảy ra vi phạm, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; những nơi có vấn đề nổi cộm, gây bức xúc trong xã hội và khiếu kiện kéo dài. Việc xử lý kỷ luật phải nghiêm minh, chính xác, kịp thời, quyết liệt, "không có vùng cấm", "không có ngoại lệ", gắn với tăng cường giáo dục, quản lý, làm cho tổ chức đảng, đảng viên thấy được vi phạm, khuyết điểm để khắc phục, sửa chữa, tiến bộ hơn, làm tốt hơn. Chú trọng công tác tự kiểm tra, tự giám sát của các cấp ủy, tổ chức đảng, kịp thời phát hiện từ nội bộ để chấn chỉnh ngay những vi phạm từ khi mới phát sinh, không để vi phạm nhỏ tích tụ thành sai phạm lớn. Chú trọng đôn đốc, giám sát để thực hiện nghiêm túc các kết luận sau kiểm tra, giám sát. Thực hiện nghiêm quy định về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng.

2.5. Đẩy mạnh công tác nội chính, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và công tác cải cách tư pháp:

Tiếp tục xác định phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực phải tiến hành kiên quyết, kiên trì, thường xuyên, liên tục, không ngừng, không nghỉ, với quyết tâm chính trị cao, nỗ lực lớn, hành động mạnh mẽ, quyết liệt, tích cực, chủ động, hiệu quả đến cơ sở, chi bộ đảng. Kết hợp chặt chẽ giữa tích cực phòng ngừa với chủ động phát hiện, xử lý nghiêm minh, kịp thời các hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, không có vùng cấm, không có ngoại lệ; trong đó, phòng ngừa là chính, là cơ bản, lâu dài, phát hiện, xử lý là quan trọng, đột phá. Chú trọng xây dựng và thực hiện nghiêm chuẩn mực đạo đức, quy tắc ứng xử, các quy định nội bộ của cơ quan, tổ chức để phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Tăng cường phối hợp đồng bộ, chặt chẽ giữa các cơ quan chức năng trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Triển khai quyết liệt, thường xuyên, toàn diện, đồng bộ công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án; kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm minh, không có vùng cấm, không có ngoại lệ để "không dám" tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới, xây dựng văn hoá liêm chính, tiết kiệm, không tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và trong các tầng lớp nhân dân để "không muốn" tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức thực sự bản lĩnh, trung thực, công tâm, liêm khiết, tận tụy, chuyên nghiệp; được trả lương và đãi ngộ phù hợp với cống hiến, tài năng để "không cần" tham nhũng, tiêu cực và "tự giác", "tự nguyện" thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

2.6. Tăng cường công tác dân vận của hệ thống chính trị; phát huy vai trò của Mặt trận và các đoàn thể xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc

Tiếp tục đổi mới và tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp uỷ đối với công tác dân vận trong tình hình mới; nâng cao hiệu quả công tác dân vận chính quyền, chất lượng các mô hình “dân vận khéo”; duy trì có hiệu quả phong trào “ngày cuối tuần cùng dân và doanh nghiệp”.

Đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị- xã hội, hướng mạnh về cơ sở, gắn với cơ sở; nâng cao chất lượng sinh hoạt của các chi hội đoàn thể ở cơ sở, thực hiện việc cán bộ đoàn thể cấp huyện, cấp xã dự sinh hoạt tại các chi hội đoàn thể thôn, tổ dân phố. Tăng cường phối hợp, triển khai mạnh mẽ các cuộc vận động, phong trào thi đua phát triển kinh tế - xã hội; các chương trình, dự án, chính sách cho đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân. Đổi mới phương thức lãnh đạo, vận động, tập hợp và thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách về dân tộc, tôn giáo, tăng cường xây dựng lực lượng nòng cốt là người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số, tôn giáo. Thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở, tích cực phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong tham gia xây dựng Đảng thông qua cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ” và phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”.

Chú trọng công tác lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao hiệu quả giám sát, phản biện xã hội, góp ý xây dựng Đảng, chính quyền của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị- xã hội.

2.7. Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân các cấp:

Nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trong đó tập trung nâng cao chất lượng các kỳ họp HĐND nhất là việc ra nghị quyết và hoạt động chất vấn, trả lời chất vấn; đổi mới hình thức và nội dung các cuộc tiếp xúc cử tri và hoạt động giám sát của Thường trực HĐND, các ban của HĐND với các tổ đại biểu HĐND. Nâng cao vai trò giám sát việc chấp hành pháp luật về phòng, chống tham nhũng, lãng phí của Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân.

Đẩy mạnh cải cách hành chính trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyên đổi số, xây dựng chính quyền điện tử. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý điều hành của UBND huyện và UBND các xã, thị trấn nhất là trong các lĩnh vực quản lý quy hoạch, quản lý đất đai, môi trường, trật tự xây dựng, an sinh xã hội, đảm bảo trật tự an toàn xã hội. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương công vụ, xử lý nghiêm các trường hợp những nhiều tiêu cực, xây dựng đội ngũ cán bộ công chức, viên chức

liêm chính, có phẩm chất đạo đức tốt, bản lĩnh chính trị vững vàng, tinh thông nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

Trên đây là Báo cáo Tổng kết công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị giai đoạn 2020 - 2025 và phương hướng, nhiệm vụ giai đoạn 2025 - 2030; Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XXIII kính trình Đại hội Đảng bộ huyện khóa XXIV.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN KHÓA XXIII

*
Dự thảo lần 5

BÁO CÁO CHÍNH TRỊ
của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Yên Bình khóa XXIII
tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XXIV, nhiệm kỳ 2025 - 2030

Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Yên Bình lần thứ XXIV, nhiệm kỳ 2025-2030 có nhiệm vụ quan trọng là đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XXIII, nhiệm kỳ 2020-2025; quyết định mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp nhiệm kỳ 2025-2030 và những năm tiếp theo với phương châm **“Đoàn kết - Dân chủ - Kỷ cương - Đột phá - Phát triển”**, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XXIII trình Đại hội lần thứ XXIV Báo cáo chính trị với chủ đề: ***Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; phát huy sức mạnh đại đoàn kết và khát vọng vươn lên; đẩy mạnh đổi mới, sáng tạo, phát triển nhanh, bền vững theo hướng xanh, hài hòa, bản sắc, hạnh phúc; quyết tâm đưa Yên Bình trở thành huyện nông thôn mới nâng cao, có kinh tế - xã hội phát triển hàng đầu của tỉnh Yên Bái vào năm 2030, là một trong những huyện phát triển của vùng Trung du và miền núi Bắc bộ.***

Phần thứ nhất
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI
ĐẢNG BỘ HUYỆN LẦN THỨ XXIII, NHIỆM KỲ 2020 - 2025

Năm năm qua, Đảng bộ và Nhân dân các dân tộc huyện Yên Bình đã triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXIII trong bối cảnh có nhiều thuận lợi, đồng thời cũng gặp không ít khó khăn, thách thức, nhất là ảnh hưởng của đại dịch Covid -19, tác động tiêu cực do biến động tình hình kinh tế, chính trị thế giới, ảnh hưởng của thiên tai, thời tiết cực đoan, biến đổi khí hậu, đặc biệt là những thiệt hại nặng nề do cơn bão số 3 Yagi (tháng 9/2024)... Song được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát của tỉnh, cùng với sự đoàn kết, thống nhất, nỗ lực, phấn đấu vươn lên của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân, huyện Yên Bình đã vượt qua khó khăn, thử thách, đạt được những kết quả quan trọng và khá toàn diện trên các lĩnh vực, tạo tiền đề, nền tảng vững chắc để tiếp tục đổi mới và phát triển, bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của đất nước

A. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

I. VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Kinh tế tiếp tục có bước phát triển nhanh, bền vững, cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, đạt được nhiều kết quả quan trọng, khá toàn diện trên các lĩnh vực

Tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn năm 2025 (giá so sánh năm 2010) ước đạt 11.730 tỷ đồng. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch tích cực theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ, giảm dần tỷ trọng nông, lâm nghiệp và thủy sản; đến năm 2025, công nghiệp - xây dựng đạt 57% (tăng 8% so với năm 2020); thương mại - dịch vụ đạt 28% (tăng 3% so với năm 2020); khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản 15% (giảm 9% so với năm 2020)- đạt mục tiêu Nghị quyết Đại hội. Thu nhập bình quân đầu người năm 2025 ước đạt 63 triệu đồng, bằng 105% mục tiêu Đại hội, tăng 75% so với năm 2020.

1.1. Cơ cấu lại nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng và phát triển kinh tế nông thôn đạt nhiều kết quả tích cực, nổi bật và toàn diện; xây dựng nông thôn mới đạt nhiều kết quả quan trọng, là điểm sáng trong phong trào xây dựng nông thôn mới của tỉnh

Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản (giá so sánh 2020) hàng năm đều đạt và vượt kế hoạch, dự ước đến 2025 đạt 5.700 tỷ đồng (tương đương 3.150 tỷ đồng giá so sánh năm 2010), vượt 3,3% mục tiêu Nghị quyết, tăng 19,8% so với năm 2020. Tốc độ tăng trưởng bình quân ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản của huyện ước đạt 3,32%, trong đó tốc độ tăng bình quân giá trị sản xuất ngành nông nghiệp đạt 3,13%, ngành lâm nghiệp đạt 6,48%; ngành thủy sản đạt 1,89%; cơ cấu nội ngành chuyển dịch tích cực theo hướng giảm tỷ trọng nông nghiệp, tăng tỷ trọng lâm nghiệp, thủy sản¹; giá trị sản xuất trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản bình quân tăng khá, nhiều diện tích canh tác cho thu nhập khá cao².

Phát huy lợi thế, phát triển mạnh nông nghiệp và kinh tế nông thôn, thúc đẩy sản xuất hàng hóa, giảm nghèo bền vững và nâng cao giá trị các sản phẩm chủ lực gắn với xây dựng nông thôn mới. Huyện đã tập trung mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng, hiệu quả các vùng sản xuất tập trung chuyên canh, thâm canh cao sản có quy mô lớn gắn với hình thành thị trường tiêu thụ ổn định cho các sản phẩm nông, lâm nghiệp chủ lực, như: Vùng cây lâm nghiệp trên 30.600 ha (trong đó có gần 11.000 ha được cấp chứng chỉ FSC dẫn đầu tỉnh); vùng cây ăn quả trên 2.250 ha (1.000 ha bưởi đặc sản Đại Minh doanh thu trên 100

¹ Tỷ trọng thủy sản đạt 20,2%, tỷ trọng nông nghiệp đạt 65,3 %; lâm nghiệp đạt 14,5%.

² Giá trị sản phẩm thu hoạch trên 01 ha đất trồng trọt bình quân đạt gần 100 triệu đồng; giá trị sản phẩm thu hoạch trên 01 ha diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản bình quân đạt trên 213 triệu đồng; đàn gia súc chính tăng bình quân 7,7%/năm, từ 103.900 con năm 2020 dự kiến đến hết năm 2024 đạt 145.000 con, sản lượng thịt hơi xuất chuồng các loại tăng 60% so với năm 2020, đạt 100% mục tiêu Nghị quyết.

tỷ đồng/năm); vùng quế trên 3.000 ha (trên 1.000 ha quế hữu cơ); vùng nuôi cá nước ngọt trên 2.000 lồng tại hồ Thác Bà với tổng sản lượng thủy sản hàng năm đạt gần 8.000 tấn. Đến năm 2025, dự ước tổng sản lượng lương thực có hạt toàn huyện đạt 30.021 tấn, tăng 6% so với năm 2020; tổng đàn gia súc chính đạt 150.000 con, vượt 3,4 % so với Nghị quyết, tăng 12,5% so với năm 2020; sản lượng thịt hơi xuất chuồng các loại ước đạt 17.850 tấn, tăng 68,4% so với năm 2020; sản lượng khai thác, nuôi trồng thủy sản dự ước đạt 9.200 tấn, bằng 100% mục tiêu Nghị quyết, bằng 131,3% so với năm 2020. Trong 5 năm, đã trồng mới được 15.922 ha rừng, bình quân mỗi năm trồng mới được trên 3.100 ha, vượt mục tiêu Nghị quyết Đại hội; duy trì ổn định tỷ lệ che phủ rừng 54,76%, xây dựng 2.000 ha rừng gỗ lớn, bình quân thu nhập từ kinh tế rừng đạt 60 triệu đồng/ha.

Thực hiện và duy trì các dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm, tập trung chủ yếu phát triển các sản phẩm như: tre măng bát độ, cây chè, cây ăn quả, thủy sản, lâm nghiệp... Đồng thời, hỗ trợ thực hiện nhiều mô hình phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp³. Xây dựng, phát triển được 46 sản phẩm đạt tiêu chuẩn OCOP, trong đó 01 sản phẩm được công nhận 4 sao; đẩy nhanh ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm đi đôi với xây dựng thương hiệu cho 4 sản phẩm⁴. Toàn huyện hiện có 52 hợp tác xã nông, lâm nghiệp, thủy sản, một số sản phẩm liên kết đã xuất khẩu sang thị trường nước ngoài: Đài Loan, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc... Góp phần cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới hiện đại, bền vững, thay đổi tư duy sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp, khuyến khích phát triển nông nghiệp xanh, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao, sử dụng hiệu quả tài nguyên gắn với bảo vệ môi trường sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu; Yên Bình về đích huyện nông thôn mới năm 2023, trước 02 năm so với mục tiêu Nghị quyết Đại hội.

1.2. Sản xuất công nghiệp có bước phát triển khá theo hướng nâng cao giá trị, sức cạnh tranh của sản phẩm gắn với bảo vệ môi trường, tạo đột phá cho phát triển kinh tế của huyện

Công nghiệp được cơ cấu lại theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo, giảm tỷ trọng công nghiệp khai khoáng⁵. Duy trì tốc độ tăng trưởng khá đối với các sản phẩm chủ lực như: Xi măng, bột Cacbonnat Canxi, vật liệu xây dựng, sản phẩm từ gỗ rừng trồng, may mặc, điện... đồng thời thu hút được một số doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực thủy điện, hạ tầng cụm công

³ Mô hình vườn rau kiệu mẫu, vườn thanh long kiệu mẫu; hỗ trợ phát triển trồng dưa hấu, dưa lê dưới cos Hồ Thác Bà; hỗ trợ nuôi ốc nhồi.

⁴ Đã xây dựng được nhãn hiệu chứng nhận “Bưởi Đại Minh”, nhãn hiệu tập thể “Gạo Bạch Hà”; nhãn hiệu chứng nhận “Cá hồ Thác Bà” và chỉ dẫn địa lý “Bưởi Khả Lĩnh xã Đại Minh”.

⁵ Tăng tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo từ 85% năm 2020 lên 90% năm 2025; giảm tỷ trọng công nghiệp khai khoáng từ 5% xuống 3%.

nghiệp, du lịch.... Tiếp tục hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, cơ bản lấp đầy cụm công nghiệp Thịnh Hưng và thành lập thêm 03 cụm công nghiệp Phú Thịnh 1, 2, 3 theo cơ chế doanh nghiệp đầu tư hạ tầng. Quan tâm phát triển và hỗ trợ đổi mới công nghệ, quy trình sản xuất cho các hợp tác xã, tổ hợp tác, làng nghề tiểu thủ công nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp, góp phần thúc đẩy tăng trưởng ngành công nghiệp và đổi mới phương thức tổ chức sản xuất ở nông thôn. Giá trị sản xuất công nghiệp hàng năm đều đạt và vượt kế hoạch, dự ước đến 2025 ước đạt 11.758 tỷ đồng (tương đương 8.000 tỷ đồng giá so sánh năm 2010), vượt 6,7% mục tiêu Nghị quyết, tăng hơn 2 lần so với năm 2020; tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021 -2025 đạt 19,3%/năm.

1.3. Hoạt động thương mại, dịch vụ có bước phục hồi nhanh sau đại dịch Covid-19; du lịch có bước phát triển nổi bật

Tăng cường thu hút các nhà đầu tư, doanh nghiệp tham gia đầu tư vào ngành thương mại, dịch vụ góp phần phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội. Mạng lưới kinh doanh thương mại, dịch vụ trên địa bàn không ngừng được mở rộng đa dạng với 18 chợ và nhiều chi nhánh tập đoàn, tổng công ty bán lẻ, ngân hàng, bảo hiểm lớn, có thương hiệu⁶; hình thành một số siêu thị, chuỗi cửa hàng tiện ích, kinh doanh tổng hợp, tự chọn theo hướng hiện đại tại trung tâm thị trấn Yên Bình, thị trấn Thác Bà, các xã Đại Minh, Cẩm Nhân, Cẩm Ân, Tân Hương, Vĩnh Kiên... đáp ứng nhu cầu của Nhân dân. Thị trường xuất khẩu sản phẩm hàng hóa được mở rộng đến nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ, giá trị xuất khẩu hàng hóa năm 2025 ước đạt 155 triệu USD, vượt 3,3% mục tiêu Nghị quyết, gấp 2,8 lần năm 2020. Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2025 ước đạt 7.900 tỷ đồng, vượt 5,3% mục tiêu Nghị quyết, gấp 2,3 lần năm 2020; tốc độ tăng trưởng bình quân 18,7%/năm. Doanh thu bán lẻ hàng hóa đạt 3.053 tỷ đồng.

Dịch vụ du lịch có bước phát triển hiệu quả, bước đầu hình thành Vùng du lịch trọng điểm hồ Thác Bà và dọc sông Chảy (là chương trình trọng điểm của huyện) với một số sản phẩm, dịch vụ du lịch đặc trưng thu hút khách trong nước và quốc tế, như: Lễ hội khám phá Danh thắng Quốc gia Hồ Thác Bà và sản vật Bưởi Đại Minh, Lễ hội Đền Thác Bà, Đình làng Khả Lĩnh, Đình làng Ba Chặng; du lịch nghỉ dưỡng, trải nghiệm, ẩm thực trên hồ tại khu du lịch sinh thái Rubi, Làng An Bình, Omtara; du lịch khám phá bản sắc văn hóa các dân tộc tại các xã Vũ Linh, Phúc An, Ngọc Chấn.... Năm 2025 dự ước lượng khách du lịch đến huyện đạt 370.000 lượt người, vượt 5,7% mục tiêu Nghị quyết, gấp hơn 2 lần năm 2020; doanh thu từ dịch vụ du lịch ước đạt 350 tỷ đồng, vượt 16% mục tiêu Nghị quyết, gấp hơn 3 lần năm 2020.

⁶ Chuỗi cửa hàng Winmart, Viettel, Mediamart, Thế giới di động; chi nhánh ngân hàng Viettinbank, Ngân hàng thương mại cổ phần quân đội (MB), Vietcombank; bảo hiểm Prudential, Manulife, Daichilife...

1.4. Môi trường đầu tư kinh doanh được cải thiện tích cực, thu hút đầu tư đạt kết quả quan trọng.

Xây dựng môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng và cạnh tranh bình đẳng; nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp huyện, tích cực cải cách hành chính (luôn trong nhóm dẫn đầu của tỉnh) tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư đến khảo sát, tìm kiếm cơ hội đầu tư; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc khi triển khai dự án trên địa bàn huyện. Đến nay, trên địa bàn huyện Yên Bình có 78 dự án đầu tư đã được UBND tỉnh cấp giấy chứng nhận đầu tư hoặc chấp thuận đầu tư với tổng số vốn đăng ký đầu tư là 16.886,72 tỷ đồng và 17,5 triệu USD đầu tư vào địa bàn huyện, trong đó có một số dự án lớn, sau khi đi vào hoạt động sẽ tác động lớn đến sự phát triển kinh tế của huyện². Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội 5 năm 2021-2025 ước đạt 27.405 tỷ đồng, vượt 1,5% mục tiêu Nghị quyết, tăng gấp 1,61 lần so với giai đoạn 2016-2020.

1.5. Cơ cấu lại tài chính, ngân sách theo hướng tiết kiệm, hiệu quả; hoạt động tín dụng, ngân hàng đạt nhiều kết quả tích cực

Triển khai đồng bộ các giải pháp để tăng thu ngân sách, quản lý các nguồn thu chặt chẽ, minh bạch, chống thất thu, nợ đọng thuế; mở rộng, nuôi dưỡng nguồn thu, tăng cường thu tiền sử dụng đất để huy động các nguồn lực cho đầu tư hạ tầng kinh tế - xã hội. Thu ngân sách trên địa bàn huyện hàng năm đều đạt và vượt dự toán tỉnh giao, bình quân tăng trên 10%/năm. Năm 2025 thu ngân sách trên địa bàn huyện ước đạt 500 tỷ đồng, đạt mục tiêu Nghị quyết, tăng 1,7 lần so với năm 2020.

Quản lý chặt chẽ chi ngân sách; tăng cường tự chủ, tự chịu trách nhiệm, nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng ngân sách; đáp ứng nhu cầu chi ngân sách nhất là chi cho con người, chi đầu tư phát triển (chiếm 23,8% tổng chi).

1.6. Công tác quản lý và bảo vệ tài nguyên, môi trường được quan tâm; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, khắc phục kịp thời hậu quả thiên tai

Tập trung hoàn thiện, ban hành đồng bộ các quy hoạch, kế hoạch quản lý hiệu quả đất đai, tài nguyên, bảo vệ môi trường³. Khai thác khá tốt nguồn

² Dự án Du lịch cộng đồng Homestay và phát triển không gian văn hóa truyền thống Phúc An của Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Thuận Phát STAR; Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy chế biến gỗ ván ép thanh, ván sàn và sản xuất đồ chơi, tranh 3D của Công ty TNHH sản xuất và thương mại đồ chơi Việt Nam; Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp huyện Yên Bình của Công ty Cổ phần thực nghiệp Kiến Phát; Dự án khảo sát lập dự án đầu tư khu du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng Núi Bang thôn Làng Mới, xã Mông Sơn; Dự án nghiên cứu, khảo sát và tài trợ lập đồ án Quy hoạch: Đô thị sinh thái nghỉ dưỡng Quần đảo thiên nhiên thế giới hồ Thác Bà của Công ty Cổ phần Flamingo Holding Group; Dự án khảo sát lập dự án đầu tư nhà máy điện sinh khối An Việt Phát Yên Bái của Công ty TNHH một thành viên năng lượng An Việt Phát...

³ Quy hoạch sử dụng đất huyện Yên Bình đến năm 2030 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái phê duyệt tại Quyết định số 2118/QĐ-UBND ngày 29/9/2021 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái điều chỉnh tại Quyết định số 2250/QĐ-UBND ngày 28/11/2023 về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 huyện Yên Bình; Kế hoạch sử dụng đất hằng năm đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái phê duyệt tại các Quyết định: Quyết định 3496/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm

lực đất đai, tài nguyên phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; triển khai kịp thời việc lập, cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính và cơ bản hoàn thành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu; công tác cấp phép, quản lý hoạt động khoáng sản được thực hiện nghiêm theo quy định. Quan tâm bảo vệ môi trường sinh thái, bảo đảm phát triển hài hòa, bền vững; tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%, tăng 02% mục tiêu Nghị quyết, tăng 05% so với năm 2020; tỷ lệ rác thải sinh hoạt được thu gom, xử lý ở khu vực nông thôn đạt 95,2%, vượt 15,2% mục tiêu Nghị quyết; đã cơ bản hoàn thành việc xử lý 100% cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

Tích cực, chủ động ứng phó biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, thực hiện tốt theo phương châm “bốn tại chỗ” để giảm thiểu thiệt hại, khắc phục nhanh hậu quả, sớm ổn định đời sống, sản xuất của người dân; đặc biệt đã tập trung thực hiện có hiệu quả công tác phòng chống hoàn lưu cơn bão số 3 (năm 2024). Cơ bản hoàn thành việc bố trí tái định cư tập trung và tái định cư xen ghép trong khu dân cư (chuyển mục đích đất nông nghiệp trong khu dân cư sang đất ở) đảm bảo ổn định cuộc sống an toàn cho nhân dân các vùng có nguy cơ cao do ảnh hưởng bởi thiên tai cho 173 hộ gia đình, cá nhân tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện².

1.7. Chương trình phát triển đô thị được quan tâm thực hiện

Công tác chỉnh trang đô thị được chú trọng; quan tâm đầu tư nâng cấp các tuyến đường nội thị, hệ thống điện chiếu sáng, cấp thoát nước, vườn hoa, cây xanh. Hoàn thành phê duyệt Chương trình phát triển đô thị thị trấn Yên Bình và thị trấn Thác Bà, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; hoàn thành phê duyệt Đề án công nhận thị trấn Yên Bình và thị trấn Thác Bà là đô thị loại V; thị trấn Yên Bình và thị trấn Thác Bà được công nhận đạt chuẩn đô thị văn minh. Hoàn thành nội dung Chương trình phát triển đô thị xã Cẩm Ân và xã Cẩm Nhân; hoàn thành Đề án công nhận xã Cẩm Ân đô thị loại V; cơ bản hoàn thành Đề án công nhận xã Cẩm Nhân đô thị loại V.

2. Văn hóa - xã hội được quan tâm chăm lo và đạt nhiều kết quả tích cực; chỉ số hạnh phúc của người dân không ngừng được nâng cao

2.1. Triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp phát triển, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo

2021 huyện Yên Bình; Quyết định 3079/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Yên Bình; Quyết định 2757/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Yên Bình; Quyết định 2637/QĐ-UBND ngày 30/12/2023 về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Yên Bình.

² Trong đó: Bố trí tái định cư tại các khu tái định cư tập trung cho 59 hộ (xã Bạch hà: 37 hộ; thị trấn thác bà: 04 hộ; xã Tân Hương: 12 hộ; xã Phúc Ninh: 03 hộ; xã Phúc An: 02 hộ); Bố trí tái định cư xen ghép trong khu dân cư tổng số 114 hộ trên địa bàn 14 xã, thị trấn trên địa bàn huyện.

Mạng lưới trường, lớp học được duy trì ổn định đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh¹⁰. Cơ sở vật chất giáo dục được đầu tư đồng bộ, từng bước hiện đại với 100% các trường mầm non, phổ thông đạt trường chuẩn quốc gia (vượt 1,78% mục tiêu Nghị quyết Đại hội), trên 96% phòng học đạt tiêu chuẩn kiên cố, đáp ứng yêu cầu dạy và học. Khoảng cách chênh lệch về chất lượng giáo dục giữa vùng khó khăn và vùng thuận lợi dần được thu hẹp; giáo dục dân tộc có nhiều chuyển biến tích cực. Tích cực đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp dạy học, gắn với xây dựng “trường học hạnh phúc”, “trường học chuyên đổi số”, từng bước phát triển học sinh toàn diện cả về kiến thức, kỹ năng, lòng yêu nước, tự hào dân tộc. Chất lượng giáo dục đại trà và giáo dục mũi nhọn được nâng lên, hằng năm đều xếp thứ 2 trong số các huyện, thị, thành phố về số lượng giải trong các kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh, tỷ lệ học sinh hoàn thành cấp học đạt trên 98,5%, tăng 0,5% so với năm 2020; tỷ lệ đỗ tốt nghiệp THPT bình quân hằng năm đạt trên 99%. Phổ cập giáo dục đạt kết quả tích cực, duy trì 24/24 xã, thị trấn đạt chuẩn về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi, PCGDTH mức độ 3, PCGDTHCS mức độ 2, năm 2025 dự ước có 100% xã, thị trấn đạt chuẩn về PCGDTHCS mức độ 3 và duy trì đạt chuẩn về xóa mù chữ mức độ 2. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trường học được quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sắp xếp bảo đảm tinh gọn, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục, 93,5% tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định.

2.2. Công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân có nhiều tiến bộ; chú trọng đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế

Thực hiện hiệu quả công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân, làm tốt công tác phòng chống dịch bệnh, đặc biệt, đã chủ động, kịp thời chỉ đạo sát sao, quyết liệt, hiệu quả công tác phòng, chống đại dịch Covid-19, bảo đảm an toàn sức khỏe và tính mạng Nhân dân.

Đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về y tế; tiếp tục củng cố, sắp xếp, đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Trung tâm Y tế huyện¹¹, 100% xã, thị trấn đã đạt tiêu chí quốc gia y tế, tăng gần 20% so với năm 2020, đạt mục tiêu Nghị quyết; đạt 11 giường bệnh/1 vạn dân và 5,4 bác sỹ/1 vạn dân; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng giảm từ 14,5% năm 2020 xuống còn 12,6% năm 2025; tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ hàng năm đạt từ 95 - 99,5%, đều vượt so với đầu nhiệm kỳ từ 5-10%; tuổi thọ trung bình của người dân đạt 74,5 tuổi, vượt 0,5 tuổi mục tiêu Nghị quyết.

¹⁰ Toàn huyện hiện có 52 trường công lập (22 trường MN, 04 trường TH, 22 trường TH&THCS, 03 trường THCS, 01 trường PTDTNT THCS)

¹¹ Trung tâm Y tế huyện đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái công nhận đạt Trung tâm Y tế hạng II (Quyết định số 2707/QĐ-UBND ngày 28/12/2022); tự chủ chi thường xuyên đạt 92,5%

Đầu tư khá đồng bộ cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân lực cho hệ thống y tế công lập, gắn với khuyến khích phát triển được trên 20 cơ sở y tế ngoài công lập, tạo sự cạnh tranh lành mạnh, công bằng, bình đẳng, góp phần quan trọng nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe Nhân dân. Công tác đào tạo, liên kết đào tạo được quan tâm triển khai, thực hiện để nâng cao tay nghề đối với đội ngũ y bác sĩ từ huyện đến cơ sở, nhiều kỹ thuật vượt tuyến, kỹ thuật khó được chuyển giao và thực hiện thành công¹². Diện bao phủ bảo hiểm y tế mở rộng, tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 97%, đạt mục tiêu Nghị quyết. Kiểm soát tốt tỷ lệ tăng dân số tự nhiên ở mức 1,05‰ gắn với nâng cao chất lượng dân số.

2.3. Nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo nghề, giải quyết việc làm gắn với chuyển dịch cơ cấu lao động; thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội; đồng bộ các giải pháp giảm nghèo bền vững

Tập trung thực hiện các chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho người lao động, nhất là các chính sách trong chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững. Tỷ lệ lao động trong độ tuổi qua đào tạo tăng từ 64% năm 2020 lên 76% năm 2025, trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng chứng chỉ đạt 56%, vượt 01% mục tiêu Nghị quyết, tăng 24 % so với năm 2020. Trong 5 năm, đã giải quyết việc làm cho 18.500 lao động, trung bình mỗi năm giải quyết được trên 3.700 việc làm mới, vượt 5,7% mục tiêu Nghị quyết.

Quan tâm chăm lo đầy đủ, kịp thời các chính sách an sinh, phúc lợi, góp phần bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội, nhất là đối với người có công, các đối tượng bảo trợ xã hội, các gia đình bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh... Hoàn thành hỗ trợ xây dựng 752 nhà cho người có công và hộ nghèo, hộ cận nghèo có khó khăn về nhà ở; thực hiện đầy đủ, kịp thời chính sách bảo trợ và trợ giúp xã hội cho 4.085 đối tượng; cơ bản bảo đảm cuộc sống đối với các đối tượng thiệt hại bởi thiên tai, rủi ro bất khả kháng; 100% đối tượng bảo trợ xã hội được cấp thẻ bảo hiểm y tế.

Tập trung triển khai hiệu quả, thực chất công tác giảm nghèo; hàng năm xây dựng kế hoạch cụ thể, sát thực tới từng hộ nghèo; đồng thời, phân công nhiệm vụ cho từng tổ chức, cá nhân trong hệ thống chính trị, huy động sự vào cuộc đồng bộ của cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân thực hiện mục tiêu giảm nghèo nhanh và bền vững. Tỷ lệ giảm hộ nghèo bình quân giai đoạn 2021-2025 khoảng 2,65%/năm (theo chuẩn mới), góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo toàn huyện từ 14% năm 2021, dự kiến xuống còn 1,5% năm 2025, đảm bảo kế hoạch giảm nghèo giai đoạn 2021-2025, đạt mục tiêu Nghị quyết Đại hội.

¹² Trung tâm Y tế thực hiện được 115 Kỹ thuật mới, trong đó có 97 kỹ thuật vượt tuyến đã triển khai thành công như kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính, kỹ thuật tiêu sợi huyết điều trị đột quỵ não, các kỹ thuật xét nghiệm miễn dịch phát hiện ung thư sớm, kỹ thuật tiêm khớp, kỹ thuật nội soi can thiệp đường tiêu hoá....

2.4. Đời sống văn hóa và tinh thần của người dân được quan tâm; bản sắc văn hóa các dân tộc được bảo tồn và phát huy; thiết thực nâng cao chất lượng cuộc sống và chỉ số hạnh phúc của nhân dân

Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” gắn với phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” được triển khai đồng bộ, ngày càng đi vào chiều sâu; tỷ lệ thôn, tổ dân phố đạt tiêu chuẩn văn hóa năm 2025 ước đạt 99,4%, vượt 13,3% mục tiêu Nghị quyết, tăng 1,8% so với năm 2020; tỷ lệ hộ gia đình đạt tiêu chuẩn văn hóa đạt 93,4%, vượt 5,4% mục tiêu Nghị quyết, tăng 3% so với năm 2020. Công tác đầu tư, nâng cấp, cải tạo các thiết chế văn hóa, thể thao, thông tin và truyền thông được quan tâm thực hiện, đến nay 100% thôn tổ dân phố đã có hội trường thôn, tổ đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của Nhân dân.

Các hoạt động thể dục, thể thao ngày càng phát triển và nâng cao về chất lượng. Hoạt động văn hóa văn nghệ diễn ra sôi nổi và phát triển rộng khắp ở các địa phương, đáp ứng nhu cầu văn hóa tinh thần của Nhân dân; tích cực sưu tầm và truyền dạy các làn điệu dân ca, dân vũ truyền thống, bảo tồn và phát huy giá trị văn hoá truyền thống của các dân tộc.

Toàn huyện hiện có 25 di tích lịch sử văn hóa đã được xếp hạng (01 di tích quốc gia, 24 di tích cấp tỉnh). Trong nhiệm kỳ đã phục dựng 05 lễ hội truyền thống của các dân tộc trên địa bàn huyện, góp phần thu hút khách du lịch¹³. Tổ chức tốt các hoạt động lễ hội văn hóa, du lịch thường niên, thu hút khách du lịch trong và ngoài nước: Lễ hội Đền Thác Bà, Lễ hội Bưởi Đại Minh và khám phá danh thắng quốc gia hồ Thác Bà; Lễ hội xuống đồng...

Thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp hiệu quả, thực chất nâng cao sự hài lòng và chỉ số hạnh phúc của nhân dân; chỉ số hạnh phúc của người dân Yên Bình năm 2025 ước đạt 74%, tăng 16,1% so với năm 2021. Toàn huyện hiện có 56/56 mô hình “Trường học hạnh phúc”, trên 80% “Gia đình hạnh phúc”; trên 70% “thôn, tổ dân phố hạnh phúc”.

2.5. Hoạt động chuyển giao và ứng dụng khoa học công nghệ được quan tâm; công tác chuyển đổi số có bước phát triển tích cực

Nghiên cứu, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào các lĩnh vực sản xuất và đời sống, nhất là đẩy mạnh ứng dụng, chuyển giao, nhân rộng các tiến bộ khoa học công nghệ trong sản xuất nông lâm nghiệp. Thực hiện tốt chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ, thiết bị, chuyển giao công nghệ và xác lập quyền sở hữu công nghiệp, hỗ trợ tài chính cho các doanh nghiệp có hoạt động đổi mới công nghệ, thiết bị; xây dựng chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể, xác lập quyền bảo hộ sở hữu trí tuệ cho 02 sản phẩm nông, lâm nghiệp, tập trung vào các sản phẩm chủ lực, đặc sản của huyện; 100% cơ

¹³ Lễ hội cầu yên của dân tộc Cao Lan, xã Tân Hương; Lễ hội cầu mùa của dân tộc Dao xã Yên Thành; Lễ hội đình Ba Chặng, xã Phúc An; Lễ hội cầu Trăng của dân tộc Tày, xã Xuân Lai.

quan hành chính cấp huyện và ủy ban nhân dân cấp xã áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015.

Công tác chuyển đổi số được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện đồng bộ, đạt kết quả nổi bật. Tập trung rà soát, xây dựng kế hoạch chuyển đổi số; dành nguồn lực thỏa đáng đầu tư cho công tác chuyển đổi số, xây dựng Trung tâm giám sát, điều hành thông minh IOC cấp huyện, triển khai hệ thống OC cấp xã, nền tảng phòng họp không giấy tờ; xây dựng cơ quan, đơn vị, trường học, xã, thôn chuyên đổi số. Sử dụng hệ thống quản lý văn bản và điều hành để xử lý công việc trên môi trường mạng tại 100% cơ quan, đơn vị, địa phương trong toàn huyện; tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến phát sinh hồ sơ trực tuyến đạt 90,92%. Duy trì sử dụng nền tảng số tay Đảng viên điện tử tỉnh Yên Bái tại 100% các chi bộ trên toàn huyện. Phối hợp với các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông đưa 100% sản phẩm nông nghiệp chủ lực, sản phẩm OCOP của các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất lên sàn giao dịch Voso và Postmart. 100% doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình có đăng ký kinh doanh có sản phẩm OCOP, sản phẩm đặc sản chủ lực của huyện có đủ điều kiện đã được đưa lên sàn thương mại điện tử. Kết quả xếp hạng chuyển đổi số DTI hằng năm huyện luôn đứng nhóm đầu khối huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh.

2.6. Quan tâm thực hiện tốt các chính sách về dân tộc, tôn giáo

Triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025, từ nguồn kinh phí của Chương trình đã hỗ trợ xóa 123 ngôi nhà dột nát, hỗ trợ 465 hộ nghèo vùng dân tộc thiểu số nông cụ máy móc, chuyển đổi nghề; hướng dẫn, hỗ trợ đồng bào thay đổi tập quán canh tác, ứng dụng khoa học kỹ thuật trong sản xuất. Ưu tiên bố trí hơn 160 tỷ đồng đầu tư cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số, tập trung hỗ trợ sản xuất nông, lâm nghiệp, xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi, đầu tư cơ sở vật chất giáo dục, trạm y tế, nước hợp vệ sinh¹⁴... Toàn huyện có 04 xã đặc biệt khó khăn giai đoạn 2021-2025 đạt tiêu chí nông thôn mới; tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số bình quân giảm 6,06%/năm; năm 2025 tỷ lệ hộ nghèo còn 5,16%, hộ cận nghèo còn 3,41%.

Tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và tự do không tín ngưỡng, tôn giáo của công dân. Các tôn giáo cơ bản hoạt động đúng tôn chỉ, mục đích; chức sắc, chức việc và tín đồ tôn giáo chấp hành tốt các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước, các hoạt động xã hội, từ thiện, xây dựng khối đại

¹⁴ 100% số xã có đường ô tô đến trung tâm xã; trên 70% phòng học được xây dựng kiên cố, bán kiên cố; 100% các xã có trạm y tế và điểm phục vụ bưu chính, trên 90% đồng bào được sử dụng nước hợp vệ sinh.

đoàn kết trong cộng đồng dân cư; hằng năm, có trên 90% hộ gia đình tín đồ đạt gia đình văn hóa, 95% hộ giáo đạt giáo họ tiên tiến.

II. CÔNG TÁC QUỐC PHÒNG - AN NINH, NỘI CHÍNH

1. Quốc phòng được giữ vững; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm tạo môi trường ổn định cho phát triển kinh tế - xã hội

Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh. Xây dựng khu vực phòng thủ huyện ngày càng vững chắc, xã, thị trấn, cơ quan, đơn vị vững mạnh toàn diện; quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả các căn cứ chiến đấu, căn cứ hậu phương và các công trình quốc phòng trong khu vực phòng thủ. Chất lượng tổng hợp và khả năng sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang không ngừng được nâng lên. Làm tốt công tác xây dựng lực lượng¹⁵, luyện tập và diễn tập khu vực phòng thủ¹⁶, phòng chống cháy rừng; chủ động, trách nhiệm trong giúp đỡ nhân dân phòng chống lụt bão, dịch bệnh, tìm kiếm cứu nạn, khắc phục hậu quả thiên tai, ổn định cuộc sống. Quản lý chặt chẽ quân nhân dự bị động viên; hằng năm hoàn thành 100% chỉ tiêu công dân nhập ngũ; thực hiện tốt chính sách quân đội và hậu phương quân đội. Tỷ lệ đảng viên trong dân quân tự vệ đạt 23,7%, tỷ lệ đảng viên trong dự bị động viên đạt 11,3%.

An ninh chính trị ổn định, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện được bảo đảm. Phong trào "Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc" được triển khai rộng khắp, đem lại hiệu quả tích cực, chuyên hoá thành công 05/05 địa bàn trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự¹⁷. Lực lượng vũ trang đã chủ động phối hợp chặt chẽ, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác nắm tình hình, nhất là ở những địa bàn, khu vực trọng điểm phức tạp về an ninh trật tự; kịp thời giải quyết tốt các vấn đề phát sinh; chủ động tấn công, trấn áp có hiệu quả với các loại tội phạm. Thành lập 177 Tổ bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở với 530 tổ viên tại 100% thôn, tổ dân phố, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác bảo đảm an ninh trật tự ở cơ sở và cộng đồng dân cư.

2. Chất lượng, hiệu quả công tác nội chính được nâng cao; tích cực đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; công tác tiếp dân, xử lý giải quyết khiếu nại, tố cáo được quan tâm thực hiện tốt.

Công tác nội chính, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực được tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện đồng bộ với nhiều giải pháp hiệu quả¹⁸. Kịp thời

¹⁵ Công tác xây dựng lực lượng được thực hiện theo đúng luật dân quân tự vệ, tỷ lệ đạt 1,8% so với tổng dân số.

¹⁶ Trong nhiệm kỳ qua huyện đã tổ chức diễn tập cấp huyện 03 cuộc (trong đó 01 cuộc diễn tập khu vực phòng thủ; 01 cuộc diễn tập động viên quân nhân dự; 01 cuộc diễn tập ứng phó bão lụt, tìm kiếm cứu nạn). Chỉ đạo các xã, thị trấn diễn tập 28 lượt, kết quả 100% đạt giới, xuất sắc

¹⁷ Gồm các địa bàn: Thị trấn Yên Bình, xã Cầm Nhân, xã Tân Hương, xã Yên Bình, xã Vũ Linh

¹⁸ Chỉ thị số 46-CT/TW ngày 22/6/2015 về "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác an ninh trật tự trong tình hình mới"; Chỉ thị số 26-CT/TW ngày 09/11/2028 của Bộ Chính trị và Hướng dẫn số 08-HD/TW ngày 09/12/2020 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với các cơ quan bảo vệ pháp luật trong điều tra, xét xử các

nắm bắt, lãnh đạo, chỉ đạo xử lý các vấn đề phức tạp, bức xúc về an ninh, trật tự an toàn xã hội; các vụ việc, vụ án nghiêm trọng, phức tạp, dư luận xã hội quan tâm ngay từ khi mới phát sinh, chất lượng điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án của các cơ quan tiến hành tố tụng được nâng lên; không để xảy ra oan, sai, bỏ lọt tội phạm và người phạm tội¹⁹. Thành lập, duy trì hoạt động hiệu quả Bộ phận giúp việc Ban Thường vụ Huyện ủy về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, phát huy vai trò nòng cốt của Bộ phận giúp việc trong tham mưu cho Huyện ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy trong công tác nội chính, phòng chống tham nhũng, tiêu cực. Thực hiện nghiêm túc việc kê khai và kiểm soát kê tài sản, thu nhập; định kỳ chuyển đổi vị trí công tác các chức danh theo quy định²⁰.

Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng và giải quyết khiếu nại, tố cáo thực hiện nghiêm túc, hiệu quả. Trong nhiệm kỳ đã tổ chức 24 cuộc thanh tra hành chính, tập trung vào các lĩnh vực, địa bàn trọng điểm, nhạy cảm, dễ phát sinh vi phạm, tiêu cực, tham nhũng, quản lý, sử dụng đất đai, qua đó nâng cao ý thức, tuân thủ, chấp hành pháp luật của các đơn vị, địa phương và người dân.

Công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo được quan tâm thực hiện ngay từ cơ sở; tập trung rà soát, giải quyết dứt điểm một số vụ việc khiếu nại, tố cáo kéo dài, không để phát sinh phức tạp. Triển khai nghiêm túc, có hiệu quả quy định về trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền trong việc tiếp công dân, đối thoại trực tiếp với công dân và xử lý những phản ánh, kiến nghị của dân, góp phần ổn định tình hình, tạo đồng thuận trong xã hội, tỷ lệ giải quyết đơn thư hằng năm đạt 98,5%.

III. THỰC HIỆN CÁC ĐỘT PHÁ CHIẾN LƯỢC VÀ CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM ĐẠT KẾT QUẢ TÍCH CỰC

1. Kết quả thực hiện 03 đột phá chiến lược

1.1. Triển khai thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách của Trung ương, của tỉnh để huy động, sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển của huyện; tập trung thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số, cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp

vụ án, vụ việc; Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về "Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội Chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới"...

¹² Tỷ lệ thụ lý tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị, khởi tố đạt 100%; tỷ lệ giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố đạt trên 90%. Viện Kiểm sát ra quyết định truy tố đúng thời hạn trên 100% số vụ đã có kết luận điều tra đề nghị truy tố; bảo đảm truy tố bị can đúng tội đạt 100%; 100% các vụ việc có dấu hiệu tội phạm đều được khởi tố vụ án để điều tra theo quy định của pháp luật. Tỷ lệ giải quyết án dân sự đạt 100%, án hình sự đạt 100%, án hành chính đạt 100%. Tỷ lệ thi hành án dân sự đạt 95,4% trên tổng số án có điều kiện thi hành án.

²⁰ Đã thực hiện chuyển đổi vị trí công tác 91 người (công chức, viên chức các CQĐV thuộc UBND huyện: 05 người, Nhân viên kế toán trường học: 50 người, công chức cấp xã 36 người).

Tập trung cải cách hành chính (trọng tâm là thủ tục hành chính), chủ động rà soát, đơn giản hóa, rút ngắn từ 40% - 50% thời gian thực hiện các thủ tục hành chính; củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động Bộ phận phục vụ hành chính công huyện, xã, hàng năm huyện đều ở trong nhóm dẫn đầu về kết quả cải cách hành chính, năm 2023 đứng thứ 2, năm 2024 huyện Yên Bình đứng đầu về thực hiện bộ 5 chỉ số phục vụ người dân và doanh nghiệp; tích cực thực hiện nhiều giải pháp cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, đến năm 2025 chỉ số năng lực cạnh tranh cấp huyện đứng nhóm dẫn đầu toàn tỉnh; mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp ngày càng tích cực. Qua đó, đã tiếp tục phát huy được tiềm năng, lợi thế tháo gỡ những nút thắt, thúc đẩy hiệu quả cơ cấu lại kinh tế, hoàn thiện kết cấu hạ tầng, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, chăm lo an sinh, phúc lợi xã hội, giảm nghèo nhanh và bền vững, bảo đảm quốc phòng, an ninh, xây dựng hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

1.2. Phát triển nguồn nhân lực, trọng tâm là nâng cao chất lượng nhân lực khu vực nông nghiệp, nông thôn, nhân lực đồng bào dân tộc và xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý các phòng, ban chuyên môn của huyện, cán bộ chủ chốt các xã, thị trấn đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, đáp ứng yêu cầu phát triển trong tình hình mới; phát huy giá trị, bản sắc văn hoá, ý chí, khát vọng vươn lên của nhân dân, đáp ứng yêu cầu phát triển của huyện

Quy mô và chất lượng nhân lực của huyện được nâng lên, tổng số lao động năm 2025 khoảng 7,5 vạn người, tăng 5,8% so với năm 2020; trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo ước đạt 76%, tăng 12% so với năm 2020 và vượt 3% Nghị quyết, trong đó số có văn bằng, chứng chỉ chiếm 56%, vượt 3% mục tiêu Nghị quyết, tăng 24% so với năm 2020; có 15.271 lao động được đào tạo nghề với trên 85% có việc làm, thu nhập ổn định sau đào tạo. Trung tâm giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên huyện được đầu tư nâng cấp và hoạt động khá hiệu quả. Cơ cấu lao động chuyển dịch tích cực, tỷ lệ lao động khu vực nông nghiệp giảm từ 56,5% năm 2020 xuống còn 45,9% năm 2025.

Tập trung cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị; thực hiện đồng bộ, hiệu quả việc sắp xếp, tinh giản biên chế gắn với tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, từng bước bảo đảm tiêu chuẩn chính trị, chuyên môn và yêu cầu vị trí việc làm, góp phần nâng cao chất lượng cán bộ, công chức, viên chức. Triển khai thực hiện tốt các nghị quyết, đề án thu hút, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, đặc biệt là Đề án số 11-ĐA/TU về xây dựng và tạo nguồn cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý đến năm 2030, định hướng đến năm 2035. Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức khối hành chính, sự nghiệp có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên chiếm 78,4%, trong đó tiến sỹ, thạc sỹ chiếm

khoảng 1,32%; tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã có trình độ chuyên môn đại học là 98,7%, tỷ lệ cán bộ có trình độ Thạc sỹ 0,9%.

1.3. Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, trọng tâm là hạ tầng giao thông, hạ tầng nông thôn mới, hạ tầng đô thị

Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, ưu tiên nguồn lực, tạo bước đột phá quan trọng về phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội. Huy động 1.592 tỷ đồng đầu tư kết cấu hạ tầng, tăng 165% so với nhiệm kỳ trước, tập trung cho các dự án trọng điểm, quan trọng, có sức lan tỏa, tác động lớn tới phát triển kinh tế - xã hội của huyện và các công trình xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh. Trong nhiệm kỳ đã hoàn thành và đưa vào khai thác gần 169 công trình hạ tầng đô thị, nông thôn mới, thủy lợi, trường học, y tế; hoàn thành nâng cấp Quốc lộ 70, Quốc lộ 2D, giai đoạn 1 dự án nâng cấp, cải tạo đường Yên Thế - Vĩnh Kiên, dự án nâng cấp, cải tạo đường Vũ Linh - Yên Bình - Bạch Hà, trên 90% đường giao thông nông thôn của huyện được bê tông hóa; thị trấn Yên Bình, thị trấn Thác Bà, các xã Cẩm Ân, Cẩm Nhân được công nhận đô thị loại V; tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2025 đạt 26,62%. 100% số hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia. Hạ tầng thông tin, viễn thông được đầu tư đồng bộ, 100% các xã có trạm BTS cung cấp dịch vụ 3G, 4G; 100% các xã và 100% thôn, bản có cáp quang băng thông rộng cung cấp dịch vụ internet; 100% cơ quan, đơn vị có mạng nội bộ, kết nối internet tốc độ cao.

2. Kết quả thực hiện các chương trình, dự án trọng điểm

2.1. Xây dựng huyện Yên Bình đạt chuẩn nông thôn mới

Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đạt kết quả nổi bật, toàn diện, trở thành điểm sáng, dẫn đầu tỉnh Yên Bái với nhiều cách làm sáng tạo, hiệu quả, phát huy vai trò gương mẫu, đi đầu của cán bộ, đảng viên, đã tạo thành phong trào thi đua sôi nổi, rộng khắp, huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và vai trò chủ thể, trực tiếp, tâm huyết của nhân dân²¹; đổi mới phương thức tổ chức sản xuất nông nghiệp, kinh tế nông thôn theo hướng liên kết, gắn sản xuất với chế biến, tiêu thụ; huy động, sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực, nhất là xã hội hóa để đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng, xóa nhà tạm, nhà dột nát cho nhân dân, trong giai đoạn 2021-2025, tổng vốn đầu tư cho khu vực nông nghiệp, nông thôn đạt trên 5.000 tỷ đồng, trong đó nguồn vốn từ ngân sách nhà nước đạt khoảng 1.000 tỷ đồng; diện mạo nông thôn đã thực sự khởi sắc, đời sống của người dân không ngừng được nâng lên, bản sắc văn hóa tốt đẹp của cộng đồng các dân tộc được phát huy. Đến hết năm 2025, toàn huyện có 10/21 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 04/21 xã và 80/160 thôn đạt nông thôn mới kiểu mẫu, Yên Bình trở thành huyện thứ hai của tỉnh Yên Bái

²¹ Giai đoạn 2021-2025 đã huy động trên 621,743 tỷ đồng để xây dựng nông thôn mới, trong đó ngân sách nhà nước chiếm 76,05%, huy động khác và nhân dân đóng góp chiếm 21,25%.

và khu vực Tây Bắc²² đạt chuẩn nông thôn mới, sớm hơn 02 năm mục tiêu Nghị quyết Đại hội.

2.2. Cơ cấu lại kinh tế, trọng tâm là thúc đẩy phát triển lâm nghiệp và thủy sản gắn với công nghiệp chế biến sâu, nâng cao giá trị gia tăng

Cơ cấu kinh tế chuyên dịch tích cực, tỷ trọng khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 15% (giảm 9% so với năm 2020); tỷ trọng khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm 57% (tăng 8% so với năm 2020); tỷ trọng khu vực dịch vụ chiếm 28% (tăng 3% so với năm 2020). Chỉ đạo triển khai thực hiện hiệu quả đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới. Hình thành được một số vùng sản xuất hàng hóa như: Vùng cây ăn quả có múi, vùng quế, vùng gạo đặc sản xã Bạch Hà, tập trung phát triển thủy sản hồ Thác Bà; phát triển rừng gỗ lớn và cấp chứng chỉ rừng FSC;... Triển khai thực hiện 08 dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm thuộc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) với 41 sản phẩm.

2.3. Phát huy lợi thế hồ Thác Bà để phát triển du lịch bền vững, trọng tâm là du lịch nghỉ dưỡng, vui chơi, giải trí, thể thao gắn với du lịch trải nghiệm và du lịch cộng đồng

Huyện đã tập trung triển khai nhiều nội dung hợp tác phát triển trên các lĩnh vực du lịch, dịch vụ nhằm khai thác, phát huy thế mạnh trên cơ sở tiềm năng, tài nguyên sẵn có của địa phương²³ để xây dựng địa điểm du lịch thu hút du khách. Chú trọng tạo điều kiện cho nhiều ngành dịch vụ kinh doanh mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng dịch vụ đáp ứng nhu cầu của du khách. Hồ Thác Bà đã trở thành điểm đến thân thiện, hấp dẫn, thu hút khách du lịch trong và ngoài nước. Hệ thống cơ sở hạ tầng, lưu trú, dịch vụ du lịch được đầu tư, phát triển²⁴. Quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch Quốc gia hồ Thác Bà, tỉnh Yên Bái đến năm 2040 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt²⁵; quy mô, chất lượng dịch vụ, hệ thống cơ sở hạ tầng, lưu trú, dịch vụ du lịch từng bước được nâng cao.

2.4. Đẩy mạnh thu hút đầu tư, khởi nghiệp, phát triển mạnh các thành phần kinh tế, nhất là kinh tế tập thể.

Triển khai hiệu quả kế hoạch nâng cao chất lượng, rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính trên địa bàn huyện từ 40-50% so với quy định; hỗ

²² Là huyện đầu tiên của khu vực Tây Bắc và tỉnh Yên Bái được công nhận đạt chuẩn huyện nông thôn mới theo bộ tiêu chí Quốc gia giai đoạn 2021-2025.

²³ Dự án Du lịch cộng đồng Homestay và phát triển không gian văn hóa truyền thống Phúc An; Dự án đầu tư xây dựng khu du lịch sinh thái kết hợp nuôi cá lồng trên hồ Thác Bà; Dự án nghiên cứu, khảo sát và tài trợ lập đồ án Quy hoạch: Đô thị sinh thái nghỉ dưỡng Quần đảo thiên nhiên thế giới hồ Thác Bà; các công trình văn hóa tín ngưỡng tâm linh như Đền Mẫu Thác Bà...

²⁴ Toàn huyện hiện có 03 cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch, 36 cơ sở kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà nghỉ; các nhà hàng kinh doanh dịch vụ ăn uống.

²⁵ Quyết định số 396/QĐ-TTg ngày 10/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ.

trợ, tháo gỡ khó khăn, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư; triển khai các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp. Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội 5 năm 2021-2025 ước đạt 27.405 tỷ đồng, vượt mục tiêu Nghị quyết Đại hội, tăng 1,61 lần so với giai đoạn 2016-2020. Đẩy mạnh phát triển các thành phần kinh tế, nhất là kinh tế tư nhân, số doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác thành lập mới tăng cả số lượng và số vốn đăng ký, trong 5 năm dự kiến chuyển đổi, thành lập mới 222 doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh, 71 hợp tác xã, 390 tổ hợp tác và trên 3.500 hộ kinh doanh cá thể. Hiện toàn huyện có 478 doanh nghiệp, hợp tác xã, tổng giá trị sản xuất kinh doanh năm 2025 ước đạt trên 4.000 tỷ đồng.

IV. CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ ĐẠT NHIỀU KẾT QUẢ QUAN TRỌNG

1. Công tác chính trị tư tưởng gắn với nâng cao chất lượng học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh được quan tâm, tạo sự đồng thuận cao

Công tác giáo dục chính trị tư tưởng có nhiều đổi mới và đi vào chiều sâu. Các cấp ủy, chính quyền, đoàn thể đã nghiêm túc tổ chức học tập, quán triệt chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước gắn với xây dựng chương trình, kế hoạch hành động thực hiện nghị quyết, tạo sự thống nhất cao về nhận thức và hành động trong Đảng và nhân dân, tỷ lệ đảng viên tham gia học tập đạt 98,9%. Tổ chức nhiều đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng cổ vũ các nhân tố mới, các phong trào thi đua yêu nước. Tập trung nâng cao hiệu quả khâu tổ chức thực hiện gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát và sơ, tổng kết định kỳ, kịp thời phổ biến kinh nghiệm hay và nhân rộng điển hình tiên tiến²⁶, góp phần đưa nghị quyết của Đảng thực sự đi vào cuộc sống. Đặc biệt chú trọng tuyên truyền để nhân dân cảnh giác trước những luận điệu sai trái của các thế lực thù địch nhằm tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong tình hình mới; chủ động nắm bắt thông tin, kịp thời xử lý những vấn đề phát sinh trong nhân dân. Công tác giáo dục truyền thống cách mạng tiếp tục được tăng cường; đồng thời, quan tâm làm tốt công tác giáo dục lịch sử địa phương; hoàn thành xuất bản cuốn sách “Yên Bình khát vọng vươn xa”. Tình hình tư tưởng của cán bộ, đảng viên, nhân dân ổn định, tin tưởng, phấn khởi và đồng thuận cao với sự lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành của các cấp ủy, chính quyền, sự phát triển của đất nước và địa phương.

2. Công tác tổ chức xây dựng Đảng được đặc biệt quan tâm, đạt nhiều kết quả quan trọng

Tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở được quan tâm sắp xếp, kiện toàn theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Sáp

²⁶ Toàn huyện đã có 446 tập thể và 287 cá nhân đăng ký xây dựng mô hình, điển hình tiên tiến trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

nhập, chia tách, thành lập các cơ quan và một số tổ chức đảng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ; đến nay các cơ quan, đơn vị sau sắp xếp chất lượng hoạt động được nâng lên đáp ứng tốt yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới²⁷.

Công tác cán bộ tiếp tục được đổi mới, chất lượng đội ngũ cán bộ được nâng lên²⁸. Công tác quy hoạch gắn với đào tạo, bồi dưỡng, bố trí sử dụng cán bộ; trong đó chú trọng cán bộ nữ, cán bộ trẻ, cán bộ người dân tộc thiểu số có trình độ và triển vọng phát triển, việc điều động, luân chuyển cán bộ được đẩy mạnh, đáp ứng yêu cầu thực tiễn²⁹. Đến nay tỷ lệ bí thư đảng ủy hoặc phó bí thư đảng ủy, chủ tịch ủy ban nhân dân các xã, thị trấn không phải là người địa phương và cơ bản không giữ chức vụ quá 02 nhiệm kỳ đạt 83%³⁰ tăng trên 20% so với nhiệm kỳ trước. Việc đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo và công tác nhận xét, đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức có nhiều chuyển biến rõ nét, lấy sản phẩm công việc, uy tín là thước đo cán bộ, từng bước xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo, chủ chốt các cấp có năng lực, uy tín, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Các chính sách đối với cán bộ và các quy định về công tác bảo vệ chính trị nội bộ được thực hiện nghiêm túc.

Chất lượng, hiệu quả hoạt động của tổ chức đảng, nhất là tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đảng viên ngày càng được nâng cao. Kiện toàn tổ chức cơ sở đảng đồng bộ với sắp xếp bộ máy hành chính và gắn với nhiệm vụ chính trị được giao. Đẩy mạnh phát triển tổ chức đảng, đảng viên trong doanh nghiệp³¹. Thực hiện và duy trì sắp xếp bí thư cấp ủy là người đứng đầu cơ quan, đơn vị; thôn, tổ dân phố đều có chi bộ và không có chi bộ ghép; trưởng thôn, tổ trưởng dân phố là đảng viên tại 100% thôn, tổ dân phố. Triển khai ứng dụng nền tảng

²⁷ Sáp nhập Trung tâm Phát triển quỹ đất với Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng và Đội công trình Giao thông vận tải và Vệ sinh môi trường. Bàn giao Chi bộ chi cục Thủy sản về Đảng bộ Sở Nông nghiệp; chi bộ Ngân hàng Nông nghiệp về Đảng bộ Ngân hàng nông nghiệp Việt Nam; đã thành lập Văn phòng HĐND và UBND huyện sau khi dừng thí điểm mô hình Văn phòng Cấp ủy và Chính quyền huyện; đồng thời sáp nhập Phòng Y tế vào Văn phòng HĐND và UBND huyện; thành lập cơ quan Thanh tra huyện sau khi dừng thí điểm mô hình Cơ quan Kiểm tra - Thanh tra; thành lập Phòng Nội vụ huyện sau khi dừng thí điểm mô hình Cơ quan Tổ chức - Nội vụ huyện, sắp xếp lại hoạt động của khối đoàn thể cấp huyện, cấp xã. Đến nay UBND huyện đã có 12 cơ quan và 05 đơn vị sự nghiệp thuộc huyện. 04 đơn vị sự nghiệp do Nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động gồm: Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo (gồm 52 đơn vị trường học); Trung tâm Văn hoá và Truyền thông, Trung tâm Dịch vụ hỗ trợ phát triển nông nghiệp, Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện. 01 đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo kinh phí hoạt động: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện. Giám 03 đơn vị hành chính cấp xã, giám trên 200 cán bộ lãnh đạo quản lý các cấp, trên 500 cán bộ không chuyên trách cấp xã và thôn, bản, tổ dân phố; tinh giản 5,1% biên chế công chức (06 biên chế), 10,1% biên chế viên chức sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo, - sự nghiệp khác (117 biên chế) so với năm 2020, vượt chỉ tiêu được giao.

²⁸ Trong nhiệm kỳ đã bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử 791; luân chuyển, điều động 345 lượt cán bộ, công chức (trong đó số giữ chức vụ cao hơn 07; đề nghị Thường trực Tỉnh ủy tăng cường 02 cán bộ Đề án số 11 của Tỉnh ủy đảm nhiệm các chức danh cán bộ của huyện.

²⁹ Từ đầu nhiệm kỳ, đã cử 1.001 lượt cán bộ các cấp đi đào tạo, bồi dưỡng, trong đó: 20 cán bộ đi đào tạo và học hoàn thiện Cao cấp lý luận chính trị, 213 cán bộ đi đào tạo Trung cấp lý luận chính trị (huyện mở 02 lớp vừa học vừa làm cho 155 học viên), 246 cán bộ tham gia bồi dưỡng kiến thức mới, 260 cấp ủy viên cơ sở, 262 bí thư, phó bí thư chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở tham gia bồi dưỡng nghiệp vụ công tác Đảng (mở tại huyện 01 lớp cho 84 bí thư, phó bí thư đảng ủy cơ sở).

³⁰ Còn xã Tân Hương, Thịnh Hưng, Đại Minh, Bạch Hà

³¹ Trong nhiệm kỳ thành lập 03 tổ chức đảng, kết nạp được 75 đảng viên trong doanh nghiệp và khu vực kinh tế tư nhân.

số “Sổ tay đảng viên điện tử vào sinh hoạt chi bộ” đến 100% các chi bộ³² (trừ chi bộ quân sự, công an), xây dựng chi bộ kiểu mẫu đạt chất lượng³³. Công tác kết nạp, quản lý, rèn luyện đảng viên được tăng cường gắn với sàng lọc, kiên quyết đưa những đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng³⁴; quan tâm phát triển đảng viên là người dân tộc thiểu số, đảng viên trẻ; số lượng đảng viên mới kết nạp hằng năm trên 200 người, vượt mục tiêu Nghị quyết³⁵. Số tổ chức cơ sở đảng được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên bình quân đạt 98%/năm; tỷ lệ đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ hằng năm bình quân đạt 94,8%, vượt 9,8% mục tiêu Nghị quyết.

3. Công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật của đảng được thực hiện nghiêm túc, góp phần giữ vững kỷ luật, kỷ cương, xây dựng đảng bộ trong sạch, vững mạnh

Thực hiện có hiệu quả Đề án số 04-ĐA/TU của Ban thường vụ Tỉnh ủy; ban hành, triển khai thực hiện nghiêm túc chương trình kiểm tra, giám sát, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát theo hướng giám sát rộng, kiểm tra sâu, có trọng tâm, trọng điểm, không chông chéo, trùng lặp với thanh tra nhà nước; giám sát của cơ quan dân cử, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; lựa chọn nội dung kiểm tra, giám sát phù hợp với nhiệm vụ trọng tâm, các lĩnh vực nhạy cảm, dễ phát sinh tiêu cực; đẩy mạnh kiểm tra, giám sát việc xây dựng, thực hiện quy chế làm việc, công tác cán bộ, kê khai tài sản, công tác phòng, chống tham nhũng, quản lý, sử dụng ngân sách,...; giải quyết kịp thời, thấu đáo các khiếu nại, tố cáo; tập trung phát hiện, kiểm tra tổ chức đảng, đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm; thi hành kỷ luật nghiêm minh, đúng quy định của Đảng. Trong nhiệm kỳ, cấp ủy và ủy ban kiểm tra các cấp đã tiến hành kiểm tra 231 tổ chức đảng và 359 đảng viên, cấp ủy viên (*giảm 27 tổ chức, tăng 192 đảng viên so với nhiệm kỳ trước*); giám sát 153 lượt tổ chức đảng và 128 đảng viên (*giảm 01 tổ chức, tăng 111 đảng viên so với nhiệm kỳ trước*); thi hành kỷ luật 01 tổ chức đảng (*giảm 02 tổ chức so với nhiệm kỳ trước*); 119 đảng viên, cấp ủy viên³⁶ (*tăng 63 đảng viên so với nhiệm kỳ trước*).

4. Công tác dân vận của hệ thống chính trị được đẩy mạnh, củng cố niềm tin vững chắc của nhân dân đối với Đảng, chính quyền các cấp

³² Đến nay số đảng viên đã cài đặt ứng dụng “Sổ tay đảng viên điện tử” là 5.793/6.888 đảng viên, đạt 84,1% (*số đảng viên chưa được cài đặt sổ tay đảng viên điện tử là 1.095 đảng viên, là các đảng viên trong lực lượng Công an, Quân sự chưa được triển khai cài đặt và đảng viên miễn sinh hoạt, đảng viên không có điện thoại thông minh...*) và có 312/312 chi bộ sinh hoạt chi bộ trên nền tảng số sổ tay đảng viên điện tử tỉnh Yên Bái đạt 100% các chi bộ được đăng ký

³³ Trong nhiệm kỳ công nhận 25 chi bộ đạt 192% chỉ tiêu tinh giao. (Năm 2023 công nhận 10 chi bộ, dự kiến năm 2024 công nhận 8 chi bộ, năm 2025 công nhận 7 chi bộ).

³⁴ Xóa tên đảng viên 23 đảng viên; cho ra khỏi đảng 12 đảng viên; khai trừ khỏi đảng 18 đảng viên, đưa vào diện giáo dục, giúp đỡ trước khi đưa ra khỏi Đảng do có vi phạm, khuyết điểm đối với 73 đảng viên, đưa ra khỏi danh sách cần theo dõi giáo dục, giúp đỡ là 52 đảng viên thuộc các đảng bộ cơ sở.

³⁵ Trong 5 năm kết nạp được 1084 đảng viên mới, đạt 145% mục tiêu Nghị quyết Đại hội đề ra, 101,4% so với chỉ tiêu tinh giao; trong đó, đảng viên là người dân tộc thiểu số chiếm 44,4%, đảng viên trẻ chiếm 73,8%.

³⁶ Gồm: Khiển trách 77 đảng viên, cảnh cáo 15 đảng viên, cách chức 01 đảng viên và khai trừ 26 đảng viên.

Phương pháp, nội dung công tác dân vận có nhiều đổi mới, hiệu quả được nâng lên; bám sát nhiệm vụ chính trị để giải quyết các vấn đề liên quan trực tiếp đến Nhân dân. Xây dựng và nhân rộng trên 1.464 mô hình, điển hình “Dân vận khéo”; phát huy tốt vai trò của đội ngũ bí thư chi bộ, trưởng thôn, tổ dân phố, trưởng ban công tác mặt trận, người có uy tín trong cộng đồng trong tuyên truyền, vận động nhân dân tích cực hưởng ứng các phong trào thi đua, cuộc vận động, tiêu biểu như: “Toàn dân tham gia xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, “Toàn dân tham gia xây dựng đời sống văn hóa”.... Ban hành, triển khai hiệu quả Nghị quyết số 48-NQ/HU ngày 15/9/2022 của Ban Thường vụ Huyện ủy về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, phát huy vai trò nòng cốt của cán bộ, đảng viên gương mẫu thực hiện và vận động Nhân dân thực hiện phong trào hiến đất, tài sản trên đất làm đường giao thông và xây dựng các công trình công cộng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh và duy trì thực hiện nền nếp đồng bộ kế hoạch “Ngày cuối tuần cùng dân và doanh nghiệp”³⁷ góp phần phát huy trách nhiệm, vai trò gương mẫu đi đầu của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo các cấp trong đồng hành, gắn kết, huy động hiệu quả đóng góp, sự vào cuộc người dân và doanh nghiệp. Công tác dân vận chính quyền đạt kết quả tích cực thông qua việc đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, phục vụ tốt hơn nhu cầu của tổ chức và cá nhân.

5. Thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị; nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp

Thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ, quy chế làm việc và chương trình công tác; đề cao vai trò cá nhân người đứng đầu cấp ủy trong lãnh đạo, chỉ đạo. Ban hành và thực hiện nền nếp, bài bản, quyết liệt Chỉ thị số 06-CT/HU ngày 17/8/2021 của Ban Thường vụ Huyện ủy về việc tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo gắn với tăng cường công tác nhận xét, đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức trên địa bàn huyện, góp phần đổi mới phong cách, lề lối làm việc sâu sát, quyết tâm, quyết liệt, hiệu quả; vừa bảo đảm tính toàn diện, vừa có trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả, thận trọng, chắc chắn trong giải quyết những vấn đề mới, vấn đề khó; thực hiện cơ chế lãnh đạo *giao nhiệm vụ, khoán sản phẩm; cá thể hóa trách nhiệm cá nhân*, lượng hóa chỉ tiêu, nhiệm vụ cho từng tổ chức và cá nhân với yêu cầu về tiến độ, thời gian hoàn thành và chất lượng sản phẩm, công việc cần đạt được gắn với tăng cường kiểm tra, đôn đốc, thực hiện nghiêm chế độ thông tin, báo cáo và trách nhiệm giải trình, đề cao kỷ luật, kỷ cương trong Đảng; qua đó, nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ của các cấp, các ngành, cơ quan, đơn vị, thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển của huyện.

³⁷ Tổ chức 2.314 buổi cuối tuần cùng doanh nghiệp với 203.261 lượt người tham gia; diện tích đất hiến 213.843 m².

Ngay từ đầu nhiệm kỳ, HĐND các cấp đều xây dựng kế hoạch thực hiện “Đề án nâng cao chất lượng hoạt động của HĐND các cấp tỉnh Yên Bái nhiệm kỳ 2021-2026”, qua đó hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tiếp tục được đổi mới, nâng cao chất lượng cả về nội dung và phương thức hoạt động. Vị thế, vai trò của cơ quan dân cử được khẳng định và nâng lên, nhất là trong các hoạt động: Thẩm tra, giám sát, chất vấn, giải trình, tiếp công dân... đặc biệt là quyết định các vấn đề quan trọng của địa phương.

Công tác quản lý, điều hành của ủy ban nhân dân các cấp có nhiều đổi mới theo hướng dân chủ, minh bạch, quyết liệt, kỷ cương, hiệu quả. Tích cực đề xuất triển khai thực hiện cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; tập trung cơ cấu lại nền kinh tế, huy động, sử dụng hiệu quả nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá chiến lược; tăng cường quản lý phát triển xã hội tiến bộ, công bằng; bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ gìn trật tự xã hội. Đẩy mạnh việc sắp xếp tổ chức, tinh gọn bộ máy gắn với cải cách hành chính và chế độ công vụ, công chức; lề lối làm việc, thái độ phục vụ Nhân dân và trách nhiệm trong thực thi công vụ từng bước được nâng lên, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức “chuyên nghiệp, năng động, sáng tạo, liêm chính”, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

6. Chất lượng hoạt động của MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội ngày càng được nâng cao, góp phần quan trọng vào hoàn thành các nhiệm vụ chính trị trên địa bàn huyện

Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân có nhiều đổi mới, hướng về cơ sở với phương châm “*Gần dân, sát dân, nắm chắc tình hình nhân dân*”, góp phần tích cực cùng Đảng bộ huyện thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị. Phát huy tốt vai trò làm nòng cốt trong việc vận động nhân dân thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước, các phong trào thi đua tại địa phương, cơ sở. Công tác giám sát, phản biện xã hội ngày càng được phát huy hiệu quả, nhất là trong việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, giám sát việc thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và những vấn đề mà đông đảo Nhân dân quan tâm; giám sát việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt, đảng viên. Chất lượng tổ chức thực hiện các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước không ngừng được nâng lên, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn hiện nay. Kết quả thu được từ các cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*”, “*Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam*”, “*Xây dựng mô hình 6 không, 6 sạch*”, các phong trào “*Nông dân sản xuất - kinh doanh giỏi*”, “*Xây dựng người Phụ nữ Việt Nam thời đại mới*”, “*Tuổi trẻ sáng tạo; Xung kích bảo vệ Tổ quốc; Tuổi trẻ tiên phong chuyển đổi số*” “*Chiến dịch thanh niên tình nguyện hè*”, “*Cựu chiến binh gương mẫu*”; “*Lao động giỏi, lao động sáng tạo trong công nhân viên chức, người lao động*”... đã góp

phần nâng tỷ lệ tập hợp đoàn viên, hội viên tham gia các tổ chức chính trị - xã hội trong toàn huyện lên trên 90%.

B. ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT, NGUYÊN NHÂN VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

I. ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT

1. Kết quả đạt được

Nhiệm kỳ 2020-2025, Đảng bộ huyện Yên Bình đã phát huy truyền thống đoàn kết, không ngừng đổi mới, sáng tạo, nỗ lực tận dụng mọi thời cơ, vượt qua khó khăn, thách thức, đạt được nhiều kết quả tích cực. Kinh tế phát triển, văn hóa - xã hội có nhiều tiến bộ, bảo đảm mọi người dân đều được chăm lo, thụ hưởng các chế độ, chính sách; gìn giữ và phát huy giá trị bản sắc văn hóa tốt đẹp của đồng bào các dân tộc, xây dựng hình ảnh con người Yên Bình "thân thiện, nhân ái, đoàn kết, sáng tạo, hội nhập"; giảm nghèo nhanh, bền vững với nhiều cách làm sáng tạo, hiệu quả, là điểm sáng của tỉnh Yên Bái về hỗ trợ xóa nhà dột nát cho hộ nghèo, hộ cận nghèo; đời sống nhân dân tiếp tục được cải thiện. Yên Bình đã được công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới năm 2023, sớm hơn 02 năm so với mục tiêu Nghị quyết đề ra. Quốc phòng an ninh ổn định, trật tự, an toàn xã hội tiếp tục được giữ vững. Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng, chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên ngày càng được nâng cao. Hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước, chất lượng công vụ của cán bộ, công chức có chuyển biến. Vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân được phát huy, thực sự là cầu nối quan trọng giữa Đảng, Nhà nước và Nhân dân. Đảng bộ huyện đã hoàn thành 26/26 chỉ tiêu chủ yếu theo Nghị quyết Đại hội XXIII đề ra, trong đó có 12 chỉ tiêu vượt cao so với mục tiêu Nghị quyết.

2. Khuyết điểm, hạn chế

Kết quả thực hiện 3 khâu đột phá và các chương trình trọng điểm trong nhiệm kỳ có mặt còn chưa đạt yêu cầu; thu hút đầu tư chưa tương xứng với tiềm năng thế mạnh của địa phương; cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với chế biến sâu chưa tạo được chuyển biến rõ nét; liên kết trong sản xuất thiếu bền vững, chưa phát triển được nhiều chuỗi liên kết, tiêu thụ sản phẩm hàng hóa có quy mô, phát triển rừng cây gỗ lớn còn hạn chế; sản phẩm du lịch chưa đa dạng, phong phú; doanh thu từ dịch vụ du lịch chiếm tỷ trọng thấp trong cơ cấu kinh tế; cơ cấu nguồn thu ngân sách chưa bền vững; công tác giải phóng mặt bằng một số dự án chậm tiến độ; công tác quản lý nhà nước về quy hoạch, xây dựng, đất đai, môi trường có mặt còn hạn chế, việc phát hiện và xử lý vi phạm ở một số địa phương có lúc, có việc chưa kịp thời.

Công tác quản lý Nhà nước đối với các hoạt động dịch vụ văn hóa còn hạn chế; chất lượng các danh hiệu văn hóa chưa thực sự bền vững; nguồn nhân lực thực hiện công tác chuyển đổi số còn thiếu về số lượng, yếu về trình độ

chuyên môn. Công tác đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm hiệu quả chưa cao; chuyển dịch cơ cấu lao động còn chậm, tỉ lệ lao động nông nghiệp còn cao.

An ninh nông thôn còn tiềm ẩn yếu tố phức tạp. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo xử lý các vụ việc phát sinh về an ninh trật tự, an toàn xã hội một số địa phương còn lúng túng. Việc giải quyết đơn thư có nội dung chưa được giải quyết triệt để, nên còn để dây dưa phức tạp, kéo dài.

Công tác giáo dục chính trị, định hướng tư tưởng có nơi, có lúc thiếu kịp thời; một số cán bộ, đảng viên chưa thực sự đề cao trách nhiệm nêu gương, năng lực, trách nhiệm hạn chế, chưa đáp yêu cầu nhiệm vụ, có cán bộ, đảng viên vi phạm bị xử lý kỷ luật hoặc xử lý hình sự. Công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ một số địa phương, đơn vị còn chưa đảm bảo tính kế thừa, bị hẫng hụt cán bộ; công tác xây dựng tổ chức đảng, phát triển đảng trong doanh nghiệp, đơn vị kinh tế tư nhân, công tác quản lý đảng viên có mặt còn hạn chế. Kết quả xây dựng mô hình “Dân vận khéo” ở một số tổ chức đảng chưa rõ nét. Công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật Đảng, công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí một số cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị chưa chủ động, hiệu quả chưa cao. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chưa có nhiều đổi mới về nội dung, phương pháp hoạt động; thực hiện quy định về công tác giám sát, phản biện xã hội và tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền còn hạn chế.

II. NGUYÊN NHÂN

1. Nguyên nhân của thành tựu đạt được

1.1. Nguyên nhân khách quan

Đảng bộ huyện luôn nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời của Trung ương, Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh, đoàn công tác của Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo huyện và sự hỗ trợ, giúp đỡ của các sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh, các địa phương trong và ngoài tỉnh. Huyện Yên Bình có vị trí trọng yếu, cửa ngõ của tỉnh, có khu du lịch quốc gia Hồ Thác Bà, trung tâm huyện lỵ giáp với trung tâm tỉnh lỵ, có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế- xã hội.

1.2. Nguyên nhân chủ quan

Vận dụng sáng tạo, có hiệu quả các nghị quyết, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước vào điều kiện thực tiễn của huyện. Dân chủ, đoàn kết, thống nhất trong đảng; huy động được sự vào cuộc và sức mạnh của cả hệ thống chính trị, đặc biệt là sự đồng thuận trong nhân dân được phát huy tối đa trong phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh. Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ chính trị luôn hướng về Nhân dân; chủ động đối thoại, sâu sát cơ sở, nắm bắt được tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân để kịp

thời tháo gỡ vướng mắc, khó khăn và ban hành chính sách phù hợp. Đội ngũ cán bộ từ huyện đến xã được rèn luyện qua thực tiễn; được kịp thời cập nhật các kiến thức mới để lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện hiệu quả.

Đổi mới mạnh mẽ, quyết liệt, chú trọng chọn các khâu đột phá, chương trình trọng tâm, trọng điểm; kiên trì trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức triển khai; kịp thời đề ra những chủ trương, giải pháp, triển khai các chính sách phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương gắn với đẩy mạnh cải cách hành chính, thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương; phòng ngừa, phát hiện và xử lý kịp thời, nghiêm minh những vi phạm.

2. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

2.1. Nguyên nhân khách quan

Yên Bình là huyện có địa hình rộng, trình độ dân trí không đồng đều; quy mô nền kinh tế nhỏ, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn; nguồn lực đầu tư cho phát triển, nhất là đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng còn thấp so với nhu cầu. Một số chính sách chưa sát thực tế, vì vậy trong quá trình tổ chức thực hiện tại cơ sở còn gặp những khó khăn nhất định. Tình hình kinh tế, chính trị thế giới biến động phức tạp, khó lường tác động đến phát triển kinh tế - xã hội, ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, thời tiết cực đoan, dịch bệnh, nhất là đại dịch Covid-19 và cơn bão số 3 (tháng 9/2024) đã tác động tiêu cực đến mọi mặt của đời sống xã hội, ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương.

2.2. Nguyên nhân chủ quan

Công tác dự báo từ đầu nhiệm kỳ chưa sát với thực tiễn, chưa lường hết được những khó khăn, thách thức, rủi ro phát sinh nên một số chỉ tiêu đặt ra chưa thực sự phù hợp. Trong quá trình tổ chức thực hiện, chưa thực sự bám sát các chỉ tiêu, đột phá và cụ thể hóa trong từng năm để triển khai. Nhu cầu về vốn đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng là rất lớn, trong khi khả năng cân đối ngân sách của địa phương chưa đáp ứng. Việc vận dụng, cụ thể hóa một số chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước vào tình hình thực tế còn chậm, có việc còn lúng túng.

Công tác điều hành của chính quyền một số lĩnh vực chưa quyết liệt, thiếu hiệu quả. Năng lực lãnh đạo, chỉ đạo của một số cấp ủy, chính quyền còn hạn chế, quyết tâm chính trị không cao; thiếu tính năng động, chủ động, đổi mới sáng tạo; còn có biểu hiện trông chờ vào sự chỉ đạo của cấp trên; chưa làm tốt công tác hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ của cấp dưới, cá biệt có nơi còn có tình trạng buông lỏng lãnh đạo, quản lý. Một số cán bộ đứng đầu, lãnh đạo cơ quan, đơn vị chưa thực hiện nghiêm trách nhiệm nêu gương của người đứng đầu, thiếu quyết liệt, ngại khó, ngại khổ, không sát sao chỉ đạo lĩnh vực, địa bàn được phân công phụ trách; một số cán bộ lãnh đạo cấp ủy, chính quyền chưa thực sự sâu sát với cơ sở, chưa nắm chắc

tình hình, tâm tư, nguyện vọng chính đáng của nhân dân, chưa chủ động, kịp thời tháo gỡ, giải quyết khó khăn, vướng mắc ngay từ cơ sở. Sự phối hợp giữa các cơ quan trong giải quyết một số việc có lúc còn thiếu đồng bộ, chưa chặt chẽ, kịp thời.

Công tác dân vận của hệ thống chính trị có thời điểm thiếu sự phối hợp đồng bộ, cụ thể. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội còn lúng túng trong lựa chọn nội dung thực hiện giám sát, phản biện xã hội; phát động một số cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước hiệu quả chưa cao.

III. BÀI HỌC KINH NGHIỆM

Một là, không ngừng xây dựng Đảng bộ ngày càng trong sạch, vững mạnh; củng cố, tăng cường đoàn kết, thống nhất trong toàn Đảng bộ và hệ thống chính trị, sự đồng thuận, ủng hộ của Nhân dân. Thực hiện nghiêm các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Đề cao vai trò, trách nhiệm nêu gương, tinh thần “*dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đổi mới sáng tạo, dám đương đầu với khó khăn, thử thách và quyết liệt trong hành động vì lợi ích chung*” của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát, kịp thời chấn chỉnh, xử lý nghiêm các vi phạm.

Hai là, bám sát Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp, các chủ trương, định hướng, nghị quyết của Trung ương, kịp thời cụ thể hóa, thể chế hóa thành nghị quyết, chỉ thị, đề án, kế hoạch ... của Huyện ủy, HĐND, UBND huyện đồng bộ, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị phù hợp với điều kiện thực tiễn của huyện.

Ba là, quá trình lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện phải có quyết tâm chính trị cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt với những giải pháp đồng bộ, hiệu quả; đồng thời, khi có các yếu tố tác động, biến động lớn thì linh hoạt điều chỉnh các nhiệm vụ, giải pháp theo đúng phương châm “*kiên định về mục tiêu, linh hoạt về giải pháp*”, bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tiễn để đạt được mục tiêu đã đề ra.

Bốn là, Huy động, lồng ghép, sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng, nhất là trong xây dựng nông thôn mới, qua đó tạo động lực mạnh mẽ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

Năm là, Đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức chính trị - xã hội các cấp; thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc. Khơi dậy, phát huy giá trị văn hóa, ý chí tự lực, tự cường và khát vọng vươn lên của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân.

Phần thứ hai
PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ
NHIỆM KỲ 2025-2030

Giai đoạn tới, hòa bình, hợp tác, phát triển vẫn là xu thế căn bản; cuộc cách mạng Công nghiệp lần thứ tư phát triển mạnh mẽ vừa tạo thời cơ, vừa đặt ra thách thức cho các quốc gia; cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng mở rộng, gay gắt; tranh chấp chủ quyền lãnh thổ, biển đảo ở Biển Đông có chiều hướng, phức tạp hơn; xung đột, chiến tranh, bất ổn xã hội, biến đổi khí hậu và những thách thức an ninh phi truyền thống tiếp tục diễn biến khó lường. Đất nước sau gần 40 năm đổi mới có cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế tiếp tục được nâng lên; vai trò lãnh đạo của Đảng ngày càng được củng cố, tăng cường; đời sống Nhân dân không ngừng được nâng cao, đang chuẩn bị bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của đất nước, của dân tộc.

Tỉnh ta với những thành tựu quan trọng đạt được 35 năm tái lập, cùng với hệ thống thể chế, cơ chế, chính sách của Trung ương, của tỉnh ngày càng được hoàn thiện đồng bộ, đặc biệt là Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Quy hoạch tỉnh Yên Bái thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, sẽ quyết tâm, phấn đấu đến năm 2030 nằm trong nhóm 5 tỉnh phát triển hàng đầu của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, là động lực thúc đẩy các địa phương trong tỉnh phải vươn lên, phát triển nhanh hơn.

Đối với huyện Yên Bình, với truyền thống văn hóa và sự đoàn kết thống nhất trong Đảng bộ, sự đồng thuận trong Nhân dân, sự ổn định về chính trị cùng với kinh nghiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành các nhiệm kỳ qua tiếp tục là tiền đề, là động lực cho sự phát triển. Tuy vậy, bên cạnh những khó khăn chung của nền kinh tế trong nước, diễn biến phức tạp của thời tiết, khí hậu là những yếu tố sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến phát triển kinh tế - xã hội của huyện; các vấn đề liên quan đến quản lý quy hoạch, tài nguyên, khoáng sản, bảo vệ môi trường, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, huy động các nguồn lực đầu tư cho phát triển cũng là những thách thức đặt ra cho Đảng bộ, chính quyền và nhân dân toàn huyện cần phải nỗ lực, phấn đấu để đưa Yên Bình tiếp tục phát triển.

A. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO, MỤC TIÊU TỔNG QUÁT VÀ CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

I. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO

1. Phù hợp với đường lối, chủ trương, định hướng của Đảng, phù hợp với Quy hoạch tỉnh Yên Bái thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định 1955/QĐ-UBND, ngày 27/10/2023 của UBND tỉnh Yên Bái về phê duyệt

Quy hoạch xây dựng vùng huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái đến năm 2030, định hướng đến năm 2050.

2. Khai thác, sử dụng hiệu quả các tiềm năng, thế mạnh và lợi thế; đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư, kết nối chặt chẽ với các địa phương trong và ngoài tỉnh để tập trung phát triển bền vững các ngành kinh tế có thế mạnh; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, năng xuất lao động, đổi mới cơ chế quản lý để tăng sức cạnh tranh của nền kinh tế.

3. Phát triển kinh tế phải đi đôi với phát triển văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả tài nguyên, chủ động ứng phó với thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu; quan tâm bảo tồn và phát huy các bản sắc văn hóa dân tộc tốt đẹp; giảm nghèo nhanh và bền vững, thực hiện hiệu quả các chính sách an sinh xã hội, bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống và chỉ số hạnh phúc của Nhân dân.

4. Gắn kết chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với củng cố, tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh; giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, xây dựng chính quyền các cấp vững mạnh.

5. Nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền và sức chiến đấu của các cấp ủy, tổ chức đảng; xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh toàn diện; phát huy thống đoàn kết, thống nhất, bảo đảm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị và kịp thời giải quyết những vấn đề phát sinh từ thực tiễn.

II. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; phát huy, sức mạnh đại đoàn kết và khát vọng vươn lên; không ngừng đổi mới, sáng tạo, khai thác tối đa các tiềm năng, lợi thế để đẩy mạnh thu hút đầu tư, xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, có tính kết nối cao, phát triển kinh tế nhanh, bền vững theo hướng “xanh, hài hòa, bản sắc, hạnh phúc”; nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho Nhân dân, thực hiện công bằng xã hội; phát triển kinh tế, xã hội gắn với bảo vệ môi trường; củng cố vững chắc quốc phòng an ninh, giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo trật tự an toàn xã hội. Phấn đấu huyện Yên Bình trở thành huyện nông thôn mới nâng cao, có kinh tế - xã hội phát triển hàng đầu của tỉnh Yên Bái vào năm 2030, là một trong những huyện phát triển của vùng Trung du và miền núi Bắc bộ.

III. CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

1. Về kinh tế

(1) Tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn đạt 20.707 tỷ đồng.

(2) Tổng sản lượng lương thực có hạt đạt trên 30.100 tấn.

(3) Sản lượng thịt hơi xuất chuồng các loại đạt 18.000 tấn.

- (4) Sản lượng khai thác, nuôi trồng thủy sản đạt 9.500 tấn.
 (5) Diện tích rừng trồng mới tập trung hằng năm đạt 3.000 ha.
 (6) Huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; 15 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, trong đó 09 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu (theo bộ tiêu chí mới).
 (7) Doanh thu bán lẻ hàng hoá đạt 5.000 tỷ đồng.
 (8) Lượt khách du lịch đạt 1.000.000 lượt người, doanh thu đạt 900 tỷ đồng.
 (9) Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt từ 720 tỷ đồng.
 (10) Tổng vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn giai đoạn 2025-2030 đạt 32.000 tỷ đồng.

2. Về xã hội

- (11) Số lao động tạo việc làm mới 19.000 lao động.
 (12) Tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2030 đạt 85%, trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng, chứng chỉ đạt 60%; tỷ lệ chuyển dịch cơ cấu lao động từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp đạt 2-3%/năm.
 (13) Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân đạt từ 2-3%/năm (theo chuẩn giai đoạn 2026-2030).
 (14) Tỷ lệ trẻ mẫu giáo đến trường đạt 99,7%; tỷ lệ huy động trẻ em trong độ tuổi tiểu học đến trường đạt 100%.
 (15) Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 97%.
 (16) Tỷ lệ trẻ em dưới 01 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin đạt 99,5% trở lên.
 (17) Chỉ số hạnh phúc của người dân tăng 8-10% so với năm 2025 (80,3%).

3. Về môi trường

- (18) Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%, trong đó tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn 45%.
 (19) Tỷ lệ chất thải sinh hoạt được thu gom, xử lý: Khu vực đô thị đạt 98,5%; khu vực nông nghiệp đạt 98%.
 (20) Tỷ lệ độ che phủ rừng đạt 54,5%.

4. Về xây dựng Đảng và hệ thống chính trị

- (21) Kết nạp đảng viên mới hằng năm đạt 200 đảng viên trở lên
 (22) Số tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên hằng năm đạt từ 90% trở lên
 (23) Số cán bộ, đảng viên thực hiện tốt chức trách nêu gương hằng năm đạt từ 90% trở lên, trong đó: Số cán bộ lãnh đạo trong hệ thống chính trị thực hiện tốt trách nhiệm nêu gương hằng năm đạt từ 95% trở lên.

B. ĐỘT PHÁ CHIẾN LƯỢC VÀ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

I. ĐỘT PHÁ CHIẾN LƯỢC

1. Kịp thời cụ thể hóa các cơ chế, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền hợp lý, hiệu quả gắn với tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực; đẩy mạnh chuyển đổi số, cải cách hành chính, đơn giản hoá các thủ tục hành chính, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, thu hút đầu tư, phát triển các thành phần kinh tế.

2. Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao, trọng tâm là nâng cao chất lượng nhân lực khu vực nông nghiệp, nông thôn, nhân lực vùng đồng bào dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức từ huyện đến cơ sở đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; lựa chọn, bố trí đội ngũ lãnh đạo các cơ quan, đơn vị đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; khơi dậy khát vọng vươn lên góp xây dựng quê hương, đất nước ngày càng giàu đẹp văn minh.

3. Huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực; xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, trọng tâm là hạ tầng đô thị, hạ tầng khu, cụm công nghiệp; hạ tầng giao thông, đối với giao thông nông thôn tập trung mở rộng đường hiện có, ưu tiên làm đường bê tông nhựa asphalt; các hạ tầng gắn kết với khu du lịch quốc gia hồ Thác Bà.

II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của các cấp ủy, tổ chức đảng, trọng tâm là cấp ủy cơ sở và cấp ủy huyện. Xây dựng đội ngũ đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, nhất là cán bộ chủ chốt huyện, các phòng ban, đơn vị, xã, thị trấn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Đẩy mạnh đấu tranh phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, củng cố niềm tin của Nhân dân đối với cấp ủy, chính quyền từ huyện đến cơ sở.

2. Cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng phát triển kinh tế nhanh, toàn diện và bền vững. Cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả, giá trị gia tăng, đẩy mạnh phát triển kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới thông minh, hiện đại, bền vững. Phát triển công nghiệp theo hướng thân thiện với môi trường. Tập trung nguồn lực phát triển một số ngành thương mại, dịch vụ có tiềm năng, lợi thế; nhất là phát triển du lịch xanh, bản sắc, hấp dẫn, trở thành ngành kinh tế quan trọng của huyện. Huy động nguồn lực tập trung xây dựng Yên Bình trở thành huyện nông thôn mới nâng cao vào năm 2030.

3. Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo, phát triển

nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ, nhất là dịch vụ du lịch. Phát huy giá trị, bản sắc văn hóa và xây dựng con người Yên Bình “thân thiện, nhân ái, đoàn kết, sáng tạo, hội nhập”; phát huy quyền làm chủ của nhân dân và sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, chất lượng dân số. Bảo đảm các chính sách an sinh xã hội. Giảm nghèo nhanh và bền vững, không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và chỉ số hạnh phúc cho Nhân dân.

4. Tăng cường quốc phòng an ninh; củng cố “thế trận lòng dân” vững chắc; xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh Nhân dân vững mạnh, chú trọng an ninh nông thôn, an ninh tôn giáo, an ninh nội bộ... giữ vững ổn định an ninh trật tự, trật tự an toàn xã hội.

5. Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp, hiệu lực hiệu quả quản lý, quản trị xã hội của UBND huyện và các xã, thị trấn; xây dựng nền hành chính, tư pháp chuyên nghiệp, pháp quyền, hiện đại; tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan trong hệ thống chính trị bảo đảm tinh gọn, trong sạch, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tập trung xây dựng huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao

1.1. Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy đảng, điều hành của chính quyền, sự vào cuộc đồng bộ của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội và khơi dậy mạnh mẽ khát vọng sức mạnh to lớn của nhân dân để xây dựng nông thôn mới

Các cấp ủy, chính quyền, các tổ chức đoàn thể từ huyện đến cơ sở quán triệt và thực hiện nghiêm túc quan điểm, mục tiêu xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ chính trị quan trọng hàng đầu của Đảng bộ huyện Yên Bình trong nhiệm kỳ 2025-2030 cần được ưu tiên, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện quyết tâm, quyết liệt. Từ đó, phát huy mạnh mẽ vai trò lãnh đạo của cấp ủy, sự chỉ đạo sâu sát của chính quyền và sự vào cuộc quyết liệt, hiệu quả của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, động viên, huy động sức mạnh, nội lực trong dân, xác định Nhân dân là chủ thể trong thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới.

1.2. Tiếp tục đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm vững chắc an ninh, trật tự; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và hạnh phúc của người dân nông thôn góp phần củng cố nâng cao chất lượng các tiêu chí xây dựng nông thôn mới, hoàn thành các tiêu chí xây dựng huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2026-2030

Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực phát triển mạnh kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng thống giao thông; thủy lợi, tiếp tục hoàn thiện hệ thống hạ tầng y tế, giáo dục, các công trình văn hóa, thể thao bảo đảm

duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu, huyện nông thôn mới. Rà soát thực hiện hoàn thành các tiêu chí xây dựng nông thôn nâng cao theo bộ tiêu chí giai đoạn 2026-2030; xây dựng ít nhất 09 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; 15 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

2. Đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh - quốc phòng

2.1. Cơ cấu lại nền kinh tế, tập trung phát triển văn hóa, thực hiện công bằng xã hội

2.1.1. Tiếp tục cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế

2.1.1.1. Tập trung cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, giá trị gia tăng, đẩy mạnh phát triển kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới hiện đại, bền vững. Phân đấu giá trị sản xuất ngành nông lâm nghiệp đến năm 2030 đạt 3.600 tỷ đồng, phân đấu giá trị sản xuất nông nghiệp bình quân hàng năm tăng trên 7%.

Phát triển nông nghiệp - nông thôn đa giá trị, gắn kết chặt chẽ nông nghiệp với du lịch. Tiếp tục thực hiện hiệu quả các giải pháp cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị đối với các sản phẩm chủ lực của huyện, đáp ứng nhu cầu của thị trường. Tập trung phát triển các sản phẩm như: Lúa chất lượng cao, cây ăn quả có múi, Thanh Long ruột đỏ, chè, gỗ rừng trồng, quế hữu cơ, măng tre Bát Độ, cây dược liệu, nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi đại gia súc... Mở rộng quy mô sản xuất hàng hóa tập trung bảo đảm phù hợp với quy hoạch và định hướng chung của tỉnh, tạo sản phẩm sạch, an toàn gắn với thực hiện dự án sản xuất theo chuỗi giá trị, sản phẩm OCOP để nâng cao tiêu chuẩn chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn trong nước và xuất khẩu.

Hình thành các vùng nông nghiệp tập trung bao gồm: (i) Vùng sản xuất 500 ha lúa hàng hóa tại các xã vùng Đông hồ; phát triển thương hiệu gạo đặc sản 150 ha tại xã Bạch Hà và 70 ha lúa nếp lếch tại xã Bảo Ái. (ii) Vùng trồng bưởi đặc sản tại xã Đại Minh, Hán Đà (800 ha). (iii) Vùng trồng măng Bát Độ tại các xã: Xuân Long, Ngọc Chấn, Cẩm Nhân, Mỹ Gia, Yên Thành, Phú Thịnh, Đại Đồng, Bảo Ái, Cẩm Ân, Mông Sơn, thị trấn Yên Bình (1.200 ha). (iv) Vùng trồng chè tại các xã: Bạch Hà, Yên Bình, Vĩnh Kiên, Hán Đà, Thịnh Hưng, Phú Thịnh (500 ha). Vùng trồng quế hữu cơ với diện tích trên 5.000 ha, tập trung tại các xã: Tân Hương, Cẩm Ân, Bảo Ái, Tân Nguyên, Xuân Long, Ngọc Chấn, Cẩm Nhân. (v) Nuôi trồng thủy sản đảm bảo môi trường từ là 2.300 - 2.800 lồng cá tại Thị trấn Yên Bình, Thị trấn Thác Bà, các xã: Thịnh Hưng, Hán Đà, Vũ Linh, Vĩnh Kiên, Tân Hương, Đại Đồng, Cẩm Ân, Mông

Sơn, Bảo Ái, Tân Nguyên, Ngọc Chân, Xuân Long, Phúc Ninh, Cẩm Nhân, Xuân Lai, Mỹ Gia, Yên Thành, Phúc An. (vi) Vùng bán ngập lòng hồ Thác Bà khoảng 2000 ha phục vụ phát triển sản xuất hữu cơ, ưu tiên trồng lúa, ngô, lạc, dưa hấu, ...

Đẩy mạnh phát triển lâm nghiệp theo hướng bền vững, nâng cao hiệu quả sản xuất rừng kinh tế; khuyến khích, thu hút các doanh nghiệp đầu tư liên kết với hộ dân từ khi trồng đến chế biến xuất khẩu các sản phẩm từ gỗ, nâng cao thu nhập cho người trồng rừng. Áp dụng mô hình sử dụng tuần hoàn tài nguyên rừng để phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường: Thúc đẩy tuần hoàn “trồng rừng - quản lý rừng - sử dụng - trồng rừng” (sử dụng tuần hoàn tài nguyên rừng) nhằm đảm bảo việc trồng rừng được triển khai thích hợp, đồng thời, vẫn có thể sử dụng gỗ trong tương lai.

Tập trung phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm theo hướng công nghiệp, bán công nghiệp, trang trại, gia trại gắn với bảo vệ môi trường; phát triển các cơ sở chăn nuôi theo hướng áp dụng các biện pháp chăn nuôi an toàn sinh học, kiểm soát, phòng chống dịch bệnh; xây dựng một số cơ sở giết mổ, chế biến gia súc, gia cầm tập trung có hệ thống xử lý chất thải, đảm bảo môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, tuyệt đối không ảnh hưởng đến nước hồ Thác Bà.

Khai thác hiệu quả tiềm năng phát triển thủy sản hồ Thác Bà, tập trung nuôi cá lồng theo hướng thâm canh cao, ứng dụng khoa học công nghệ; hình thành trọng điểm sản xuất thủy sản trên hồ Thác Bà; chú trọng các khâu chế biến, bảo quản, phân phối, đào tạo nguồn nhân lực ngành thủy sản, tạo thương hiệu và nâng cao giá trị gia tăng của ngành thủy sản địa phương. Tập trung thu hút đầu tư các dự án chế biến thức ăn, chế biến thủy sản nước ngọt của hồ Thác Bà (1-2 nhà máy chế biến). Khuyến khích nuôi một số sản phẩm đặc thù, đặc sản có lợi thế của địa phương như cá ngạnh, cá lăng... Đồng thời, tích cực mở rộng thị trường đưa sản phẩm cá hồ Thác Bà vào hệ thống các siêu thị và là đầu mối liên kết các doanh nghiệp đầu tư xây dựng nhà máy chế biến thủy sản xuất khẩu để đưa sản phẩm cá sạch, chất lượng cao, an toàn vệ sinh thực phẩm đến người tiêu dùng, góp phần nâng cao danh tiếng thương hiệu “Cá hồ Thác Bà - đặc sản Yên Bái”. Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ nguồn lợi thủy sản tự nhiên trên hồ Thác Bà, hạn chế tối đa tình trạng khai thác thủy sản trái phép. Tận dụng tối đa diện tích ao, hồ nhỏ để nuôi cá bán thâm canh; cải tạo hệ thống ao nuôi cá đảm bảo tiêu chuẩn nuôi cá thâm canh, bán thâm canh để nâng cao sản lượng.

Xây dựng các điểm du lịch nông thôn gắn với nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp đa giá trị tại các xã: Tân Hương, Đại Đồng, Vũ Linh, Mỹ Gia, Phúc An, Bạch Hà, Hán Đà, Đại Minh...; trồng tràm tại các diện tích đảo hồ bán ngập cos 58 hồ Thác Bà để chống sạt lở, tăng độ che phủ rừng và tạo cảnh quan đô thị, du lịch.

2.1.1.2. Phát triển công nghiệp theo hướng bền vững, hiệu quả, thân thiện với môi trường, trở thành động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Giá trị sản xuất công nghiệp (giá so sánh 2010) đạt 12.000 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân 08%/năm.

Tập trung thu hút đầu tư phát triển hoàn chỉnh hạ tầng các khu, cụm công nghiệp hiện có; đồng thời hỗ trợ nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án đầu tư hạ tầng các khu, cụm công nghiệp để tạo lợi thế trong thu hút đầu tư vào những ngành công nghiệp phát huy được tiềm năng, thế mạnh của huyện, sản phẩm có lợi thế cạnh tranh, đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội và giải quyết việc làm cho người lao động... Ưu tiên thu hút các dự án sử dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại, công nghiệp xanh, chế biến sâu tạo ra giá trị gia tăng lớn, tiết kiệm tài nguyên, bảo vệ môi trường.

Tiếp tục đẩy mạnh phát triển khu công nghiệp phía Nam (phần trên địa bàn huyện); giữ nguyên diện tích và tập trung đôn đốc đầu tư hoàn thiện hạ tầng cụm công nghiệp Thịnh Hưng; xây dựng hạ tầng và thu hút đầu tư cụm công nghiệp Phú Thịnh 1, Phú Thịnh 2, Phú Thịnh 3; bổ sung quy hoạch 1 khu công nghiệp (khu công nghiệp Thịnh Hưng), cụm công nghiệp Thịnh Hưng 4. Sau năm 2030, bổ sung thêm 2 cụm công nghiệp với quy mô 75 ha/cụm (cụm công nghiệp Phú Thịnh 5,6) nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển công nghiệp và di dời các nhà máy khỏi vùng hồ Thác Bà.

2.1.1.3. Tập trung phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch

Duy trì và nâng cấp hệ thống chợ hiện có tại các xã, thị trấn; thu hút một số cụm thương mại- dịch vụ, siêu thị tại Thị trấn Yên Bình và Thị trấn Thác Bà; phát triển cửa hàng xăng dầu trên các tuyến đường Quốc lộ, đường tỉnh tại các xã chưa có cửa hàng xăng dầu, các tuyến đường mới mở, khu đô thị mới và các khu, cụm công nghiệp, điểm du lịch... Gắn việc xây dựng hạ tầng thương mại- dịch vụ với phát triển du lịch, hướng đến tập trung mạnh mẽ cho phát triển dịch vụ du lịch, kinh tế du lịch.

Quan tâm đặc biệt công tác thu hút đầu tư phát triển du lịch, trọng tâm là Khu Du lịch quốc gia hồ Thác Bà, tạo đột phá trong phát triển kinh tế- xã hội huyện. Phát triển du lịch xanh, hài hoà, bản sắc, hấp dẫn và trở thành ngành kinh tế quan trọng của huyện; xây dựng sản phẩm du lịch có chất lượng cao, đa dạng, có thương hiệu và là một trong những điểm đến du lịch hàng đầu của tỉnh Yên Bái cũng như vùng Tây Bắc, tạo nên hình ảnh và điểm đến với thương hiệu “Điểm đến an toàn, thân thiện, đặc sắc, hấp dẫn, ấn tượng”, lấy Khu du lịch Quốc gia Hồ Thác Bà là trọng tâm phát triển. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong lĩnh vực du lịch; chú trọng đào tạo, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực về du lịch.

Cùng với việc thu hút các nhà đầu tư chiến lược, ưu tiên thúc đẩy phát triển mạnh mẽ du lịch cộng đồng kết hợp với bảo tồn các giá trị văn hóa, nâng

cao chất lượng các sản phẩm du lịch. Xây dựng các sản phẩm du lịch chủ đạo, đặc trưng: *Du lịch sinh thái hồ Thác Bà*: Trải nghiệm du lịch sinh thái trên mặt hồ và khám phá sinh thái các đảo nổi và vùng cảnh quan sinh thái nông nghiệp ven hồ (du lịch sinh thái theo chuyên đề); phát triển du lịch mạo hiểm như lặn, leo núi, trò chơi nước, ... *Du lịch cộng đồng khám phá văn hóa các dân tộc* (Tày, Nùng, Cao Lan ...) gắn với trải nghiệm, khám phá văn hóa sông Chảy. Tổ chức các hoạt động trải nghiệm lối sống của cư dân bản địa, nghỉ homestay; Mua sắm các sản phẩm thủ công mỹ nghệ; tổ chức các hoạt động du lịch nông nghiệp như trang trại thủy sản, vườn cây ăn quả, rừng trồng, ... Phát triển du lịch cộng đồng gắn với chăm sóc sức khỏe - tại điểm du lịch cộng đồng Ngòi Tu (Vũ Linh); Đồng Tý (Phúc An). *Du lịch nghỉ dưỡng*: Nghỉ dưỡng cao cấp, nghỉ cuối tuần, nghỉ trăng mật, điều dưỡng và du lịch chăm sóc sức khỏe. *Du lịch tham quan, tâm linh, tín ngưỡng*: Tham quan núi Linh Sơn - Cao Biền, đền Thác ông, đền Thác Bà, hệ thống di tích lịch sử, nhà máy thủy điện Thác Bà. Xây dựng các sản phẩm du lịch phụ trợ: Du lịch thể thao, vui chơi giải trí ngoài trời: Các hoạt động thể thao trên cạn và mặt nước; công viên chuyên đề...; Du lịch MICE gắn với các sự kiện văn hóa, lễ hội đặc trưng của dân cư vùng Hồ Thác Bà, các giải thể thao, đặc biệt thể thao địa hình. Du lịch đô thị: Du lịch mua sắm, giải trí gắn với các không gian trung tâm đô thị, được tổ chức có bản sắc và thú vị đối với du khách. Chú trọng tổ chức dịch vụ kinh tế ban đêm như chợ đêm du lịch, các tuyến phố đi bộ, phố đêm, nghệ thuật biểu diễn đường phố, ...

2.1.1.4. Đẩy mạnh cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, phát triển các thành phần kinh tế

Thực hiện đồng bộ các giải pháp đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính cải thiện thực chất, tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng, thân thiện, minh bạch, bình đẳng để thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào các lĩnh vực là thế mạnh của huyện như nông lâm nghiệp, công nghiệp (hạ tầng cụm công nghiệp), thương mại, dịch vụ (nhất là du lịch). Tổ chức thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách khuyến khích, thu hút, mời gọi các nhà đầu tư; ưu tiên lựa chọn các nhà đầu tư có năng lực, uy tín, chiến lược sản xuất, kinh doanh phù hợp với điều kiện thực tế của huyện, có sức lan tỏa. Tiếp tục thúc đẩy, tạo mọi điều kiện thuận lợi để phát triển các doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp khởi nghiệp phát triển sản xuất kinh doanh, phát triển mạnh khu vực kinh tế tư nhân cả về số lượng và chất lượng.

2.1.1.5. Chủ động, linh hoạt trong quản lý, điều hành thu, chi ngân sách và hoạt động các tổ chức tín dụng, ngân hàng

Thực hiện hiệu quả các giải pháp tăng thu ngân sách, nuôi dưỡng, phát triển nguồn thu bền vững. Phấn đấu thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đến năm 2030 đạt 720 tỷ đồng. Bảo đảm cân đối thu, chi ngân sách. Kiểm soát chặt chẽ chi ngân sách; sử dụng ngân sách tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định, đảm

bảo vai trò chủ đạo của ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế trọng điểm, chăm lo an sinh xã hội, an ninh quốc phòng. Quản lý và cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước theo hướng tăng mạnh tỷ trọng chi đầu tư phát triển, giảm tỷ trọng chi thường xuyên. Quản lý chặt chẽ hoạt động của các tổ chức tín dụng, nâng cao năng lực cạnh tranh của hệ thống các tổ chức tín dụng trên địa bàn. Huy động nguồn vốn nhân rộng trong Nhân dân, đáp ứng nhu cầu vay vốn của các thành phần kinh tế; từng bước giảm tỷ trọng cho vay tiêu dùng, tăng tỷ trọng cho vay sản xuất kinh doanh, quản lý tốt nợ xấu.

2.1.1.6. Huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư cho phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, hạ tầng đô thị

Tiếp tục tái cơ cấu đầu tư, trọng tâm là đầu tư công, kiểm soát chặt chẽ, hoạt động đầu tư công theo hướng trọng tâm, trọng điểm, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, đẩy nhanh tiến độ giải ngân, không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản. Huy động nguồn lực đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng giao thông, hạ tầng các khu, cụm công nghiệp, hạ tầng đô thị, giao thông nông thôn, các hạ tầng gắn với khu du lịch quốc gia hồ Thác Bà. Phân đầu tổng vốn đầu tư của giai đoạn 2026-2030 đạt 32.000 tỷ đồng, gấp 1,2 lần so với thực hiện giai đoạn 2021-2025. Tranh thủ nguồn lực từ Trung ương, của tỉnh để đầu tư nâng cấp các tuyến quốc lộ, dự án hạ tầng giao thông quan trọng có tính kết nối vùng, liên vùng: Dự án cải tạo đường Yên Thế - Vĩnh Kiên quy mô đường cấp IV; dự án đường Cẩm Nhân - Nhân Mục (Hàm Yên, tuyên Quang); dự án đường Mậu A - Tân Nguyên; xây dựng mới đường tránh Quốc lộ 70 đoạn qua Thị trấn Yên Bình, xây dựng mới các tuyến đường và cầu qua sông, hồ Thác Bà từ Quốc lộ 70 nối với đường tỉnh lộ 170 phía Đông hồ Thác Bà của huyện; phát triển tuyến đường thủy nội trên hồ Thác Bà đoạn từ đập Thác Bà đến Cẩm Nhân đạt tiêu chuẩn cấp III... Quan tâm đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đô thị; phân đầu đến năm 2030, Thị trấn Yên Bình trở thành đô thị loại IV, Thị trấn Thác Bà hoàn thiện các tiêu chuẩn đô thị loại V, xã Cẩm Ân, Cẩm Nhân hoàn thiện các tiêu chuẩn đô thị loại V và các đô thị khác phù hợp.

2.1.1.7. Công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu

Thực hiện tốt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt. Tăng cường công tác quản lý, sử dụng, nhằm khai thác hợp lý, tiết kiệm, có hiệu quả nguồn tài nguyên về đất đai, khoáng sản, tài nguyên nước và bảo vệ môi trường, phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, tăng cường kiểm soát ô nhiễm môi trường, đặc biệt là ô nhiễm môi trường tại các khu, cụm công nghiệp, tụ điểm khai thác, chế biến khoáng sản, lưu vực sông, khu vực đô thị và nông thôn, phân đầu đến năm 2030 cơ bản hoàn thành việc phân loại rác thải tại nguồn ở tất cả các địa phương trên địa bàn huyện. Thực hiện đồng bộ các giải

pháp để thích ứng một cách chủ động với biến đổi khí hậu; chủ động nâng cao khả năng phòng, chống và hạn chế tác động của thiên tai.

2.2 Phát triển văn hóa - xã hội đồng bộ, hài hòa, ngang tầm với phát triển kinh tế; bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc tốt đẹp gắn với xây dựng con người Yên Bình - Yên Bái “thân thiện, nhân ái, đoàn kết, sáng tạo, hội nhập”

2.2.1. Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục - đào tạo, xây dựng xã hội học tập đáp ứng yêu cầu phát triển

Tiếp tục rà soát, sắp xếp quy mô trường, lớp hợp lý, hiệu quả, đáp ứng nhu cầu học tập của người dân. Xây dựng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục thực sự tâm huyết, trách nhiệm, đủ về số lượng, bảo đảm về cơ cấu, đạt chuẩn về trình độ, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. Thực hiện có hiệu quả chương trình giáo dục phổ thông 2018, đổi mới phương pháp dạy học đồng bộ với đổi mới kiểm tra đánh giá học sinh theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học, đặc biệt quan tâm giáo dục đạo đức, kỹ năng sống, ý thức trách nhiệm công dân của học sinh đối với cộng đồng, xã hội.

Phát triển mô hình giáo dục thông minh, trang bị cơ sở vật chất hiện đại, môi trường học tập chủ động, được hỗ trợ bởi công nghệ tiên tiến nhằm đào tạo nên thế hệ công dân tương lai toàn diện. Đẩy mạnh công tác khuyến học, khuyến tài, từng bước xây dựng xã hội học tập. Phần đầu, đến năm 2030 duy trì 100% trường mầm non, phổ thông đạt chuẩn quốc gia, trong đó trên 60% trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2; 100% các xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao đạt chuẩn về tiêu chí Trường học; 100% trường học đạt “Trường học hạnh phúc”; xây dựng 04 trường trọng điểm về chất lượng (Trường THPT Cẩm Ân, THPT Trần Nhật Duật, Tiểu học Nguyễn Viết Xuân, THCS thị trấn Yên Bình); xây dựng Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên huyện đạt chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2.

2.2.2. Nâng cao chất lượng công tác y tế, bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân

Phát triển hệ thống y tế theo hướng hiện đại, huy động các nguồn lực xã hội tham gia sự nghiệp bảo vệ và chăm sóc sức khỏe Nhân dân, khuyến khích phát triển dịch vụ y tế ngoài công lập và khám, chữa bệnh chất lượng cao ở những nơi có điều kiện. Tiếp tục triển khai hiệu quả chương trình hợp tác với các bệnh viện tuyến tỉnh, tuyến Trung ương; tiếp nhận, chuyển giao kỹ thuật từ các bệnh viện Trung ương về tỉnh và từ tỉnh cho tuyến huyện. Thường xuyên quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đạo đức nghề nghiệp cho đội ngũ cán bộ y, bác sỹ; tập trung cho đào tạo, tuyển dụng nâng cao tỷ lệ bác sỹ/ người dân. Không ngừng đổi mới phong cách, thái độ phục vụ, nâng cao y đức của đội ngũ thầy thuốc. Phát triển y học gia đình, phần đầu đến năm 2030, 100% Trạm y tế xã, thị trấn đạt tiêu chí trạm y tế hoạt

động theo nguyên lý y học gia đình. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong khám, chữa bệnh, nâng cao chất lượng dịch vụ y tế gắn với đảm bảo an sinh xã hội, giúp người dân dễ dàng tiếp cận, sử dụng các dịch vụ y tế có chất lượng cao. Thực hiện tốt chính sách bảo hiểm y tế, tiến tới bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân, phấn đấu đến năm 2030, tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt trên 98,9%; duy trì 100% xã, thị trấn đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã.

Thực hiện tốt các chính sách dân số và phát triển; tăng cường tuyên truyền, vận động, cung cấp kịp thời, đa dạng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản kế hoạch hóa gia đình, góp phần nâng cao chất lượng dân số để phát triển bền vững, bảo đảm 100% dân số được quản lý trong hệ thống cơ sở dữ liệu dân cư.

2.2.3. Nâng cao chất lượng đào tạo nghề, giải quyết việc làm gắn với chuyển dịch cơ cấu lao động; chăm lo an sinh, phúc lợi xã hội; thực hiện giảm nghèo nhanh và bền vững

Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác hướng nghiệp, đào tạo, bồi dưỡng trong hệ thống giáo dục phổ thông, thực hiện phân luồng, liên thông trong giáo dục, đào tạo. Đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút sự tham gia của các doanh nghiệp và các tổ chức xã hội - nghề nghiệp trong việc đào tạo nghề; từng bước thực hiện cơ chế tự chủ, đặt hàng trong đào tạo nghề.

Quan tâm giải quyết việc làm cho người lao động đi đôi với xây dựng và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao dựa trên các nền tảng số và hỗ trợ kết nối cung - cầu lao động; thực hiện liên kết, hợp tác đào tạo và tuyển dụng sau đào tạo đối với các doanh nghiệp; gắn đào tạo nghề với giải quyết việc làm và chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng giảm tỷ trọng lao động nông nghiệp, tăng tỷ trọng lao động công nghiệp, dịch vụ, chú trọng đào tạo lao động có tay nghề gắn với xuất khẩu lao động. Phấn đấu đến năm 2030, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 85%, trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo được cấp văn bằng, chứng chỉ đạt trên 60%; tạo việc làm mới cho trên 19.000 lao động và chuyển dịch ít nhất 2-3% lao động từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp.

Không ngừng chăm lo nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân, thực hiện tốt các chính sách an sinh, đảm bảo công bằng xã hội, tạo cơ hội cho mọi người dân, nhất là nhóm yếu thế hòa nhập, tiếp cận các nguồn lực phát triển và thụ hưởng các dịch vụ cơ bản, các phúc lợi xã hội. Tổ chức thực hiện có hiệu quả các giải pháp giảm nghèo bền vững, tập trung hỗ trợ về vốn, kiến thức, kỹ thuật sản xuất, giới thiệu việc làm, định hướng chuyển đổi nghề nghiệp cho lao động thuộc diện hộ nghèo, tạo điều kiện thuận lợi để người nghèo có hoàn cảnh khó khăn phấn đấu, vươn lên thoát nghèo, không để người nghèo bị bỏ lại phía sau; phấn đấu tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân mỗi năm 2-3% (theo chuẩn nghèo giai đoạn 2026- 2030).

2.2.4. *Phát triển văn hóa, con người thực sự là nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội; thiết thực nâng cao chất lượng cuộc sống, sự hài lòng và chỉ số hạnh phúc của nhân dân*

Đẩy mạnh phát triển văn hóa gắn kết chặt chẽ và đồng bộ với phát triển kinh tế. Đổi mới và nâng cao chất lượng thực hiện phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*”, nâng cao ý thức người dân trong xây dựng và thực hiện nếp sống văn hóa, thực hiện văn hóa công sở, gắn với xây dựng văn hóa số trong cộng đồng; nâng cao chất lượng các danh hiệu gia đình văn hóa, thôn, tổ văn hóa, cơ quan, đơn vị văn hóa, thực hiện có hiệu quả các mô hình tổ tự quản, tạo chuyển biến mới, tích cực trong việc cưới, việc tang, lễ hội. Phấn đấu đến năm 2030, 90% số hộ gia đình đạt chuẩn văn hóa; 86% số thôn, tổ dân phố được công nhận thôn, bản, tổ dân phố văn hóa; 100% cơ quan, đơn vị đạt tiêu chuẩn văn hóa.

Thực hiện tốt công tác bảo tồn, tu bổ, tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa tiêu biểu; hoàn thành kiểm kê 100% các di sản văn hoá trên địa bàn; khai thác phát huy giá trị văn hóa truyền thống các dân tộc gắn với phát triển du lịch, duy trì tổ chức hằng năm các lễ hội truyền thống, các lớp truyền dạy văn hoá phi vật thể của địa phương đến người dân.

Huy động các nguồn lực đầu tư các thiết chế văn hóa cơ sở, quy hoạch và thu hút đầu tư xây dựng các khu vui chơi, giải trí, văn hóa phục vụ phát triển du lịch và nâng cao mức hưởng thụ của Nhân dân. Đầu tư, phát triển các công trình thể thao như sân vận động, nhà thi đấu đa năng và các thiết chế thể thao cơ sở, bảo đảm 100% số xã, thị trấn có thiết chế thể thao đạt tiêu chuẩn. Đẩy mạnh các hoạt động thể dục thể thao, duy trì và phát triển phong trào luyện tập thể dục thể thao trong Nhân dân, thể thao học đường, thể thao thành tích cao. Phấn đấu năm 2030, số người tập luyện thể thao thường xuyên đạt tỷ lệ 80% dân số.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả, tính chuyên nghiệp các chương trình phát thanh, mở rộng các dịch vụ, từng bước đáp ứng nhu cầu của người dân ở vùng đặc biệt khó khăn và vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số. Đa dạng hóa các kênh thông tin tuyên truyền phục vụ tốt các nhiệm vụ chính trị tại địa phương, nhất là trang thông tin điện tử cấp huyện, cấp xã. Đến năm 2030, duy trì tỷ lệ người dân được nghe, xem phát thanh - truyền hình và cơ bản được tiếp cận, khai thác mạng Internet đạt 100%.

Tiếp tục thực hiện tốt các giải pháp nâng cao chỉ số hạnh phúc cho người dân Yên Bình, trọng tâm là cải thiện và nâng cao chất lượng môi trường sống và sự hài lòng của Nhân dân. Phát động phong trào thi đua xây dựng, nhân rộng các mô hình “Trường học hạnh phúc”, “Gia đình hạnh phúc”, “Thôn, tổ dân phố hạnh phúc”, “Xã, thị trấn hạnh phúc”, hướng tới mục tiêu xây dựng

“huyện hạnh phúc”. Phần đầu đến năm 2030, chỉ số hạnh phúc của người dân tăng 08-10% so với năm 2025 (80,3%).

2.2.5. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo; đẩy mạnh chuyển đổi số, quyết tâm số hóa toàn diện hoạt động quản lý nhà nước

Tăng cường ứng dụng khoa học - công nghệ hiện đại, gắn với xây dựng nông thôn mới, đô thị thông minh. Đẩy mạnh các hoạt động chuyển giao và ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ thông tin phục vụ sản xuất, đời sống. Ưu tiên hỗ trợ các tổ chức, cá nhân hoạt động chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất nông lâm nghiệp, chế biến và bảo quản nông sản, bảo vệ môi trường.

Thực hiện đồng bộ các giải pháp chuyển đổi số, chú trọng phát triển hạ tầng thông tin, viễn thông; đồng thời, ưu tiên triển khai các công nghệ mới như: 5G, IoT, AI, Big Data để tạo đột phá và sáng tạo trong các lĩnh vực, tập trung xây dựng xã hội số, số hóa toàn diện hoạt động quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ cao; phần đầu đến năm 2030, 100% thủ tục hành chính cấp huyện và cấp xã có đủ điều kiện theo quy định được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 và được cung cấp trên nhiều phương tiện khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động. Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến của dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trên tổng số hồ sơ đạt ít nhất 80% và tối thiểu 95% người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính.

2.2.6. Triển khai thực hiện đồng bộ, kịp thời, hiệu quả các chương trình, dự án, chính sách về dân tộc, tôn giáo

Triển khai tốt công tác quản lý nhà nước lĩnh vực dân tộc, tôn giáo. Triển khai hiệu quả các chính sách đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, nhất là các dự án, chính sách thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc và thiểu số giai đoạn II (2026-2030). Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc; khơi dậy nội lực của đồng bào dân tộc thiểu số và phát huy hơn nữa vai trò của người có uy tín trong công tác tuyên truyền, vận động thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước giúp người dân nhận thức sâu sắc về vai trò chủ thể thực hiện các chương trình, dự án trên địa bàn. Tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân theo quy định của pháp luật; động viên chức sắc, tín đồ các tổ chức tôn giáo sống tốt đời, đẹp đạo. Quan tâm và tạo mọi điều kiện cho các tổ chức tôn giáo sinh hoạt theo hiến chương, điều lệ của các tổ chức tôn giáo đã được Nhà nước công nhận, đúng quy định của pháp luật. Chủ động phòng ngừa, kiên quyết đấu tranh với những hành vi lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để vi phạm pháp luật, chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc.

3. Bảo đảm quốc phòng - an ninh, đẩy mạnh công tác nội chính, phòng, ngừa tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

Tăng cường tiềm lực quốc phòng và an ninh; xây dựng và phát huy mạnh mẽ thế trận lòng dân trong nền quốc phòng toàn dân và nền an ninh nhân dân; xây dựng và củng cố vững chắc thế trận quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân. Xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân tinh, gọn, mạnh, trong sạch, vững mạnh, cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, bảo đảm chất lượng tổng hợp và sức mạnh chiến đấu cao, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới. Kết hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa kinh tế, văn hoá, xã hội với quốc phòng, an ninh và giữa quốc phòng, an ninh với kinh tế, văn hoá, xã hội.

Thường xuyên, chủ động nắm chắc tình hình, xử lý các vụ việc phát sinh ngay từ cơ sở, không để xảy ra bị động, bất ngờ trong mọi tình huống. Chỉ đạo thực hiện tốt cơ chế phối hợp trong các hoạt động kiểm tra, giám sát, thanh tra, xử lý vi phạm, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án. Thu hồi triệt để tiền, tài sản bị thất thoát, chiếm đoạt hoặc do vi phạm đã được phát hiện. Thực hiện tốt công tác tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo; xử lý tin báo, tố giác tội phạm và kiến nghị khởi tố, nhất là những vấn đề liên quan đến đạo đức, lối sống, việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ của cán bộ, đảng viên, việc thực hiện chế độ, chính sách, xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, tiêu cực, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp.

Thực hiện nghiêm các quy định về kiểm soát quyền lực và phòng chống tham nhũng, tiêu cực trên các lĩnh vực: Công tác cán bộ, công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật của Đảng và hoạt động thanh tra; công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân trong đấu tranh phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, góp phần tạo sự chuyển biến mạnh mẽ hơn nữa về phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với các cơ quan bảo vệ pháp luật trong công tác điều tra, xử lý các vụ án, vụ việc; thực hiện công khai, minh bạch các hoạt động tố tụng theo quy định, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của công dân; nâng cao chất lượng, hiệu quả trong hoạt động tố tụng, công tác điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án, không để xảy ra oan sai, bỏ lọt tội phạm.

4. Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới

4.1. Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục chính trị tư tưởng, tạo sự thống nhất cao trong Đảng, sự đồng thuận trong nhân dân

Tập trung đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục chính trị tư tưởng gắn với tuyên truyền, vận động nhằm củng cố niềm tin, tạo sự đoàn

kết, thống nhất, đồng thuận của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân. Đổi mới công tác học tập, quán triệt, tuyên truyền các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, theo hướng trao đổi hai chiều; phát huy vai trò, trách nhiệm của mỗi cán bộ, đảng viên, người đứng đầu trong tổ chức thực hiện. Tiếp tục kiện toàn, bồi dưỡng kiến thức cho đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên, cộng tác viên Ban Chỉ đạo 35; tăng cường đấu tranh phản bác có hiệu quả với các luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

Phát huy hiệu quả các hình thức tuyên truyền, nhất là trên hệ thống truyền thanh cơ sở, mạng xã hội; kịp thời nắm bắt dư luận xã hội, định hướng công tác tuyên truyền trong việc giải quyết những vấn đề bức xúc, dư luận quan tâm, không để xảy ra "điểm nóng". Đẩy mạnh hơn nữa công tác giáo dục truyền thống cách mạng, lòng yêu nước trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân, đặc biệt là thế hệ trẻ.

Tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy huyện đối với hoạt động của Trung tâm Chính trị, xây dựng Trung tâm đạt chuẩn theo quy định. Tập trung công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị gắn với tiếp tục đổi mới công tác giáo dục lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên.

4.2. Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên; xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ chủ chốt có đủ phẩm chất đạo đức, năng lực đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ

Tập trung mạnh mẽ, quyết liệt sắp xếp, nâng cao chất lượng tổ chức, bộ máy, biên chế các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị, đảm bảo tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu năng, hiệu quả. Rà soát, điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện, phân công lại chức năng, nhiệm vụ, quy định, quy chế làm việc của bộ máy các tổ chức trong hệ thống chính trị; phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan, tổ chức, khắc phục được tình trạng chồng chéo, trùng lặp hoặc bỏ sót chức năng, nhiệm vụ.

Xây dựng đội ngũ cán bộ có năng lực chuyên môn, phẩm chất đạo đức tốt, tận tụy, đam mê với công việc, gắn bó mật thiết với Nhân dân, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn phát triển mới. Thường xuyên chỉ đạo, kiểm tra, rà soát, nâng cao chất lượng công tác quy hoạch cán bộ các cấp. Xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ trước mắt và lâu dài cho huyện và cơ sở. Tăng cường huấn luyện cán bộ, lựa chọn cán bộ có năng lực, phẩm chất điều động, luân chuyển đảm nhận những việc mới, việc khó, địa bàn khó khăn để cọ xát, rèn luyện, trưởng thành, phục vụ nguồn cán bộ chủ chốt lâu dài, đặc biệt là cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số. Xây dựng các tiêu chí và thực hiện tốt công tác đánh giá, phân loại cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức hàng năm; phát huy vai trò, chức năng của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội trong việc tham gia xây dựng đảng, chính quyền, giám sát cán bộ và công tác cán bộ.

Đổi mới phương thức, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng, xây dựng Đảng bộ đoàn kết, thực sự trong sạch vững mạnh; thực hiện tốt các nguyên tắc của Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình, đề cao trách nhiệm nêu gương của các cấp ủy, trước hết là thường trực, ban thường vụ cấp ủy và người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; duy trì nền nếp chế độ sinh hoạt đảng; thực hiện tốt việc quản lý, phân công gắn với kiểm điểm, đánh giá thực chất kết quả thực hiện nhiệm vụ nhằm nâng cao chất lượng đảng viên, chất lượng sinh hoạt chi bộ.

Thực hiện tốt chế độ chính sách cán bộ. Tăng cường công tác bảo vệ chính trị nội bộ, kiên quyết đấu tranh, ngăn chặn những hiện tượng cục bộ, bè phái, gây mất đoàn kết nội bộ.

4.3. Tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng

Quán triệt sâu sắc các chủ trương, nghị quyết của Đảng về công tác kiểm tra, giám sát và nghị quyết đại hội đảng các cấp, nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức của các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng. Tập trung kiểm tra, giám sát tổ chức đảng và đảng viên trong việc chấp hành các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trên các lĩnh vực, nhất là các chủ trương, nghị quyết triển khai nhiệm vụ chính trị trọng tâm của Đảng bộ trong từng thời kỳ; việc chấp hành các nguyên tắc, chế độ công tác, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ tự phê bình và phê bình, giữ gìn đoàn kết nội bộ; phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; các vụ việc nổi cộm, đơn, thư khiếu nại, tố cáo tòn đọng, kéo dài; chú trọng kiểm tra, giám sát trên một số lĩnh vực nhạy cảm, dễ phát sinh tiêu cực, được dư luận quan tâm. Quan tâm kiểm tra, giám sát đối với cấp ủy viên các cấp, người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

Quan tâm xây dựng tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra, giám sát của đảng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Thực hiện có hiệu quả sự phối hợp giữa công tác kiểm tra, giám sát với các mặt công tác xây dựng đảng, quản lý nhà nước, hoạt động của các cơ quan tư pháp.

4.4. Đổi mới công tác dân vận của hệ thống chính trị, hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, dân chủ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ của nhân dân

Tăng cường và nâng cao chất lượng công tác Dân vận của Đảng, Dân vận chính quyền, phát huy tích cực công tác Dân vận của các lực lượng vũ trang; nâng cao chất lượng cán bộ làm công tác dân vận. Đổi mới nội dung, phương thức tuyên truyền, vận động, sử dụng có hiệu quả các phương tiện

thông tin đại chúng, mạng xã hội theo hướng thiết thực, tăng cường đồng thuận, củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa, phát huy sức mạnh to lớn của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở, quy chế đối thoại trực tiếp giữa người đứng đầu cấp ủy đảng, chính quyền với nhân dân và tiếp tục đẩy mạnh phong trào thi đua xây dựng mô hình "Dân vận khéo" gắn với chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; định kỳ kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện mô hình nhằm kịp thời biểu dương, nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến về công tác dân vận. Nâng cao hiệu quả, hoạt động phối hợp giữa chính quyền với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong thực hiện Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị.

Phát huy vai trò, sự tham gia của Nhân dân trong việc xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trên cơ sở bảo đảm hài hoà lợi ích giữa Nhà nước, doanh nghiệp và Nhân dân, giữa các vùng, địa phương; quan tâm đến các đối tượng yếu thế trong xã hội. Tiếp tục cụ thể hoá, thực hiện tốt cơ chế "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ" với phương châm "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng".

Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội tiếp tục mở rộng, phát huy dân chủ, củng cố và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân; phối hợp tuyên truyền, vận động, tổ chức cho cán bộ, hội viên, đoàn viên, các tầng lớp nhân dân thực hiện tốt chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Tăng cường công tác giám sát, phản biện xã hội, tham gia xây dựng đảng, chính quyền trong sạch, vững mạnh; đoàn kết tập hợp, thu hút đoàn viên, hội viên. Quan tâm, củng cố, nâng cao hoạt động chi hội, chi đoàn ở cơ sở, ban công tác Mặt trận ở khu dân cư.

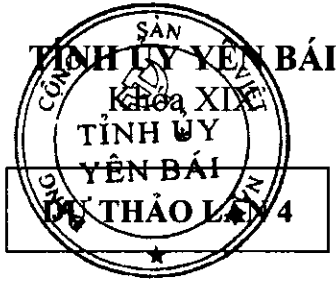
Tích cực nâng cao vai trò, trách nhiệm chủ thể của nông dân trong quá trình phát triển nông nghiệp, xây dựng huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; xây dựng lực lượng công nhân đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa; quan tâm phát triển đội ngũ doanh nhân có năng lực quản trị, kinh doanh giỏi và có trách nhiệm xã hội cao; chăm lo đào tạo, bồi dưỡng, giáo dục và phát huy vai trò xung kích, tình nguyện của thế hệ trẻ; tạo điều kiện cho thanh niên phấn đấu, rèn luyện, trưởng thành, cống hiến cho quê hương; nâng cao trình độ, đời sống vật chất, tinh thần của phụ nữ, thực hiện bình đẳng giới là nòng cốt xây dựng gia đình ấm no, bình đẳng, hạnh phúc, tiến bộ; phát huy truyền thống "Bộ đội cụ hồ", vai trò, uy tín của cựu chiến binh tích cực tham gia xây dựng và bảo vệ Đảng, chính quyền, giáo dục truyền thống thế hệ trẻ, đoàn kết chung sức xây dựng quê hương.

BỘ CHỈ TIÊU
VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ ĐẾN NĂM 2030
(Kèm theo dự thảo Báo cáo chính trị khóa XXIII trình Đại hội XXIV, nhiệm kỳ (2025- 2030))

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Dự ước kết quả đến năm 2025	Theo quy hoạch vùng tỉnh, huyện đến 2030	Chỉ tiêu tính dự kiến theo TT số 952 của BCS Đảng và KL 1117-KL/TU	Mục tiêu phát triển KTXH của huyện đến năm 2030	Mục tiêu NQ ĐH 24 đến năm 2030	Căn cứ đề xuất		Giải trình lý do tăng, giảm
								Kết luận số 996-KL/HU của Ban BTV Tỉnh ủy	Theo quy hoạch vùng tỉnh, huyện	
I	Về kinh tế									
1	Tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn	Tỷ đồng	11.730		20.707	20.707	20.707	x		
2	Tổng sản lượng lương thực có hạt	Tấn	30.020		29.950	30.100	30.100	x		
3	Sản lượng thịt hơi xuất chuồng các loại	Tấn	17.850		16.000	18.000	18.000	x		
	<i>Trong đó: Sản lượng thịt hơi xuất chuồng đàn gia súc chính</i>	Tấn	12.000		13.700	14.000	14.000			
4	Sản lượng khai thác, nuôi trồng thủy sản	Tấn	9.350			9.500	9.500	Dự kiến đưa vào bộ chỉ tiêu giai đoạn 2025-2030		Chỉ tiêu huyện bổ sung
5	Diện tích rừng trồng mới tập trung hằng năm	ha	3.150		2.300	3.000	3.000	x		
6	Huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao							x		
	- Số xã được công nhận đạt chuẩn NTM nâng cao	Xã	1		5	6		x	x	
	<i>Luỹ kế xã được công nhận đạt chuẩn NTM nâng cao</i>		9	80%		15	15			
	- Số xã được công nhận NTM kiểu mẫu	Xã	1		5	5		x	x	
	<i>Luỹ kế xã được công nhận NTM kiểu mẫu</i>		4	50%		9	9			

18	Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh	%	100	100	100	100	100	x		
	Trong đó tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn	%			42,2	45	45	x		
19	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý	%						x		
	Khu vực đô thị	%		100	98,5	98,5	98,5	x		
	Khu vực nông thôn	%			98	98	98	x		
20	Tỷ lệ độ che phủ rừng	%	54,76	55-57		54,5	54,5			Chuyển đổi đất có rừng sang phát triển KTXH
IV	Chỉ tiêu về xây dựng Đảng và hệ thống chính trị									
21	Kết nạp đảng viên mới hàng năm	Đảng viên	222		950 (giai đoạn 2026-2030)		200			
22	Số tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên hàng năm	%	100		90% trở lên		90% trở lên			
23	Số cán bộ, đảng viên thực hiện tốt chức trách nêu gương hàng năm	%			90% trở lên		90% trở lên			
	Trong đó: số cán bộ lãnh đạo trong hệ thống chính trị thực hiện tốt trách nhiệm nêu gương hàng năm	%			95% trở lên		95% trở lên			

Ghi chú: Dự kiến 23 chỉ tiêu chính thức đưa vào Nghị quyết Đại hội lần thứ XXIV (nhiệm kỳ 2025-2030).



ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Yên Bái, ngày tháng năm 2025

**BÁO CÁO CHÍNH TRỊ
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH KHÓA XIX
TẠI ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ XX,
NHIỆM KỲ 2025-2030**

**Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị tinh gọn, trong sạch, vững mạnh;
phát triển nhanh, toàn diện, bền vững theo hướng “xanh, hài hòa,
bản sắc, hạnh phúc”; nằm trong nhóm 5 tỉnh hàng đầu Vùng Trung du
và miền núi phía Bắc vào năm 2030**

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Yên Bái lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025-2030 có nhiệm vụ đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, xác định mục tiêu phát triển, phương hướng, nhiệm vụ 05 năm tới (2025-2030) nhằm thực hiện thắng lợi Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 10 năm giai đoạn 2021-2030; kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIX; bầu ra Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XX thực sự tiêu biểu về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, có đức, có tài, bản lĩnh, trí tuệ, tinh thần đổi mới sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Với phương châm “**Đoàn kết - Dân chủ - Kỷ cương - Đột phá - Phát triển**”, Đại hội thể hiện tinh thần đoàn kết, thống nhất, ý chí, khát vọng vươn lên của cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong tỉnh, tự hào và tin tưởng dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, chung sức, đồng lòng, quyết tâm xây dựng tỉnh Yên Bái phát triển nhanh, toàn diện, bền vững theo hướng “xanh, hài hòa, bản sắc và hạnh phúc”, phấn đấu nằm trong nhóm 05 tỉnh phát triển hàng đầu của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, tiến tới là hình mẫu phát triển xanh của vùng và cả nước vào năm 2050.

Phần thứ nhất

**ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI
ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ XIX, NHIỆM KỲ 2020-2025**

5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và Nghị quyết Đại hội XIX Đảng bộ tỉnh có những diễn biến bất thường, ngoài dự đoán, gây ra nhiều khó khăn, thách thức nhưng cũng mang lại những thời cơ, thuận lợi. Tình hình chính trị, kinh tế thế giới diễn biến nhanh chóng, phức tạp, khó lường; bất ổn địa chính trị, xung đột vũ trang leo thang tại một số quốc gia, khu vực; thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu diễn biến phức tạp; thị trường tiền tệ, xuất, nhập khẩu, giá cả hàng hóa thiết yếu biến động mạnh... tác động lớn đến an ninh, chính trị và phát triển kinh tế - xã hội của nhiều quốc gia.

Trong nước, tuy chịu ảnh hưởng tiêu cực do tác động sâu sắc từ những yếu tố bất lợi của môi trường quốc tế, thiên tai, đại dịch Covid-19 nhưng đất nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử; vị thế, uy tín quốc tế được nâng cao, quy mô, trình độ nền kinh tế được nâng lên; đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt. Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ tuy vẫn là “vùng trũng” trong phát triển và “lõi nghèo” của cả nước nhưng đã được quan tâm đầu tư, rút ngắn dần khoảng cách về thu nhập và trình độ phát triển so với trung bình cả nước.

Trong tình, cùng với bối cảnh thuận lợi và khó khăn chung của cả nước và của vùng, Yên Bái vẫn còn nhiều khó khăn nội tại của một tỉnh miền núi, địa hình chia cắt, trình độ phát triển còn hạn chế; tiếp tục gánh chịu những tổn thất nặng nề, chưa từng có do tác động của thiên tai, thời tiết cực đoan, nhất là cơn Bão số 3 (Yagi). Phát huy truyền thống đoàn kết, với quyết tâm chính trị cao, nỗ lực lớn và sự chung sức, đồng lòng của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân các dân tộc, Yên Bái đã chủ động, linh hoạt, triển khai đồng bộ, quyết liệt, sáng tạo các giải pháp để lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ tỉnh theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội XIX Đảng bộ tỉnh với phương châm “Đổi mới, sáng tạo, quyết liệt, kỷ cương, hiệu quả”, đạt được nhiều kết quả tích cực và khá toàn diện trên các lĩnh vực, tạo nền tảng, động lực mới cho sự phát triển nhanh, bền vững trong giai đoạn tới.

A. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

I. KINH TẾ - XÃ HỘI TIẾP TỤC PHÁT TRIỂN; QUỐC PHÒNG - AN NINH ĐƯỢC GIỮ VỮNG

1. Kinh tế tiếp tục phát triển ổn định, bền vững. Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (giá so sánh 2010) năm 2025 ước đạt 8,2%¹, bình quân giai đoạn 2021-2025 ước đạt 7,54%/năm, vượt mục tiêu Nghị quyết, cao hơn bình quân giai đoạn 2016-2020 (6,27%/năm), đứng thứ 5/14 tỉnh trong vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ. Quy mô kinh tế tăng khá, đến năm 2025 ước đạt 53.550 tỷ đồng, gấp 1,62 lần năm 2020. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch tích cực, đúng hướng, tỷ trọng khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản giảm từ 24,59% năm 2020 xuống còn 21,1% năm 2025; tỷ trọng khu vực công nghiệp, xây dựng tăng từ

¹ Trong điều kiện thuận lợi, Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (giá so sánh 2010) năm 2025 ước đạt 10,5%; bình quân giai đoạn 2021-2025 ước đạt 8,12%; quy mô kinh tế đạt trên 55.000 tỷ đồng, gấp 1,66 lần năm 2020; GRDP bình quân đầu người năm 2025 ước đạt 63,2 triệu đồng, gấp 1,54 lần năm 2020.

28,44% năm 2020 lên 32,5% năm 2025; tỷ trọng khu vực dịch vụ cơ bản giữ ổn định ở mức 42%². GRDP bình quân đầu người năm 2025 ước đạt 61,4 triệu đồng, gấp 1,5 lần năm 2020.

Nông nghiệp phát triển nhanh, là trụ đỡ quan trọng của nền kinh tế.

Tiếp tục ban hành và thực hiện hiệu quả các nghị quyết, đề án, chính sách cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới thực chất, hiệu quả; chuyển từ chiều rộng sang chiều sâu, chú trọng nâng cao chất lượng, giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm bền vững; bảo đảm vững chắc sinh kế cho người dân và an ninh lương thực ở vùng cao, đẩy mạnh phát triển các vùng sản xuất hàng hóa chuyên canh tập trung quy mô lớn theo chuỗi giá trị, đáp ứng yêu cầu thị trường tiêu thụ trong nước và xuất khẩu. Tốc độ tăng trưởng khu vực nông nghiệp luôn thuộc nhóm cao nhất trong vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ và cả nước, bình quân 05 năm 2021-2025 đạt 5,52%/năm³, đứng thứ nhất trong Vùng, thứ .../63 tỉnh, thành phố, tăng so với giai đoạn 2016-2020 (4,79%/năm); giá trị sản xuất ngành nông nghiệp ước đạt 9.863 tỷ đồng, tăng 30,4% so với năm 2020; cơ cấu nội ngành chuyển dịch tích cực, giảm tỷ trọng nông nghiệp, tăng tỷ trọng lâm nghiệp, thủy sản. Tiếp tục mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng gắn với hợp tác chế biến, tiêu thụ theo chuỗi giá trị cho các vùng sản xuất chuyên canh tập trung của các sản phẩm nông, lâm chủ lực⁴; xây dựng được trên 300 sản phẩm OCOP đạt tiêu chuẩn từ 3 sao trở lên, gấp 3,2 lần năm 2020. Trồng mới trên 15.500 ha rừng hàng năm, giữ vững vai trò, vị trí là địa phương có tỷ lệ che phủ rừng đứng thứ 6 cả nước (63%); chất lượng, giá trị rừng và kinh tế lâm nghiệp có bước được nâng lên⁵.

Tư duy, phương thức tổ chức của người nông dân dân có sự đổi mới từ “sản xuất nông nghiệp” sang “kinh tế nông nghiệp”, tích cực tham gia kinh tế hợp tác, tham gia chuỗi giá trị nông sản quốc gia và quốc tế gắn với phát triển đa dạng các mô hình du lịch nông thôn (du lịch cộng đồng, du lịch canh nông, du lịch sinh thái) tại huyện Trạm Tấu, Mù Cang Chải, Yên Bình, Văn Yên, Trấn Yên và thị xã Nghĩa Lộ. Giá trị thu nhập bình quân trên diện tích đất canh tác nông nghiệp tập trung ước đạt 150 triệu đồng/ha/năm, gấp 1,5 lần năm 2020; giá trị thu hoạch trên 01 ha mặt nước nuôi trồng thủy sản bình quân đạt 250 triệu đồng, tăng 25% so với năm 2020.

Với phương châm lấy chất lượng cuộc sống và hạnh phúc của người dân là mục tiêu, động lực, Yên Bái tiếp tục duy trì vị trí dẫn đầu khu vực miền núi phía Bắc trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới với sự đồng thuận, ủng hộ, vào cuộc tích cực của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh

² Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm ước đạt 4,3%

³ Trong điều kiện thuận lợi đạt mục tiêu tăng trưởng GRDP 10,5% thì Tốc độ tăng trưởng khu vực nông nghiệp bình quân 05 năm 2021-2025 đạt 5,56%/năm.

⁴ Vùng quế trên 82.700 ha, măng tre Bát Độ trên 6.500 ha, Sơn tra trên 9.300 ha, lúa tập trung, chuyên canh gần 4.800 ha, cây ăn quả 10.108 ha, Chè 7.281 ha, Dâu tằm 1.450 ha, rừng trồng nguyên liệu trên 90.750 ha; tổng đàn gia súc đạt 950.000 con; vùng nuôi thủy sản 2.500 ha và trên 2.300 lồng cá.

⁵ Diện tích rừng trồng cây gỗ lớn đạt trên 40.000 ha; diện tích rừng trồng được cấp chứng chỉ rừng bền vững FSC và chứng nhận Quế hữu cơ đạt trên 40.000 ha, gấp gần 04 lần so với năm 2020.

nghiệp và nhân dân[¶]. Nhiều phong trào, cách làm sáng tạo, hiệu quả được nhân rộng, phát huy tinh thần tiên phong, gương mẫu, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị góp phần dẫn dắt, lan tỏa sự chung sức, đồng lòng của các tầng lớp nhân dân hăng hái thi đua, đóng góp “sức người, sức của” chung tay xây dựng nông thôn thực chất, bền vững. Sau 05 năm, toàn tỉnh có thêm 51 xã đạt chuẩn nông thôn mới, nâng tổng số xã nông thôn mới lên 122 xã, chiếm 83,5% số xã của tỉnh, có 44 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 16 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, vượt mục tiêu Nghị quyết; 05/09 đơn vị hành chính cấp huyện được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới hoặc hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, trong đó huyện Trấn Yên đạt chuẩn huyện nông thôn mới nâng cao, vượt kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao, đạt mục tiêu Nghị quyết của tỉnh; thu nhập bình quân của người dân nông thôn ước đạt 37 triệu đồng/năm, cao gấp 1,6 lần so với năm 2020.

Công nghiệp phát triển ổn định, chất lượng tăng trưởng có mặt nâng lên. Cơ cấu nội ngành công nghiệp tiếp tục chuyển dịch tích cực[‡]. Tốc độ tăng trưởng toàn ngành bình quân ước đạt 10,46%/năm[§] (giai đoạn 2016-2020 đạt 10,33%), đứng thứ .../14 tỉnh trong vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ. Giá trị sản xuất công nghiệp (giá so sánh 2010) năm 2025 ước đạt trên 20.000 tỷ đồng, gấp 1,54 lần so với năm 2020; chỉ số sản xuất công nghiệp bình quân giai đoạn 2021-2025 đạt trên 9%, cao hơn so với bình quân giai đoạn 2016-2020 (đạt 8,6%), đóng góp khoảng 25% GRDP của tỉnh, đạt mục tiêu Nghị quyết. Duy trì sản xuất, tiêu thụ các sản phẩm công nghiệp thế mạnh truyền thống (vật liệu xây dựng, chế biến gỗ rừng trồng, thủy điện...), đồng thời thu hút được một số nhà đầu tư nghiên cứu, thực hiện các dự án sản xuất công nghiệp sử dụng công nghệ tiên tiến, thân thiện môi trường, phát triển các sản phẩm công nghiệp mới như viên nén năng lượng, điện sinh khối, lựa tơ tằm, chế biến sâu sản phẩm từ cây quế, măng Bát Độ... Hoàn thiện, nâng cao tỷ lệ lấp đầy các khu, cụm công nghiệp hiện hữu và quy hoạch, phát triển thêm 01 khu công nghiệp Trấn Yên và 06 cụm công nghiệp Phú Thịnh 1, Phú Thịnh 2, Phú Thịnh 3, huyện Yên Bình, cụm công nghiệp Y Can, huyện Trấn Yên, cụm công nghiệp Hợp Minh, thành phố Yên Bái và cụm công nghiệp Yên hợp, huyện Văn Yên theo cơ chế doanh nghiệp đầu tư hạ tầng; lũy kế toàn tỉnh đã có 04 khu công nghiệp, 12 cụm công nghiệp với tổng diện tích trên 1.500 ha, tăng 27,5% so với năm 2020; tỷ lệ lấp đầy bình quân các khu công nghiệp đạt trên 76%, các cụm công nghiệp đạt trên 60%. Tiếp tục quan tâm hỗ trợ phát triển các hợp tác xã, tổ hợp tác tiểu thủ công nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp nhỏ và vừa gắn với các vùng sản xuất nông nghiệp và bảo tồn, nâng cao hiệu quả hoạt động các làng nghề truyền thống ở nông thôn.

¶ Tổng nguồn lực đầu tư cho nông nghiệp, nông dân, nông thôn của tỉnh giai đoạn 2021-2025 ước đạt gần 19.400 tỷ đồng, gấp 1,55 lần so với giai đoạn 2016-2020.

‡ Giảm tỷ trọng ngành công nghiệp khai khoáng năm 2021 là 7,04% xuống còn 5,6% năm 2025; tăng tỷ trọng ngành công nghiệp chế biến, chế tạo từ 79,47%, lên 80,12%; tăng tỷ trọng ngành công nghiệp sản xuất, phân phối điện nước từ 12,89%, lên 13,68%; giảm dần ngành công nghiệp hoạt động quản lý và xử lý nước thải, chất thải (năm 2021 đạt 0,8%, dự ước năm 2025 đạt 0,6%).

§ Trong điều kiện thuận lợi đạt mục tiêu tăng trưởng GRDP 10,5% thì Tốc độ tăng trưởng khu vực công nghiệp bình quân 05 năm 2021-2025 đạt 11,32%/năm.

Thương mại, dịch vụ phục hồi nhanh sau đại dịch Covid-19 và có bước phát triển tích cực. Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021-2025 ước đạt 6,62%, cao hơn giai đoạn trước (5,58%/năm)². Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2025 ước đạt 31.845 tỷ đồng¹⁰, gấp 1,68 lần so với năm 2020, vượt 6% mục tiêu Nghị quyết. Mạng lưới kinh doanh thương mại, dịch vụ tiếp tục được mở rộng, chất lượng nâng lên; hạ tầng hệ thống chợ truyền thống được nâng cấp theo tiêu chí nông thôn mới, các siêu thị mini, cửa hàng tiện lợi, cửa hàng sản phẩm OCOP phủ rộng khắp các địa bàn từ thành thị đến nông thôn; hầu hết các ngân hàng, bảo hiểm, siêu thị lớn¹¹ đã có mặt tại tỉnh, lần đầu tiên Yên Bái có Trung tâm thương mại Go! với quy mô 13.000m² đi vào hoạt động, nâng cao khả năng đáp ứng nhu cầu mua sắm, tiêu dùng của nhân dân. Dịch vụ chuyển đổi số, thương mại điện tử có bước phát triển tích cực. Giá trị xuất khẩu năm 2025 ước đạt 500 triệu USD, tăng gấp 2,5 lần so với năm 2020, đạt mục tiêu Nghị quyết, các sản phẩm hàng hóa thế mạnh của tỉnh có mặt tại gần 100 quốc gia và vùng lãnh thổ, tại hầu hết các thị trường lớn, khó tính như Mỹ, EU, Ấn Độ, Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Quốc...

Dịch vụ du lịch phục hồi nhanh, có bước tăng trưởng bứt phá, trở thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh. Được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch Quốc gia Hồ Thác Bà tầm nhìn đến năm 2040; hoàn thành quy hoạch phát triển thị xã Nghĩa Lộ trở thành thị xã văn hóa - du lịch, huyện Mù Cang Chải, Trạm Tấu trở thành huyện du lịch... gắn với ban hành các chính sách thu hút đầu tư, hỗ trợ, thúc đẩy phục hồi, phát triển mạnh dịch vụ du lịch góp phần từng bước hình thành rõ nét 04 vùng du lịch trọng điểm¹² với nhiều sản phẩm, loại hình du lịch độc đáo, đặc sắc, đa dạng, hấp dẫn¹³, bước đầu tạo dựng được hình ảnh đặc thù "*Yên Bái - Nơi hội tụ sắc màu Tây Bắc*" với thương hiệu là "*Điểm đến an toàn, thân thiện, bản sắc, hấp dẫn và ấn tượng*". Nhân rộng được nhiều mô hình làng, bản du lịch cộng đồng, du lịch trải nghiệm, du lịch nông nghiệp gắn với các danh thắng, di tích lịch sử, bản sắc văn hóa, các vùng sản xuất nông nghiệp đặc trưng. Hoàn thành, đưa vào khai thác nhiều dự án dịch vụ du lịch lớn (Le Champ Tú Lệ, Garrya Mù Cang Chải, Hotel&Spa Hòa Bình Minh - Yên Bái...) gắn với đầu tư, nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng, lưu trú, đáp ứng cơ bản nhu cầu du khách. Lượng khách du lịch đến tỉnh năm 2025 ước đạt 2 triệu lượt, gấp 2,6 lần năm 2020, vượt 33% mục tiêu nghị quyết, bình quân tăng 20,3%/năm; trong đó khách quốc tế trên 300.000 lượt; doanh thu từ dịch vụ du lịch đạt 1.700 tỷ đồng, gấp 3,6 lần so với năm 2020, vượt 13% mục tiêu Nghị quyết.

² Trong điều kiện thuận lợi đạt mục tiêu tăng trưởng GRDP 10,5% thì Tốc độ tăng trưởng khu vực dịch vụ bình quân giai đoạn 2021-2025 đạt 7,46%

¹⁰ Trong điều kiện thuận lợi đạt mục tiêu tăng trưởng GRDP 10,5% thì Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2025 ước đạt 34.500 tỷ đồng

¹¹ Thế giới di động, Điện máy xanh, Mediamart, FPT, Viettel...

¹² Vùng du lịch Hồ Thác Bà và dọc sông Chảy; Vùng du lịch thành phố Yên Bái và phụ cận; Vùng du lịch miền Tây; Vùng du lịch Bắc Trấn Yên - Văn Yên.

¹³ Lễ hội Văn hóa, Du lịch Mường Lò và khám phá Danh thắng quốc gia đặc biệt Rừng bậc thang Mù Cang Chải; Lễ hội Quế, Festival thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Thượng Ngàn, huyện Văn Yên; Lễ hội bơi Đai Minh và khám phá danh thắng quốc gia hồ Thác Bà, huyện Yên Bình; Chương trình du lịch "Về miền đất Ngọc" huyện Lục Yên; lễ hội hoa Tở dầy Mù Cang Chải,...

Huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực cho đầu tư phát triển; phát triển mạnh các thành phần kinh tế. Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội giai đoạn 2021-2025 ước đạt 100.227 tỷ đồng¹⁴, gấp 1,6 lần giai đoạn trước, vượt mục tiêu Nghị quyết; trong đó, tỷ trọng vốn đầu tư khu vực nhà nước giảm 8,9%, vốn đầu tư khu vực ngoài nhà nước tăng 7,4%, vốn đầu tư nước ngoài tăng 1,5% so với giai đoạn 2016-2020. Thu hút đầu tư đạt kết quả khá với gần 250 dự án, tổng vốn đăng ký đầu tư gần 31.500 tỷ đồng, nhiều tập đoàn, doanh nghiệp lớn, hàng đầu trong nước tiếp tục chọn Yên Bái là địa điểm nghiên cứu, đầu tư trọng điểm, như: Tập đoàn BIM Group, Flamingo, Erex Nhật Bản, Tổng công ty Viglacera, BB CIM Holding,...; thu hút và thực hiện được 11 dự án ODA với tổng mức đầu tư 6.032 tỷ đồng, tăng 20% so với giai đoạn trước; 19 dự án FDI, nâng tổng số dự án FDI toàn tỉnh lên 41 dự án với tổng mức đầu tư 10.491 tỷ đồng, tăng 1,7 lần so với giai đoạn trước. Số lượng doanh nghiệp, hợp tác xã thành lập mới tăng nhanh, hoạt động khá hiệu quả, toàn tỉnh hiện có khoảng 3.750 doanh nghiệp, 880 hợp tác xã, trên 6.000 tổ hợp tác, 31.956 hộ kinh doanh đang hoạt động, tăng lần lượt gấp 1,56, 1,75, 1,35 lần so năm 2020, đóng góp khoảng 62% thu ngân sách trên địa bàn. Hoàn thành cổ phần hóa, thoái vốn 100% doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn tỉnh.

Tài chính, ngân hàng tăng trưởng khá, cơ bản đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Tốc độ tăng thu ngân sách bình quân đạt gần 16%/năm, năm 2025 ước đạt 7.000 tỷ đồng, đạt mục tiêu Nghị quyết, vượt cao so với dự toán Trung ương giao. Tiếp tục cơ cấu lại ngân sách theo hướng tiết kiệm, hiệu quả; đẩy mạnh khoán chi, đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ, bảo đảm công khai, minh bạch tài chính, nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách; toàn tỉnh hiện có 42 đơn vị sự nghiệp công lập đảm bảo chi thường xuyên, đạt mục tiêu giai đoạn 2021-2025; Yên Bái hiện đứng thứ 15/63 tỉnh, thành phố về cải cách tài chính công. Chi ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 ước đạt 88.167 tỷ đồng, gấp 1,5 lần so với giai đoạn 2016-2020, trong đó tiếp tục tăng tỷ trọng chi cho đầu tư phát triển, giảm tỷ trọng chi thường xuyên¹⁵. Số lượng, quy mô và thị trường hoạt động của các chi nhánh ngân hàng, quỹ tín dụng tiếp tục được mở rộng¹⁶. Tổng nguồn vốn huy động của các ngân hàng, quỹ tín dụng năm 2025 đạt 59.000 tỷ đồng, dư nợ cho vay đạt 51.500 tỷ đồng, gấp gần 02 lần so với năm 2020 với tỷ lệ nợ xấu là 1%; các chính sách tín dụng phục vụ phát triển kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội được triển khai thực hiện tốt.

¹⁴ Trong điều kiện thuận lợi đạt mục tiêu tăng trưởng GRDP 10,5% thì Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội giai đoạn 2021-2025 ước đạt 106.000 tỷ đồng

¹⁵ Tỷ trọng chi đầu tư phát triển tăng từ 28,15% giai đoạn 2016-2020 lên 29,72% giai đoạn 2021-2025; chi thường xuyên giảm dần từ mức 51,96% giai đoạn 2016-2020 xuống 47,37% giai đoạn 2021-2025.

¹⁶ Toàn tỉnh hiện có 12 chi nhánh ngân hàng loại I (tăng 01 chi nhánh); 09 chi nhánh loại II, 53 phòng giao dịch, 16 quỹ tín dụng nhân dân; 173 điểm giao dịch lưu động của Ngân hàng chính sách xã hội. Gần 14.500 điểm chấp nhận thanh toán không dùng tiền mặt.

2. Văn hóa - xã hội được quan tâm chăm lo, có nhiều tiến bộ; chỉ số hạnh phúc của Nhân dân không ngừng được nâng lên

Chất lượng giáo dục, đào tạo tiếp tục được nâng lên. Mạng lưới trường, lớp học được sắp xếp tinh gọn, hợp lý. Tích cực đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp dạy - học từ truyền thống sang phương pháp giảng dạy tích cực, gắn với xây dựng “trường học hạnh phúc”, “trường học chuyên đổi mới”, từng bước phát triển học sinh toàn diện cả về kiến thức, kỹ năng, lòng yêu nước, tự hào dân tộc. Giáo dục vùng đồng bào dân tộc thiểu số có tiến bộ với tỷ lệ học sinh người dân tộc thiểu số học tại trường phổ thông dân tộc nội trú đạt trên 10%, trường phổ thông dân tộc bán trú đạt trên 30%, tăng tương ứng 5,5% và 2,7% so với năm 2020. Chất lượng giáo dục đại trà và giáo dục mũi nhọn được nâng lên rõ rệt; tỷ lệ thí sinh đạt giải quốc gia tăng đều qua các năm; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông vào học giáo dục nghề nghiệp đạt 45%, tăng 5% so với năm 2020; phát triển giáo dục mầm non ngoài công lập đạt kết quả tích cực với tỷ lệ trẻ huy động đến lớp ngoài công lập đạt 7,6%, tăng 1,8% so với năm 2020. Phổ cập giáo dục đạt kết quả tích cực; Yên Bái là tỉnh thứ 24 trong cả nước đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3 và là tỉnh thứ 18 trong cả nước đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học được đầu tư đồng bộ với trên 80% số trường học mầm non và trung học đạt chuẩn quốc gia, tăng 24,7% so với năm 2020, vượt 15% mục tiêu Nghị quyết; tỷ lệ phòng học kiên cố đạt trên 92%, tăng 14% so với năm 2020, không còn phòng học tạm, học nhờ, đạt mục tiêu Nghị quyết. Tập trung đầu tư, đưa Trường THPT chuyên Nguyễn Tất Thành trở thành một trong những trường chuyên chất lượng cao trong hệ thống các trường chuyên của cả nước. Quan tâm phát triển đội ngũ, nâng cao năng lực và phẩm chất của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trường học; 100% cán bộ quản lý, giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định, tỷ lệ giáo viên đạt danh hiệu nhà giáo ưu tú chiếm 0,7%, lần đầu tiên tỉnh Yên Bái có 01 nhà giáo được Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu Nhà giáo Nhân dân.

Công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân có nhiều tiến bộ, là điểm sáng của vùng Tây Bắc. Tiếp tục đổi mới mạnh cơ chế quản lý chuyên nghiệp, hiện đại, “lấy người bệnh làm trung tâm, chủ thể” gắn với gia tăng tỷ lệ tự chủ tài chính các cơ sở y tế công lập¹², kết hợp với đẩy mạnh phát triển được 292 cơ sở y tế ngoài công lập, tăng 33,3% so với năm 2020; 100% trạm y tế xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia, tăng 25% so với năm 2020; trên 60% trung tâm y tế cấp huyện đạt tiêu chuẩn hạng II trở lên, vượt gần 20% mục tiêu Nghị quyết; nâng cấp, mở rộng quy mô một số bệnh viện chuyên khoa, bệnh viện đa khoa khu vực; toàn tỉnh có 12 bác sỹ/vạn dân, 35,7 giường bệnh/vạn dân (tăng 02 bác sỹ và gần 03 giường bệnh so với năm 2020), đạt mục tiêu Nghị quyết; mở rộng liên kết, hợp tác với nhiều bệnh viện tuyến cuối Trung ương và quốc tế để đào tạo, chuyển giao các kỹ thuật mới, chuyên sâu tại các cơ sở y tế tuyến tỉnh, huyện và thực hiện hiệu quả phong trào thi đua “Bác sỹ tận tâm,

¹² Tỷ lệ tự chủ tài chính chung toàn ngành đạt khoảng 90%, tăng 13% so với năm 2020).

Bệnh nhân hạnh phúc”, góp phần nâng cao chất lượng và tỷ lệ hài lòng của người bệnh với dịch vụ y tế; tỷ lệ bệnh nhân được điều trị thành công đạt 95,5%, tăng 1,6%, tỷ lệ bệnh nhân phải chuyển tuyến là 3,3%, giảm 0,3% so với giai đoạn trước. Thực hiện tốt các chính sách về dinh dưỡng, kiểm soát tỷ lệ gia tăng và nâng cao chất lượng dân số; mở rộng diện bảo hiểm y tế; phòng, chống hiệu quả, không để dịch bệnh nguy hiểm phát sinh trên địa bàn, kiểm soát tốt đại dịch Covid-19, bảo vệ sức khỏe, tính mạng của nhân dân. Tuổi thọ trung bình người dân năm 2025 ước đạt 74,5 tuổi với số năm sống khỏe là 68 năm; tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế ước đạt 96,5%; 90% người dân được quản lý sức khỏe bằng hồ sơ sức khỏe điện tử; tỷ lệ người bệnh hài lòng với dịch vụ y tế là 90%, vượt mục tiêu Nghị quyết.

Các hoạt động văn hóa, thể thao, thông tin, truyền thông ngày chuyên nghiệp, chất lượng, hiệu quả, thiết thực nâng cao chỉ số hạnh phúc cho nhân dân. Hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người Yên Bái “thân thiện, nhân ái, đoàn kết, sáng tạo, hội nhập” được tập trung xây dựng và từng bước hình thành, được thể hiện rõ nét qua tinh thần đùm bọc, yêu thương, sẻ chia, giúp đỡ lẫn nhau của nhân dân các dân tộc trên địa bàn cùng vượt qua thiên tai, dịch bệnh, thi đua quyết tâm xóa đói, giảm nghèo, xóa nhà tạm, nhà dột nát, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh. Thiết chế và các hoạt động văn hóa cơ sở phát triển mạnh, khá đồng bộ¹⁸, góp phần quan trọng nâng cao đời sống tinh thần và chỉ số hạnh phúc cho nhân dân từ vùng thấp đến vùng cao. Tiếp tục quan tâm bảo tồn và phát huy giá trị các di sản¹⁹, văn hóa vật thể, phi vật thể gắn với phát triển du lịch gia tăng giá trị và sức cạnh tranh nền kinh tế của tỉnh; nghệ thuật Xòe Thái được UNESCO ghi danh vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại; nghệ thuật Vẽ sáp ong, nghệ thuật khèn của của Người Mông các huyện Mù Cang Chải, Trạm Tấu, Văn Chấn được đưa vào Danh mục Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia... Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với xây dựng “cơ quan, doanh nghiệp hạnh phúc”, “khu dân cư hạnh phúc” ngày càng thực chất, hiệu quả; tỷ lệ hộ gia đình đạt tiêu chuẩn văn hóa năm 2025 ước đạt 85%, tăng 5% so với năm 2020; tỷ lệ thôn, bản, tổ dân phố văn hóa đạt 75%, tăng 9% so với năm 2020, đạt mục tiêu Nghị quyết. Phong trào “toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” được triển khai rộng khắp, thu hút khoảng 45% dân số tập luyện thể thao thường xuyên, tăng 5% so với năm 2020, đạt mục tiêu Nghị quyết; thể thao thành tích cao được quan tâm đầu tư và đạt được kết quả tích cực.

Xây dựng bộ tiêu chí phù hợp và thực hiện quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp nâng cao chỉ số hạnh phúc cho nhân dân. Tập trung phát triển kinh tế xanh, bền vững gắn với chăm lo tiến bộ, công bằng xã hội, phát huy quyền làm chủ của nhân dân²⁰; đẩy mạnh cải cách công vụ, công chức, cải cách hành chính; giải

¹⁸ Toàn tỉnh có gần 1.600 đội văn nghệ quần chúng (trung bình mỗi thôn, bản, tổ dân phố có 01 đội).

¹⁹ Xếp hạng 29 di tích, toàn tỉnh có 147 di tích, tăng 29 di tích so với năm 2020 (trong đó có 01 di tích quốc gia đặc biệt, 12 di tích quốc gia, 134 di tích cấp tỉnh)

²⁰ Toàn tỉnh hiện có trên 90% gia đình văn hóa đạt tiêu chí gia đình hạnh phúc; 74% thôn, tổ dân phố văn hóa đạt tiêu chí thôn, tổ dân phố hạnh phúc; 400 trường đạt tiêu chí trường học hạnh phúc.

quyết kịp thời các bất cập, tồn tại, hạn chế trong quá trình phát triển, nâng cao chất lượng sống và sự hài lòng của nhân dân. Hết năm 2025, chỉ số hạnh phúc của người dân Yên Bái dự kiến là 68,54%, đạt Mức 2 - Khá hạnh phúc, tăng 15,24% so với năm 2020, vượt mục tiêu Nghị quyết.

Quan tâm phát triển mạnh thông tin, truyền thông, báo chí theo hướng đa phương tiện, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số phù hợp với đặc thù của địa phương. Quản lý, phát huy hiệu quả các cơ quan báo chí trong phát triển kinh tế - xã hội, đáp ứng nhu cầu nhân dân. Năm 2025, 100% số thôn, bản có điện lưới quốc gia được phủ sóng internet (10% số xã, phường, thị trấn có sóng 5G); cơ bản 100% người dân được nghe, xem phát thanh, truyền hình; 87 thuê bao điện thoại/100 dân; 90 thuê bao Internet/100 dân.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác hỗ trợ giải quyết việc làm, bảo đảm an sinh, phúc lợi xã hội, giảm nghèo nhanh, bền vững. Trong 05 năm đã tạo việc làm mới, ổn định với thu nhập khá cho trên 107.000 lao động, trong đó lao động xuất khẩu với mức thu nhập cao chiếm 2,5%; kiểm soát tỷ lệ thất nghiệp ở mức từ 1,0-1,2%; chế độ, chính sách của người lao động cơ bản được bảo đảm, khoảng 26% lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội, tăng 9% so với năm 2020, 15% lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm thất nghiệp, đạt mục tiêu Nghị quyết. Quan tâm chăm lo đầy đủ, kịp thời các chính sách an sinh, phúc lợi xã hội, kiểm chế, đẩy lùi tệ nạn, quản lý phát triển xã hội tiến bộ, hài hòa, công bằng, an toàn, không để ai bị bỏ lại phía sau, từng bước nâng cao chất lượng sống, sự hài lòng và hạnh phúc của nhân dân. Hoàn thành hỗ trợ xây dựng gần 5.000 căn nhà cho 100% người có công và hộ nghèo khó khăn về nhà ở, tăng 28% so với giai đoạn trước; duy trì việc tặng quà Tết Nguyên đán từ nguồn vận động xã hội hóa cho 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo toàn tỉnh; 100% các hộ nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội được cấp thẻ bảo hiểm y tế; bảo đảm chính sách cho trên 41.500 người có công với cách mạng. Thực hiện sáng tạo, quyết liệt, hiệu quả các giải pháp hỗ trợ, sớm bảo đảm đời sống, sản xuất cho các đối tượng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh, ổn định xã hội.

Huy động sự vào cuộc đồng bộ của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và toàn xã hội chung sức thực hiện mục tiêu giảm nghèo nhanh, thực chất, bền vững với nhiều cách làm phù hợp, hiệu quả, phát huy ý chí tự lực, tự cường và vai trò chủ thể, chủ động của người dân đóng góp công sức, trí tuệ, phấn đấu lao động, sản xuất, vươn lên phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới, trở thành nhu cầu, khát vọng, phong trào thi đua sôi nổi trong các tầng lớp nhân dân. Tỷ lệ giảm hộ nghèo bình quân giai đoạn 2021-2025 đạt 3,4%/năm, vượt mục tiêu Nghị quyết²¹, góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh từ 18,07% cuối năm 2021, xuống còn 4,36% năm 2025.

Chú trọng chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ, từng bước tiếp cận với mặt bằng chung của Vùng và phù hợp với điều kiện thực tiễn

²¹ Căn cứ vào chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025, Hội nghị lần thứ 11, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIX thống nhất điều chỉnh chỉ tiêu "Tỷ lệ hộ nghèo giai đoạn 2021-2025" giảm từ 4%/năm xuống còn 3,3%/năm.

của tỉnh. Tăng cường hợp tác với các trường Đại học, các Trung tâm nghiên cứu trong nước và các tổ chức nước ngoài để hỗ trợ chuyển giao công nghệ với các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, xây dựng và phối hợp thực hiện các chương trình, đề án, đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, phát triển cơ sở hạ tầng, xây dựng chính sách phục vụ cho chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025” được triển khai tích cực, góp phần thúc đẩy mạnh mẽ tinh thần doanh nhân, tư duy đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp trên địa bàn tỉnh. Giai đoạn 2021-2025 đã triển khai thực hiện 104 nhiệm vụ khoa học và công nghệ có tính khả thi cao, được áp dụng rộng rãi và đem lại hiệu quả kinh tế - xã hội tích cực.

Quản lý hiệu quả và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, quyền được sinh hoạt tôn giáo của nhân dân. Các tôn giáo cơ bản hoạt động đúng hiến chương, điều lệ, tôn chỉ, mục đích và quy định của pháp luật; một số hoạt động tôn giáo trái pháp luật được phát hiện và xử lý kịp thời; một số bất cập, hạn chế trong công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo tồn tại nhiều năm được khắc phục, giải quyết, nhất là vấn đề đất đai, xây dựng, công nhận tôn giáo... góp phần củng cố niềm tin, sự đồng thuận của các chức sắc, chức việc và tín đồ tôn giáo, chấp hành tốt các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, sống tốt đời đẹp đạo, tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước, các hoạt động xã hội, từ thiện, phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh; hằng năm, có trên 80% hộ gia đình tín đồ đạt gia đình văn hóa, 65% hộ giáo đạt giáo họ tiên tiến, tăng 5% cả hai chỉ tiêu so với năm 2020.

3. Nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng và bảo vệ tài nguyên, môi trường; phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu. Cụ thể hóa, triển khai kịp thời Luật Đất đai, Luật Địa chất và khoáng sản, Luật Tài nguyên nước...; thực hiện hiệu quả Quy hoạch, Kế hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Phương án bảo vệ, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản của Quy hoạch tỉnh Yên Bái thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; khoanh định, điều chỉnh khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản...; quản lý nghiêm túc và khai thác khai thác tốt nguồn lực đất đai, tài nguyên phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Hoàn thành việc đo đạc và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu cho 5/9 huyện, thành phố; công tác cấp phép, quản lý hoạt động khoáng sản cơ bản được thực hiện nghiêm túc. Hoàn thành việc xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu đất đai đối với 70% đơn vị cấp huyện; cơ bản hoàn thành việc đăng ký đất đai đối với các thửa đất; 100% thủ tục hành chính về đất đai đã thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại bộ phận Phục vụ hành chính công các cấp. Hoàn thành xử lý 100% cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, đồng thời, kiểm soát chặt chẽ, không để phát sinh thêm các điểm nóng về môi trường, đạt mục tiêu Nghị quyết; đầu tư mới 13 lò đốt rác tập trung, phục vụ hiệu quả công tác thu gom, xử lý rác thải tại nông thôn; tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn đô thị đạt trên 93%, tăng 3% so với năm 2020 tại khu vực nông thôn đạt trên 60%, vượt mục tiêu Nghị quyết; trên 85% cơ sở sản xuất, kinh doanh đạt quy chuẩn về môi trường. Hoàn thành thủ

tục trình cấp có thẩm quyền xem xét hồ sơ đề xuất công nhân Khu Dự trữ sinh quyển Mù Cang Chải trên cơ sở vùng lõi của Khu Bảo tồn loài sinh cảnh Mù Cang Chải và Khu Bảo tồn thiên nhiên Nà Hầu. Chủ động thực hiện các phương án phòng, chống và hạn chế tác động của thiên tai, nhất là lũ ống, lũ quét, sạt lở đất trên địa bàn.

4. Kinh tế - xã hội vùng cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số có nhiều tiến bộ. Tiếp tục vận động, hỗ trợ đồng bào thay đổi tập quán lao động, sản xuất, xóa bỏ các hủ tục lạc hậu, tiếp cận và ứng dụng khoa học kỹ thuật mới vào canh tác, xây dựng thương hiệu sản phẩm nông nghiệp đặc sản, hữu cơ, bảo tồn, phát huy hiệu quả bản sắc văn hóa, lợi thế về cảnh quan thiên nhiên, khí hậu để phát triển du lịch canh nông, du lịch trải nghiệm, du lịch cộng đồng, nâng cao giá trị các diện tích ruộng bậc thang, cây sơn tra, cây dược liệu, chăn nuôi gia súc, gia cầm... tại các huyện Mù Cang Chải, Trạm Tấu, Văn Chấn... Triển khai quyết liệt, hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi gắn với lồng ghép, huy động khoảng 23.830 tỷ đồng tập trung đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, điện, giáo dục, y tế, viễn thông... cho vùng cao, vùng đặc biệt khó khăn, gấp 2,3 lần giai đoạn trước²²; thường xuyên rà soát, điều chỉnh quy hoạch, sắp xếp ổn định dân cư, kịp thời di dời, bố trí chỗ ở an toàn cho các hộ dân cư trú tại các vùng xung yếu, rủi ro cao do thiên tai; không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục, y tế, công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm bền vững; thu hút, quy hoạch, đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức người dân tộc thiểu số phù hợp, cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, góp phần đưa 27 xã đặc biệt khó khăn của tỉnh trong nhiệm kỳ đạt chuẩn nông thôn mới, gấp 02 lần so với năm 2020; tỷ lệ hộ nghèo là dân tộc thiểu số giảm từ 30,36% năm 2021 xuống chỉ còn 8,9% vào năm 2025; huyện Trạm Tấu và huyện Mù Cang Chải giảm bình quân khoảng 7,5%/năm, vượt mục tiêu Nghị quyết.

5. Quốc phòng - an ninh được giữ vững, chính trị ổn định, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm. Cùng cố vững chắc nền quốc phòng toàn dân, nền an ninh nhân dân; xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, gắn với thế trận an ninh nhân dân, thế trận lòng dân ngày càng vững chắc, đi vào chiều sâu. Xây dựng khu vực phòng thủ tinh, huyện ngày càng vững chắc, xã, phường, thị trấn, cơ quan, đơn vị vững mạnh toàn diện; quan tâm đầu tư xây dựng căn cứ chiến đấu, căn cứ hậu phương và các công trình quốc phòng, công trình có tính lưỡng dụng cao trong khu vực phòng thủ. Chất lượng tổng hợp và khả năng sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang không ngừng được nâng lên. Tiếp tục kiện toàn lực lượng vũ trang theo hướng “tinh, gọn, mạnh”; cùng cố xây dựng lực lượng dự bị động viên, dân quân tự vệ vững mạnh, rộng khắp, với số lượng và chất lượng ngày càng cải thiện, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ ở địa phương, cơ sở. Thành lập chi bộ quân sự tại 100% xã, phường, thị trấn.

²² Có 99% số thôn thuộc các xã vùng dân tộc thiểu số đã được tiếp cận điện. Trong đó, tỷ lệ thôn được sử dụng điện lưới quốc gia chiếm 98,7%, tăng 4,1% so với năm 2019; 95,9% các thôn thuộc vùng dân tộc thiểu số đã có đường giao thông đến trung tâm xã được cứng hóa, cao hơn 15,9% so với năm 2019.

An ninh chính trị ổn định, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm; chất lượng, hiệu quả công tác bảo đảm an ninh trật tự ở cơ sở được nâng lên. Nhanh chóng triển khai lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở. Chủ động tấn công, trấn áp có hiệu quả với các loại tội phạm; tỷ lệ điều tra, khám phá án hình sự đạt trên 75%, trong đó án rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng đạt trên 95%; không có tội phạm hoạt động “băng nhóm”, “xã hội đen”, tai nạn giao thông giảm cả 3 tiêu chí; góp phần bảo đảm cuộc sống bình yên, hạnh phúc của nhân dân. Hoàn thành đầu tư 100% trụ sở công an xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh.

6. Tăng cường hoạt động đối ngoại, hợp tác quốc tế; liên kết phát triển kinh tế - xã hội vùng

Chủ động kết nối, mở rộng quan hệ đối ngoại, hợp tác với các địa phương ngoài nước. Không ngừng củng cố, mở rộng và làm sâu sắc thêm quan hệ hợp tác hữu nghị truyền thống với các địa phương của Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, Cộng hòa Pháp, Ý, Nhật Bản, Trung Quốc,... Tăng cường quan hệ với các đại sứ quán, các tổ chức quốc tế và tập đoàn, doanh nghiệp của Ấn Độ, Nhật Bản, Hàn Quốc. Tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh hoạt động xúc tiến đầu tư, kết nối giao thương tại Đông Bắc Á, Châu Âu, Bắc Mỹ, Trung Đông, châu Phi, Mỹ Latin..., tạo cơ hội cho doanh nghiệp trong tỉnh tìm kiếm thêm thị trường, nâng cao giá trị xuất khẩu cho hàng hóa của tỉnh. Thiết lập quan hệ hợp tác hữu nghị, ngoại giao kinh tế, đào tạo phát triển nguồn nhân lực với các tỉnh Yamanashi (Nhật Bản), thành phố Najju, quận Cheong-song, tỉnh Gyeongsangbuk (Hàn Quốc),... Ký kết và triển khai thực hiện hiệu quả thỏa thuận hợp tác với các địa phương thuộc tuyến hành lang kinh tế Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh. Tiếp tục đổi mới hoạt động ngoại giao văn hóa, thông tin đối ngoại; hình ảnh đất và người Yên Bái được giới thiệu, quảng bá ngày càng rộng rãi trong nước và quốc tế.

Tích cực liên kết phát triển kinh tế - xã hội với các tỉnh trong vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ theo tinh thần Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị. Khai thác hiệu quả vị trí địa lý là trung tâm của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ để quy hoạch, đầu tư hạ tầng giao thông kết nối vùng, liên vùng tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội²³. Phối hợp chặt chẽ với các địa phương trong vùng xây dựng và triển khai thực hiện Quy hoạch vùng trung du và miền núi phía Bắc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; tích cực nghiên cứu, đề xuất cơ chế phối hợp, chính sách liên kết, điều phối giữa các địa phương trong vùng nhằm thúc đẩy liên kết vùng, tiểu vùng. Ký kết Biên bản hợp tác toàn diện với Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai và triển khai hiệu quả các hoạt động giao lưu, trao đổi, học tập kinh nghiệm hay, cách làm hiệu quả trên các lĩnh vực phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc

²³ Triển khai đầu tư các tuyến giao thông đường bộ kết nối với các tỉnh Sơn La, Lai Châu, Lào Cai, Phú Thọ như: Đường kết nối Mường La (Sơn La), Than Uyên, Tân Uyên (Lai Châu), Mù Cang Chải, Văn Chấn, Văn Yên (Yên Bái) với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai (IC15); sửa chữa, nâng cấp đường Trạm Tấu (Yên Bái) - Bắc Yên (Sơn La); đường Văn Yên (Yên Bái) với Văn Bàn (Lào Cai); đường Lục Yên (Yên Bái) - Bảo Yên (Lào Cai); đường Văn Chấn (Yên Bái) với Yên Lập (Phú Thọ)...

phòng - an ninh, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị. Chủ động phối hợp triển khai các hoạt động liên kết phát triển du lịch với 08 tỉnh vùng Tây Bắc mở rộng và thành phố Hồ Chí Minh.

II. THỰC HIỆN 03 ĐỘT PHÁ CHIẾN LƯỢC ĐẠT KẾT QUẢ TÍCH CỰC

1. Ban hành đồng bộ, kịp thời cơ chế, chính sách gắn với đổi mới phương thức quản lý, điều hành, cải cách hành chính và chế độ công vụ, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, kinh doanh, quyết liệt chuyển đổi số, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển. Hoàn thành Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, các quy hoạch vùng huyện, quy hoạch đô thị, nông thôn, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành và ban hành đồng bộ 11 nghị quyết chuyên đề của Tỉnh ủy, 80 nghị quyết, chỉ thị, quy định, đề án của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, 56 nghị quyết, 87 đề án, chính sách của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh với nhiều vấn đề mới, sáng tạo, mang tính tiên phong trong cả nước²⁴, góp phần phát huy lợi thế, khơi thông nguồn lực, tháo gỡ những điểm nghẽn, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị tinh gọn, trong sạch, vững mạnh, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và chỉ số hạnh phúc cho nhân dân. Đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền, nhất là tài chính ngân sách, đất đai, xây dựng cơ bản, quản lý cán bộ, công chức, viên chức... gắn với tăng cường trách nhiệm người đứng đầu, kết hợp chú trọng hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, thanh tra bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu lực, hiệu quả. Quyết liệt cải cách hành chính²⁵ và chế độ công vụ gắn với chuyển đổi số mạnh mẽ trên cả 03 trụ cột: Chính quyền số²⁶, Kinh tế số và Xã hội số, thiết thực nâng cao hiệu quả quản lý xã hội, chất lượng phục vụ của chính quyền và sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp; so với 63 tỉnh, thành phố, chỉ số cải cách hành chính của tỉnh PAR INDEX năm 2024 xếp thứ ..., tăng ... bậc so với 2020; chỉ số hài lòng của doanh nghiệp, người dân về sự phục vụ của các cơ quan hành chính SIPAS xếp thứ, tăng ... bậc so với 2020; tỷ trọng kinh tế số đóng góp vào GRDP của tỉnh năm 2025 ước đạt 13,5%, tăng gấp 02 lần so với năm 2020, đạt mục tiêu Nghị quyết.

2. Quy mô và chất lượng nguồn nhân lực có bước được nâng lên, đáp ứng tốt hơn nhu cầu phát triển. Ban hành và thực hiện tốt các nghị quyết, cơ chế, chính sách, đề án về phát triển nguồn nhân lực, đào tạo nghề, chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn; tiếp tục quan tâm đầu tư, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Trường Cao đẳng nghề Yên Bái và hệ thống cơ sở giáo dục nghề nghiệp của tỉnh. Tổng số lao động toàn tỉnh năm 2025 ước đạt khoảng 370.000 người, trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo trên 70% (tỷ lệ có văn bằng, chứng chỉ trên 40%), vượt mục tiêu Nghị quyết, góp phần tăng năng

²⁴ Quy định về thực hiện văn hóa, đạo đức trong Đảng; Quy định về trách nhiệm nêu gương đưa vào chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội; Quy định về bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo vì lợi ích chung...

²⁵ Rà soát, đơn giản hóa, rút ngắn thời gian thực hiện gần 45%, tăng 5% so với nhiệm kỳ trước; có 4.000 dịch vụ công trực tuyến cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, chiếm 70% tổng số thủ tục hành chính.

²⁶ Nền tảng công dân số tỉnh Yên Bái (Yên Bái-S); nền tảng Bàn làm việc số tỉnh Yên Bái; nền tảng quản lý hoạt động của các tổ chuyển đổi số cộng đồng; nền tảng Sổ tay đảng viên điện tử tỉnh Yên Bái; nền tảng Trợ lý ảo hỗ trợ cho cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Yên Bái

suất lao động xã hội bình quân từ 5,37%/năm giai đoạn 2016-2020 lên 6,2%/năm giai đoạn 2021-2025, đạt mục tiêu Nghị quyết; số lao động sau đào tạo có việc làm, thu nhập ổn định duy trì ở mức trên 80%, tương đương nhiệm kỳ trước. Đặc biệt, với việc ban hành chính sách hỗ trợ đưa lao động đi làm việc tại nước ngoài đã góp phần tích cực nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chuyển dịch cơ cấu lao động, tạo việc làm và thu nhập cao cho một bộ phận lao động khu vực nông nghiệp, nông thôn, hộ nghèo, hộ cận nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số. Cơ cấu lao động từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp bình quân giảm 2,0%/năm, từ 62% năm 2020 còn khoảng 52% năm 2025.

Tiếp tục cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị gắn với tinh giản biên chế, sắp xếp, tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng bảo đảm tiêu chuẩn chính trị, chuyên môn và yêu cầu vị trí việc làm, nâng cao chất lượng cán bộ, công chức, viên chức. Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức khối hành chính, sự nghiệp có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên đạt 76,5%, tăng gần 3% so với năm 2020 (trong đó trình độ sau đại học chiếm 6,9%); tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã có trình độ chuyên môn đại học, cao đẳng đạt khoảng 93%, tăng 41,5% so với năm 2020. Tuyển chọn, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng được 210 cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số vào Đề án số 11-ĐA/TU ngày 08/8/2018 của Tỉnh ủy về xây dựng và tạo nguồn đội ngũ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý đến năm 2030, định hướng đến năm 2035 (tăng 60 người so với năm 2020), đến nay có 125 đồng chí thay đổi vị trí công tác theo hướng tích cực (78 người được bổ nhiệm chức vụ cao hơn, 22 người được bổ nhiệm, bầu cử giữ các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý), tạo nguồn cán bộ kế cận đủ về số lượng, có chất lượng cho trước mắt và lâu dài.

3. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng giao thông được đầu tư ngày càng hoàn thiện. Giai đoạn 2021-2025 đã huy động, lồng ghép khoảng 100.000 tỷ đồng²⁷ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, gấp 1,6 lần giai đoạn 2016-2020, đạt mục tiêu Nghị quyết, tập trung cho các dự án trọng điểm, dự án ứng phó thiên tai, biến đổi khí hậu, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh. Đến nay đã hoàn thành gần 1.500 công trình hạ tầng đô thị, nông thôn mới, thủy lợi, trụ sở..., tăng 25% so với giai đoạn trước, hoàn thành thêm 01 cầu bắc qua sông Hồng, đưa Yên Bái trở thành một trong 03 tỉnh có nhiều cầu nhất trên sông Hồng (08 cầu, sau tỉnh Lào Cai và thành phố Hà Nội), hoàn thành trên 2.600 km đường giao thông nông thôn, vượt 30% mục tiêu Nghị quyết, gấp 2,6 lần giai đoạn 2016-2020, góp phần nâng tỷ lệ đường giao thông nông thôn được bê tông hóa toàn tỉnh đạt gần 83%; hoàn thành 20/26 công trình trọng điểm²⁸, có ý nghĩa

²⁷ Khoảng 25% đầu tư hạ tầng giao thông, tăng 5% so với giai đoạn 2016-2020.

²⁸ Bao gồm các dự án: (1) Đường nối Quốc lộ 37, Quốc lộ 32C với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai, tỉnh Yên Bái; (2) Đường nối Quốc lộ 32 (thị xã Nghĩa Lộ) với tỉnh lộ 174 (huyện Trạm Tấu), tỉnh Yên Bái; (3) Đường nối Quốc lộ 32C với Quốc lộ 37 và đường Yên Ninh, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái; (4) Cầu Giời Phiến, thành phố Yên Bái; (5) Nút giao IC13 cao tốc Nội Bài - Lào Cai; (6) Đường nối quốc lộ 32 với cao tốc Nội Bài - Lào Cai (IC14); (7) Cải tạo, nâng cấp đường Yên Thế - Vinh Kiên, huyện Lục Yên và huyện Yên Bình; (8) Cải tạo đường nối Quốc lộ 37 với cao tốc Nội Bài - Lào Cai (IC15); (9) Đường nối Quốc lộ 70, Quốc lộ 32C, Quốc lộ 37 với cao tốc Nội Bài - Lào Cai; (10) Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường Trạm Tấu (Yên Bái) - Bắc Yên (Sơn La); (11) Dự án "Phát triển tổng

kinh tế, chính trị, xã hội, nhất là các công trình hạ tầng giao thông huyết mạch, góp phần đẩy nhanh liên kết nội tỉnh cũng như kết nối với các tỉnh trong vùng, tạo diện mạo khang trang từ vùng thấp đến vùng cao. Tỷ lệ đô thị hóa đạt 26%, thành phố Yên Bái được công nhận là đô thị loại II; chất lượng sống, sinh hoạt của người dân được nâng lên với tỷ lệ dân số đô thị được sử dụng nước sạch đạt trên 91%; tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 98%, 100% thôn, bản đã có điện với số hộ được sử dụng điện đạt trên 99%; 100% các xã và 80% thôn, bản có cáp quang băng thông rộng cung cấp dịch vụ internet, đạt mục tiêu Nghị quyết.

III. CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ ĐẠT NHIỀU KẾT QUẢ QUAN TRỌNG

1. Xây dựng Đảng bộ tỉnh vững mạnh về chính trị. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ việc cụ thể hóa, thể chế hóa chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước thành chương trình, kế hoạch hành động, các nghị quyết, đề án của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh với chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, chi tiết, phân công rõ cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp; đồng thời tập trung nâng cao hiệu quả khâu tổ chức thực hiện gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát, góp phần đưa nghị quyết của Đảng thực sự đi vào cuộc sống. Phát huy cao độ tinh thần đoàn kết thống nhất cao trong Đảng, thực hành dân chủ gắn với tăng cường kỷ luật, kỷ cương của Đảng; không ngừng nâng cao bản lĩnh chính trị của cấp ủy, tổ chức đảng và của mỗi cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt các cấp. Triển khai thực hiện nghiêm túc việc kiểm điểm tự phê bình và phê bình theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, XII, Kết luận số 21-KL/TW của Hội nghị Trung ương 4 khóa XIII. Quan tâm chỉ đạo gợi ý kiểm điểm đối với những tập thể, cá nhân để xảy ra những vấn đề phức tạp, dư luận bức xúc, có biểu hiện mất đoàn kết, tham nhũng, tiêu cực, vi phạm quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Sau kiểm điểm, chỉ đạo xây dựng, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch khắc phục khuyết điểm, hạn chế gắn với chức trách, nhiệm vụ được giao, góp phần tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các cấp ủy, tổ chức đảng; đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; nâng cao bản lĩnh chính trị, vai trò tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, chủ chốt các cấp.

2. Công tác tư tưởng, lý luận có nhiều đổi mới, tạo sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng và toàn xã hội. Nắm chắc tình hình, thực hiện hiệu quả công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch; tích cực tuyên truyền, giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa tốt đẹp của Đảng bộ và quê hương, con người Yên Bái tới đông đảo cán bộ, đảng viên và

hợp các đô thị động lực - Tiểu dự án thành phố Yên Bái”; (12) Trung tâm Hội nghị tỉnh Yên Bái; (13) Trụ sở Tỉnh ủy và các ban Đảng; (14) Đường nối Tỉnh lộ 163 với cao tốc Nội Bài - Lào Cai; (15) Kè chống sạt lở một số điểm trên suối Ngòi Thìa và suối Ngòi Hút tỉnh Yên Bái; (16) Đường Sơn Lương - Nậm Mười - Sùng Đô, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái; (17) Dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng Đô thị thông minh tỉnh Yên Bái; (18) Đường nối quốc lộ 32 với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai (IC15); (19) Kè chống sạt lở và phát triển cơ sở hạ tầng hai bờ sông Hồng, tỉnh Yên Bái; (20) Đường nối Quốc lộ 70, Quốc lộ 32C, Quốc lộ 37 với cao tốc Nội Bài - Lào Cai.

nhân dân; chú trọng xây dựng, nhân rộng và biểu dương cách làm hay, sáng tạo, gương người tốt, việc tốt, các điển hình tiên tiến trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội; kịp thời ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng và những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị được đổi mới cả về nội dung và phương pháp, chất lượng từng bước được nâng lên, khắc phục cơ bản tình trạng lười học, ngại học lý luận chính trị, dạy và học hình thức. Quan tâm đầu tư cơ sở vật chất; xây dựng đội ngũ cán bộ, giảng viên chuyên trách gắn với củng cố, kiện toàn đội ngũ giảng viên góp phần đưa Trường Chính trị tỉnh đạt chuẩn mức độ I trước 02 năm so với kế hoạch. Công tác lý luận, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn có nhiều tiến bộ, đổi mới. Công tác nghiên cứu, biên soạn lịch sử, truyền thống đảng bộ được thực hiện nghiêm túc, chất lượng nâng lên, góp phần giáo dục bồi đắp lòng tự hào về truyền thống vẻ vang của Đảng bộ tỉnh, nâng cao tinh thần cách mạng, yêu nước cho các thế hệ cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân trong tỉnh.

3. Xây dựng Đảng vững mạnh về đạo đức. Là địa phương đầu tiên trong cả nước ban hành và thực hiện bài bản, nghiêm túc Quy định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện văn hóa, đạo đức trong Đảng và hệ thống chính trị; phát huy cao độ tinh thần tự giác tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng, tích cực “tự soi”, “tự sửa” của đội ngũ cán bộ, đảng viên, qua đó, tạo sự chuyển biến tích cực, rõ nét về tác phong, lề lối làm việc, nâng cao ý thức trách nhiệm của cán bộ, đảng viên trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao. Quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm túc các quy định về trách nhiệm nêu gương theo đúng phương châm “trên trước, dưới sau”, “trong trước, ngoài sau”, “học tập đi đôi với làm theo” gắn với việc kiểm điểm, tự phê bình của cán bộ, đảng viên. Hằng năm, tỷ lệ cán bộ, đảng viên thực hiện tốt trách nhiệm nêu gương đạt trên 93%, gấp hơn 1,4 lần mục tiêu Nghị quyết, trong đó cán bộ lãnh đạo đạt trên 97%, gấp gần 1,5 lần mục tiêu Nghị quyết. Tiếp tục xây dựng và nhân rộng và tạo sức lan tỏa sâu rộng trong xã hội về các mô hình, điển hình tiên tiến trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh²².

4. Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của Đảng và hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Chức năng, nhiệm vụ, quy chế làm việc của các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị được rà soát, bổ sung thường xuyên, kịp thời, cơ bản khắc phục sự trùng lặp, chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động. Tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tiếp tục được kiện toàn, sắp xếp tinh gọn hơn; giai đoạn 2021-2025, toàn tỉnh đã giảm 28 đầu mối cơ quan, đơn vị so với năm 2020 (gồm 19 đơn vị sự nghiệp và 09 đầu mối bên trong các cơ quan hành chính). Tổ chức triển khai thí điểm các mô hình mới, kịp thời sơ kết, tổng kết và kết thúc thí điểm một số mô hình mới về tổ chức bộ máy, kiêm nhiệm các chức danh theo đúng chỉ đạo, định hướng của Trung ương³⁰.

²² Toàn tỉnh có 16.200 tập thể, cá nhân đăng ký xây dựng mô hình, điển hình tiên tiến giai đoạn 2021-2025, tăng so với giai đoạn 2016-2020, trong đó có hơn 2.200 tập thể, cá nhân được khen thưởng ở các cấp.

³⁰ Dừng thực hiện mô hình Văn phòng Tỉnh ủy phục vụ chung các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy; mô hình hợp nhất cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy với cơ quan chuyên môn thuộc chính quyền cùng cấp; mô hình cơ quan tham mưu giúp việc chung khối MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện, bộ phận

Hoàn thành sắp xếp, giảm 05 đơn vị hành chính cấp xã, đến nay, tỉnh còn 168 đơn vị hành chính cấp xã (gồm 146 xã, 12 phường và 10 thị trấn). Tiếp tục thực hiện tinh giản biên chế gắn với xây dựng danh mục vị trí việc làm, khung năng lực, bản mô tả vị trí việc làm của hệ thống chính trị, bảo đảm tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị, đảm bảo ổn định, không làm ảnh hưởng đến hoạt động của các cơ quan, đơn vị, tổ chức; giai đoạn 2021-2025 đã giảm 1,4% biên chế công chức và 3,5% biên chế viên chức so với năm 2020, vượt chỉ tiêu Trung ương giao.

5. Củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên. Ban hành Nghị quyết chuyên đề của Tỉnh ủy về nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của cấp ủy, tổ chức đảng, trọng tâm là cấp ủy cơ sở và cấp trên trực tiếp cơ sở, góp phần xây dựng Đảng bộ tỉnh thực sự trong sạch, vững mạnh toàn diện. Củng cố, xây dựng các loại hình tổ chức cơ sở đảng đồng bộ với sắp xếp bộ máy hành chính, cơ quan, đơn vị; thực hiện quyết liệt, hiệu quả chủ trương bí thư cấp ủy đồng thời là người đứng đầu cơ quan, đơn vị³¹. Triển khai bài bản, hiệu quả Đề án số 11-ĐA/TU ngày 28/10/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Sổ tay đảng viên điện tử tỉnh Yên Bái với 91% đảng viên sử dụng thường xuyên, từng bước đưa sinh hoạt cấp ủy, sinh hoạt chi bộ đi vào nề nếp. Xây dựng được gần 10% “Chi bộ kiểu mẫu” gắn với “chi bộ bốn tốt”, tạo chuyên biển rõ nét trong xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Công tác kết nạp, quản lý, rèn luyện đảng viên được tăng cường gắn với rà soát, sàng lọc, đưa những đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng; đẩy mạnh phát triển đảng viên trẻ, đảng viên là người dân tộc thiểu số, đảng viên khu vực ngoài nhà nước, bình quân mỗi năm kết nạp khoảng 1.900 đảng viên, trong đó có 5% đảng viên trong doanh nghiệp, vượt mục tiêu Nghị quyết. Số tổ chức cơ sở đảng được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên đạt 90%/năm, vượt mục tiêu Nghị quyết.

6. Đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp trong tỉnh được kiện toàn đảm bảo về số lượng, cơ cấu hợp lý, tỷ lệ cán bộ trẻ, nữ, dân tộc thiểu số giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý và tham gia cấp ủy các cấp ngày càng tăng, chất lượng từng bước nâng lên, đáp ứng yêu cầu công tác cán bộ trước mắt và lâu dài. Đổi mới về quy trình nhận xét, đánh giá cán bộ đảm bảo thực chất, khách quan, gắn với phương thức “giao nhiệm vụ, khoán sản phẩm”, lấy kết quả thực hiện nhiệm vụ làm căn cứ đánh giá cán bộ; hằng năm, tỷ lệ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên bình quân đạt trên 98%, vượt mục tiêu Nghị quyết. Đổi mới hình thức, nội dung đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đáp ứng nhu cầu thực tiễn. Thực hiện hiệu quả kế hoạch luân chuyển cán bộ gắn với quy hoạch³², bố trí, sử dụng, đào tạo cán bộ và sắp xếp

giúp việc chung khối MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã; mô hình chủ nhiệm ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp huyện đồng thời là chánh thanh tra cấp huyện; trưởng ban tổ chức cấp ủy cấp huyện đồng thời là trưởng phòng nội vụ; chánh văn phòng cấp ủy cấp huyện đồng thời là chánh văn phòng hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân.

³¹ Toàn tỉnh có 214/243 bí thư cấp ủy đồng thời là thủ trưởng cơ quan đơn vị; 134/173 bí thư đồng thời là chủ tịch hội đồng nhân dân cấp xã; 04/173 bí thư đồng thời là chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã.

³² Quy hoạch Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh có 63 người; trẻ chiếm 11,1% (cao hơn 2,9% nhiệm kỳ trước); nữ chiếm 20,6% (cao hơn 0,9% nhiệm kỳ trước); dân tộc thiểu số chiếm 20,6%. Quy hoạch Ban Thường vụ Tỉnh ủy có 19 người, trong đó trẻ 02 người, chiếm 10,5%, nữ 04 người, chiếm 21%; dân tộc thiểu số 04 người, chiếm 21%.

nhân sự cấp ủy nhiệm kỳ 2020-2025 bảo đảm chất lượng và có cơ cấu hợp lý để chuẩn bị tốt nguồn nhân sự đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo của sở, ban, ngành và phù hợp với định hướng phát triển của địa phương³³. Bố trí, sử dụng cán bộ hợp lý³⁴, đảm bảo tiêu chuẩn, cơ cấu tiêu chuẩn chức danh gắn với thực hiện nghiêm quy định về miễn nhiệm, từ chức, sàng lọc, đưa ra khỏi bộ máy những cán bộ không đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; triển khai nghiêm túc, hiệu quả chủ trương bố trí một số chức danh cán bộ lãnh đạo không là người địa phương. Thực hiện kịp thời, đúng chế độ, chính sách đối với cán bộ, nhất là cán bộ dôi dư do sắp xếp tổ chức, bộ máy, tinh giản biên chế. Công tác bảo vệ chính trị nội bộ được thực hiện nghiêm túc, hiệu quả.

7. Công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng được đẩy mạnh, góp phần xây dựng, chỉnh đốn Đảng, giữ nghiêm kỷ cương, kỷ luật của Đảng. Lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các văn bản về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật của Đảng theo tinh thần đổi mới, thiết thực, hiệu quả; ban hành và tổ chức thực hiện hiệu quả Đề án của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát giai đoạn 2021-2025. Tiếp tục đổi mới trong xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát bảo đảm nguyên tắc “giám sát mở rộng”, “kiểm tra có trọng tâm, trọng điểm”, tập trung vào các lĩnh vực, địa bàn, vị trí công tác phức tạp, nhạy cảm, dễ phát sinh sai phạm, dư luận xã hội quan tâm; hạn chế tối đa việc chồng chéo, trùng lặp về nội dung, thời gian, đối tượng kiểm tra, giám sát thông qua việc định hướng định hướng xây dựng chương trình kiểm tra, giám sát, thanh tra hằng năm của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; đẩy mạnh thực hiện nhiệm vụ kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm. Trong nhiệm kỳ số tổ chức đảng, đảng viên được kiểm tra tăng 724 tổ chức, 1355 đảng viên; số được giám sát tăng 150 tổ chức đảng, 3262 đảng viên; kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm tăng 25 tổ chức đảng, 220 đảng viên, 136 cấp ủy viên; số bị xử lý kỷ luật tăng 05 tổ chức đảng, giảm 45 đảng viên, 27 cấp ủy viên so với nhiệm kỳ trước. Đồng thời, chú trọng đôn đốc, giám sát việc thực hiện thông báo, quyết định sau kiểm tra, giám sát; thực hiện tốt công tác xử lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Quan tâm luân chuyển cán bộ ngành kiểm tra Đảng và kiện toàn ủy ban kiểm tra, cơ quan ủy ban kiểm tra, xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra các cấp đủ bản lĩnh, phẩm chất, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

8. Công tác dân vận của hệ thống chính trị và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội được đổi mới theo hướng tích cực, hiệu quả; phát huy mạnh mẽ sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của địa phương. Phương pháp, nội dung công tác dân vận tiếp tục được đổi mới, hiệu quả ngày càng được nâng lên. Phong trào thi đua “Dân vận khéo” dần trở thành hoạt động thường xuyên,

³³ Đã luân chuyển 34 lượt cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý để đào tạo, rèn luyện qua thực tiễn công tác.

³⁴ Đối với cấp ủy cơ sở: Tỷ lệ trẻ chiếm 37,2%, tăng 17,5% so với nhiệm kỳ trước; nữ chiếm 22,7%, tăng 1,6% so với nhiệm kỳ trước; dân tộc thiểu số 38,4%, tăng 1,9% so với nhiệm kỳ trước. Cấp ủy cấp trên cơ sở: Tỷ lệ trẻ đạt 19,1%, nữ đạt 20,6%, dân tộc thiểu số đạt trên 32%. Cấp ủy cấp tỉnh: Tỷ lệ trẻ đạt 10,4% (cao hơn nhiệm kỳ trước); nữ đạt 16,7% (tương đương nhiệm kỳ trước); dân tộc thiểu số đạt 27,1% (tương đương nhiệm kỳ trước).

lan tỏa sâu rộng trong toàn xã hội³⁵. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác dân vận trong các cơ quan nhà nước, lấy tuyên truyền, vận động, thuyết phục là chính, khắc phục cơ bản lối làm việc quan liêu, mệnh lệnh hành chính. Công tác dân vận đối với đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào tôn giáo có nhiều đổi mới, phát huy tốt vai trò của đội ngũ bí thư chi bộ, trưởng thôn, bản, tổ dân phố, trưởng ban công tác mặt trận, người có uy tín trong cộng đồng tích cực tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia các phong trào thi đua yêu nước, xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững. Ban hành và duy trì thực hiện hiệu quả Kế hoạch ngày cuối tuần cùng dân và doanh nghiệp, Chương trình Cafe doanh nhân, qua đó, kịp thời nắm bắt, giải quyết tâm tư, nguyện vọng, kiến nghị chính đáng của doanh nghiệp và nhân dân ngay từ cơ sở. Thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở; tôn trọng, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, không ngừng củng cố, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội các cấp tích cực tuyên truyền, vận động, tập hợp hội viên, đoàn viên và quần chúng nhân dân, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, khơi dậy ý chí tự lực, tự cường và khát vọng vươn lên, thi đua thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của địa phương. Phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội và tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh. Hoàn thiện đồng bộ cơ chế, chính sách, tổ chức bộ máy của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp trong việc tham gia xây dựng Đảng và hệ thống chính trị, trong hoạt động “tự chủ - tự quản” theo pháp luật. Đổi mới nội dung, hình thức tiếp xúc, đối thoại với nhân dân; lắng nghe, tổng hợp, đề xuất với các cơ quan có thẩm quyền kịp thời giải quyết nguyện vọng chính đáng của nhân dân. Quán triệt tư tưởng “dân là gốc” và phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng” làm nền tảng cốt lõi cho hoạt động của mặt trận tổ quốc và các tổ chức thành viên; phát huy vai trò của nhân dân trong việc ban hành, tổ chức thực hiện và giám sát việc thực hiện các chủ trương, cơ chế, chính sách. Tỷ lệ quần chúng tham gia vào hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội hằng năm đạt trên 80%, vượt kế hoạch đề ra.

9. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác nội chính; tích cực đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí. Chi đạo nghiên cứu, quán triệt đầy đủ, nghiêm túc chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác nội chính, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và cải cách tư pháp, kịp thời cụ thể hóa để tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả, đúng quy định của pháp luật và tình hình thực tiễn của địa phương. Công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí được tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện quyết liệt, đạt kết quả tích cực. Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, tiêu cực tỉnh được thành lập và phát huy vai trò chỉ đạo, phối hợp, đôn đốc, kiểm tra, giám sát công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu

³⁵ Trong nhiệm kỳ đã xây dựng được trên 5.000 mô hình dân vận khéo.

cực tại Đảng bộ tỉnh³⁶. Kịp thời quán triệt, triển khai, phổ biến, tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác phòng chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí, tạo sự chuyển biến rõ nét về nhận thức, hành động của cả hệ thống chính trị, cộng đồng xã hội và các tầng lớp Nhân dân. Chỉ đạo ban hành nhiều văn bản nâng cao khả năng nhận diện các hành vi, kiểm soát quyền lực và phòng chống tham nhũng, tiêu cực. Thường xuyên rà soát, bổ sung, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật, hệ thống tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật, đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền theo thẩm quyền, tập trung vào các lĩnh vực: quy hoạch, đất đai, đầu tư xây dựng, đấu thầu, quản lý, sử dụng tài chính, ngân sách, tài sản nhà nước... Góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực nhà nước và phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

Công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án được thực hiện đồng bộ; chất lượng điều tra, truy tố, xét xử được nâng lên; có sự phối hợp thường xuyên, chặt chẽ giữa các cơ quan tiến hành tố tụng, xử lý kịp thời, nghiêm minh các vi phạm, tội phạm, không để xảy ra oan, sai, bỏ lọt tội phạm³⁷. Công tác thanh tra được đẩy mạnh với 765 cuộc thanh tra, tập trung vào các lĩnh vực, địa bàn trọng điểm, nhạy cảm, dễ phát sinh vi phạm, tiêu cực, tham nhũng, qua đó, đã phát hiện sai phạm với số tiền 18 tỷ đồng và 473 ha đất; 100% các vụ việc phát hiện có dấu hiệu tội phạm đều được chuyển đến Cơ quan điều tra giải quyết theo thẩm quyền; tỷ lệ thu hồi tiền và tài sản sai phạm sau thanh tra đạt trên 95%. Công tác cải cách tư pháp được triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả. Công tác hành chính tư pháp, hỗ trợ tư pháp từng bước được đẩy mạnh; hiệu quả tuyên truyền, phổ biến, giáo dục và ý thức chấp hành pháp luật của nhân dân được nâng lên. Thực hiện nghiêm túc công tác tiếp dân, xử lý, giải quyết các vụ việc, đơn thư khiếu nại, tố cáo, không để phát sinh phức tạp, tỷ lệ giải quyết đơn thư hằng năm đạt trên 97%. Duy trì thực hiện nghiêm quy định về trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền trong việc tiếp công dân, đối thoại trực tiếp với nhân dân và xử lý những phát ánh, kiến nghị, đề xuất chính đáng của nhân dân, góp phần tạo sự đồng thuận trong toàn xã hội.

10. Phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị có nhiều đổi mới, hiệu quả nâng lên. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã kịp thời cụ thể hóa, ban hành các nghị quyết chuyên đề, chỉ thị, đề án, quy định,.. toàn diện trên các lĩnh vực xây dựng Đảng và hệ thống chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh để lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện bảo đảm Nghị quyết của Đảng sớm đi vào cuộc sống; gương mẫu tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, tôn trọng các nguyên tắc tổ chức và hoạt động, vai trò, tính tự chủ, năng động sáng tạo của chính quyền, mặt trận tổ quốc

³⁶ Đã chỉ đạo đưa vào 06 vụ vào diện Ban Chỉ đạo theo dõi, chỉ đạo, đến nay, Ban Chỉ đạo hiện đang theo dõi 03 vụ. Tổ chức được 08 cuộc kiểm tra, giám sát của Ban Chỉ đạo đối với các cấp ủy, tổ chức đảng trong việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

³⁷ Tỷ lệ thụ lý tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố đạt 100%. Tỷ lệ giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố đạt trên 90%. Viện kiểm sát ra quyết định truy tố bị can đúng tội đạt trên 95%; 100% các vụ việc có dấu hiệu tội phạm đều được khởi tố vụ án để điều tra theo đúng quy định của pháp luật Tỷ lệ giải quyết án hình sự đạt trên 88%; án dân sự đạt trên 78%; án hành chính đạt trên 60%; tỷ lệ thi hành án dân sự xong trên tổng số án có điều kiện thi hành năm sau cao hơn năm trước.

và các đoàn thể chính trị - xã hội. Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nghiêm túc theo đúng quy định của Điều lệ Đảng, các chủ trương, định hướng của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy chế làm việc của cấp ủy; thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, quyết định theo đa số; giữ vững kỷ cương, kỷ luật công tác; bảo đảm thống nhất, đồng thuận cao, phát huy trí tuệ của tập thể và cá nhân. Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng thông qua việc ban hành Chương trình hành động của Tỉnh ủy lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị hằng năm theo phương châm “Giao nhiệm vụ, khoán sản phẩm”; đẩy mạnh sắp xếp tổ chức, tinh gọn bộ máy gắn với cải cách hành chính và chế độ công vụ; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, năng động, sáng tạo, liêm chính, nói đi đôi với làm với phương châm “trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và có trách nhiệm với nhân dân”; nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp, ngày càng đáp ứng tốt hơn yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh nỗ lực đổi mới toàn diện các phương diện công tác, không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động, hoàn thành tốt chương trình công tác, kế hoạch đề ra. Chủ động nghiên cứu, tích cực tham gia ý kiến góp ý vào các dự án Luật. Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật được triển khai hiệu quả, góp phần nâng cao nhận thức pháp luật cho cán bộ, đảng viên và nhân dân. Hoạt động giám sát được đẩy mạnh, bảo đảm thực chất, trọng tâm, trọng điểm, nhất là những vấn đề liên quan đến nhiệm vụ chính trị của địa phương. Hoạt động tiếp xúc cử tri có nhiều đổi mới; phương thức tổ chức ngày càng phong phú, đa dạng, đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Hoạt động của hội đồng nhân dân có nhiều đổi mới. Chất lượng ban hành các nghị quyết ngày càng được nâng lên, bảo đảm đúng thẩm quyền, tính hợp hiến, hợp pháp, tạo hành lang pháp lý thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân. Thực hiện giám sát thường xuyên, giám sát chuyên đề phù hợp, có trọng tâm, trọng điểm, chú trọng những vấn đề lớn, vấn đề bức xúc, nổi cộm được đông đảo cử tri và Nhân dân quan tâm. Hoạt động tiếp xúc cử tri được thực hiện nghiêm túc theo đúng quy định; tổng hợp đầy đủ, kịp thời các ý kiến, kiến nghị của cử tri để chuyển đến các cơ quan chức năng xem xét, giải quyết. Chất lượng đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp ngày càng được nâng lên, đáp ứng sự kỳ vọng, mong mỏi của cử tri và Nhân dân.

Công tác quản lý, điều hành của ủy ban nhân dân các cấp được đổi mới theo hướng dân chủ, minh bạch, quyết liệt, kỷ cương, hiệu quả. Tích cực đề xuất ban hành mới, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện các cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Nỗ lực thực hiện hiệu quả cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Năm 2024, xếp thứ .../63 tỉnh, thành phố về Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI (tăng ... bậc so với 2020); xếp thứ .../63 tỉnh, thành phố về Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh PAPI (tăng ... so với 2020). Đẩy mạnh sắp xếp tổ chức, tinh gọn bộ máy gắn với cải cách hành chính và chế độ công vụ; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức “chuyên nghiệp, năng động, sáng tạo, liêm chính”.

B. TỒN TẠI, HẠN CHẾ

1. Về phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh

Còn 02/19 chỉ tiêu chủ yếu Nghị quyết Đại hội XIX Đảng bộ tỉnh là GRDP bình quân đầu người và Tỷ lệ che phủ rừng không đạt mục tiêu đề ra³⁸; mục tiêu nâng cấp thị xã Nghĩa Lộ đạt tiêu chí đô thị loại III, huyện Mù Cang Chải cơ bản không còn là huyện nghèo chưa hoàn thành.

Kinh tế phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế. Quy mô kinh tế còn nhỏ; cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng chậm, năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp; liên kết sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị chưa bảo đảm yêu cầu; kinh tế số phát triển chậm; giá trị sản xuất nông nghiệp thấp, tỷ lệ sản phẩm qua chế biến chưa cao, chưa gắn kết chặt chẽ với thị trường tiêu thụ; sản xuất lâm nghiệp chưa trở thành đột phá trong kinh tế nông thôn, diện tích rừng gỗ lớn, rừng được cấp chứng chỉ FSC chưa đạt kế hoạch; xây dựng nông thôn mới tuy vượt mục tiêu nhưng có mặt chưa bền vững, nhất là tiêu chí môi trường, an ninh trật tự, kinh tế nông thôn vùng cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn khó khăn.

Phát triển công nghiệp chưa trở thành động lực thúc đẩy tăng trưởng, tỷ trọng sản phẩm công nghệ cao, chế biến sâu hạn chế; chưa tận dụng được nhiều lợi thế của tỉnh để thu hút đầu tư phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo theo hướng thân thiện môi trường; hạ tầng khu, cụm công nghiệp và hiệu quả quản lý, sử dụng còn nhiều bất cập; chỉ số sản xuất công nghiệp thấp; tiêu thụ công nghiệp phát triển chậm; mục tiêu đưa Yên Bái trở thành trung tâm chế biến lâm sản của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ chưa đạt được. Hoạt động dịch vụ, thương mại, xuất khẩu chưa thật sự đa dạng, giá trị gia tăng chưa cao, quy mô nhỏ. Dịch vụ du lịch phục hồi nhanh nhưng còn bất cập, thiếu đồng bộ, chuyên nghiệp, năng lực cạnh tranh chưa cao. Chất lượng và hiệu quả thu hút đầu tư còn hạn chế, môi trường đầu tư, kinh doanh chưa thực sự thông thoáng và thuận lợi, thiếu hấp dẫn. Việc triển khai các dự án của doanh nghiệp đầu tư vào tỉnh có mặt chưa đáp ứng yêu cầu, một số dự án không thực hiện hoặc chậm tiến độ, nhất là trong lĩnh vực công nghiệp, du lịch, ảnh hưởng đến môi trường đầu tư, kinh doanh và phát triển kinh tế địa phương. Kinh tế tư nhân phát triển chậm, quy mô nhỏ, năng lực cạnh tranh thấp.

Chất lượng, hiệu quả lĩnh vực văn hóa - xã hội có mặt còn hạn chế. Cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục có nơi chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới toàn diện giáo dục - đào tạo; chất lượng giáo dục toàn diện, nhất là giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống ở nhiều nơi chưa được coi trọng. Đào tạo nghề, đặc biệt là đào tạo nghề cho lao động nông thôn chưa thực sự hiệu quả; chất lượng việc làm chưa cao, thiếu ổn định; chuyển dịch cơ cấu lao động từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp chậm. Việc thu hút, phát triển, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao chưa đáp ứng được yêu cầu. Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe, khám, chữa bệnh cho nhân dân có mặt

³⁸ GRDP bình quân đầu người ước đạt 61,4 triệu đồng (mục tiêu Nghị quyết là 65 triệu đồng); Tỷ lệ che phủ rừng duy trì ổn định 63% (mục tiêu Nghị quyết là 65%).

chưa đáp ứng yêu cầu, nhất là tuyến cơ sở. Vai trò của văn hóa trong xây dựng con người chưa đạt yêu cầu; còn sự chênh lệch về thụ hưởng văn hóa giữa nông thôn và đô thị, giữa vùng thấp với vùng đồng bào dân tộc thiểu số; nếp sống văn hóa, văn minh có mặt còn hạn chế; một số hủ tục lạc hậu của đồng bào dân tộc chưa được xóa bỏ triệt để. Giảm nghèo nhanh nhưng có nơi thiếu bền vững. Đời sống của một bộ phận người dân, đặc biệt là các khu vực bị ảnh hưởng của thiên tai, vùng cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn.

Thực hiện đột phá chiến lược về xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và phát triển đô thị tuy đạt kết quả tích cực song vẫn còn một số công trình trọng điểm chưa hoàn thành, chậm tiến độ. Công tác tổ chức thực hiện, đưa nghị quyết vào cuộc sống vẫn là khâu yếu.

Quốc phòng, an ninh còn một số bất cập. Việc quán triệt và tổ chức thực hiện một số chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quốc phòng, an ninh có mặt chưa hiệu quả; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội còn tiềm ẩn yếu tố phức tạp; đấu tranh phòng chống tệ nạn xã hội, tội phạm, nhất là tội phạm phi truyền thống, công nghệ cao gặp khó khăn; công tác phòng ngừa, phát hiện, xử lý tội phạm, vi phạm pháp luật còn có mặt hạn chế; hoạt động tôn giáo trái pháp luật vẫn còn diễn ra.

2. Công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị

Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của một số cấp ủy, tổ chức đảng, nhất là ở cơ sở có nơi chưa đáp ứng được yêu cầu. Đổi mới nội dung, hình thức sinh hoạt của các loại hình chi bộ nhiều nơi còn hạn chế. Vai trò tiên phong, gương mẫu của một bộ phận cán bộ, đảng viên, trong đó có cán bộ lãnh đạo, quản lý chưa được phát huy đầy đủ; một số cán bộ lãnh đạo ngành, địa phương vi phạm phải xử lý kỷ luật, xử lý hình sự. Khắc phục khuyết điểm, hạn chế sau kiểm điểm hàng năm theo yêu cầu Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII gắn với thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị ở một số cấp ủy, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị chưa sát sao, nghiêm túc, quyết liệt; kết quả học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh chưa toàn diện, hiệu quả, có nơi còn hình thức. Nội dung, phương thức công tác chính trị, tư tưởng, thông tin, tuyên truyền có mặt chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Việc học tập, quán triệt, triển khai thực hiện nghị quyết của Đảng có nơi hiệu quả thấp. Công tác cán bộ vẫn còn những hạn chế, bất cập, nhất là việc đánh giá cán bộ; trình độ, năng lực, phẩm chất đạo đức, uy tín của một bộ phận cán bộ lãnh đạo, quản lý một số cấp ủy, chính quyền, địa phương, cơ sở còn hạn chế, chưa ngang tầm nhiệm vụ. Một số cấp ủy, ủy ban kiểm tra chưa chủ động trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát; thiếu quyết liệt, ngại va chạm, chất lượng, hiệu quả kiểm tra, xử lý và tham mưu xử lý vi phạm còn hạn chế. Nhận thức của một bộ phận cán bộ, đảng viên, nhân dân về công tác dân vận chưa thực sự đầy đủ, sâu sắc. Công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, có mặt chưa hiệu quả; một số biện pháp phòng ngừa tham nhũng chưa được thực hiện nghiêm túc, quyết liệt; việc tự phát hiện tham nhũng, tiêu cực tại cơ quan, đơn vị, địa phương còn yếu. Công tác tiếp công dân có nơi chưa được quan tâm đúng mức; một số vụ việc khiếu nại, tố cáo chưa được giải quyết kịp thời, triệt để.

Hiệu lực, hiệu quả công tác giám sát của hội đồng nhân dân các cấp, nhất là cấp xã chưa cao. Hoạt động của chính quyền còn một số bất cập, nhất là quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực còn hạn chế; quản lý đầu tư xây dựng các công trình, dự án đầu tư công còn hạn chế, nhất là trong giải phóng mặt bằng, thi công các công trình và giải ngân các nguồn vốn chậm; quản lý đất đai, tài nguyên, bảo vệ môi trường còn bất cập; tình trạng vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường còn diễn biến phức tạp, nhất là trong khai thác, chế biến khoáng sản và chế biến nông, lâm sản; năng lực dự báo, cảnh báo, phòng chống thiên tai có mặt còn yếu; chính quyền cơ sở ở một số nơi chưa kịp thời nắm bắt và giải quyết theo thẩm quyền các vấn đề phát sinh, gây bức xúc trong nhân dân.

Nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội chậm đổi mới, hiệu quả công tác vận động, tập hợp, đoàn kết, thuyết phục chưa cao; hoạt động giám sát đối với cơ quan nhà nước, các chương trình kinh tế - xã hội chưa hiệu quả; phản biện xã hội chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đề ra.

C. ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT, NGUYÊN NHÂN VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

I. ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Nhiệm kỳ qua, trong bối cảnh còn nhiều khó khăn, thách thức, song Đảng bộ, chính quyền, lực lượng vũ trang và nhân dân các dân tộc tỉnh Yên Bái đã đoàn kết, năng động, sáng tạo, tận dụng tối đa tiềm năng, lợi thế, khơi dậy mạnh mẽ sức mạnh nội sinh, nhất là sức mạnh con người; cụ thể hóa các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước phù hợp với thực tiễn địa phương gắn với không ngừng đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của cấp ủy, chính quyền các cấp; giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, kinh tế - xã hội - môi trường; phát huy vai trò Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ và xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc; thống nhất tư tưởng, khơi thông những điểm nghẽn, đẩy mạnh sản xuất xã hội, huy động mọi nguồn lực cho phát triển nhanh, toàn diện, bền vững và đã *đạt được nhiều thành tựu quan trọng, khá toàn diện trên các lĩnh vực.*

Kinh tế tiếp tục tăng trưởng khá, chất lượng tăng trưởng có mặt được nâng lên; thu hẹp dần khoảng cách phát triển giữa vùng thấp và vùng cao, giữa đô thị và nông thôn; cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng đạt kết quả tích cực, tạo nền tảng cho phát triển bền vững; thực hiện 03 đột phá chiến lược tiếp tục đạt kết quả quan trọng: (i) Hệ thống cơ chế, chính sách được hoàn thiện đồng bộ phát huy hiệu quả tiềm năng, lợi thế, huy động và khơi dậy các nguồn lực, thúc đẩy cơ cấu lại nền kinh tế, phát triển văn hóa - xã hội; cải cách hành chính có nhiều tiến bộ, chuyển đổi số nhanh với nhiều cách làm sách tạo, hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tiễn; môi trường đầu tư, kinh doanh được cải thiện, thu hút đầu tư đạt kết quả tích cực; (ii) Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội

được đầu tư đồng bộ, hiệu quả, nhất là hạ tầng giao thông kết nối vùng và liên vùng, hạ tầng đô thị, hạ tầng nông thôn... góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, tạo diện mạo đô thị và nông thôn ngày càng khang trang, hiện đại; (iii) Nguồn nhân lực, nhất là đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chất lượng được nâng lên, cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Xây dựng nông thôn mới đạt kết quả vượt bậc, *đi đầu các tỉnh trong khu vực Tây Bắc*. Chất lượng, hiệu quả văn hóa - xã hội có nhiều tiến bộ, bảo đảm mọi người dân đều được chăm lo, thụ hưởng các chế độ, chính sách an sinh, phúc lợi xã hội; gìn giữ và phát huy giá trị bản sắc văn hóa tốt đẹp của đồng bào các dân tộc, xây dựng hình ảnh con người Yên Bái "*thân thiện, nhân ái, đoàn kết, sáng tạo, hội nhập*". Giảm nghèo nhanh, bền vững với nhiều cách làm sáng tạo, hiệu quả; đời sống nhân dân tiếp tục được cải thiện. Quốc phòng, an ninh được giữ vững, chính trị ổn định, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm; chủ động khắc phục nhanh chóng, kịp thời hậu quả thiên tai, sớm ổn định cuộc sống cho nhân dân. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng đạt nhiều kết quả quan trọng; phương thức lãnh đạo của Đảng và hoạt động của chính quyền không ngừng được đổi mới, ngày càng hiệu quả; năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các cấp ủy đảng được nâng lên; văn hóa, đạo đức trong Đảng được đẩy mạnh; tiếp tục chăm lo tạo nguồn cán bộ cán bộ trẻ, nữ, dân tộc cho cả trước mắt và lâu dài; phát huy cao độ sức mạnh khối đại đoàn kết dân tộc, khơi dậy ý chí, khát vọng vươn lên trong các tầng lớp nhân dân chung sức cùng cấp ủy, chính quyền thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của tỉnh.

Tuy nhiên, kinh tế của tỉnh phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế; quy mô nền kinh tế còn nhỏ, năng suất lao động và năng lực cạnh tranh thấp; giảm nghèo nhanh nhưng chưa thật sự bền vững, đời sống của một bộ phận người dân vùng cao, vùng dân tộc thiểu số còn khó khăn; chất lượng, hiệu quả trên một số lĩnh vực văn hóa - xã hội còn hạn chế; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội vẫn tiềm ẩn những yếu tố phức tạp; công tác phòng, chống tham nhũng có mặt hiệu quả chưa cao; vai trò tiên phong, gương mẫu của một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa được phát huy đầy đủ; còn 02/21 chỉ tiêu chủ yếu không đạt kế hoạch, các chỉ tiêu đưa Yên Bái trở thành tỉnh phát triển khá trong vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ có mặt chưa bền vững.

II. NGUYÊN NHÂN

1. Nguyên nhân của thành tựu đạt được: Những kết quả tích cực đạt được trong 05 năm qua có cả nguyên nhân khách quan và chủ quan. Đó là kết quả của quá trình nỗ lực, phấn đấu liên tục, bền bỉ qua nhiều nhiệm kỳ đại hội Đảng bộ tỉnh; sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát, thường xuyên của Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ; sự phối hợp, ủng hộ, tạo điều kiện của các ban, bộ, ngành, đoàn thể Trung ương và các tỉnh bạn, cùng với sự thành công rất tốt đẹp của Đại hội lần thứ XIX Đảng bộ tỉnh và cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026. Nhưng nguyên nhân quan trọng nhất là tinh thần đoàn kết, thống nhất cao trong toàn Đảng bộ tỉnh với quan điểm chỉ đạo xuyên suốt "*kiên định về mục tiêu, linh hoạt về giải pháp*"; đặt dưới sự lãnh đạo toàn diện, sâu sát, hiệu quả của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban

Thường vụ Tỉnh ủy; cùng với sự đổi mới đồng bộ, hiệu quả cả về nội dung và phương thức hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội; sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt, linh hoạt của Ủy ban nhân dân tỉnh; đặc biệt là sự đoàn kết, đồng lòng, ý chí tự lực, tự cường, khát vọng vươn lên của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân các dân tộc trong tỉnh phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế, vượt qua mọi khó khăn, thách thức “*biến nguy thành cơ*”, “*biến khó thành dễ*”, “*biến không thể thành có thể*”, quyết tâm, quyết liệt triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp để hoàn thành các mục tiêu Nghị quyết Đại hội lần thứ XIX Đảng bộ tỉnh đã đề ra.

2. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

Những hạn chế, khuyết điểm trong thực hiện Nghị quyết Đại hội XIX Đảng bộ tỉnh có nguyên nhân khách quan do Yên Bái là tỉnh miền núi nội địa, đa dân tộc, địa hình phức tạp, chia cắt, thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai, tỷ lệ hộ nghèo cao; quy mô nền kinh tế nhỏ, sức cạnh tranh thấp, nguồn lực đầu tư còn hạn chế, kết cấu hạ tầng chưa phát triển đồng bộ; ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh Covid-19, bất ổn của kinh tế, chính trị thế giới, khu vực; bất cập trong một số chính sách, pháp luật. Song, trực tiếp và quyết định là do nguyên nhân chủ quan.

Trước hết, do quá trình xác định mục tiêu, định hướng phát triển không lường hết được những khó khăn, thách thức, rủi ro phát sinh; đề ra một số chỉ tiêu, nhiệm vụ quá cao, chưa sát thực tiễn.

Thứ hai, năng lực cụ thể hóa và lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ của một số cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền còn hạn chế, chậm đổi mới, có mặt hiệu quả thấp; có địa phương lãnh đạo cấp ủy, chính quyền có lúc, có việc thiếu sâu sát cơ sở, không nắm chắc tình hình để giải quyết kịp thời khó khăn, vướng mắc; công tác phối hợp thực hiện nhiệm vụ của một số cơ quan, đơn vị cấp tỉnh với các địa phương thiếu đồng bộ, chặt chẽ.

Thứ ba, vai trò, trách nhiệm cá nhân của người đứng đầu một số cơ quan, đơn vị, lĩnh vực chưa cao; còn có tư tưởng trông chờ, thụ động, ý lại vào cấp trên; kỷ cương, kỷ luật chưa nghiêm; thiếu quyết tâm, quyết liệt, ngại khó, không sát sao trong chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ được giao. Trình độ, năng lực của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức các cấp chưa đáp ứng được yêu cầu; một số cán bộ, đảng viên, trong đó có cả cán bộ lãnh đạo chưa gương mẫu, thiếu rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, lối sống, thiếu tinh thần trách nhiệm, gây phiền hà, sách nhiễu đối với người dân, doanh nghiệp; cá biệt vi phạm quy định, pháp luật phải xử lý kỷ luật, xử lý hình sự.

III. MỘT SỐ KINH NGHIỆM

Một là, phát huy mạnh mẽ truyền thống đoàn kết, thống nhất trong Đảng và hệ thống chính trị, trước hết là trong Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và cấp ủy các cấp; không ngừng đổi mới phương thức lãnh đạo để xây dựng Đảng và hệ thống chính trị thực sự trong sạch, vững mạnh toàn diện, hoạt động

hiệu lực, hiệu quả; kiên quyết đấu tranh với những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, tiêu cực, tham nhũng. Chú trọng công tác cán bộ và chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ có phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; phát huy tinh thần trách nhiệm và vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu các cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị gắn liền với giữ vững kỷ cương, kỷ luật trong Đảng.

Hai là, quán triệt sâu sắc, thực hiện nghiêm túc quan điểm “Dân là gốc”; xác định Nhân dân là trung tâm, vừa là chủ thể, động lực của sự nghiệp đổi mới, mọi chủ trương, chính sách phải thực sự xuất phát từ nguyện vọng, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân; lấy sự hài lòng, tín nhiệm của Nhân dân làm thước đo đánh giá cán bộ và hiệu quả công việc. Khơi dậy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và sự chung sức, đồng lòng của Nhân dân hướng vào xây dựng quê hương, đất nước.

Ba là, nắm vững, vận dụng, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện sáng tạo, linh hoạt, hiệu quả chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước phù hợp với điều kiện và yêu cầu thực tế của địa phương trên quan điểm phát triển bền vững, hài hòa giữa kinh tế với văn hóa - xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái, ổn định chính trị và bảo đảm quốc phòng, an ninh; khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế, khơi thông các điểm nghẽn, huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực, nhất là nguồn lực xã hội.

Bốn là, nâng cao năng lực, chất lượng dự báo đúng tình hình, nhận diện đúng thời cơ, thách thức, chú trọng tạo đột phá để thúc đẩy phát triển; đồng thời quyết tâm, quyết liệt, năng động trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện trên nguyên tắc “*kiên định về mục tiêu, linh hoạt về giải pháp*”.

Năm là, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, tháo gỡ kịp thời khó khăn, vướng mắc; coi trọng công tác tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận gắn với công tác thi đua, khen thưởng thiết thực, hiệu quả; động viên, khích lệ, nhân rộng những mô hình hay, cách làm mới, những gương điển hình tiên tiến, lan tỏa những giá trị nhân văn, tốt đẹp, tạo đồng thuận cao trong xã hội.

Phần thứ hai

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN NHIỆM KỲ 2025-2030

Giai đoạn tới, hòa bình, hợp tác, phát triển vẫn là xu thế căn bản; toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và liên kết kinh tế tiến triển nhanh, Cuộc cách mạng Công nghiệp lần thứ tư, nhất là công nghệ trí tuệ nhân tạo AI, internet vạn vật, dữ liệu lớn... phát triển mạnh mẽ vừa tạo thời cơ, vừa đặt ra thách thức cho các quốc gia. Cục diện thế giới đang có diễn biến nhanh và phức tạp theo hướng đa cực, đa trung tâm, đa tầng nấc; cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng

mở rộng, gay gắt; xu thế tự chủ chiến lược về kinh tế được đẩy mạnh; tranh chấp chủ quyền lãnh thổ, biển đảo ở Biển Đông có chiều hướng căng thẳng, phức tạp hơn; xung đột, chiến tranh, bất ổn xã hội, biến đổi khí hậu và những thách thức an ninh phi truyền thống tiếp tục diễn biến khó lường.

Đất nước sau gần 40 năm đổi mới có cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế tiếp tục được nâng lên; vai trò lãnh đạo của Đảng ngày càng được củng cố, tăng cường; đời sống nhân dân không ngừng được nâng cao. Tuy nhiên, kinh tế - xã hội đất nước chưa thật bền vững, nhiều điểm nghẽn chưa được tháo gỡ, khơi thông, giải quyết triệt để; độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ vẫn tiềm ẩn nhiều thách thức; già hóa dân số, thiên tai, dịch bệnh, an ninh, chủ quyền trên không gian mạng, sự chống phá của các thế lực thù địch, phản động có mặt gay gắt, phức tạp hơn.

Tình ta với những thành tựu quan trọng đạt được 35 năm tái lập, cùng với hệ thống thể chế, cơ chế, chính sách của Trung ương, của tỉnh ngày càng được hoàn thiện đồng bộ, đặc biệt là Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Quy hoạch tỉnh Yên Bái thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, các Chương trình mục tiêu quốc gia, nhất là tư tưởng, quan điểm, định hướng phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới của dân tộc, cùng truyền thống đoàn kết, nhân ái, cần cù, sáng tạo và giá trị bản sắc, văn hóa tốt đẹp của con người Yên Bái sẽ tiếp tục là động lực cho giai đoạn phát triển mới. Tuy nhiên, tình về cơ bản vẫn là tỉnh miền núi còn nhiều khó khăn, hạn chế, phụ thuộc nhiều vào ngân sách Trung ương, quy mô nền kinh tế nhỏ, năng suất lao động và sức cạnh tranh thấp, kết cấu hạ tầng chưa đồng bộ, thường xuyên chịu ảnh hưởng nặng nề của thiên tai, biến đổi khí hậu, đời sống của một bộ phận nhân dân, nhất là vùng cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn khó khăn.

Bối cảnh đó đòi hỏi Đảng bộ, chính quyền, lực lượng vũ trang và nhân dân các dân tộc trong tỉnh tiếp tục phát huy truyền thống đoàn kết, ý chí tự lực, tự cường, vượt qua khó khăn, thách thức, tận dụng thời cơ, nỗ lực, khát vọng vươn lên để đưa tỉnh ta phát triển nhanh, toàn diện, bền vững hơn trong giai đoạn mới.

A. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN VÀ CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

I. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO

1. Quán triệt, vận dụng thực hiện sáng tạo đường lối, chủ trương, định hướng của Đảng, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước giai đoạn 2021-2030, Quy hoạch tổng thể quốc gia, Quy hoạch ngành quốc gia, Quy hoạch vùng trung du và miền núi phía Bắc và Quy hoạch tỉnh Yên Bái thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; lấy con người là trung tâm, chủ thể, động lực, nguồn lực cho phát triển, quyết tâm xây dựng Yên Bái phát triển nhanh, toàn diện, bền vững theo hướng “xanh, hài hòa, bản sắc và hạnh phúc”.

2. Khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, tự chủ, tự lực, tự cường, khát vọng phát triển quê hương, đất nước; phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, quyền làm chủ của nhân dân và văn hóa, con người Yên Bái “*thân thiện, nhân ái, đoàn kết, sáng tạo, hội nhập*”; đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; thu hút, trọng dụng nhân tài, phát triển nguồn nhân lực có chất lượng; tăng cường hội nhập quốc tế, liên kết, hợp tác, tận dụng thời cơ, huy động, sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển.

3. Nhận diện sớm, phát huy nhanh mọi thời cơ, thuận lợi, vượt qua mọi khó khăn, thách thức để tiếp tục phát triển nhanh, bền vững. Phát triển kinh tế hài hòa với văn hóa, bảo vệ môi trường, bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội. Tiếp tục phát triển kinh tế xanh, đồng bộ, phù hợp với điều kiện tự nhiên, bản sắc văn hóa và tiềm năng, lợi thế các vùng, miền, không đánh đổi môi trường, văn hóa và sự hài lòng của người dân lấy tăng trưởng đơn thuần. Phát triển mạnh mẽ, toàn diện văn hóa, quản lý phát triển xã hội bao trùm, an toàn, bền vững, bảo đảm an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, an ninh con người và an ninh xã hội, không ngừng nâng cao sự hài lòng về chất lượng cuộc sống và chỉ số hạnh phúc cho nhân dân.

4. Tăng cường quốc phòng, an ninh là trọng yếu, thường xuyên; xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân và nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân gắn với “*thế trận lòng dân*” vững chắc; tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm cuộc sống bình yên, hạnh phúc cho nhân dân.

5. Nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền, sức chiến đấu của Đảng; thắt chặt mối quan hệ mật thiết, hòa quyện giữa “*ý Đảng*” với “*lòng dân*”. Sắp xếp tổ chức, bộ máy hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả gắn với xây dựng đội ngũ cán bộ có năng lực, uy tín, liêm chính, tâm huyết, thật sự vì nước, vì dân. Tiếp tục thực hiện phương thức “*giao nhiệm vụ, khoán sản phẩm*”, “*cá thể hóa trách nhiệm cá nhân*”, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, cải cách triệt để thủ tục hành chính. Tăng cường kiểm tra, giám sát, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí, giữ nghiêm kỷ luật, kỷ cương của Đảng.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc và hệ giá trị văn hóa, con người Yên Bái “*thân thiện, nhân ái, đoàn kết, sáng tạo, hội nhập*”, ý chí tự lực, tự cường, khát vọng phát triển; tận dụng thời cơ, huy động, sử dụng hiệu quả tiềm năng, lợi thế và mọi nguồn lực; đẩy mạnh đổi mới, sáng tạo, ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số, phát triển kinh tế - xã hội nhanh, toàn diện, bền vững theo hướng “*Xanh, hài hòa, bản sắc và hạnh phúc*”; bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; bảo đảm quốc phòng - an ninh, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, phấn đấu đưa Yên Bái nằm trong nhóm 05 tỉnh phát triển hàng đầu của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ vào năm 2030.

III. CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

1. Về kinh tế:

(1) Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn bình quân 5 năm 2026-2030 đạt 10,5%/năm. Tổng sản phẩm trên địa bàn bình quân đầu người năm 2030 đạt 111,9 triệu đồng.

(2) Cơ cấu tổng sản phẩm trên địa bàn: Nông, lâm nghiệp, thủy sản 14,8%; công nghiệp - xây dựng 39%; dịch vụ 41,5%; thuế sản phẩm, trừ trợ cấp sản phẩm 4,7%.

(3) Tỷ trọng kinh tế số chiếm 13,5% tổng sản phẩm trên địa bàn.

(4) Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn trên địa bàn 11.050 tỷ đồng.

(5) Tổng vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn giai đoạn 2026-2030 đạt 211.150 tỷ đồng.

(6) Tỷ lệ đô thị hóa đạt trên 30%.

(7) Trong nhiệm kỳ có thêm 11 xã đạt chuẩn nông thôn mới, 23 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 15 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; huyện Lục Yên, huyện Văn Chấn đạt chuẩn huyện nông thôn mới; huyện Yên Bình, huyện Văn Yên đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

2. Về xã hội

(8) Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân giai đoạn 2026-2030 đạt 9,5%/năm.

(9) Tuổi thọ trung bình người dân đạt 75 tuổi; số năm sống khỏe đạt tối thiểu 68,5 năm.

(10) Chỉ số hạnh phúc của người dân đạt 78,3%.

(11) Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 75%, trong đó Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 45%; Tỷ lệ chuyển dịch cơ cấu lao động từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp giai đoạn 2026-2030 đạt bình quân 1,5%/năm.

(12) Tỷ lệ hộ nghèo giai đoạn 2026-2030 giảm bình quân 2-2,5%/năm.

(13) Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt trên 97%; có 13,5 bác sĩ/mười nghìn dân; 37 giường bệnh/mười nghìn dân.

3. Về môi trường

(14) Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đạt 95%. Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh đạt 100%; trong đó, tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn đạt khoảng 50%.

(15) Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý 98%. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được thu gom, xử lý đạt 90%.

(16) Tỷ lệ chất thải y tế được thu gom, xử lý đạt 95%; Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý đạt trên 98%.

(17) Tỷ lệ nước thải được thu gom, xử lý tại các khu dân cư đô thị đạt 100%, tại các khu dân cư nông thôn đạt 75%. 100% khu công nghiệp có hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

(18) Tỷ lệ che phủ rừng duy trì ổn định mức 63%.

4. Về xây dựng Đảng và hệ thống chính trị

(19) Tỷ lệ kết nạp đảng viên mới hằng năm đạt khoảng 3% tổng số đảng viên trong toàn Đảng bộ tỉnh.

(20) Số tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên hằng năm đạt từ 90% trở lên; số cán bộ, đảng viên thực hiện tốt trách nhiệm nêu gương hằng năm đạt từ 90% trở lên, trong đó cán bộ lãnh đạo trong hệ thống chính trị đạt từ 95% trở lên.

B. CÁC ĐỘT PHÁ CHIẾN LƯỢC VÀ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

I. VỀ CÁC ĐỘT PHÁ CHIẾN LƯỢC

1. Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện và thực hiện đồng bộ, hiệu quả chủ trương, cơ chế, chính sách của tỉnh, bảo đảm tính vượt trội, đột phá tạo hành lang pháp lý thuận lợi để khơi thông, huy động, quản lý, sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển, các cơ hội mới tạo ra từ cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và xu thế vận động của đất nước, nhất là công nghệ số, trí tuệ nhân tạo; phát triển các mô hình, lực lượng sản xuất mới, phương thức kinh doanh mới theo hướng hiệu quả, xanh, bền vững. Xây dựng tổ chức bộ máy của Đảng và hệ thống chính trị các cấp tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền hợp lý, hiệu quả gắn với tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát, hậu kiểm và kiểm soát quyền lực. Quyết liệt chuyển đổi số, cải cách hành chính, nhất là cải cách triệt để thủ tục hành chính, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao hiệu quả quản lý xã hội và chất lượng phục vụ nhân dân.

2. Đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ, nhất là công tác đánh giá cán bộ; chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhất là cán bộ chủ chốt các cấp đủ uy tín, năng lực, dám nghĩ, dám làm, dám đột phá vì sự phát triển; cơ cấu lại đội ngũ cán bộ gắn với tinh gọn tổ chức bộ máy, bảo đảm tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả. Tập trung phát triển nguồn nhân lực có chất lượng, quy mô, cơ cấu hợp lý, đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới, trọng tâm là nhân lực khu vực nông nghiệp, nông thôn, nhân lực vùng đồng bào dân tộc thiểu số; tích cực thu hút, trọng dụng nhân tài, nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực, ngành nghề phù hợp.

3. Tập trung nguồn lực đầu tư hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, từng bước hiện đại, trọng tâm là hạ tầng giao thông kết nối vùng, liên vùng, hạ tầng khu, cụm công nghiệp, hạ tầng nông thôn mới, đô thị văn minh, hạ tầng khoa học, công nghệ thông tin, viễn thông, thúc đẩy hiệu quả chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, chuyển đổi năng lượng, thích ứng với biến đổi khí hậu; phấn đấu từng bước đưa Yên Bái trở thành thành Trung tâm kinh tế và văn hóa vùng Tây Bắc.

II. CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị tinh gọn,

trong sạch, vững mạnh, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; tiếp tục đổi mới phương thức và nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng đối với hệ thống chính trị và xã hội. Xây dựng đội ngũ đảng viên, cán bộ các cấp, nhất là Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và cấp ủy các cấp, cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý thật sự có đức, có tài, ngang tầm nhiệm vụ. Kiểm soát quyền lực trong Đảng và chính quyền các cấp; đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí, củng cố niềm tin và sự gắn bó của nhân dân.

2. Tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đẩy mạnh thu hút đầu tư, ứng dụng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyên đổi số để nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh, hướng tới phát triển xanh, bền vững. Cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả, giá trị gia tăng, phát triển mạnh kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới thực chất, văn minh, đáng sống. Phát triển công nghiệp thân thiện với môi trường, hàm lượng công nghệ cao, phù hợp với tiềm năng, lợi thế. Phát triển mạnh mẽ, đa dạng các ngành dịch vụ, thương mại gắn với thúc đẩy sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, trọng tâm là dịch vụ du lịch xanh, bản sắc, hấp dẫn.

3. Nâng cao hơn nữa chất lượng, hiệu quả toàn diện lĩnh vực giáo dục, đào tạo, y tế, dân số, việc làm, phát triển nguồn nhân lực... nhằm khai thác và phát huy mạnh mẽ nguồn lực con người cho phát triển; không ngừng nâng cao chất lượng cuộc sống, sự hài lòng và chỉ số hạnh phúc cho nhân dân.

4. Khơi dậy mạnh mẽ khát vọng vươn lên, bản sắc văn hóa và hệ giá trị con người Yên Bái “thân thiện, nhân ái, đoàn kết, sáng tạo, hội nhập” gắn với đổi mới phương thức quản lý phát triển xã hội tiên bộ, công bằng, kỷ cương, bền vững; triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2030; phát huy quyền làm chủ của nhân dân và sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, thực sự trở thành nền tảng tinh thần, động lực và nguồn lực quan trọng cho sự phát triển.

5. Quan tâm đầu tư cho đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thu hẹp khoảng cách phát triển kinh tế - xã hội vùng cao với vùng thấp, giữa đô thị và nông thôn, trọng tâm là tiếp tục triển khai chất lượng, hiệu quả 03 chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững.

6. Củng cố, tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, đáp ứng yêu cầu thực hiện hiệu quả hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; xây dựng lực lượng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, giữ vững ổn định an ninh chính trị, an ninh kinh tế, an ninh văn hóa, tư tưởng, trật tự an toàn xã hội.

C. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

I. TIẾP TỤC ĐỔI MỚI MÔ HÌNH TĂNG TRƯỞNG; CƠ CẤU LẠI NỀN KINH TẾ; TẬP TRUNG PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, THỰC HIỆN TIẾN BỘ, CÔNG BẰNG XÃ HỘI; TĂNG CƯỜNG CUNG CỐ QUỐC PHÒNG - AN NINH

1. Quán triệt và thực hiện hiệu quả quan điểm đổi mới trong xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách, tạo đột phá về hành lang pháp lý thuận lợi cho sự phát triển nhanh, bền vững. Bám sát chủ trương, định hướng, quy định, chỉ đạo của Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ để đổi mới tư duy xây dựng, tổ chức thực hiện cơ chế, chính sách theo hướng phù hợp thực tiễn, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, chủ thể, động lực, nguồn lực, vừa bảo đảm yêu cầu quản lý Nhà nước, quản lý xã hội, vừa khuyến khích sáng tạo, giải phóng toàn bộ sức sản xuất, khơi thông mọi nguồn lực, làm mới các động lực tăng trưởng truyền thống (tiêu dùng, đầu tư công, xuất khẩu) và thúc đẩy các động lực tăng trưởng mới (khoa học công nghệ, chuyển đổi xanh...), giải quyết hài hòa các mối quan hệ giữa kinh tế - xã hội - môi trường; thường xuyên đánh giá chất lượng, hiệu quả cơ chế, chính sách sau ban hành để kịp thời điều chỉnh bất cập, mâu thuẫn. Tiếp tục quán triệt và cụ thể hóa quan điểm phát triển “xanh, hài hòa, bản sắc và hạnh phúc” vào các nghị quyết, đề án, cơ chế, chính sách của tỉnh để thực hiện hiệu quả *03 đột phá chiến lược, 06 nhiệm vụ trọng tâm* nhằm tận dụng tối đa cơ hội của quá trình đổi mới, hội nhập, tháo gỡ các điểm nghẽn, đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới, sáng tạo, phát huy nguồn lực con người và bản sắc văn hóa, truyền thống cách mạng, sự cần cù và ý chí tự lực, tự cường của nhân dân các dân tộc, tạo động lực mới cho phát triển bền vững, bao trùm, hợp lý giữa các vùng, miền, các lĩnh vực của đời sống xã hội, đem lại sự hài lòng và lợi ích cho người dân về chất lượng cuộc sống, thiết thực nâng cao chỉ số hạnh phúc cho nhân dân.

2. Tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh, phát triển xanh, bền vững

2.1. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng tăng tỷ trọng giá trị sản phẩm và lao động các ngành công nghiệp, dịch vụ; phát triển sản xuất nông nghiệp theo chuỗi giá trị gắn với xây dựng nông thôn mới thực chất, văn minh, đáng sống. Chuyển đổi mạnh mẽ tư duy phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn với ba yếu tố chủ đạo là *nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại và nông dân văn minh*. Tiếp tục phát huy, tận dụng tối đa lợi thế sẵn có của từng vùng, địa phương trong tỉnh để tổ chức sản xuất nông nghiệp dựa trên nền tảng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo theo hướng phát triển nông nghiệp hữu cơ, công nghệ cao, nông nghiệp số, nông nghiệp tuần hoàn, thích ứng có hiệu quả với biến đổi khí hậu gắn với công nghiệp chế biến, thương mại, dịch vụ du lịch hiệu quả, giá trị cao, bền vững; sắp xếp, bố trí không gian phát triển nông nghiệp, nông thôn bảo đảm tiết kiệm quỹ đất, chi phí đầu tư cơ sở hạ tầng, cải thiện điều kiện vật chất, thuận tiện cho người dân trong sản xuất ổn định lâu dài. Mở rộng quy mô các vùng sản xuất hàng hóa tập trung theo hướng kinh tế hợp tác, thiết kế chính sách ưu đãi vượt trội, nhất là tiếp cận, tích tụ đất đai để thu hút mạnh doanh

nghiệp, hợp tác xã liên kết đầu tư mở rộng sản xuất, thu mua, chế biến, xây dựng thương hiệu và tiêu thụ, xuất khẩu sản phẩm nông nghiệp chủ lực; hỗ trợ liên kết sản xuất giữa nông dân với nông dân, giữa nông dân với doanh nghiệp, hợp tác xã; tiếp tục đổi mới phương thức quản lý, vận hành, nâng cao tính tự chủ và chất lượng hoạt động của hệ thống dịch vụ nông nghiệp công. Đổi mới phương thức quản lý phát triển sản phẩm OCOP thực chất, hiệu quả, chuyển từ số lượng sang chất lượng; tập trung hỗ trợ các chủ thể duy trì, cải tiến chất lượng, nâng cấp tiêu chuẩn lên 4 sao, 5 sao, ổn định, mở rộng thị trường tiêu thụ, nâng cao giá trị các sản phẩm đã có; chi khuyến khích chủ thể có đủ điều kiện xây dựng mới các sản phẩm OCOP có chất lượng, chuỗi giá trị bền vững. Phấn đấu đưa tốc độ tăng trưởng bình quân ngành nông nghiệp giai đoạn 2026-2030 đạt từ 5,5%/năm trở lên; giá trị canh tác bình quân trên một diện tích đất nông nghiệp tập trung tăng lên khoảng 200 triệu đồng/ha.

Kiên trì vận động, hỗ trợ đồng bào vùng cao chuyển đổi từ sản xuất nhỏ lẻ, manh mún sang sản xuất hàng hóa 10 sản phẩm chủ lực, 10 sản phẩm đặc sản, hữu cơ đã có và một số sản phẩm mới³² đạt tiêu chuẩn chứng nhận OCOP; tận dụng lợi thế đặc trưng về địa hình, khí hậu, cảnh quan, văn hóa, con người để phát triển sản xuất nông nghiệp đặc hữu gắn với du lịch canh nông, du lịch cộng đồng, du lịch trải nghiệm; phát triển mạnh các hợp tác xã dịch vụ tổng hợp vừa cung cấp nông cụ, vật tư, vừa liên kết tiêu thụ sản phẩm; thiết thực nâng cao thu nhập, bảo đảm an sinh xã hội và an ninh lương thực. Tập trung thu hút doanh nghiệp, đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ nâng cao năng suất, chất lượng gắn với cấp mã số vùng trồng, mã vạch sản phẩm, truy xuất nguồn gốc và áp dụng quy chuẩn quản lý chất lượng đối với 10 vùng sản xuất chuyên canh nông sản tập trung hiện hữu; đồng thời tiếp tục nghiên cứu, phát triển chắc chắn, hiệu quả theo chuỗi giá trị một số vùng sản xuất mới như: Vùng trồng cây cao su tại các huyện Văn Chấn, Văn Yên, thị xã Nghĩa Lộ; vùng trồng cây Mắc ca tại các huyện Văn Chấn, Mù Cang Chải, thị xã Nghĩa Lộ..., vùng trồng rau an toàn tại thành phố Yên Bái, thị xã Nghĩa Lộ và các huyện Yên Bình, Trấn Yên, Văn Yên, Mù Cang Chải, vùng trồng sắn tại các huyện Văn Yên, Yên Bình, Văn Chấn, Lục Yên. Từng bước hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao với quy mô phù hợp để dẫn dắt, lan tỏa, tạo sự phát triển nhanh, bền vững.

Chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp theo hướng tăng tỷ trọng lâm nghiệp và chăn nuôi; chuyển đổi diện tích đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng các loại cây hoặc chăn nuôi thủy sản có giá trị kinh tế cao hơn. *Phát triển ngành chăn nuôi* theo hướng hình thành các vùng chăn nuôi hàng hóa tập trung theo phương thức công nghiệp, bán công nghiệp gắn với các trung tâm, cơ sở giết mổ, chế biến, tiêu thụ đảm bảo an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường; phấn đấu giá trị sản xuất ngành chăn nuôi giai đoạn 2025-2030 tăng 7%/năm, tăng tỷ trọng ngành chăn nuôi lên 30% năm 2030. *Đẩy mạnh phát triển lâm nghiệp đa mục tiêu*, nâng cao chất lượng, hiệu quả rừng trồng gỗ lớn, phát triển dục liệu dưới tán rừng; trồng rừng bình quân hằng năm khoảng 15.000 ha, duy trì tỷ lệ che phủ

³² Hoa Hồng, Mật ong (Mù Cang Chải), Các sản phẩm từ cá Hồ Thác Bà (Yên Bình), trồng cây Mắc ca (Văn Chấn)...

rừng đạt mức 63%; giá trị sản xuất lâm nghiệp giai đoạn 2026-2030 tăng 7%/năm, phần đầu tăng tỷ trọng ngành lâm nghiệp từ 34% năm 2025 lên 37% năm 2030; thực hiện đánh giá tiềm năng carbon trên địa bàn tỉnh nhằm xác định tiềm năng tín chỉ carbon, chuẩn bị sẵn cơ sở, điều kiện tham gia thị trường carbon theo lộ trình của Luật Bảo vệ môi trường. *Tiếp tục phát triển nuôi trồng thủy sản* theo hướng tập trung, thâm canh, bán thâm canh các loại thủy sản đặc sản, có giá trị cao (ba ba gai, cá tầm, cá nheo, cá lăng...) gắn với chế biến đa dạng các sản phẩm tại Thành phố Yên Bái và các huyện Yên Bình, Trấn Yên, Lục Yên, Văn Yên, Văn Chấn, Nghĩa Lộ với tổng diện tích khoảng 500 ha, nâng giá trị thu nhập bình quân trên diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản đến năm 2030 gấp 1,2 lần so với năm 2025.

Tiếp tục triển khai đồng bộ, toàn diện, thực chất, vững chắc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; trọng tâm là phát huy mạnh mẽ vai trò chủ thể, vừa là động lực, nguồn lực của người dân, kết hợp với sự vào cuộc trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp, huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực và sức mạnh trong nhân dân, quyết tâm chăm lo xây dựng nông thôn dân chủ, văn minh, bản sắc, nghĩa tình, môi trường cảnh quan không gian xanh, sạch, đẹp, an toàn, lành mạnh; người dân có sinh kế ổn định, hài lòng với cuộc sống và có chỉ số hạnh phúc cao. Hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng nông thôn đồng bộ, phù hợp với phương thức sản xuất, tập quán sinh hoạt và bản sắc văn hóa; nâng cao chất lượng tiêu chí môi trường, an ninh trật tự; phát triển mạnh các mô hình thôn, bản, làng văn hóa, du lịch. Cùng cố, nâng cao chất lượng tiêu chí 122 xã đã đạt chuẩn nông thôn mới gắn với đô thị hóa nông thôn theo quy hoạch; phần đầu đến năm 2030, có 07 đơn vị hành chính cấp huyện đạt chuẩn hoặc hoàn thành xây dựng nông thôn mới, huyện Trấn Yên đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, huyện Yên Bình và huyện Văn Yên đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; trên 91% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó trên 50% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, trên 23% số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; thu nhập bình quân của người dân nông thôn tăng tối thiểu 20% so với năm 2025.

2.2. Phát triển công nghiệp thân thiện với môi trường, hàm lượng công nghệ và giá trị gia tăng cao, thúc đẩy nhanh tăng trưởng kinh tế. Phần đầu tốc độ tăng trưởng ngành công nghiệp bình quân 5 năm 2026 - 2030 đạt khoảng 9%/năm. Tập trung phát triển các ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp chủ lực, có lợi thế cạnh tranh như: Chế biến nông lâm sản gắn với khai thác, phát triển vùng nguyên liệu, trọng tâm là chế biến gỗ rừng trồng công nghệ cao, chế biến thủy sản, các sản phẩm từ cây Quế, măng Bát Độ; khai thác và chế biến sâu khoáng sản; sản xuất vật liệu xây dựng cao cấp; cơ khí, điện tử, công nghiệp phụ trợ; phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo;... đồng thời, phát triển hợp lý một số ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động địa phương như dệt may, da giày. Tập trung giải quyết các khó khăn, vướng mắc, hỗ trợ, thúc đẩy các nhà đầu tư đã được cấp chủ trương đầu tư triển khai dự án bảo đảm tiến độ. Đặc biệt ưu tiên, thu hút các nguồn lực đầu tư phát triển mạnh hạ tầng các khu, cụm công nghiệp hiện đại, thân thiện với môi trường; đến năm 2030 phần đầu hoàn thiện

đồng bộ hạ tầng 03 khu công nghiệp: Phía Nam, Âu Lâu, Trấn Yên; mở rộng khu công nghiệp Minh Quân; hoàn thiện hạ tầng 06 cụm công nghiệp: Thịnh Hưng, Sơn Thịnh, Báo Đáp, Hưng Khánh, Đông An, Minh Quân; mở rộng 02 cụm công nghiệp: Âu Lâu, Yên Thế; rà soát, đưa ra khỏi quy hoạch hoặc giảm quy mô một số cụm công nghiệp không phù hợp; đồng thời quy hoạch, thu hút đầu tư phát triển mới 04 khu công nghiệp: Y Can, Đông An, Thịnh Hưng, Lục Yên và 16 cụm công nghiệp theo hình thức doanh nghiệp đầu tư, quản lý, vận hành phù hợp với quy hoạch và định hướng phát triển của tỉnh. Khôi phục, phát triển các làng nghề, kết hợp hài hòa giữa công nghệ truyền thống với công nghệ hiện đại; phát triển tiêu thụ công nghiệp nông thôn phù hợp với điều kiện của từng địa phương. Đẩy mạnh phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, liên kết chặt chẽ giữa công nghiệp với nông nghiệp và các ngành dịch vụ liên quan như: Thương mại, vận tải, logistics, xuất nhập khẩu... Phân đầu giá trị sản xuất công nghiệp đến năm 2030 đạt trên 45.850 tỷ đồng, chỉ số sản xuất công nghiệp tăng bình quân trên 15,1%/năm, tỷ trọng công nghiệp trong GRDP đạt khoảng 28%.

2.3. Phát triển đa dạng, chất lượng các ngành dịch vụ, thương mại; quyết tâm đưa du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh. Cùng cố, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động, giá trị gia tăng theo hướng đẩy mạnh số hóa, chuyển đổi số các ngành dịch vụ truyền thống như: giáo dục, y tế, viễn thông, ngân hàng, bảo hiểm. Tiếp tục phát triển các hình thức, các loại hình kinh doanh thương mại phù hợp với từng vùng, địa phương và nhu cầu xã hội; khuyến khích mở rộng hệ thống cửa hàng tiện lợi, trung tâm mua sắm, siêu thị, phát triển thương mại điện tử, mua sắm trực tuyến tại các đô thị, trung tâm huyện; rà soát, sắp xếp lại gắn với chuyển đổi mô hình hoạt động phù hợp (chợ đầu mối, chợ nông sản, chợ 4.0...) hệ thống chợ dân sinh truyền thống bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn gắn với xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh và phục vụ du lịch. Tận dụng, phát huy lợi thế trong mối liên kết vùng, liên vùng và đối tác hợp tác trong các hành lang kinh tế của Vùng trung du và miền núi Bắc Bộ (Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng, Phú Thọ - Vĩnh Phúc - Hà Nội - Hưng Yên - Hải Dương - Hải phòng, Hà Nội - Phú Thọ - Tuyên Quang - Bắc Kạn - Cao Bằng) để thu hút, phát triển mạnh các ngành dịch vụ hiện đại, giá trị gia tăng cao, như: vận tải, logistics, kho vận...; tham gia phát triển Vành đai hỗ trợ trung chuyển hàng hóa liên kết các trung tâm chế biến của Vùng với thị trường quốc tế, các sân bay, cảng biển lớn; phân đầu đưa Yên Bái trở thành một trong các trung tâm Logistics của vùng Trung du và miền núi phía Bắc. Tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác xúc tiến thương mại, mở rộng, đa dạng hóa thị trường tiêu thụ trong nước và xuất khẩu bền vững các sản phẩm hàng hóa lợi thế của tỉnh, khai thác hiệu quả cơ hội tiếp cận và mở rộng thị trường từ các Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam các nước; kết nối sâu rộng với thị trường Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, ASEAN; nghiên cứu liên kết xuất khẩu các sản phẩm thế mạnh tương đồng (lâm nghiệp, thủy sản nước ngọt, quế, măng tre...) với các địa phương có thị trường ổn định; phân đầu đến năm 2030, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt khoảng 61.650 tỷ đồng, giá trị xuất khẩu hàng hóa đạt trên 1.200 triệu USD.

Ban hành và tập trung thực hiện quyết liệt Chiến lược phát triển ngành du lịch Yên Bái đồng bộ, chuyên nghiệp, độc đáo gắn với hình ảnh chủ đạo “Yên Bái - nơi hội tụ sắc màu Tây Bắc” với các dòng sản phẩm chủ đạo: Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng hài hòa với thiên nhiên; du lịch khám phá, trải nghiệm; du lịch văn hóa cộng đồng, lễ hội truyền thống; du lịch lịch sử, văn hóa, tâm linh; du lịch canh nông; du lịch thể thao, vui chơi, giải trí, mua sắm; du lịch kết hợp hội nghị, hội thảo, triển lãm, tổ chức sự kiện... mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc ở 04 vùng du lịch trọng điểm của tỉnh, gắn với đẩy mạnh liên kết phát triển du lịch với các tỉnh trong vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, với các vùng du lịch trong cả nước theo định hướng sản phẩm du lịch “con đường di sản Tây Bắc”; tiếp tục xây dựng và thực hiện hiệu quả chính sách thu hút đầu tư hạ tầng du lịch đồng bộ, phù hợp, hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển; khuyến khích xã hội hóa trong bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, thắng cảnh, phục dựng các lễ hội, sinh hoạt văn hóa dân gian, các làng nghề; đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các dự án du lịch đã được cấp chủ trương đầu tư, tập trung thu hút mạnh các dự án đầu tư phát triển du lịch xanh, khác biệt, hiện đại, phù hợp với định hướng và lợi thế; ưu tiên phát triển nhanh một số sân golf theo quy hoạch để sớm hình thành, khai thác các sản phẩm du lịch tiêu biểu, nổi trội, đưa hồ Thác Bà và Mù Cang Chải từng bước trở thành khu du lịch quốc gia, Suối Giàng (huyện Văn Chấn), Trạm Tấu, Văn Yên, Văn Hội (huyện Trấn Yên), khu văn hóa Nghĩa Lộ trở thành khu du lịch cấp tỉnh. Phấn đấu đến năm 2030, Yên Bái trở thành một trong những điểm đến hấp dẫn, thân thiện, an toàn hàng đầu của khu vực Tây Bắc với thương hiệu “điểm đến an toàn, thân thiện, bản sắc, hấp dẫn, ấn tượng”, đón 2.500.000 triệu lượt khách du lịch với doanh thu đạt 4.300 tỷ đồng, chiếm khoảng 12,8% tổng giá trị sản xuất khu vực dịch vụ.

2.4. Cơ cấu lại tài chính, ngân sách, đầu tư công theo hướng chất lượng, hiệu quả, bền vững. Đánh giá kỹ lưỡng thực trạng và khả năng tăng trưởng kinh tế để xây dựng dự toán thu ngân sách phù hợp, sát thực, khả thi, có tính phân đầu cao theo hướng tăng tỷ trọng thu cân đối, thu xuất nhập khẩu, giảm tỷ trọng thu từ đất; quản lý và nuôi dưỡng, mở rộng nguồn thu bền vững, phù hợp với tăng trưởng kinh tế và khuyến khích phát triển sản xuất, kinh doanh; hoàn thiện cơ chế phân cấp nguồn thu, tỷ lệ phần trăm điều tiết các nguồn thu giữa các cấp ngân sách hợp lý, nâng cao trách nhiệm, chủ động, sáng tạo trong quản lý ngân sách. Tiếp tục cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước, tăng tích lũy từ ngân sách nhà nước cho chi đầu tư phát triển, tập trung vào các ngành, lĩnh vực ưu tiên, đột phá, nhất là hạ tầng giao thông, hạ tầng số; mở rộng hơn nữa cơ chế khoán chi, đặt hàng, đấu thầu trong giao dự toán, phân bổ ngân sách; đẩy nhanh tiến độ tự chủ trong các đơn vị sự nghiệp công gắn với khuyến khích xã hội hóa, huy động sự tham gia cung ứng dịch vụ công của các thành phần kinh tế. Quản lý, sử dụng ngân sách minh bạch, công khai, tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định, phòng, chống tham nhũng, lãng phí; bảo đảm vai trò chủ đạo của ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế trọng điểm, chăm lo an sinh xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Tăng cường phân

cấp, ủy quyền gắn với trách nhiệm giải trình, trách nhiệm người đứng đầu trong quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công. Quản lý chặt chẽ và khai thác hiệu quả hoạt động của các tổ chức tín dụng, hệ thống ngân hàng thương mại trên địa bàn theo hướng hiện đại, bảo đảm công bằng, minh bạch, đáp ứng đủ nguồn lực cho nhu cầu phát triển và sản xuất, đời sống nhân dân.

2.5. Nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư, khuyến khích khởi nghiệp, phát triển đồng bộ, chất lượng các thành phần kinh tế. Xác định đây là động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế nhanh, bền vững. Xây dựng, ban hành và triển khai thực hiện chiến lược thu hút đầu tư của tỉnh đến năm 2030 bài bản, khoa học, khả thi gắn với trách nhiệm tổ chức thực hiện và kết quả cụ thể trên tinh thần “doanh nghiệp thành công, Yên Bái phát triển”, “lợi ích hài hòa, rủi ro chia sẻ” với 03 trụ cột: (i) Xây dựng tổ chức, bộ máy xúc tiến, thu hút đầu tư chất lượng, hiệu quả; (ii) Hoàn thiện cơ chế, chính sách hấp dẫn, khả thi, nhất là tiếp cận đất đai và nguồn nhân lực, đẩy mạnh cải cách mạnh mẽ hành chính, nhất là thủ tục hành chính; (iii) Huy động tối đa các nguồn lực từng bước đầu tư đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, đặc biệt là hạ tầng giao thông và hạ tầng khu, cụm công nghiệp. Tập trung thu hút, ưu tiên các nhà đầu tư trong và ngoài nước có tiềm lực về vốn, quản trị tiên tiến, sử dụng công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường, có giá trị gia tăng cao, tạo ra nhiều việc làm, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, tạo sức lan tỏa và khả năng dẫn dắt phát triển nhanh các ngành, lĩnh vực, các khu vực kinh tế trọng điểm, động lực theo định hướng, quy hoạch của tỉnh; tăng nhanh về số lượng và nâng cao tỷ trọng đóng góp của các doanh nghiệp FDI trong cơ cấu kinh tế; tăng cường vận động và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn ODA, NGO cho đầu tư phát triển. Giai đoạn 2026-2030, phân đầu thu hút được 300 dự án đầu tư, với tổng số vốn đăng ký đầu tư khoảng 75.000 tỷ đồng, chiếm khoảng 41,7% tổng vốn đầu tư toàn xã hội, trong đó lĩnh vực FDI thu hút khoảng 20 dự án, với số vốn đăng ký đầu tư khoảng 6.300 tỷ đồng, chiếm 8,4% tổng số vốn đăng ký đầu tư.

Thực hiện đồng bộ các giải pháp tạo môi trường, điều kiện thuận lợi hỗ trợ đầu tư và sản xuất, kinh doanh của các thành phần kinh tế; khuyến khích phát triển kinh tế tư nhân ở tất cả các ngành, lĩnh vực, nhất là sản xuất, dịch vụ, thương mại, đưa kinh tế tư nhân thật sự trở thành một trong những động lực quan trọng nhất của nền kinh tế; thực hiện hiệu quả chính sách hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ, hộ kinh doanh chuyên đổi thành doanh nghiệp; phát triển kinh tế tập thể, nhất là hợp tác xã kiểu mới, phân đầu mỗi năm thành lập mới trên 300 doanh nghiệp, 60 hợp tác xã và 250 tổ hợp tác; tập trung hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, ứng dụng khoa học kỹ thuật, chuyển đổi số vào quản trị, sản xuất, kinh doanh, xây dựng thương hiệu. Cùng cố tổ chức, phát triển đa dạng và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các tổ chức hội, chi hội doanh nghiệp, ngành nghề nhằm xây dựng, phát triển mạnh các hoạt động kết nối, hợp tác các thành phần kinh tế theo cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị phù hợp với lợi thế sẵn có, xu thế phát triển, gia tăng khả năng cạnh tranh, thúc đẩy phát triển nhanh, bền vững.

3. Nâng cao hơn nữa chất lượng và hiệu quả lĩnh vực văn hóa - xã hội, phát triển con người Yên Bái “thân thiện, nhân ái, đoàn kết, sáng tạo, hội nhập”

3.1. Thực hiện hiệu quả yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, việc làm cho nhân dân. Tiếp tục đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp dạy - học ở tất cả các bậc học theo hướng mở, linh hoạt, liên thông, thông minh, hiện đại, bình đẳng, hạnh phúc, hướng tới phát triển con người toàn diện cả “Đức - Trí - Thể - Mỹ”, có lòng yêu nước, ý chí tự lực, tự cường, khát vọng vươn lên xây dựng quê hương, đất nước. Tiếp tục sắp xếp quy mô, mạng lưới trường, lớp gắn với sắp xếp đơn vị hành chính bảo đảm yêu cầu nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục, đào tạo; bảo đảm ngân sách để thực hiện hiệu quả các chủ trương phát triển giáo dục, đào tạo trong giai đoạn mới, ưu tiên nguồn lực đầu tư cho giáo dục chất lượng cao, giáo dục dân tộc, đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục mầm non ở nơi có điều kiện; chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý và đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo “vừa hồng, vừa chuyên”; triển khai hiệu quả đề án đổi mới chương trình sách giáo khoa giáo dục phổ thông. Phấn đấu đến năm 2030, 100% hệ thống phòng học được kiên cố hóa; trên 90% số trường mầm non và trường phổ thông đạt chuẩn quốc gia; nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục các bậc học; tiếp tục tăng tỷ lệ học sinh dân tộc được học trường nội trú, bán trú với đầy đủ các điều kiện học tập thiết yếu; phát triển hệ thống hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập, bảo đảm 100% trẻ khuyết tật có khả năng học tập được đến trường. Quan tâm chính sách đối với giáo viên vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn; nghiên cứu thực hiện miễn học phí đối với học sinh phổ thông trước năm 2030. Đẩy mạnh công tác khuyến học, khuyến tài, từng bước xây dựng xã hội học tập. Đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của các thiết chế giáo dục cơ sở; hỗ trợ các trung tâm học tập cộng đồng; tăng cường đào tạo từ xa, đào tạo trên nền tảng số; hỗ trợ người yếu thế có điều kiện để học tập suốt đời.

Tập trung nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, thực sự trở thành một trong những đột phá quan trọng, đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập quốc tế; phấn đấu tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2030 đạt 75%, trong đó lao động có bằng cấp, chứng chỉ đạt 45%; chuyển dịch cơ cấu lao động từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp đạt khoảng 1,5%/năm. Đổi mới và nâng cao chất lượng hiệu quả hệ thống cơ sở đào tạo nghề đồng bộ với đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, gắn với sự phát triển của khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo; ưu tiên đầu tư cho đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nông thôn, đội ngũ nhân lực kỹ thuật, quản lý, quản trị doanh nghiệp; chú trọng đào tạo thường xuyên, đào tạo lại ngành nghề phù hợp đáp ứng với yêu cầu; gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo với sử dụng và tạo việc làm cho lao động; khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào tinh ưu tiên sử dụng lao động địa phương theo hướng cộng sinh, cộng hưởng. Phối hợp với Đại học Thái Nguyên nghiên cứu kỹ lưỡng các điều kiện và nhu cầu thực tiễn để thành lập Trường đại học đa ngành của tỉnh. Ban hành và thực hiện hiệu

quả chính sách thu hút, trọng dụng nguồn nhân lực chất lượng cao làm việc trong các ngành nghề trọng điểm, các lĩnh vực mới nổi (khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, du lịch, năng lượng, trí tuệ nhân tạo,...). Triển khai hiệu quả chính sách hỗ trợ đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài, phấn đấu giai đoạn 2026-2030, đưa khoảng 8.200 người đi làm việc, tham gia chương trình hợp tác đào tạo tại nước ngoài.

3.2. Nâng cao chất lượng công tác y tế, cải thiện chỉ số sức khỏe, nâng cao tuổi thọ và chất lượng cuộc sống của người dân. Phát triển hệ thống y tế theo hướng hiện đại, thông minh, y tế số hoạt động hiệu quả trên cơ sở dự phòng tích cực và chủ động, gắn kết y học cổ truyền với y học hiện đại, khai thác, sử dụng, chia sẻ dữ liệu y tế trên nền tảng đô thị thông minh, bảo đảm mọi người dân được quản lý, theo dõi, chăm sóc sức khỏe liên tục, toàn diện. Xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở đạt tiêu chí quốc gia, có chất lượng trong chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân, nhất là ở vùng cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, nhân rộng mô hình trạm y tế hoạt động theo nguyên lý y học gia đình; tiếp tục nâng cấp trang, thiết bị, chất lượng nhân lực, nâng hạng các bệnh viện chuyên khoa tuyến tỉnh, các phòng khám khu vực trung tâm y tế tuyến huyện, phấn đấu 100% trung tâm y tế cấp huyện đạt tiêu chuẩn hạng II trở lên; mở rộng quy mô, phát triển một số trung tâm y tế chuyên sâu gắn với đầy mạnh hợp tác, chuyển giao kỹ thuật, công nghệ từ các bệnh viện tuyến Trung ương để đưa Bệnh viện Đa khoa tỉnh trở thành thành bệnh viện đa khoa cấp tỉnh đảm nhiệm chức năng vùng, Trung tâm kiểm nghiệm Thuốc - Mỹ Phẩm - Thực Phẩm và Trung tâm kiểm soát bệnh tật đáp ứng tiêu chí trung tâm của vùng. Tập trung đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ thầy thuốc, nhất là đội ngũ bác sỹ có trình độ, năng lực chuyên môn sâu, có ý thức, trách nhiệm. Tiếp tục đổi mới hoạt động, nâng cao chất lượng các đơn vị sự nghiệp y tế công lập theo hướng tự chủ; khuyến khích phát triển các dịch vụ y tế ngoài công lập và khám chữa bệnh chất lượng cao ở khu vực đô thị; hình thành các trung tâm khám, chữa bệnh, điều trị theo yêu cầu tại các bệnh viện tuyến tỉnh, tuyến huyện. Thực hiện tốt các chính sách về dinh dưỡng, bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân; phấn đấu đến năm 2030 trên 98% dân số được quản lý sức khỏe; trên 95% người bệnh hài lòng với dịch vụ y tế.

3.3. Phát triển mạnh mẽ văn hoá, con người Yên Bái “thân thiện, nhân ái, đoàn kết, sáng tạo, hội nhập”, vì hạnh phúc của nhân dân. Quan tâm đặc biệt chăm lo xây dựng, củng cố và phát huy mạnh mẽ hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực, nhân cách, đạo đức con người Yên Bái “thân thiện, nhân ái, đoàn kết, sáng tạo, hội nhập” trên nền tảng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa Việt nam, hệ giá trị gia đình Việt Nam, cùng những giá trị văn hóa đậm đà bản sắc các dân tộc, làm cho văn hóa thấm sâu vào toàn bộ xã hội, vào từng người dân, từng gia đình, từng tập thể và cộng đồng dân cư, vào mọi lĩnh vực cuộc sống và quan hệ con người, quan hệ xã hội, tạo nên đời sống tinh thần cao đẹp, lành mạnh, văn minh. Xây dựng môi trường văn hoá số phù hợp với nền kinh tế số, xã hội số và công dân số, làm cho văn hoá thích nghi, điều tiết sự

phát triển bền vững đất nước, của tinh trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Thực hiện tốt mục tiêu xây dựng con người phát triển toàn diện về thể chất, trí tuệ, đạo đức, năng lực sáng tạo, kỹ năng sống, kỹ năng nghề nghiệp, ý thức công dân và sự tuân thủ pháp luật; khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường, tinh thần đoàn kết khát vọng vươn lên của người dân Yên Bái. Chú trọng phát triển văn hóa chính trị, nâng cao tinh thần dân tộc, ý thức tận tụy, hết lòng phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân, gắn bó máu thịt với Nhân dân; phát huy vai trò, trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, người đứng đầu; xây dựng môi trường văn hóa công sở trong sạch, dân chủ, đoàn kết. Có giải pháp mạnh mẽ kiên quyết, kiên trì đấu tranh ngăn chặn hiệu quả sự xuống cấp về đạo đức, lối sống; đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng, cái xấu, cái ác và các tệ nạn xã hội; xây dựng môi trường sống văn hóa, bình an, hạnh phúc cho nhân dân.

Tiếp tục bảo tồn và phát huy hiệu quả giá trị các di sản, văn hóa vật thể, phi vật thể truyền thống và nâng cao chất lượng, hiệu quả sáng tạo các giá trị văn hoá mới gắn với phát triển công nghiệp văn hóa và dịch vụ văn hóa, nhất là du lịch để từng bước “biến di sản thành tài sản”, “biến tài nguyên văn hóa và tài nguyên thiên nhiên thành tài nguyên du lịch”; đồng thời góp phần bồi đắp, phát triển hệ giá trị văn hóa ngày càng phong phú, thực sự trở thành sức mạnh mềm cho phát triển. Coi trọng chất lượng, hiệu quả thực chất phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với phong trào xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, các cuộc vận động “xây dựng gia đình hạnh phúc”, “thôn, bản, tổ dân phố hạnh phúc”, “cơ quan hạnh phúc”, “Xã, phường, thị trấn hạnh phúc”, “Huyện, thị xã, thành phố hạnh phúc”, phấn đấu đưa Yên Bái trở thành “Tỉnh hạnh phúc” vào năm 2030. Nâng cao hiệu quả hoạt động của hội văn học nghệ thuật, tạo điều kiện để đội ngũ văn nghệ sỹ sáng tạo tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị lan tỏa sức sống xã hội lành mạnh, hạnh phúc. Đẩy mạnh phong trào toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại; lựa chọn, đầu tư hiệu quả cho thể thao thành tích cao; giữ gìn và phát triển mạnh các môn thể thao dân gian, truyền thống của cộng đồng các dân tộc; phấn đấu tỷ lệ dân số thường xuyên luyện tập thể dục, thể thao năm 2030 đạt trên 48%.

Phát triển mạnh mẽ thông tin, truyền thông theo hướng đa phương tiện, thông minh, hiện đại. Tăng cường quản lý và phát huy vai trò các cơ quan báo chí, bảo đảm đúng tôn chỉ, mục đích; khai thác hiệu quả các loại hình thông tin tiên tiến, đưa báo chí trở thành công cụ hữu hiệu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, đáp ứng nhu cầu của nhân dân; chủ động, kiên quyết đấu tranh, loại bỏ các sản phẩm, thông tin độc hại, xuyên tạc, ảnh hưởng xấu đến ổn định chính trị - xã hội, thuần phong, mỹ tục.

3.4. Quản lý phát triển xã hội tiến bộ, công bằng, an toàn, kỷ cương, bền vững, “không để ai bị bỏ lại phía sau”. Nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện, giám sát quản lý phát triển xã hội của cấp ủy, chính quyền các cấp theo hướng minh bạch, kiên tạo, phục vụ, kỷ cương, thông minh, hiện đại, đẩy mạnh chuyển đổi số, xây dựng chính quyền

số, xã hội số; quản lý phát triển xã hội hài hòa, ổn định trên nền tảng hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực, nhân cách, đạo đức con người Yên Bái “*thân thiện, nhân ái, đoàn kết, sáng tạo, hội nhập*”; thực hiện tốt chính sách pháp luật về các vấn đề xã hội, chính sách xã hội, an sinh xã hội, chính sách người có công, bảo vệ và chăm sóc người cao tuổi, trẻ em, bảo đảm mức sống của người có công và gia đình từ trung bình khá trở lên so với cộng đồng dân cư nơi cư trú; đẩy mạnh thực hiện hiệu quả chiến lược quốc gia về phát triển thanh niên, bình đẳng giới, dân số. Nâng cao phúc lợi xã hội toàn dân, từng bước bảo đảm những nhu cầu cơ bản, thiết yếu của nhân dân về nhà ở, giáo dục, y tế... Quan tâm đầy đủ quyền và lợi ích của người lao động, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các tầng lớp dân cư, phấn đấu đến năm 2030 có khoảng 50% lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội, 40% lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm thất nghiệp. Tập trung đẩy lùi tệ nạn xã hội, kiểm soát ma túy và phòng chống lây nhiễm HIV/AIDS.

Tiếp tục huy động sự vào cuộc trách nhiệm của hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và xã hội chung tay thực hiện công tác giảm nghèo; khơi dậy ý chí tự lực, tự cường của đồng bào các dân tộc trong phát triển kinh tế - xã hội, vươn lên thoát nghèo và giảm nghèo bền vững, nâng cao dân trí, giữ gìn tiếng nói, chữ viết, bản sắc văn hóa và truyền thống tốt đẹp của các dân tộc, nhất là ở vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; phấn đấu tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân mỗi năm (theo chuẩn nghèo từng giai đoạn) từ 2 - 2,5%/năm. Tạo điều kiện cho các tôn giáo sinh hoạt theo điều lệ và quy định của pháp luật; vận động, tập hợp các tổ chức tôn giáo, chức sắc, tín đồ đoàn kết, sống tốt đời đẹp đạo, tích cực đóng góp trong phát triển kinh tế, chăm lo an sinh, phúc lợi xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh; phát huy những giá trị văn hoá, đạo đức tốt đẹp và các nguồn lực của các tôn giáo cho sự nghiệp phát triển.

4. Đẩy mạnh ứng dụng, chuyển giao khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo, tăng tốc phát triển nền kinh tế số, xã hội số trở thành động lực chủ yếu để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nhân tố quyết định nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh.

Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Xây dựng lộ trình đưa toàn bộ hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị của tỉnh lên môi trường số, bảo đảm liên thông, đồng bộ, bí mật nhà nước. Xây dựng, phát triển hệ thống giám sát, điều hành thông minh nhằm tăng cường quản lý công. Phát triển hạ tầng số theo cơ chế hợp tác công tư. Phát triển hạ tầng viễn thông, Internet đáp ứng yêu cầu dự phòng, kết nối, an toàn, bền vững, hệ thống truyền dẫn dữ liệu qua vệ tinh, mạng cáp quang băng thông rộng tốc độ cao. Tập trung xây dựng cơ chế, chính sách để thu hút, sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực, để đầu tư có tính đột phá cho ứng dụng, chuyển giao khoa học, công nghệ và đổi mới, sáng tạo, trọng tâm là ứng dụng, chuyển giao công nghệ mới, kỹ thuật tiên bộ vào các ngành kinh tế mũi nhọn, động lực lan tỏa của tỉnh, nhất là lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp chế biến, chế tạo..., nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, thúc đẩy môi trường kinh doanh mới, thích ứng với xu hướng phát triển mạnh mẽ của cuộc

Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, trí tuệ nhân tạo, kinh tế số, kinh tế xanh, bảo vệ môi trường, ứng phó với các thách thức từ thiên tai, dịch bệnh; phân đầu đến năm 2030 thu hút, hình thành từ 15-20 doanh nghiệp khoa học - công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp, sáng tạo và doanh nghiệp có hoạt động đổi mới, sáng tạo. Đầu tư nâng cấp quy mô, trang thiết bị gắn với thu hút, đào tạo nhân lực chất lượng cao cho Trung tâm Ứng dụng, kỹ thuật, thông tin khoa học và công nghệ tinh và các khu sản xuất, trạm nghiên cứu, thực nghiệm, chuyển giao, ứng dụng tiên bộ khoa học, công nghệ. Đẩy mạnh xây dựng chính quyền số, tập trung số hóa toàn diện hoạt động quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ cao; kết nối đồng bộ các cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đất đai, doanh nghiệp, tạo nền tảng tinh gọn bộ máy, cải cách thủ tục hành chính. Phát triển kinh tế số, thúc đẩy ứng dụng công nghệ số trong mọi ngành, lĩnh vực, tạo ra các mô hình kinh doanh mới tạo động lực cho tăng trưởng. Phát triển công dân số, trang bị kiến thức, kỹ năng cần thiết để người dân tham gia hiệu quả vào nền kinh tế số và xã hội số; phân đầu đưa tỷ trọng đóng góp của kinh tế số chiếm khoảng 20% GRDP vào năm 2030.

5. Tiếp tục hoàn thiện đồng bộ và đột phá mạnh mẽ trong xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội. Huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, trọng điểm, từng bước hiện đại, có sức lan tỏa, kết nối phát triển vùng, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế, quản lý xã hội bền vững, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu, trọng tâm là hạ tầng giao thông đa phương thức, hạ tầng đô thị kết nối nông thôn, khu, cụm công nghiệp, hạ tầng công nghệ, thông tin, viễn thông. Đẩy mạnh các hình thức xã hội hóa đầu tư, huy động tối đa các nguồn vốn của các tổ chức, doanh nghiệp đầu tư hạ tầng khu, cụm công nghiệp, hạ tầng thương mại, dịch vụ, du lịch...; thực hiện hiệu quả hình thức đầu tư đối tác công tư (PPP). Làm tốt công tác giải phóng mặt bằng, đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình, dự án giao thông trọng điểm, trọng tâm là: Phối hợp các các ban, bộ, ngành triển khai các dự án đầu tư phát triển hạ tầng giao thông quốc gia trên địa bàn tỉnh như: Nâng cấp, mở rộng cao tốc Nội Bài - Lào Cai (CT.05); đầu tư mới tuyến nối đường cao tốc Hà Nội - Lào Cai với Hà Giang (CT.12), cao tốc Sơn La - Yên Bái; cải tạo, nâng cấp, mở mới các tuyến quốc lộ theo quy hoạch; cải tạo, nâng cấp tuyến đường sắt khổ 1.000mm Hà Nội - Lào Cai; đầu tư mới tuyến đường sắt khổ 1.435mm Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng; tuyến đường thủy nội địa trên sông Hồng đoạn qua tỉnh Yên Bái và trên hồ Thác Bà đoạn từ đập Thác Bà đến Cẩm Nhân đạt tiêu chuẩn cấp III. Tiếp tục nghiên cứu, báo cáo Thủ tướng Chính phủ bổ sung quy hoạch và kêu gọi đầu tư khai thác lưỡng dụng sân bay quân sự Yên Bái theo mô hình chuyên dùng. Sớm hoàn thành và đưa vào sử dụng các công trình trọng điểm của tỉnh đang thực hiện⁴⁰; đồng thời

⁴⁰ Gồm: (1) Đường kết nối Mường La (Sơn La), Than Uyên, Tân Uyên (Lai Châu), Mù Cang Chải, Văn Chấn, Văn Yên (Yên Bái) với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai (IC15); (2) Xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông liên vùng hỗ trợ phát triển kinh tế xã hội các huyện nghèo tỉnh Yên Bái; (3) Khu liên hợp thể dục thể thao tỉnh Yên Bái; (4) Trụ sở Đài phát thanh và Truyền hình tỉnh Yên Bái; (5) Trung tâm điều hành, giám sát, xử lý dữ liệu đô thị thông minh tỉnh Yên Bái; (7) Xây dựng trung tâm hành chính thành phố Yên Bái...

tập trung nguồn lực đầu tư hạ tầng kinh tế - xã hội, trong đó ưu tiên các công trình, dự án trọng điểm: Hoàn thành đưa điện tới 100% thôn, bản chưa có điện lưới quốc gia; Dự án Đô thị động lực thành phố Yên Bái (nguồn vốn WB); Khu trung tâm hành chính thành phố Yên Bái bên hữu ngạn sông Hồng; dự án cầu Giời Phiền, thành phố Yên Bái; Hệ thống xử lý nước thải, rác thải 02 đô thị thành phố Yên Bái và thị xã Nghĩa Lộ; dự án Kè chống sạt lở và phát triển cơ sở hạ tầng hai bờ sông Hồng, tỉnh Yên Bái; dự án Đô thị thông minh gắn với chính quyền điện tử (giai đoạn 2); các tuyến đường: Cải tạo, nâng cấp đường Khánh Hòa - Minh Xuân (ĐT.171), đoạn Yên Thế - Minh Xuân, tỉnh Yên Bái; Cải tạo, nâng cấp đường Yên Thế - Vĩnh Kiên (ĐT.170), đoạn Yên Thế - Cẩm Nhân, tỉnh Yên Bái; Cải tạo, nâng cấp đường Yên Bái - Khe Sang (ĐT.163), đoạn Đông An - Khe Sang, tỉnh Yên Bái; Đường nối đường Âu Cơ với Quốc lộ 2D và Khu công nghiệp phía Nam, tỉnh Yên Bái; Dự án Đường kết nối Hàm Yên (Tuyên Quang), Bắc Quang (Hà Giang), Lục Yên, Yên Bình, Văn Yên (Yên Bái) với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai (IC14); dự án Kè chống sạt lở và phát triển cơ sở hạ tầng hai bờ sông Hồng, tỉnh Yên Bái; dự án Kè suối Thia, suối Nậm Tộc, suối Nung, thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái; dự án Kè chống sạt lở bờ sông Hồng; Dự án Khu liên hợp thể dục thể thao tỉnh Yên Bái; dự án Trung tâm hội chợ triển lãm, trung bày, giới thiệu sản phẩm và thông tin xúc tiến thương mại tỉnh Yên Bái; dự án xây dựng mới nhà điều trị, khu xử lý nước thải tập trung Bệnh viện đa khoa tỉnh Yên Bái...; hoàn thành kiên cố hóa toàn bộ hệ thống đường giao thông nông thôn trên địa bàn toàn tỉnh trước năm 2030; tiếp tục nâng cấp hạ tầng điện, nước sạch, môi trường, thủy lợi phục vụ phát triển đô thị, nông thôn, khu, cụm công nghiệp. Tập trung đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin, chuyên đổi số tiên tiến, hiện đại, an ninh, an toàn; phát triển hạ tầng số toàn diện với các dịch vụ băng thông rộng và các nền tảng IoT, AI, BigData, định danh số, thanh toán điện tử, an ninh mạng...; mở rộng vùng phủ sóng WLAN tại các khu vực công cộng, điểm du lịch, khu công nghiệp

Rà soát, hoàn thiện, quản lý chặt chẽ quy hoạch đô thị gắn với quy hoạch nông thôn mới; thực hiện hiệu quả chương trình phát triển đô thị theo hướng đồng bộ cả về kinh tế, xã hội, kiến trúc cảnh quan, môi trường và chất lượng sống của người dân; đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng phù hợp với xu hướng phát triển đô thị thông minh, xanh, bản sắc, thích ứng với biến đổi khí hậu; gắn phát triển đô thị với xây dựng nông thôn mới; lấy đô thị là động lực dẫn dắt phát triển nông thôn, đẩy nhanh tiến trình đô thị hóa; tập trung nguồn lực đầu tư phát triển 02 đô thị trọng điểm, tiên phong, đi đầu trong ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyên đổi số, đổi mới sáng tạo, trở thành động lực thúc đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập và phát triển; phấn đấu đến năm 2030 thành phố Yên Bái là đô thị loại II xanh, thông minh, bản sắc, hạnh phúc, thị xã Nghĩa Lộ trở thành đô thị loại III (thị xã văn hóa - du lịch xanh); 04 thị trấn (Cổ Phúc, Yên Bình, Mậu A, Yên Thế) đáp ứng tiêu chí đô thị loại IV; 20 đô thị loại V⁴¹.

⁴¹ 03 thị trấn huyện lỵ, 02 thị trấn Nông trường, thị trấn Thác Bà và 14 đô thị mới (Hưng Khánh, Báo Đáp, Văn Hội, huyện Trấn Yên; An Thịnh, Xuân Ái, An Bình, huyện Văn Yên; Khánh Hòa, huyện Lục Yên; Cẩm An, Cẩm Nhân, huyện Yên Bình; Tú Lệ, Cát Thịnh, Tân Thịnh, Gia Hội, huyện Văn Chấn; Púng Luông, huyện Mù Cang Chải).

6. Chăm lo phát triển toàn diện kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi. Khai thác tiềm năng, lợi thế về đất đai, tài nguyên, cảnh quan, khí hậu để đẩy mạnh phát triển kinh tế, giảm nghèo nhanh, bền vững, thu hẹp dần khoảng cách chênh lệch đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào vùng cao so với vùng thấp, phấn đấu tỷ lệ hộ nghèo 02 huyện Trạm Tấu, Mường Cang Chải bình quân giai đoạn 2025-2030 giảm trên 5%/năm; ít nhất 40 xã đặc biệt khó khăn đạt tiêu chí nông thôn mới. Quan tâm đầu tư kết cấu hạ tầng, ưu tiên hệ thống giao thông kết nối từ trục chính tới xã, thôn bản, cơ sở vật chất các trường học, trạm y tế, trụ sở xã, điện lưới quốc gia, các công trình thủy lợi... cơ bản đáp ứng nhu cầu của người dân. Hoàn thành quy hoạch, sắp xếp ổn định dân cư, di dời, bố trí 100% số hộ đang cư trú tại các vùng xung yếu, có nguy cơ rủi ro cao do tác động của biến đổi khí hậu đến nơi an toàn. Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo, y tế; triển khai hiệu quả chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn vùng cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; bảo tồn và phát huy bản sắc, giá trị văn hóa tốt đẹp của các dân tộc; chăm lo quy hoạch, đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số, bảo đảm tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số phù hợp với tỷ lệ dân số là người dân tộc thiểu số ở từng địa phương.

7. Quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu. Nâng cao chất lượng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đồng bộ, thống nhất với quy hoạch tỉnh; tạo bước chuyển biến tích cực trong quản lý thống nhất, khai thác hợp lý và sử dụng hiệu quả, tiết kiệm nguồn lực tài nguyên đất, nước, khoáng sản... Hoàn thành việc đo đạc, lập bản đồ địa chính trên địa bàn cấp huyện. Hoàn thiện hệ thống thông tin đất đai, cơ sở dữ liệu đất đai và hệ thống hồ sơ địa chính được "số hóa" theo hướng hiện đại, tập trung, thống nhất, phục vụ đa mục tiêu, công khai, minh bạch, chuyên các hoạt động đăng ký, giao dịch trong lĩnh vực đất đai sang giao dịch điện tử. Nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng đất có nguồn gốc nông lâm trường quốc doanh. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm về bảo vệ tài nguyên, môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, bảo đảm điều kiện sống an toàn, lành mạnh. Tiếp tục giải quyết hài hòa vấn đề môi trường trong phát triển kinh tế - xã hội, nhất là sản xuất công nghiệp, khai thác, chế biến khoáng sản, nông, lâm sản; kiểm soát ô nhiễm môi trường, suy giảm đa dạng sinh học, duy trì cân bằng sinh thái theo hướng phát triển sản xuất xanh - tiêu dùng xanh; khuyến khích đầu tư công nghệ hiện đại để thu gom, xử lý chất thải, tái sử dụng, tái chế và sản xuất thu hồi năng lượng từ chất thải; đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung tại các đô thị, khu, cụm công nghiệp, hệ thống lò đốt rác tập trung tại các huyện, thị xã, bảo đảm duy trì tốt chất lượng môi trường sống từ đô thị đến nông thôn, nhất là tại thành phố Yên Bái, thị xã Nghĩa Lộ và các khu đông dân cư. Phối hợp thành lập 02 khu cảnh quan sinh thái quan trọng của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ gồm Vùng núi cao Mường Cang Chải (Yên Bái) và Vùng núi cao Hoàng Liên Sơn (Yên Bái, Lào Cai, Lai Châu); đồng thời quản lý, phát huy hiệu quả gắn với phát triển du lịch sinh thái. Thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao khả năng phòng, chống và

hạn chế tác động của thiên tai, nhất là lũ ống, lũ quét, sạt lở đất; tăng cường nguồn lực xã hội để mở rộng và hiện đại hóa hệ thống quan trắc, cảnh báo, dự báo thiên tai đa mục tiêu; chủ động chia sẻ thông tin, xây dựng cơ chế liên kết vùng trong ứng phó biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

8. Tăng cường quốc phòng - an ninh, bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Thực hiện nghiêm túc các chủ trương, chiến lược của Đảng, Nhà nước về bảo vệ Tổ quốc. Kết hợp chặt chẽ giữa nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng và bảo đảm an ninh; quan tâm bố trí nguồn lực đầu tư xây dựng căn cứ chiến đấu, căn cứ hậu phương, các công trình quốc phòng theo quy hoạch thể trận quân sự trong khu vực phòng thủ. Không ngừng nâng cao chất lượng tổng hợp, trình độ và khả năng sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang tinh. Xây dựng lực lượng quân đội thường trực cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; lực lượng dự bị động viên hùng hậu, vững mạnh, có trình độ sẵn sàng chiến đấu cao, sẵn sàng huy động khi có tình huống xảy ra; lực lượng dân quân, tự vệ theo hướng vững mạnh, rộng khắp. Kịp thời tham gia phòng chống thiên tai, dịch bệnh, cứu hộ, cứu nạn, giảm nhẹ thiệt hại, khắc phục hậu quả khi có các sự cố xảy ra. Đẩy mạnh, nâng cao chất lượng công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho các đối tượng, trọng tâm là cán bộ chủ chốt các cấp trong hệ thống chính trị; thực hiện hiện tốt nhiệm vụ giáo dục quốc phòng toàn dân, chính sách Quân đội và hậu phương Quân đội.

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước đối với công tác bảo đảm an ninh, trật tự; xác định rõ trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị trong bảo đảm an ninh, trật tự; củng cố, xây dựng lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở vững mạnh. Nâng cao nhận thức, tinh thần cảnh giác, trách nhiệm của người dân và toàn xã hội đối với công tác bảo đảm an ninh, trật tự. Tập trung giải quyết các yếu tố tiềm ẩn phức tạp về an ninh, trật tự; đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, bảo vệ vững chắc an ninh chính trị, an ninh kinh tế, an ninh văn hóa, tư tưởng, an ninh thông tin, sẵn sàng ứng phó hiệu quả với các thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống, không để các vụ việc về mất trật tự, an toàn xã hội chuyển thành các vụ việc về an ninh quốc gia trong mọi tình huống. Thường xuyên mở các đợt cao điểm tấn công trấn áp tội phạm, không để tội phạm lộng hành hoạt động theo kiểu “xã hội đen”; triệt xóa các tụ điểm tệ nạn xã hội, đấu tranh, phòng chống hiệu quả với các loại tội phạm, xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, lành mạnh.

9. Chủ động mở rộng, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế; tích cực liên kết phát triển kinh tế - xã hội với các tỉnh trong vùng. Củng cố và làm sâu sắc hơn mối quan hệ hợp tác với các đối tác truyền thống với tỉnh Viêng Chăn, Xay Nhạ Bu Ly (CHDCND Lào), tỉnh Vân Nam (Trung Quốc), tỉnh Val de Marne, thành phố Chevilly Larue (Cộng hòa Pháp), thành phố Mimasaka, tỉnh Okayama và tỉnh Yamanashi (Nhật Bản), tỉnh Jeollanamdo, Gyeonggi, Chungcheongnamdo, thành phố Naju (Hàn

Quốc). Thực hiện đồng bộ hoạt động đối ngoại toàn diện trên các lĩnh vực, trọng tâm là hợp tác kinh tế; nâng cao hiệu quả hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch; đẩy mạnh các hoạt động ngoại giao văn hóa, ngoại giao kinh tế, góp phần quảng bá hình ảnh đất nước và con người Việt Nam nói chung và tỉnh Yên Bái nói riêng. Thực thi hiệu quả các cam kết quốc tế theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Phát huy mạnh mẽ vai trò và nguồn lực của cộng đồng người Việt Nam, người Yên Bái ở nước ngoài để thu hút đầu tư, phát triển quê hương Yên Bái.

Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Định vị rõ tiềm năng, lợi thế của tỉnh trong vùng nhất là dịch vụ logistics, dịch vụ du lịch liên vùng, quốc tế, cung cấp nguyên vật liệu cho các khu công nghiệp, khu kinh tế lớn của vùng qua hành lang kinh tế Lào Cai - Yên Bái - Phú Thọ - Hà Nội kết nối tiểu vùng trung tâm với Thủ đô Hà Nội, các cảng cửa ngõ, vùng đồng bằng sông Hồng, với thành phố Côn Minh và vùng Tây Nam Trung Quốc; quyết tâm đưa Yên Bái trở thành một trong những trung tâm liên kết kinh tế của vùng Trung du và Miền núi Bắc Bộ với Thủ đô Hà Nội và vùng đồng bằng sông Hồng.

II. XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ TINH GỌN, TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH, HOẠT ĐỘNG HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU NHIỆM VỤ TRONG TÌNH HÌNH MỚI

1. Tăng cường xây dựng Đảng về chính trị. Đổi mới mạnh mẽ việc ban hành và quán triệt, thực hiện nghị quyết của Đảng phù hợp với quy luật khách quan, đáp ứng yêu cầu thực tiễn theo hướng ngắn gọn, súc tích, dễ hiểu, dễ nhớ, dễ tiếp thu, dễ thực hiện, xác định đúng, trúng yêu cầu, nhiệm vụ, con đường, cách thức phát triển của địa phương; có tầm nhìn, khoa học, tính thực tiễn và tính khả thi; tạo sự phấn khởi, tin tưởng, kỳ vọng và động lực thôi thúc cán bộ, đảng viên, các thành phần kinh tế và các tầng lớp nhân dân quyết tâm thực hiện, bảo đảm nghị quyết sớm đi vào cuộc sống. Giữ vững nguyên tắc đoàn kết, thống nhất, tự phê bình và phê bình, mở rộng thực hành dân chủ gắn với tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong Đảng. Tiếp tục thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, XII, Kết luận số 01-KL/TW của Hội nghị Trung ương 4 khóa XIII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; không ngừng nâng cao lập trường, bản lĩnh chính trị, năng lực, trình độ, vai trò nêu gương, tính chiến đấu của cấp ủy, tổ chức đảng và của mỗi cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp đổi mới, hội nhập và phát triển.

2. Đẩy mạnh xây dựng Đảng về tư tưởng. Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, đường lối đổi mới và các nguyên tắc hoạt động của Đảng. Vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh phù hợp với thực tiễn của tỉnh. Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, kiên quyết

và thường xuyên đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, cơ hội chính trị. Không ngừng đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức công tác tư tưởng theo hướng chủ động, thiết thực, kịp thời và hiệu quả, hướng mạnh về cơ sở; nâng cao tính chiến đấu, tính giáo dục, tính thuyết phục trong tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng, tạo sự chuyển biến tích cực trong cán bộ, đảng viên. Nắm chắc, dự báo đúng, định hướng chính xác, xử lý đúng đắn, kịp thời. Quan tâm làm tốt công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo, ban hành chủ trương, định hướng chính sách, phù hợp với quan điểm, triết lý phát triển “xanh, hài hòa, bản sắc và hạnh phúc”, tạo sự thống nhất về tư tưởng, đồng thuận trong hành động của hệ thống chính trị và toàn xã hội. Duy trì nền nếp và nâng cao chất lượng bồi dưỡng lý luận, cập nhật kiến thức mới cho cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ quản lý các cấp theo phương châm “cơ bản, hệ thống, hiện đại và thực tiễn”. Làm tốt công tác tuyên truyền, báo chí, xuất bản, truyền thông; công tác giáo dục truyền thống lịch sử, cách mạng, văn hóa, tinh thần yêu nước, khơi dậy sức mạnh văn hóa, ý chí khát vọng vươn lên trong cán bộ, đảng viên và nhân dân.

3. Tăng cường xây dựng Đảng vững mạnh về đạo đức. Thực hiện nghiêm chuẩn mực đạo đức cách mạng, đạo đức công vụ, đề cao trách nhiệm nêu gương, ý thức tự giác học tập, rèn luyện, tu dưỡng nâng cao đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý và người đứng đầu theo Quy định số 144-QĐ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Quyết tâm xây dựng văn hóa trong Đảng, trong hệ thống chính trị theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; văn hóa, đạo đức và lối sống lành mạnh phải được thể hiện trong từng cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể, trong mỗi cán bộ, đảng viên, làm cho các giá trị văn hóa thấm sâu vào mọi hoạt động của Đảng và hệ thống chính trị; kết hợp giữa tăng cường kỷ cương, kỷ luật của Đảng, đề cao pháp luật của Nhà nước với giáo dục, bồi dưỡng nhân cách, đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên; cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp mà nòng cốt là cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên phải gương gương mẫu đi đầu trong việc tuân thủ pháp luật, kỷ cương, thực hành dân chủ xã hội chủ nghĩa, trở thành hạt nhân trong tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc; phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội của báo chí và nhân dân trong thực hiện các quy định nêu gương, đề cán bộ, đảng viên tự giác nêu gương, khẳng định vai trò tiên phong, gương mẫu, đấu tranh hiệu quả với các quan điểm, hành vi phản đạo đức, phi đạo đức, góp phần xây dựng Đảng ngày càng trong sạch, vững mạnh.

4. Tiếp tục sắp xếp, hoàn thiện tổ chức bộ máy và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị. Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới và thực hiện nghiêm các quy chế, quy định, hướng dẫn của Trung ương về sắp xếp tổ chức bộ máy; kiện toàn tổ chức bộ máy bên trong các cơ quan, đơn vị, tổ chức trong hệ thống chính trị của tỉnh theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; rà soát, bổ sung, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác của từng cơ quan, đơn vị, bảo đảm khắc phục tình

trạng chồng chéo, trùng lặp hoặc bỏ sót chức năng, nhiệm vụ. Phân cấp quản lý tổ chức bộ máy theo hướng phân định rõ nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của từng cấp, từng cơ quan, đơn vị, bảo đảm sự quản lý thống nhất từ tỉnh đến cơ sở. Hoàn thành việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã theo quy định. Thực hiện nghiêm quy định về quản lý biên chế của hệ thống chính trị. Hoàn thiện danh mục vị trí việc làm, khung năng lực, bản mô tả vị trí việc làm của hệ thống chính trị. Đẩy mạnh thực hiện tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm; đồng thời xây dựng cơ chế phân cấp quản lý và giao nhiệm vụ, khoán sản phẩm công việc tới từng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động gắn với cơ chế tài chính khoán chi, đặt hàng, đấu thầu, giao nhiệm vụ theo chất lượng, hiệu quả sản phẩm công việc.

5. Tập trung củng cố, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các cấp ủy, tổ chức đảng; nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên. Thường xuyên củng cố, xây dựng, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các cấp ủy, tổ chức đảng, trọng tâm là tổ chức cơ sở đảng; làm cho tổ chức đảng ở cơ sở thực sự là cầu nối giữa Đảng với nhân dân, thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị và giải quyết được những vấn đề nảy sinh ở cơ sở. Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện tổ chức, rà soát, sửa đổi, bổ sung chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, mối quan hệ công tác của các loại hình tổ chức cơ sở đảng theo thẩm quyền, bảo đảm phù hợp với quan điểm, chủ trương đổi mới, sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy của Đảng và hệ thống chính trị. Chỉ đạo, hướng dẫn xây dựng đồng bộ quy chế làm việc của các cấp ủy, tổ chức đảng; thể chế hóa, cụ thể hóa thẩm quyền, trách nhiệm, chế độ làm việc và mối quan hệ công tác giữa tập thể, cá nhân, người đứng đầu bảo đảm đúng nguyên tắc, phát huy vai trò hạt nhân lãnh đạo của Đảng. Phát huy mạnh mẽ vai trò của cấp ủy, tổ chức cơ sở đảng trong quản lý, giáo dục, rèn luyện, kiểm tra, giám sát, đánh giá cán bộ, đảng viên. Không ngừng đổi mới, nâng cao chất lượng sinh hoạt cấp ủy, sinh hoạt chi bộ gắn với lãnh đạo, giải quyết có hiệu quả nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị, địa phương. Nâng cao chất lượng đảng viên; chú trọng xây dựng tổ chức đảng và phát triển đảng viên trong doanh nghiệp và khu vực kinh tế tư nhân. Đồng thời, kiên quyết sàng lọc, loại bỏ những cán bộ, đảng viên thoái hóa, biến chất, cơ hội, tham nhũng, “lợi ích nhóm”, quan liêu, hạn chế về năng lực, yếu về trình độ.

6. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cán bộ chủ chốt và người đứng đầu đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Tiếp tục hoàn thiện đồng bộ, chặt chẽ quy định, quy chế về công tác cán bộ, tiêu chuẩn chức danh, tiêu chí đánh giá, giới thiệu, đề bạt, bổ nhiệm cán bộ, trọng tâm là công tác đánh giá cán bộ theo hướng xuyên suốt, liên tục, đa chiều, có tiêu chí và thông qua sản phẩm cụ thể; xây dựng chính sách đào tạo, bồi dưỡng, thu hút cán bộ thực đức, thực tài, liêm chính, tâm huyết, dám nghĩ, dám làm, dám đột phá, hết lòng, hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân; bảo đảm nguyên tắc “có ra, có vào, có lên, có xuống” trong công tác cán bộ; thực hiện nhất quán mục tiêu, nhiệm vụ Đề án số 11-ĐA/TU của Tỉnh ủy, tạo nguồn cán bộ trẻ, nữ, dân tộc có chất lượng lâu dài; thực hiện tốt việc thí điểm một số chủ

trương, giải pháp đổi mới, đột phá trong công tác cán bộ theo chỉ đạo của Trung ương. Triển khai nghiêm túc quy định về thẩm quyền, trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác cán bộ và quản lý cán bộ; tăng cường kiểm soát quyền lực, kiên quyết chống chạy chức, chạy quyền. Quan tâm kịp thời, đầy đủ chế độ, chính sách đối với cán bộ. Làm tốt công tác bảo vệ cán bộ, bảo vệ chính trị nội bộ; nắm chắc lịch sử chính trị và chú trọng vấn đề chính trị hiện nay; kiên quyết đấu tranh, ngăn chặn những hiện tượng cục bộ, bè phái, gây mất đoàn kết nội bộ.

7. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, giữ nghiêm kỷ luật, kỷ cương của Đảng. Đổi mới phương pháp, kỹ năng, quy trình công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng, tập trung vào các cơ chế, biện pháp chủ động phát hiện sớm để phòng ngừa, ngăn chặn khuyết điểm, vi phạm của tổ chức đảng và đảng viên. Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy, chỉ đạo, hướng dẫn của ủy ban kiểm tra cấp trên đối với cấp ủy và ủy ban kiểm tra cấp dưới trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng; chú trọng kiểm tra, giám sát tổ chức đảng, đảng viên, người đứng đầu, cán bộ chủ chốt ở những địa bàn, lĩnh vực, những khâu dễ xảy ra vi phạm, nơi có nhiều bức xúc nổi cộm, dư luận quan tâm; xử lý kịp thời, kiên quyết, nghiêm minh sai phạm. Phối hợp chặt chẽ, đồng bộ, thống nhất giữa kiểm tra, giám sát của cấp ủy, thanh tra nhà nước và hoạt động giám sát của hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân. Thường xuyên củng cố, xây dựng đội ngũ cán bộ ủy ban kiểm tra các cấp có phẩm chất đạo đức, năng lực, trách nhiệm và kỹ năng thực thi nhiệm vụ, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Thực hiện nghiêm quy định về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng.

8. Đẩy mạnh công tác nội chính và phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, thực hiện đồng bộ phương châm 4 không: “không thể”, “không dám”, “không muốn”, “không cần” trong đấu tranh phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, tiêu cực tinh; tích cực phòng ngừa, chủ động phát hiện, xử lý kịp thời, nghiêm minh hành vi tham nhũng, lãng phí, bao che, dung túng, tiếp tay cho tham nhũng, can thiệp, cản trở việc chống tham nhũng. Xây dựng văn hóa liêm chính trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và nhân dân. Tăng cường kiểm tra, đôn đốc công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí; chú trọng công tác tự kiểm tra, thanh tra, kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các sai phạm, tiêu cực, tham nhũng trong nội bộ. Thực hiện hiệu quả việc thu hồi tiền, tài sản bị chiếm đoạt từ tham nhũng. Phát huy vai trò của nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên, báo chí trong phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

Tiếp tục thực hiện Chiến lược cải cách tư pháp trong tình hình mới; công khai, minh bạch các hoạt động tố tụng theo quy định, bảo đảm quyền con người, quyền công dân. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với các cơ quan bảo vệ pháp luật trong công tác điều tra, xử lý các vụ án, vụ việc. Nâng cao chất lượng công tác điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án, phấn đấu không để xảy ra oan

sai, bỏ lọt tội phạm ở tất cả các bước trong quy trình tố tụng. Thực hiện tốt công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý tin báo, tố giác tội phạm và kiến nghị khởi tố; phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền trong việc tiếp công dân, đối thoại trực tiếp với nhân dân và xử lý những phản ánh, kiến nghị hợp pháp, chính đáng của nhân dân.

9. Nâng cao hiệu quả công tác dân vận của hệ thống chính trị, hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, dân chủ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ của nhân dân. Đổi mới nội dung, phương thức công tác dân vận các cấp hiệu quả; hướng về cơ sở, tăng cường đối thoại, tiếp xúc với nhân dân, lắng nghe tâm tư, kịp thời giải quyết nguyện vọng chính đáng, hợp pháp của nhân dân; thắt chặt hơn nữa mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân, dựa vào Nhân dân để xây dựng Đảng; thực hiện tốt Luật dân chủ ở cơ sở, xây dựng cộng đồng xã hội dân chủ, kỷ cương, đoàn kết, hài hòa, văn minh. Tiếp tục thực hiện tốt phong trào thi đua “dân vận khéo”, tuyên truyền, biểu dương, nhân rộng các mô hình, điển hình về công tác dân vận; xây dựng, triển khai hiệu quả cơ chế phối hợp giữa chính quyền, các cơ quan, tổ chức với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong thực hiện Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị.

Tăng cường vai trò, nòng cốt chính trị gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Tiếp tục nâng cao vai trò, trách nhiệm của nông dân, chủ thể của quá trình phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới; xây dựng lực lượng công nhân đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa; phát triển đội ngũ doanh nhân đông đảo, có trình độ quản lý, kinh doanh giỏi, có đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội cao; quan tâm chăm lo bồi dưỡng, giáo dục và phát huy vai trò xung kích, tình nguyện của thế hệ trẻ, tạo điều kiện cho thanh niên học tập, phấn đấu, rèn luyện, trưởng thành; nâng cao trình độ và đời sống vật chất, tinh thần của phụ nữ, tạo điều kiện để phụ nữ thực hiện vai trò, trách nhiệm giới và chủ động, tích cực tham gia sự nghiệp đổi mới, hội nhập và phát triển; đồng thời là nòng cốt xây dựng gia đình ấm no, bình đẳng, hạnh phúc, tiến bộ; phát huy truyền thống “Bộ đội Cụ Hồ” của cựu chiến binh, tích cực tham gia xây dựng và bảo vệ Đảng, chính quyền, giáo dục thế hệ trẻ, đoàn kết, chung sức xây dựng quê hương.

Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân vừa là mục tiêu, vừa là động lực, nguồn lực to lớn phục vụ sự nghiệp phát triển và hội nhập. Quán triệt và thực hiện tốt quan điểm “dân là gốc” và phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”; chú trọng vai trò, sự tham gia của nhân dân trong xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện chủ trương, cơ chế, chính sách; khơi dậy tiềm năng, sức sáng tạo, sự chung sức, đồng lòng của nhân dân hướng vào xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp, hạnh phúc.

10. Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng; nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp trong điều kiện

mới. Đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của các cấp ủy, tổ chức đảng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; cụ thể hóa phương thức lãnh đạo của cấp ủy đảng bằng hệ thống các quy chế, quy định, quy trình, nhất là quy chế làm việc, bảo đảm sự lãnh đạo tuyệt đối, toàn diện, sâu sát, kịp thời, hiệu quả của cấp ủy; khắc phục tình trạng áp đặt, buông lỏng hoặc bao biện, làm thay; thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, thực hiện cơ chế *giao nhiệm vụ, khoán sản phẩm*, khuyến khích tinh thần chủ động, đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm gắn với tăng cường kỷ luật, kỷ cương và trách nhiệm giải trình của tập thể, cá nhân người đứng đầu cấp ủy; xây dựng phong cách, lề lối làm việc của cán bộ, đảng viên khoa học, gần dân, vì dân, bám sát thực tiễn, nói đi đôi với làm, bảo đảm chủ trương, nghị quyết của Đảng thực sự đi vào cuộc sống. Đẩy mạnh cải cách hành chính trong Đảng, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, nâng cao hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát của các cấp ủy, tổ chức đảng.

Tổ chức thành công cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 bảo đảm chất lượng, số lượng, cơ cấu. Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của hội đồng nhân dân các cấp trong việc quyết định những vấn đề quan trọng của địa phương; nâng cao chất lượng các kỳ họp, hoạt động chất vấn và trả lời chất vấn, các hoạt động giám sát, nhất là giám sát chuyên đề, các cuộc tiếp xúc cử tri và hoạt động của đại biểu hội đồng nhân dân các cấp.

Nâng cao năng lực quản lý, điều hành của ủy ban nhân dân và trách nhiệm thi hành của các cơ quan chuyên môn thuộc ủy ban nhân dân các cấp theo hướng đề cao kỷ luật, kỷ cương hành chính và trách nhiệm giải trình của người đứng đầu cơ quan, đơn vị. Hoàn thiện cơ chế, quy định về phân cấp, phân quyền công khai, minh bạch, hiệu quả, thông suốt trong điều hành và tổ chức thực hiện từ tỉnh đến cơ sở. Đổi mới toàn diện việc giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính; nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ số cho người dân và doanh nghiệp, hướng tới cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, cá nhân hoá và dựa trên dữ liệu; tăng cường giám sát, đánh giá và trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền trong phục vụ Nhân dân. Xây dựng và vận hành hiệu quả chính quyền số, chính quyền thông minh. Phấn đấu đến năm 2030, cung cấp và sử dụng 100% dịch vụ hành chính công trực tuyến đạt mức độ 3 trở lên, trong đó có ít nhất ...% đạt mức độ 4; chỉ số cải cách hành chính (Par Index) thuộc nhóm 10 tỉnh, chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI), chỉ số quản trị hành chính công (PAPI) thuộc nhóm 20 tỉnh dẫn đầu của cả nước.

**BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH
KHÓA XIX**

TỈNH ỦY YÊN BÁI

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*

Số -BC/TU
(DỰ THẢO LẦN 2)

Yên Bái, ngày tháng 01 năm 2025

BÁO CÁO

**tổng kết công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị
5 năm 2021-2025; phương hướng, nhiệm vụ giai đoạn 2026-2030**

Thực hiện Chi thị số 35-CT/TW ngày 14/6/2024 của Bộ Chính trị về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị 5 năm 2021-2025; phương hướng, nhiệm vụ giai đoạn 2025-2030 cụ thể như sau:

Phần thứ nhất

TỔNG KẾT CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ 5 NĂM 2021-2025

Trong 5 năm qua, thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và Nghị quyết Đại hội XIX Đảng bộ tỉnh, tình hình chính trị, kinh tế thế giới diễn biến nhanh chóng, phức tạp, khó lường; bất ổn địa chính trị, xung đột vũ trang leo thang tại một số quốc gia, khu vực, tiềm ẩn nhiều rủi ro, đe dọa đến an ninh, sự ổn định, phát triển toàn cầu; thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu diễn biến phức tạp, tác động nặng nề đến phát triển kinh tế ở nhiều quốc gia trên thế giới. Nhiều nền kinh tế lớn, là đối tác thương mại, đầu tư chủ yếu của nước ta phục hồi chậm, tiếp tục thắt chặt chính sách tiền tệ; tỷ giá đồng USD và giá vàng tăng mạnh; giá dầu thô, hàng hóa cơ bản, dịch vụ vận tải... biến động mạnh.

Trong nước, dù vẫn còn nhiều khó khăn do tác động sâu sắc bởi những yếu tố bất lợi từ môi trường quốc tế; đồng thời, vừa phải tiếp tục giải quyết những vấn đề phức tạp mới phát sinh, vừa phải xử lý các yếu kém, tồn đọng, tích tụ từ nhiều năm trước, song, đất nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, phát triển mạnh mẽ, toàn diện. Quy mô, trình độ nền kinh tế được nâng lên. Đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt cả về vật chất và tinh thần. Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay.

Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ vẫn là “vùng trũng” trong phát triển và “lỗi nghèo” của cả nước; sự phát triển của Vùng chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế; khoảng cách về thu nhập và trình độ phát triển của vùng so với trung bình cả nước không những chưa được thu hẹp mà đang có xu hướng gia tăng. Còn thiếu các cơ chế, chính sách đặc thù và giải pháp phân bổ, bố trí nguồn lực để tiếp tục hoàn thiện hệ thống hạ tầng khung của vùng, nhất là hạ tầng giao thông, hạ tầng đô thị, kết nối với các cực tăng trưởng, các hành lang kinh tế.

Trong tình, bên cạnh những thời cơ, thuận lợi là cơ bản, còn có những khó khăn, thách thức đan xen, nhất là ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, tác động tiêu cực do biến động tình hình kinh tế, chính trị thế giới, ảnh hưởng của thiên tai, thời tiết cực đoan, biến đổi khí hậu, đặc biệt là những thiệt hại nặng nề của Bão số 3 (Yagi) xảy ra vào tháng 9/2024... Trong bối cảnh đó, công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị luôn được Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đặc biệt coi trọng triển khai thực hiện toàn diện, đồng bộ, với quyết tâm chính trị cao, nỗ lực lớn, phát huy truyền thống đoàn kết và sự chung sức, đồng lòng của cả hệ thống chính trị và đã đạt được kết quả quan trọng, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIX Đảng bộ tỉnh, cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ 5 NĂM 2021-2025

1. Việc quán triệt, cụ thể hóa nghị quyết và công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy

Việc phổ biến, quán triệt, học tập, tuyên truyền và xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và Nghị quyết Đại hội lần thứ XIX Đảng bộ tỉnh có nhiều đổi mới bằng nhiều hình thức, phù hợp với từng cấp ủy, tổ chức đảng; trong đó, lần đầu tiên Tỉnh ủy yêu cầu và triển khai việc học tập, quán triệt Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX đến toàn thể cán bộ, đảng viên trong hệ thống chính trị; xác định rõ yêu cầu về nội dung, tiến độ, hình thức tổ chức nghiên cứu, học tập của từng cấp, từng đối tượng, đồng thời chỉ đạo các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan, đơn vị nghiên cứu, rà soát, lựa chọn, cập nhật, bổ sung các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Đại hội XIX Đảng bộ tỉnh vào chương trình hành động của cấp mình, đảm bảo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và điều kiện thực tế theo phương châm “*chủ trương 1, chương trình 10, hành động 100*”.

Việc cụ thể hóa các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương, Nghị quyết Đại hội XIX Đảng bộ tỉnh về công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị được triển khai đồng bộ, bám sát thực tiễn của Đảng bộ tỉnh. Các nghị quyết,

chỉ thị, đề án, quy định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy bao phủ toàn diện nội dung công tác xây dựng Đảng theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức, đạo đức và cán bộ.

Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát, cụ thể thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả, tạo sự chuyển biến tích cực trong công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị. Trong nhiệm kỳ đã ban hành 05 nghị quyết, 07 chỉ thị, 07 đề án, 19 quy định liên quan trực tiếp đến công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị¹.

¹ (1) Nghị quyết số 37-NQ/TU ngày 20/4/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của cấp ủy, tổ chức đảng, trọng tâm là cấp ủy cơ sở và cấp trên trực tiếp cơ sở giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 40-NQ/TU ngày 24/5/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021 - 2025; Nghị quyết số 66-NQ/TU ngày 10/12/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận; Nghị quyết số 90-NQ/TU ngày 13/10/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác quy hoạch cán bộ; Nghị quyết số 116-NQ/TU ngày 14/4/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp tỉnh Yên Bái đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. (2) Chỉ thị số 06-CT/TU ngày 24/3/2021 về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền miệng, hoạt động báo cáo viên của các cấp ủy trong tình hình mới; Chỉ thị số 07-CT/TU ngày 25/3/2021 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng giai đoạn 2021 - 2025; Chỉ thị số 16-CT/TU ngày 25/6/2021 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phát triển công đoàn cơ sở khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước trên địa bàn tỉnh Yên Bái trong tình hình mới; Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 06/8/2021 về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy, tổ chức đảng đối với công tác điều tra, nắm bắt, nghiên cứu, định hướng dư luận xã hội trong tình hình mới; Chỉ thị số 19-CT/TU ngày 17/11/2021 về nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Yên Bái; Chỉ thị số 43-CT/TU ngày 22/01/2024 về nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giám sát thường xuyên của cấp ủy, ủy ban kiểm tra và cơ quan chuyên trách, tham mưu giúp việc cấp ủy các cấp trong Đảng bộ tỉnh Yên Bái; Chỉ thị số 46-CT/TU ngày 3/4/2024 về tăng cường kỷ luật, kỷ cương, khắc phục tình trạng né tránh, đùn đẩy, nợ trách nhiệm trong thi hành nhiệm vụ. (3) Đề án số 03-ĐA/TU ngày 27/4/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch giai đoạn 2021 - 2025; Đề án số 04-ĐA/TU ngày 1/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát trong Đảng bộ tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021 - 2025; Đề án số 05-ĐA/TU ngày 12/10/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị và nghiệp vụ cho cán bộ, đảng viên ở cơ sở, trọng tâm là đối tượng cấp ủy viên, bí thư chi bộ, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội ở xã, phường, thị trấn giai đoạn 2021 - 2025; Đề án số 07-ĐA/TU ngày 28/02/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy xây dựng chi bộ kiểu mẫu trong Đảng bộ tỉnh Yên Bái, giai đoạn 2022 - 2025; Đề án số 11-ĐA/TU ngày 28/10/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về sở tay đảng viên điện tử tỉnh Yên Bái; Đề án số 13-ĐA/TU ngày 16/3/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về nâng cao chất lượng, hiệu quả phong trào thi đua "Dân vận khéo" trên địa bàn tỉnh Yên Bái, giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030; Đề án số 20-ĐA/TU ngày 20/12/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức, sắp xếp lại cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy theo Quy định số 137-QĐ/TW ngày 01/12/2023 của Ban Bí thư. (4) Quy định số 06-QĐ/TU ngày 21/5/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phối hợp giữa Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy với Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh trong công tác khoa giáo; Quy định số 08-QĐ/TU ngày 30/6/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc bí thư, phó bí thư, ủy viên ban thường vụ, cấp ủy viên các cấp dự sinh hoạt với chi bộ khu dân cư và chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở; Quy định số 09-QĐ/TU ngày 30/6/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý; Quy định số 10-QĐ/TU ngày 21/07/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiêu chuẩn, điều kiện kết nạp, kết nạp lại đảng viên; Quy định số 12-QĐ/TU ngày 30/07/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phối hợp giữa Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy với Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh trong việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng; Quy định số 13-QĐ/TU ngày 12/08/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phối hợp giữa Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy với Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng; Quy định số 16-QĐ/TU ngày 15/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện văn hóa, đạo đức trong Đảng và hệ thống chính trị tại Đảng bộ tỉnh Yên Bái; Quy định số 19-QĐ/TU ngày 15/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phối hợp giữa Đảng ủy Công an tỉnh với các huyện, thị, thành ủy trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật của Đảng đối với tổ chức đảng, đảng viên trong công an huyện, thị xã, thành phố; Quy định số 21-QĐ/TU ngày 20/12/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử và miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ; Quy định số 24-QĐ/TU ngày 08/03/2022 của

Công tác tổ chức thực hiện của cấp ủy các cấp về hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện nghị quyết và các văn bản của cấp ủy cấp trên được đổi mới khá mạnh mẽ, tạo chuyển biến tích cực nhất là sau khi triển khai thực hiện Đề án số 04-ĐA/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát trong Đảng bộ tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021 - 2025. Các cấp ủy đã đưa nội dung kiểm tra, giám sát thực hiện nghị quyết và các văn bản chỉ đạo của cấp trên vào chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát, tập trung vào kiểm tra, giám sát thường xuyên và chuyên đề, góp phần tổ chức thực hiện hiệu quả nghị quyết.

2. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; thực hành trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên và việc thực hiện văn hoá, đạo đức trong Đảng

Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng được đặc biệt coi trọng. Lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện nghiêm túc, sát sao, quyết liệt, hiệu quả Nghị quyết Trung ương khoá XI, khoá XII, các kết luận, quy định của Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị, Kết luận số 01-KL/TW của Bộ Chính trị tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW, nghị quyết đại hội đảng các cấp nhiệm kỳ 2020 - 2025 và các nghị quyết, chỉ thị, quy chế, quy định của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Tổ chức đợt sinh hoạt chính trị “tự soi, tự sửa” về xây dựng, chỉnh đốn đảng; các đợt sinh hoạt chính trị tư tưởng về nội dung các tác phẩm của cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng về xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong toàn Đảng bộ². Thực hiện nghiêm túc và phát huy vai trò gương

Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tổ chức hoạt động của đoàn kiểm tra, giám sát của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Quy định số 26-QĐ/TU ngày 06/04/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác quy hoạch cán bộ; Quy định số 27-QĐ/TU ngày 12/04/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phân cấp, phối hợp trách nhiệm trong công tác bồi dưỡng lý luận chính trị, nghiệp vụ cho cấp ủy viên cơ sở, bí thư chi bộ, cán bộ Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội ở xã, phường, thị trấn; Quy định số 34-QĐ/TU ngày 25/9/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy trong việc tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân và xử lý những phản ánh, kiến nghị của dân trên địa bàn tỉnh; Quy định số 35-QĐ/TU ngày 30/11/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiêu chuẩn, điều kiện kết nạp lại Đảng viên tại Đảng bộ tỉnh Yên Bái; Quy định số 38-QĐ/TU ngày 17/4/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử và điều động, biệt phái, miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ; Quy định số 40-QĐ/TU ngày 25/4/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tạm thời về khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo vì lợi ích chung trong hệ thống chính trị tỉnh Yên Bái; Quy định số 44-QĐ/TU ngày 16/11/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy phối hợp thực hiện nhiệm vụ bảo vệ chính trị nội bộ giữa Ban Tổ chức Tỉnh ủy với Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Ban Nội chính Tỉnh ủy, Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh, Đảng ủy Quân sự tỉnh, Đảng ủy Công an tỉnh; Quy định số 47-QĐ/TU ngày 04/12/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về kiểm soát quyền lực và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác cán bộ tại Đảng bộ tỉnh Yên Bái; Quy định số 51-QĐ/TU ngày 20/5/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung trong hệ thống chính trị tỉnh Yên Bái; Quy định số 52-QĐ/TU ngày 08/7/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về xây dựng “chi bộ bốn tốt”, “đảng bộ cơ sở bốn tốt” trong Đảng bộ tỉnh Yên Bái.

² Như: “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam”; tác phẩm “Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, góp phần xây dựng Đảng và Nhà nước ta ngày càng trong sạch, vững mạnh”...

mẫu của người đứng đầu các cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị và của cán bộ, đảng viên trong tự phê bình và phê bình. Chú trọng công tác kiểm tra, giám sát nhằm kịp thời phát hiện, xử lý, cảnh báo, phòng ngừa từ sớm, từ xa các sai phạm của tổ chức đảng và đảng viên.

Việc đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh đã trở thành nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên của mỗi tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên; không ngừng đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp tuyên truyền đa dạng, phong phú, phù hợp; phát huy hiệu quả của hệ thống thông tin đại chúng, các nền tảng xã hội và hoạt động của đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền miệng; tổ chức hội thi trực tuyến, thi viết, thi kể chuyện về tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Triển khai nghiêm túc, hiệu quả Giải thưởng sáng tác, quảng bá các tác phẩm văn học, nghệ thuật, báo chí về chủ đề học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; Từ năm 2020 đến nay đã xây dựng bộ giải riêng của tỉnh hưởng ứng Giải báo chí toàn quốc về xây dựng Đảng, tạo phong trào sáng tác sôi nổi, góp phần đẩy mạnh tuyên truyền việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong toàn đảng bộ tỉnh; xây dựng, nhân rộng nhiều mô hình, điển hình tiên tiến, đảm bảo hiệu quả, thực chất, có tính lan toả sâu rộng³.

Chú trọng việc bồi dưỡng phẩm chất, đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên. Đặc biệt, ngay từ đầu nhiệm kỳ, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành các quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, Quy định thực hiện văn hóa, đạo đức trong Đảng và hệ thống chính trị⁴. Yên Bái cũng là tỉnh đầu tiên trong cả nước gắn việc chấm điểm, đánh giá, xếp loại mức độ nêu gương của cán bộ, đảng viên đồng thời với kiểm điểm, đánh giá, xếp loại cán bộ, đảng viên hằng năm. Qua triển khai thực hiện góp phần tạo chuyển biến quan trọng về nhận thức và hành động của cán bộ, đảng viên trong quá trình thực thi nhiệm vụ chính trị, tạo dấu ấn rõ nét về xây dựng văn hóa Đảng.

3. Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng; nắm bắt, dự báo, định hướng, xử lý các vấn đề tư tưởng, bảo đảm thống nhất trong Đảng, đồng thuận trong xã hội

³ Giai đoạn 2021 - 2023, toàn tỉnh có 7.809 tập thể, cá nhân (trong đó có 3.912 tập thể, 3.897 cá nhân) đăng ký xây dựng mô hình, điển hình tiên tiến; giai đoạn 2023 - 2025, toàn tỉnh có 8.391 tập thể, cá nhân (trong đó có 4.320 tập thể, 4.071 cá nhân). Từ năm 2020 đến nay, có hơn 2.000 tập thể, cá nhân được khen thưởng ở cấp huyện và tương đương; gần 150 tập thể, cá nhân được khen ở cấp tỉnh; 07 tập thể, 12 cá nhân được khen ở cấp Trung ương.

⁴ Quy định số 09-QĐ/TU ngày 30/6/2021 về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý; Quy định số 16-QĐ/TU ngày 15/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện văn hóa, đạo đức trong Đảng và hệ thống chính trị tại Đảng bộ tỉnh Yên Bái.

Chú trọng đổi mới nội dung, phương thức công tác tư tưởng bảo đảm tính đảng, tính khoa học, tính chiến đấu, tính thực tiễn, kịp thời và hiệu quả. Việc tổ chức nghiên cứu, học tập, quán triệt, triển khai thực hiện nghị quyết của Đảng có nhiều đổi mới. Nhiều hội nghị được kết nối trực tuyến từ Trung ương đến cơ sở, từ tỉnh đến cơ sở, tạo sự thống nhất về nhận thức và hành động trong toàn Đảng bộ, chất lượng học tập được nâng lên, tiết kiệm thời gian. Công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị được thực hiện nền nếp, tạo chuyển biến tích cực về chất lượng, hiệu quả, nâng cao trình độ lý luận chính trị và chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, từ 2021 đến nay, đã tổ chức 460 lớp đào tạo, bồi dưỡng cho 36.481 học viên.

Công tác giáo dục truyền thống cách mạng, tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước được đẩy mạnh bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú, chú trọng tuyên truyền, giáo dục theo chiều sâu, phù hợp với từng đối tượng. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, định hướng các cơ quan báo chí và công tác văn hóa văn nghệ có nhiều đổi mới, bám sát tình hình thực tiễn.

Công tác dự báo, nắm tình hình tư tưởng, xử lý thông tin, định hướng dư luận xã hội đảm bảo sự thống nhất tư tưởng trong Đảng, sự đồng thuận trong xã hội được Đảng bộ tỉnh đặc biệt quan tâm; kịp thời nắm bắt, định hướng thông tin trước những sự kiện quan trọng, những vụ việc phức tạp, nhạy cảm thu hút sự quan tâm của dư luận, không để phát sinh điểm nóng trên địa bàn. Công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch được Tỉnh ủy Yên Bái hết sức coi trọng, tăng cường hoạt động theo phương châm “phòng ngừa từ sớm, từ xa”, gắn chặt giữa xây và chống, lấy cái đẹp dẹp cái xấu, lấy tích cực đẩy lùi tiêu cực. Hằng năm, Nhóm Chuyên gia, Tổ Cộng tác viên cấp tỉnh có gần 150 bài viết mang tính đấu tranh, phản bác.

Công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận được đẩy mạnh. Từ tổng kết thực tiễn, cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, đã ban hành 11 nghị quyết chuyên đề của Tỉnh ủy; 80 nghị quyết, chỉ thị, quy định, đề án của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và hàng trăm nghị quyết, đề án, chính sách của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh đem lại hiệu quả thiết thực.

4. Quan tâm lãnh đạo công tác tổ chức xây dựng Đảng; trọng tâm là nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của cấp ủy, tổ chức đảng, nhất là cấp ủy cơ sở và cấp trên trực tiếp cơ sở

Tập trung đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng trong công tác tổ chức xây dựng Đảng. Chủ động xây dựng, ban hành sớm Nghị quyết chuyên đề về xây dựng Đảng⁵, trong đó đề ra các nhóm mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp với

⁵ Nghị quyết số 37-NQ/TU ngày 20/4/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về “Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của cấp ủy, tổ chức đảng, trọng tâm là cấp ủy cơ sở và cấp trên trực tiếp cơ sở giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030”.

tiêu chí nâng cao, đáp ứng yêu cầu công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong điều kiện mới. Kịp thời cụ thể hóa nghị quyết đại hội và các nghị quyết, quy định của Trung ương⁶ bảo đảm toàn diện, đồng bộ, liên thông, bám sát thực tiễn trong đó có những vấn đề mới, khó, có tính tiên phong như lượng hóa trách nhiệm nêu gương, cụ thể hóa quy định dám nghĩ, dám làm; danh mục chức danh, chức vụ lãnh đạo và tương đương trong hệ thống chính trị tỉnh; miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ lãnh đạo quản lý bị kỷ luật, kiểm soát quyền lực và phòng chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác cán bộ...

Nội dung quản lý cán bộ bảo đảm công tâm, minh bạch; đánh giá đúng tình hình Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Kết luận số 68-KL/TU, trong đó xác định các chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể trong công tác cán bộ làm căn cứ để các cấp ủy, tổ chức đảng triển khai. Các khâu trong công tác cán bộ được thực hiện tốt, có tính biện chứng; thường xuyên rà soát, kiện toàn đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp trong hệ thống chính trị theo phân cấp; rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ bảo đảm chặt chẽ, liên thông; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ theo hướng sát hợp nhu cầu thực tiễn; ban hành Kế hoạch luân chuyển cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý giai đoạn 2023 - 2025 với mục tiêu, đối tượng, yêu cầu cụ thể và quy trình thực hiện chặt chẽ; tổ chức lấy phiếu tín nhiệm đối với các chức danh, chức vụ lãnh đạo, quản lý đảm bảo thực chất, khách quan, toàn diện, là cơ sở để đánh giá và bố trí, sử dụng cán bộ; thực hiện tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ và chính sách cán bộ, nhất là thực hiện chế độ chính sách đối với cán bộ do sắp xếp tổ chức, bộ máy, tinh giản biên chế, góp phần động viên, khích lệ cán bộ yên tâm công tác, cống hiến và nghỉ chế độ.

Tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 50-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XII). Chỉ đạo rà soát, sắp xếp, sáp nhập một số đơn vị sự nghiệp ở cấp tỉnh, cấp huyện bảo đảm tinh gọn⁷; kịp thời cụ thể hóa, ban hành các Đề án tổ chức, sắp xếp lại cơ quan, đơn vị⁸ và các Đề án dừng thực hiện mô hình thí điểm hoạt động chưa hiệu quả hoặc còn

⁶ Chương trình hành động số 10-CTr/TU ngày 30/10/2020; Chương trình hành động số 40-CTr/TU ngày 10/7/2021; Kế hoạch số 52-KH/TU ngày 27/12/2021; Chương trình hành động số 114-CTr/TU ngày 15/8/2022; Chương trình hành động số 148-CTr/TU ngày 14/02/2023...

⁷ Sáp nhập 03 Trường Cao đẳng với Trường mầm non Thực hành sau đó đổi tên thành Trường Cao đẳng Yên Bái; sáp nhập Trung tâm phát triển quỹ đất với BQL dự án đầu tư và xây dựng tại 09 huyện, thị xã, thành phố; sáp nhập một số đơn vị như công ty Môi trường đô thị (thị xã Nghĩa Lộ), Đội công trình giao thông vận tải và vệ sinh môi trường (Yên Bình), Ban quản lý các dịch vụ công cộng (Trạm Tàu), Đội dịch vụ công cộng (Mù Cang Chải), Đội giao thông dịch vụ (Trần Yên)...

⁸ Các Đề án tổ chức, sắp xếp lại: Cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy; Hội Cựu chiến binh tỉnh; Trung tâm Hỗ trợ phụ nữ thuộc Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh; Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh.

vướng mắc về pháp lý⁹. Đồng thời, xây dựng Kế hoạch thực hiện biên chế, quản lý biên chế giai đoạn 2024 - 2026 theo Kết luận số 40-KL/TW, Quy định số 70-QĐ/TW của Bộ Chính trị; ban hành các quyết định danh mục vị trí việc làm của các cơ quan, đơn vị khối Đảng, đoàn thể cấp tỉnh, cấp huyện; sắp xếp người làm công việc hỗ trợ, phục vụ theo chế độ hợp đồng lao động trong các cơ quan khối Đảng, đoàn thể tỉnh theo Nghị định 111/2023/NĐCP ngày 30/12/2022 của Chính phủ. Đặc biệt, từ khi Trung ương có chủ trương mới về sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy, Tỉnh ủy Yên Bái đã thành lập ngay Ban chỉ đạo, phân công nhiệm vụ cụ thể, xây dựng kế hoạch chi tiết tập trung triển khai thực hiện và tổng kết thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII đúng chất lượng, tiến độ; đề xuất nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, liên thông, đồng bộ. Với tinh thần làm việc khẩn trương, nghiêm túc, ngay trong tháng 12/2024, cùng với định hướng của Trung ương rất rõ ràng, cụ thể phù hợp với thực tiễn, công tác chỉ đạo, hướng dẫn kịp thời nên đến nay đã hoàn thành việc xây dựng các Đề án Kết thúc hoạt động của các Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng và Đảng ủy Khối cơ quan và doanh nghiệp tỉnh để thành lập 02 Đảng bộ mới¹⁰, các Phương án sắp xếp, tinh gọn bộ máy các cơ quan, đơn vị gắn với cơ cấu vị trí việc làm¹¹; chuẩn bị đầy đủ các điều kiện để bộ máy mới đi vào hoạt động ngay khi có quyết định, kết luận của Trung ương.

Cùng với thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ theo Nghị quyết số 37-NQ/TU của Tỉnh ủy, đã tổ chức thực hiện nghiêm chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW, Nghị quyết số 28-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII; trong đó, tập trung vào củng cố, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng và phát triển đảng viên với nhiều mô hình cách làm hiệu quả¹²; đánh giá việc xây dựng và thực hiện quy chế làm

⁹ Dừng thực hiện mô hình Văn phòng Tỉnh ủy phục vụ chung các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy; dừng thi điểm mô hình cơ quan Tổ chức-Nội vụ, cơ quan Kiểm tra-Thanh tra, Văn phòng cấp ủy và chính quyền cấp huyện; dừng thi điểm cơ quan tham mưu giúp việc chung khối MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện, bộ phận giúp việc chung khối MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã.

¹⁰ Đề án Kết thúc hoạt động của các Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng và Đảng ủy Khối cơ quan và doanh nghiệp tỉnh; thành lập Đảng bộ cơ quan Đảng tỉnh Yên Bái và Đảng bộ Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái.

¹¹ Phương án sáp nhập, giải thể kết thúc nhiệm vụ cơ quan chuyên môn thuộc ủy ban nhân dân cấp tỉnh, ủy ban nhân dân cấp huyện; một số ban chỉ đạo của cấp ủy cấp tỉnh; Phương án kiện toàn Đảng bộ cơ quan Đảng, đoàn thể, hội đồng nhân dân, tư pháp cấp huyện; Đảng bộ cơ quan Chính quyền cấp huyện.

¹² Huyện ủy Yên Bình Thành lập Tổ biên tập Bản tin sinh hoạt chi bộ để lãnh đạo, định hướng xây dựng nội dung sinh hoạt phù hợp, thiết thực, dễ tiếp cận, dễ hiểu, dễ nhớ, dễ thực hiện, nhằm nâng cao hiệu quả học tập, quán triệt, thực hiện tại cơ sở. Huyện ủy Văn Chấn Thành lập trang thông tin của huyện thu hút được hàng nghìn lượt người xem, đăng tải nhiều bài viết có ý nghĩa tạo sức lan tỏa về những việc làm thiện nguyện, về giáo dục truyền thống cách mạng nhất là cho giới trẻ; thường xuyên đưa tin, bài viết, hình ảnh đẹp về đất và người Văn Chấn, qua đó góp phần định hướng dư luận, phục vụ hiệu quả công tác thông tin, tuyên truyền của địa phương. Huyện ủy Mù Cang Chải Tổ chức giao ban định kỳ bằng hình thức trực tuyến giữa Thường trực Huyện ủy, các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Huyện ủy với cấp ủy cơ sở và Bí thư, phó bí thư các chi bộ trực thuộc đảng bộ cơ sở để nắm bắt tình hình; đồng thời, qua đó đề triển khai các nhiệm vụ về xây dựng Đảng, định hướng về tư tưởng, nhiệm vụ chính trị của địa phương ngay từ thôn, bản, tổ dân phố. Thành ủy Yên Bái Chỉ đạo ban hành các quyết định về thành lập Tổ kiểm tra,

việc của cấp ủy cơ sở và cấp trên trực tiếp cơ sở; tổng kết việc thực hiện các quy định của Ban Bí thư về mô hình và chức năng, nhiệm vụ của các mô hình tổ chức đảng; chủ động chỉ đạo hoàn thành sớm đại hội chi bộ trực thuộc đảng ủy trong toàn đảng bộ tỉnh so với kế hoạch đề ra; ban hành Đề án số 07-ĐA/TU về xây dựng chi bộ kiểu mẫu, phân đấu giai đoạn 2022-2025 duy trì 4% trở lên số chi bộ kiểu mẫu trong tổng số chi bộ của Đảng bộ tỉnh, đến nay đã có 99 chi bộ được công nhận đạt “chi bộ kiểu mẫu” (đạt 3,2% số chi bộ trong toàn tỉnh); ban hành quy định số 52-QĐ/TU về xây dựng “chi bộ bốn tốt”, “đảng bộ cơ sở bốn tốt” trong Đảng bộ tỉnh Yên Bái. Quan tâm nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, thực hiện nghiêm túc việc bí thư, phó bí thư dự sinh hoạt chi bộ khu dân cư theo quy định; đẩy mạnh triển khai thực hiện nền tảng số “Sổ tay đảng viên điện tử tỉnh Yên Bái” theo Đề án số 11-ĐA/TU ngày 28/10/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (đến nay có 91% đảng viên sử dụng thường xuyên, từng bước đưa sinh hoạt cấp ủy, sinh hoạt chi bộ đi vào nền nếp). Xây dựng Đề án số 14-ĐA/TU về thành lập chi bộ quân sự xã, phường, thị trấn bảo đảm trong tháng 7/2023, hoàn thành 100% việc thành lập chi bộ quân sự xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh. Công tác phát triển đảng viên được thường xuyên quan tâm, đã chỉ đạo xây dựng kế hoạch cụ thể, giao chỉ tiêu kết nạp đảng viên cho từng đảng bộ trực thuộc Đảng bộ tỉnh, trong đó có kết nạp đảng viên ở khu vực kinh tế tư nhân bảo đảm theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XIX và Chương trình hành động 114-CTr/TU về thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương khóa XIII. Từ đầu nhiệm kỳ đến tháng 12/2024 đã kết nạp được 7.845 đảng viên, đạt 87,17% mục tiêu nghị quyết đề ra, trong đó kết nạp đảng viên trong khu vực kinh tế tư nhân là 595 đảng viên, bình quân mỗi năm kết nạp 1.960 đảng viên, đạt trên 3% tổng số đảng viên trong toàn Đảng bộ tỉnh, đáp ứng mục tiêu Nghị quyết 21 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII đề ra. Bên cạnh đó thực hiện nghiêm túc việc rà soát, sàng lọc, đưa đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng theo tinh thần Chỉ thị số 28-CT/TW ngày 21/01/2019 của Ban Bí thư.

Chủ động lãnh đạo thực hiện tốt công tác chuẩn bị đại hội đảng bộ các cấp, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng; kịp thời ban hành Kế hoạch số 178-KH/TU về tổ chức đại hội chi bộ, đảng bộ các cấp trong Đảng bộ tỉnh Yên Bái tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng theo Chỉ thị số 35-CT/TW của

rà soát: Công tác tổ chức và công tác lưu trữ đối với các chi, đảng bộ cơ sở; hướng dẫn việc thực hiện ban hành, sửa đổi Quy chế làm việc của Đảng ủy các xã, phường và cấp ủy các cơ quan, đơn vị; rà soát quy trình kiểm điểm, xếp loại tổ chức đảng và đảng viên của các chi, đảng bộ cơ sở. Huyện ủy Văn Yên Ban hành Hướng dẫn số 22-HD/HU ngày 04/8/2021 kèm theo hệ thống mẫu biểu tổng hợp; mẫu nghị quyết, quyết định, bản kiểm điểm, bản nhận xét... nhằm hướng dẫn thống nhất, chi tiết, cụ thể, bảo đảm nguyên tắc, khách quan, thận trọng, chặt chẽ trong thực hiện về tiêu chí, quy trình rà soát, phát hiện....

Bộ Chính trị; ban hành Hướng dẫn số 05-HD/TU về một số nội dung công tác nhân sự cấp ủy các cấp, nhiệm kỳ 2025-2030 bảo đảm bao quát đầy đủ, toàn diện nội dung và cụ thể hóa phù hợp với điều kiện, tình hình thực tiễn của tỉnh. Quyết định thành lập Tiểu ban Nhân sự, Tiểu ban văn kiện và Tiểu ban Tuyên truyền, phục vụ và bảo vệ Đại hội để triển khai các nội dung chuẩn bị đại hội. Ban hành đồng bộ các kế hoạch phục vụ công tác đại hội¹³. Chỉ đạo xây dựng các dự thảo văn kiện trình đại hội và các báo cáo chuyên đề nghiên cứu tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX; tổng kết một số nghị quyết chuyên đề của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIX, nhiệm kỳ 2020-2025. Trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo công tác chuẩn bị đại hội đảng bộ các cấp, Tổ công tác của Ban Thường vụ Tỉnh do các đồng chí Thường trực Tỉnh ủy làm trưởng đoàn đã trực tiếp làm việc với 12 đảng bộ trực thuộc để cho định hướng, ý kiến đối với việc chuẩn bị văn kiện, phương án nhân sự đại hội cấp cơ sở, trên cơ sở nhiệm kỳ 2025-2030. Ban hành Kế hoạch, quyết định phân công Tổ công tác của Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo công tác chuẩn bị, tiến hành Đại hội điểm đảng bộ cấp cơ sở của tỉnh tại xã An Thịnh, huyện Văn Yên; đại hội điểm đảng bộ cấp huyện của tỉnh tại huyện Yên Bình.

5. Lãnh đạo thực hiện nghiêm túc, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật của Đảng

Thực hiện triển khai, phổ biến, quán triệt đầy đủ các văn bản về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật của Đảng theo tinh thần đổi mới, thiết thực, hiệu quả¹⁴; kịp thời cụ thể hoá văn bản để lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực

¹³ Kế hoạch tuyên truyền đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; Kế hoạch bảo vệ đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng; Kế hoạch theo dõi, nắm tình hình nhân dân đối với đại hội đảng bộ các cấp và tổng hợp ý kiến của nhân dân đóng góp vào các dự thảo văn kiện Đại hội XIV của Đảng, Đại hội XX Đảng bộ tỉnh.

¹⁴ Quy định số 24-QĐ/TW ngày 30/7/2021 của Ban Chấp hành Trung ương quy định về thi hành Điều lệ Đảng, Quy định số 22-QĐ/TW ngày 28/7/2021 của Ban Chấp hành Trung ương quy định về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng, Quy định số 37-QĐ/TW ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương quy định về những điều đảng viên không được làm; Quy định số 69-QĐ/TW ngày 06/7/2022 của Bộ Chính trị quy định về kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm; Quy định số 131-QĐ/TW ngày 27/10/2023 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng và trong hoạt động thanh tra, kiểm toán; Hướng dẫn số 01-HD/TW ngày 28/9/2021 của Ban Bí thư về một số vấn đề cụ thể thi hành Điều lệ Đảng; Hướng dẫn số 02-HD/TW ngày 09/12/2021 của Ban Bí thư hướng dẫn thực hiện một số nội dung Quy định số 22-QĐ/TW ngày 28/7/2021 của Ban Chấp hành Trung ương; Hướng dẫn số 02-HD/UBKTTW, ngày 29/11/2021 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương hướng dẫn thực hiện quy định số 37-QĐ/TW ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương; Hướng dẫn số 05-HD/UBKTTW ngày 22/11/2022 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương thực hiện một số điều trong Quy định số 69-QĐ/TW ngày 06/7/2022 của Bộ Chính trị quy định về kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm; Kết luận số 23-KL/TW ngày 10/12/2021 của Ban Bí thư về tiếp tục đẩy mạnh công tác luân chuyển cán bộ kiểm tra các cấp sang công tác ở các ngành, các cấp và luận chuyên cán bộ lãnh đạo, quản lý các ngành, các cấp về làm công tác kiểm tra, giám sát của Đảng; Kết luận số 345-KL/TW ngày 18/4/2022 của Bộ Chính trị về chiến lược công tác kiểm tra, giám sát của Đảng; Quyết định số 89-QĐ/TW ngày 01/12/2022 của Ban Bí thư quyết định ban hành quy trình kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng, giải quyết tố cáo, khiếu nại kỷ luật đảng của cấp ủy tỉnh và tương đương đến cơ sở; Quyết định số 354-QĐ/UBKTTW ngày 22/12/2022 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương quyết định ban hành các quy trình thực hiện kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng; Quyết định số 164-QĐ/TW ngày 06/6/2024 Quyết định ban hành quy trình giải quyết tố cáo đối với tổ chức đảng trực thuộc Trung ương và đảng viên là cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý; Quyết định số 165-QĐ/TW ngày 06/6/2024 của Bộ Chính trị ban hành quy trình xem xét, thi hành kỷ luật đối với tổ chức đảng, đảng viên thuộc thẩm quyền Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư; Quy định số 131-QĐ/TW ngày 27/10/2023 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham

hiện đồng bộ, thống nhất¹⁵. Tổ chức Hội nghị quán triệt, triển khai nhiệm vụ trọng tâm trong công tác kiểm tra, giám sát nhiệm kỳ 2020 - 2025 của Đảng bộ tỉnh tới các cấp uỷ, tổ chức đảng, uỷ ban kiểm tra cấp uỷ trực thuộc Tỉnh uỷ ngay từ đầu nhiệm kỳ để định hướng yêu cầu, nhiệm vụ công tác kiểm tra, giám sát cả nhiệm kỳ. Ban hành, chỉ đạo tổ chức thực hiện hiệu quả 09 quy định về phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng¹⁶. Đổi mới việc xây dựng chương trình kiểm tra, giám sát hằng năm đảm bảo thống nhất, định hướng giữa kiểm tra, giám sát của Đảng với thanh tra, kiểm toán của nhà nước, giám sát của hội đồng nhân dân, mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Trên cơ sở đó Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ban hành kết luận định hướng chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát, thanh tra hằng năm để tổ chức thực hiện. Thông qua định hướng xây dựng chương trình kiểm tra, giám sát, thanh tra chú trọng tập trung vào địa bàn, lĩnh vực nhạy cảm, phức tạp, tránh chồng chéo, trùng lặp về nội dung, thời gian, đối tượng kiểm tra, giám sát. Đồng thời lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện hoàn thành toàn diện chương trình kiểm tra, giám sát hằng năm đã đề ra. Tổ chức việc rà soát thực hiện các thông báo kết luận kiểm tra, giám sát của Tỉnh uỷ, Uỷ ban Kiểm tra Tỉnh uỷ trong nhiệm kỳ 2020-2025 và hằng năm để kết luận chỉ đạo, đôn đốc đối với các nhiệm vụ chưa hoàn thành; Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ban hành Đề án số 04-ĐA/TU, ngày 01/9/2021 về “*Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát trong Đảng bộ tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021-2025*” xác định rõ quan điểm, mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chung cho cả nhiệm

những, tiêu cực trong công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng và trong hoạt động thanh tra, kiểm toán; Quy định số 132-QĐ/TW ngày 27/10/2023 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án.

¹⁵ Quyết định số 830-QĐ/TU ngày 22/8/2023 ban hành quy trình kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng, giải quyết tố cáo của chi bộ; Quyết định số 841-QĐ/TU, ngày 28/8/2023 ban hành quy trình giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng của cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ từ tỉnh đến cơ sở; Chỉ thị số 43-CT/TU ngày 22/12/2023 về nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giám sát thường xuyên của các cấp uỷ, uỷ ban kiểm tra và các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc cấp uỷ các cấp trong Đảng bộ tỉnh Yên Bái. Chỉ đạo Uỷ ban Kiểm tra Tỉnh uỷ hướng dẫn Quy trình tạm thời kiểm tra tổ chức đảng, đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm; Quy trình tạm thời xem xét, thi hành kỷ luật đảng viên vi phạm pháp luật đã bị khởi tố và tạm giam; ban hành hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát của các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc cấp uỷ; ban hành các mẫu biểu kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng cho Đảng uỷ, Uỷ ban Kiểm tra Đảng uỷ và chi bộ (gồm chi bộ cơ sở và chi bộ trực thuộc đảng uỷ cơ sở); Quy định số 50-QĐ/TU ngày 15/4/2024 về kiểm soát quyền lực, phòng chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng và trong hoạt động thanh tra, kiểm toán trên địa bàn tỉnh Yên Bái; ...

¹⁶ Ban hành Quy định số 01-QĐ/TU ngày 15/4 /2021 quy định về phối hợp giữa Uỷ ban Kiểm tra Tỉnh uỷ với các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh uỷ; Quy định số 02-QĐ/TU ngày 15/4/2021 quy định về phối hợp giữa Uỷ ban Kiểm tra Tỉnh uỷ với Đảng đoàn Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, đảng đoàn các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh và Ban Thường vụ Tỉnh đoàn; Quy định số 03-QĐ/TU ngày 15/4/2021 quy định về phối hợp giữa Uỷ ban Kiểm tra Tỉnh uỷ với Đảng uỷ Quân sự tỉnh; Quy định số 04-QĐ/TU ngày 15/4/2021 quy định về phối hợp giữa Uỷ ban Kiểm tra Tỉnh uỷ với Đảng uỷ Công an tỉnh; Quy định số 05-QĐ/TU ngày 15/4/2021 quy định về phối hợp giữa Uỷ ban Kiểm tra Tỉnh uỷ với Ban cán sự đảng Tòa án nhân dân tỉnh, Ban cán sự đảng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh và Quy định số 07-QĐ/TU ngày 27/5/2021 về phối hợp giữa Uỷ ban Kiểm tra Tỉnh uỷ với thanh tra tỉnh trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng; Quy định số 12-QĐ/TU ngày 30/7/2021 về phối hợp giữa Uỷ ban Kiểm tra Tỉnh uỷ với Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh; Quy định số 13-QĐ/TU ngày 30/7/2021 về phối hợp giữa Uỷ ban Kiểm tra Tỉnh uỷ với Ban Cán sự đảng Uỷ ban nhân dân tỉnh trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng; Quy định số 19-QĐ/TW về phối hợp giữa Đảng uỷ công an tỉnh với các huyện, thị, thành uỷ trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật của đảng đối với tổ chức đảng, đảng viên trong công an huyện, thị xã, thành phố.

kỳ, bảo đảm đồng bộ, toàn diện, khắc phục hiệu quả, toàn diện hạn chế trong công tác kiểm tra, giám sát trong nhiệm kỳ 2015-2020; quan tâm kiện toàn tổ chức bộ máy Ủy ban kiểm tra, cơ quan ủy ban kiểm tra các cấp, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Từ đầu nhiệm kỳ đến nay, Ban Thường vụ Tỉnh ủy kiểm tra định kỳ đối với 42 tổ chức đảng, 188 cấp ủy viên; giám sát chuyên đề đối với 28 tổ chức đảng, 167 cấp ủy viên; kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm đối với 14 tổ chức đảng, 42 đảng viên (18 cấp ủy viên); quyết định thi hành kỷ luật đảng 04 tổ chức đảng (trong đó: Khiển trách 02 tổ chức đảng, cảnh cáo 02 tổ chức đảng); thi hành kỷ luật 27 đảng viên (25 cấp ủy viên), trong đó: Khiển trách 12 đảng viên, cảnh cáo 08 đảng viên, cách chức 03 đảng viên, khai trừ 04 đảng viên; trong nhiệm kỳ không phát sinh tố cáo, khiếu nại kỷ luật đảng thuộc thẩm quyền của Ban Thường vụ Tỉnh ủy giải quyết.

Lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra các cấp thực hiện tốt nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo quy định, hoàn thành đảm bảo chương trình kiểm tra, giám sát hằng năm. Kết quả: Các cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra các cấp kiểm tra định kỳ 6.486 tổ chức đảng, 11.658 đảng viên (5.720 cấp ủy viên); kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm 50 tổ chức đảng, 389 đảng viên (230 cấp ủy viên); giám sát chuyên đề 2.087 tổ chức đảng, 7.460 đảng viên (5.075 cấp ủy viên); giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng 01 đảng viên; giải quyết tố cáo 01 tổ chức đảng, 16 đảng viên; thi hành kỷ luật 16 tổ chức đảng (trong đó: khiển trách 10 tổ chức đảng, cảnh cáo 10 tổ chức đảng); thi hành kỷ luật 882 đảng viên (190 cấp ủy viên), trong đó: khiển trách 568 đảng viên, cảnh cáo 164 đảng viên, cách chức 07 đảng viên, khai trừ 150 đảng viên.

Qua kiểm tra định kỳ, giám sát chuyên đề nhìn chung các tổ chức đảng, đảng viên thực hiện cơ bản tốt nội dung được kiểm tra, giám sát. Qua kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm đã kết luận đúng đối tượng vi phạm, rõ hành vi, tính chất, mức độ sai phạm. Thực hiện thi hành kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm đảm bảo quy trình, nghiêm túc, khách quan, công tâm tạo sự đồng thuận, thống nhất cao.

Chỉ đạo cấp ủy, ủy ban kiểm tra cấp tỉnh, cấp huyện tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 56-QĐ/TW, ngày 08/02/2022 của Bộ Chính trị ban hành “Quy chế phối hợp giữa các cơ quan kiểm soát TSTN”; UBKT Trung ương ban hành Hướng dẫn số 03-QĐ/HDUBKTTW, ngày 03/11/2022 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương hướng dẫn thực hiện một số điều của “Quy chế phối hợp giữa các cơ quan kiểm soát TSTN”. Chỉ đạo Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy kiểm soát tài sản, thu nhập đối với 81 cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý công tác tại 38 cơ quan, đơn vị. Qua xác minh, các đồng chí thực hiện cơ bản tốt công tác kê khai tài sản, thu nhập theo quy định.

Quan tâm lãnh đạo việc phối hợp giữa kiểm tra, giám sát của Đảng với thanh tra, kiểm toán của Nhà nước và giám sát của cơ quan dân cử, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội, ngay từ đầu nhiệm kỳ Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành và chỉ đạo tổ chức thực hiện hiệu quả 09 quy định về phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng. Qua đó, việc phối hợp giữa kiểm tra, giám sát của Đảng với thanh tra, kiểm toán của Nhà nước và giám sát của cơ quan dân cử, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội ngày càng chặt chẽ, kịp thời, có sự chủ động, tích cực trong thực hiện các nội dung phối hợp; phương thức phối hợp từng bước được đa dạng hóa, phù hợp với điều kiện thực tế và chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị; hằng năm đều tổ chức hội nghị để thống nhất nhằm tham mưu cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành kết luận định hướng chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát, thanh tra đảm bảo không chồng chéo, trùng lặp trong công tác kiểm tra, giám sát của Đảng với thanh tra, kiểm toán của Nhà nước và giám sát của cơ quan dân cử, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội. Qua đó, đã góp phần quan trọng vào công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị, công tác xây dựng Đảng, đặc biệt là giải quyết kịp thời những vấn đề trong công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật của Đảng.

6. Công tác nội chính, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và công tác cải cách tư pháp được quan tâm, tăng cường

Công tác nội chính được Tỉnh ủy tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo; kịp thời cụ thể hóa, thể chế hóa các chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước thành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo phù hợp với điều kiện thực tiễn và triển khai thực hiện hiệu quả trên địa bàn tỉnh. Chỉ đạo các cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị, địa phương đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật liên quan đến lĩnh vực nội chính, tư pháp. Chú trọng công tác bảo vệ an ninh quốc gia trong tình hình mới; bảo đảm công tác an ninh chính trị nội bộ, an ninh kinh tế, an ninh văn hóa, tư tưởng, an ninh dân tộc, tôn giáo, an ninh mạng, ... gắn với tuyên truyền, đấu tranh, phản bác các luận điệu xuyên tạc, quan điểm sai trái, thù địch, thông tin xấu, độc trên internet, mạng xã hội. Lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện có hiệu quả phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; các nhiệm vụ phòng, chống vi phạm, tội phạm; bảo vệ an ninh, an toàn tuyệt đối các sự kiện lớn, các hoạt động văn hóa, chính trị diễn ra trên địa bàn tỉnh; chỉ đạo tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ tỉnh Yên Bái đạt loại Xuất sắc.

Tình hình an ninh, chính trị, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh tiếp tục ổn định; tội phạm, vi phạm pháp luật được kiểm chế, không có các điểm nóng về an ninh, trật tự. Lực lượng vũ trang tỉnh duy trì, thực hiện nghiêm chế

độ trực sẵn sàng chiến đấu; chất lượng tổng hợp, trình độ, khả năng sẵn sàng chiến đấu được nâng lên; lực lượng dân quân, tự vệ được củng cố; công tác giáo dục kiến thức quốc phòng - an ninh được quan tâm; công tác tuyển quân hằng năm bảo đảm chỉ tiêu, chất lượng, đúng luật. Lực lượng công an các cấp được tăng cường về số lượng, chất lượng. Các cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện tốt công tác phối hợp, bảo đảm các hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án tuân thủ quy định của pháp luật, không để xảy ra oan, sai, bỏ lọt tội phạm. Chỉ đạo thực hiện tốt công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và bảo vệ người tố cáo.

Công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực được đẩy mạnh. Tỉnh ủy đã tăng cường công tác phổ biến, quán triệt, tuyên truyền thực hiện nghiêm các chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; ban hành trên 40 văn bản chỉ đạo về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Triển khai thực hiện tốt các quy định của Trung ương về kiểm soát quyền lực để phòng chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác cán bộ; công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật, thanh tra, kiểm toán; trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án; xây dựng pháp luật; quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công; các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn; về bảo vệ người tố cáo, phản ánh về tham nhũng, lãng phí, tiêu cực... Thường xuyên rà soát, sửa đổi, khắc phục những sơ hở, bất cập về quy định, cơ chế, chính sách pháp luật có liên quan đến công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

Thành lập và phát huy vai trò của Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, tiêu cực tỉnh trong chỉ đạo kiểm tra, giám sát, thanh tra; đề cao trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; kịp thời chỉ đạo xử lý nghiêm các vụ án, vụ việc nghiêm trọng, phức tạp về tham nhũng, tiêu cực.

Chỉ đạo thực hiện các giải pháp phòng ngừa tham nhũng, tiêu cực; tập trung rà soát, sửa đổi bổ sung, ban hành các quy định về phòng chống tham nhũng, tiêu cực; kê khai, kiểm soát tài sản, thu nhập; chuyển đổi vị trí công tác. Chỉ đạo thực hiện nghiêm các quy định về tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo liên quan đến tham nhũng, tiêu cực.

Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, giám sát trong nội bộ nhằm phòng ngừa và kịp thời phát hiện, xử lý các hành vi tham nhũng, tiêu cực. Tiếp tục đưa nội dung kiểm tra, giám sát, thanh tra về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực vào chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát, thanh tra hằng năm. Qua công tác thanh tra đã chuyển 02 vụ việc có dấu hiệu tội phạm đến cơ

quan điều tra. Các cơ quan tiến hành tố tụng đã phát hiện, khởi tố 18 vụ/96 bị can về tội phạm tham nhũng, trong đó 15 vụ/50 bị can thuộc khu vực nhà nước, 03 vụ/46 bị can ngoài khu vực nhà nước; thu hồi 24,73 tỷ đồng/28,21 tỷ đồng bị thất thoát, chiếm đoạt (đạt tỷ lệ 87,66%).

Công tác cải cách tư pháp được quan tâm; các cấp ủy, tổ chức đảng đã ban hành 32 văn bản lãnh đạo, chỉ đạo về lĩnh vực tư pháp, bảo đảm các hoạt động tố tụng tuân thủ các quy định của pháp luật. Chỉ đạo nghiên cứu, tham gia xây dựng, hoàn thiện và tổ chức thực hiện các quy định pháp luật về hình sự, dân sự và tố tụng tư pháp; ban hành Chương trình hành động số 159-CTr/TU ngày 14/5/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới.

Các cơ quan tư pháp đã thực hiện toàn diện các chỉ tiêu theo chức năng, nhiệm vụ; tiếp tục củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; thực hiện nghiêm túc các quy chế phối hợp, tạo sự đồng bộ, thống nhất trong việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị. Cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc của các cơ quan tư pháp tiếp tục được quan tâm đầu tư, cơ bản đáp ứng nhu cầu làm việc của các cơ quan tư pháp. Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tiếp tục tăng cường hoạt động giám sát đối với công tác tư pháp. Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các nghị quyết, kết luận, kiến nghị sau giám sát.

7. Công tác dân vận của hệ thống chính trị; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc

Trong nhiệm kỳ, Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành đồng bộ 07 các văn bản¹⁷ (gồm các nghị quyết, chỉ thị, đề án) để lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện công tác dân vận sát với tình hình thực tiễn của tỉnh;

¹⁷ Chỉ thị số 09-CT/TU ngày 31/3/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của đảng đối với công tác tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn tỉnh Yên Bái trong tình hình mới; Quyết định số 300-QĐ/TU ngày 12/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Yên Bái về việc ban hành Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị tỉnh Yên Bái; Nghị quyết số 66-NQ/TU ngày 10/12/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Yên Bái về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận; Đề án số 13-ĐA/TU ngày 16/3/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Yên Bái về nâng cao chất lượng, hiệu quả phong trào thi đua “Dân vận khéo” trên địa bàn tỉnh Yên Bái, giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030; Đề án số 17-ĐA/TU ngày 24/8/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Yên Bái về đẩy lùi tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống trên địa bàn tỉnh Yên Bái, giai đoạn 2023-2025; Nghị quyết số 40-NQ/TU ngày 24/5/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 116-NQ/TU ngày 14/4/2023 về nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giám sát và phân biệt xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp tỉnh Yên Bái đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

thực hiện đầy đủ công tác tổ chức sơ kết, tổng kết các văn bản về công tác dân vận theo chỉ đạo của Trung ương¹⁸.

Các cấp ủy, tổ chức đảng ngày càng coi trọng việc lắng nghe, nắm tình hình và giải quyết nguyện vọng chính đáng của Nhân dân, Trong nhiệm kỳ, toàn tỉnh đã tổ chức được 385 hội nghị đối thoại trực tiếp, trực tuyến giữa người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp với nhân dân¹⁹. Nhận thức, hành động của người đứng đầu, toàn thể cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và Nhân dân về công tác dân vận có nhiều chuyển biến tích cực. Hệ thống dân vận các cấp đã phát huy vai trò chủ động, tích cực trong tham mưu, đề xuất, triển khai các nội dung chương trình công tác dân vận đảm bảo chất lượng. Nhân dân tin tưởng, đồng tình, ủng hộ, tích cực thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Kết quả thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở ở từng lĩnh vực có nhiều tiến bộ, đi vào nề nếp, tính công khai, minh bạch ngày càng được cải thiện. Thực hiện tốt phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”, bảo đảm quyền làm chủ của Nhân dân. Công tác dân vận của các cơ quan hành chính nhà nước được triển khai hiệu quả, gắn với cải cách hành chính, nâng cao sự hài lòng của Nhân dân.

Phong trào thi đua “Dân vận khéo” đã góp phần tích cực vào thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng – an ninh, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị của tỉnh. Toàn tỉnh hiện có trên 5.000 mô hình

¹⁸ Sơ kết 05 năm thực hiện Kết luận số 120-KL/TW, ngày 07/01/2016 của Bộ Chính trị về thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; tổng kết 10 năm thực hiện Kết luận số 08-KL/TW ngày 02/8/2011 của Ban Bí thư (khóa XI) về cốt cán tôn giáo; Báo cáo kết quả thực hiện Chỉ thị số 18 - CT/TW ngày 10/01/2018 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết 25 - NQ/TW ngày 12/3/2013 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về công tác tôn giáo trong tình hình mới. Báo cáo sơ kết 05 năm thực hiện Kết luận số 114-KL/TW về nâng cao hiệu quả công tác dân vận của cơ quan nhà nước các cấp; báo cáo sơ kết 05 năm triển khai, thực hiện Chỉ thị số 49-CT/TW, ngày 20/10/2015 về tăng cường và đổi mới công tác dân vận của Đảng ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số; báo cáo sơ kết 05 năm thực hiện Quyết định số 99-QĐ/TW của Ban Bí thư (khóa XII) ban hành Hướng dẫn khung đề các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương tiếp tục phát huy vai trò của Nhân dân trong đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Quyết định số 290-QĐ/TW, ngày 25/02/2010 của Bộ Chính trị về quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị; báo cáo tổng kết Đề án số 01-ĐA/TU ngày 25/8/2016 của Tỉnh ủy về “Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tín ngưỡng, tôn giáo tỉnh Yên Bái đến năm 2020, định hướng đến năm 2025”; báo cáo tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 12/3/2003 của BCH Trung ương khóa IX về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh; báo cáo tổng kết 25 năm thực hiện Chỉ thị số 62-CT/TW, ngày 08/11/1995 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VII) về tăng cường công tác người Hoa trong tình hình mới; Báo cáo tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 25/7/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và 10 năm thực hiện Kết luận số 80-KL/TW ngày 25/12/2013 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 08/01/2002 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác cựu chiến binh Việt Nam trong giai đoạn cách mạng mới; báo cáo sơ kết 05 năm thực hiện Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc trong tình hình mới.

¹⁹ Trong đó: cấp tỉnh 32 hội nghị; cấp huyện 113 hội nghị; cấp xã 240 hội nghị; tập trung chỉ đạo giải quyết các kiến nghị, phản ánh của nhân dân ngay từ cơ sở.

dân vận khéo hiệu quả đang được duy trì và làm điểm nhân rộng. Các mô hình hoạt động thiết thực, có tính bền vững và sức lan tỏa trên các lĩnh vực của đời sống xã hội, góp phần đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác dân vận theo phương châm “trọng dân, gần dân và có trách nhiệm với dân”.

Việc thực hiện chủ trương, chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng và Nhà nước, của tỉnh được nhân dân, đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào tôn giáo đồng thuận. Các dân tộc sinh sống trên địa bàn tỉnh bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp đỡ nhau cùng phát triển. Đồng bào các tôn giáo tin tưởng vào đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tích cực hưởng ứng và tham gia các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Các chương trình, chính sách, dự án về công tác dân tộc, tôn giáo tiếp tục được triển khai sâu rộng, đồng bộ, kịp thời. Phát huy vai trò làm chủ của đồng bào dân tộc thiểu số trong xây dựng đời sống văn hóa, xóa bỏ các hủ tục lạc hậu, giảm thiểu tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống, xuất cảnh trái phép; thực hiện tốt công tác bảo tồn và phát huy giá trị bản sắc hóa các dân tộc, xây dựng con người Yên Bái “thân thiện, nhân ái, đoàn kết, sáng tạo, hội nhập”.

8. Hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh có nhiều đổi mới, khoa học, mang tính thực tiễn

Công tác xây dựng, ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành và tổ chức triển khai thực hiện hoạt động đã được Đoàn ĐBQH tỉnh quan tâm thực hiện ngay từ đầu nhiệm kỳ, đảm bảo theo đúng các quy định của pháp luật, bám sát các Nghị quyết, chương trình, kế hoạch công tác của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Công tác xây dựng luật, pháp lệnh đã được Đoàn ĐBQH tỉnh triển khai thực hiện kịp thời, hiệu quả, việc tổ chức lấy ý kiến tham gia vào các dự án luật đã có sự đổi mới cả về hình thức và đối tượng lấy ý kiến; các đại biểu Quốc hội trong Đoàn đã tích cực, chủ động nghiên cứu, tham gia nhiều ý kiến có chất lượng được các cơ quan soạn thảo nghiêm túc tiếp thu, chỉnh sửa, bổ sung vào các dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội.

Hoạt động giám sát, khảo sát đã có nhiều đổi mới, được Đoàn ĐBQH tỉnh triển khai thực hiện đảm bảo theo đúng các quy định, từ đầu nhiệm kỳ đến nay đã hoàn thành 10 chuyên đề giám sát của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và 02 chuyên đề giám sát của Đoàn ĐBQH tỉnh; tổ chức triển khai thực hiện 04 cuộc khảo sát chuyên đề của Đoàn; tích cực, chủ động tham gia các đoàn giám sát, khảo sát của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội triển khai trên địa bàn tỉnh.

Hoạt động tiếp xúc cử tri được chú trọng, có nhiều đổi mới về cả hình thức và nội dung, được cử tri và nhân dân đánh giá cao, từ đầu nhiệm kỳ đến nay Đoàn ĐBQH tỉnh đã tổ chức 37 cuộc tiếp xúc cử tri với gần 11.000 lượt

cử tri của trên 140 xã, phường, thị trấn tham gia. Công tác tiếp công dân, tiếp nhận đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân đã được Đoàn ĐBQH tỉnh nghiêm túc thực hiện, đảm bảo đúng quy định của pháp luật, từ đầu nhiệm kỳ đến nay Đoàn ĐBQH tỉnh đã tiếp nhận 174 đơn thư, trong đó đã phân loại chuyển 22 đơn tới các cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết, xếp lưu 152 đơn do không thuộc thẩm quyền giải quyết.

9. Chú trọng đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp

Hội đồng nhân dân tỉnh đã triển khai thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 19-CT/TU ngày 17/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của HĐND các cấp tỉnh Yên Bái; phát huy mạnh mẽ nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật; chú trọng nâng cao chất lượng các kỳ họp, bảo đảm dân chủ, kịp thời ban hành toàn diện, đồng bộ hệ thống cơ chế, chính sách, đem lại hiệu quả thiết thực tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, từ đầu nhiệm kỳ đến nay, HĐND tỉnh đã tổ chức 19 kỳ họp, thông qua 280 nghị quyết. Hoạt động giám sát, khảo sát của HĐND tỉnh đã có nhiều đổi mới theo hướng giám sát thực tế tại cơ sở và tham vấn trực tiếp các đối tượng thụ hưởng chính sách, Hội đồng nhân dân, Thường trực HĐND và các Ban của HĐND đã tổ chức giám sát 28 chuyên đề²⁰; tăng cường hoạt động giám sát qua việc chất vấn, trả lời chất vấn tại các kỳ họp và tại phiên giải trình của Thường trực HĐND tỉnh. Hoạt động tiếp xúc cử tri được tổ chức theo quy định; tổng hợp đầy đủ các ý kiến, kiến nghị chính đáng của cử tri gửi HĐND tỉnh²¹, đồng thời có báo cáo giám sát việc giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri tại các kỳ họp thường lệ HĐND tỉnh. Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân được thực hiện kịp thời, đã tiếp tổng số 330 lượt, với 528 công dân đến khiếu nại, tố cáo tại Trụ sở tiếp công dân của tỉnh. Thường trực HĐND tỉnh tiếp nhận 232 đơn, trong đó đã xem xét chuyển đơn đến các ngành chức năng có thẩm quyền đề nghị giải quyết và lưu đơn để theo dõi theo quy định, góp phần củng cố niềm tin của cử tri và Nhân dân đối với cơ quan dân cử”.

²⁰ Giám sát, khảo sát thường xuyên về tình hình triển khai thực hiện nhiệm vụ chính trị hằng năm theo Chương trình hành động của Tỉnh ủy; Kế hoạch giảm nghèo bền vững; Nghị quyết của HĐND tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TU ngày 17/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh về thông qua Đề án nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của HĐND các cấp tỉnh Yên Bái, nhiệm kỳ 2021 -2026.

²¹ Các Tổ đại biểu HĐND tỉnh đã phối hợp với Thường trực HĐND, UBND và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp tổ chức 197 hội nghị tiếp xúc cử tri với hơn 21.000 lượt cử tri tham dự, đã có 770 lượt ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi đến HĐND tỉnh.

10. Tiếp tục đổi mới, nâng cao vai trò chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân và trách nhiệm thi hành của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân các cấp

Quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ 19, sự chỉ đạo của Chính phủ, từ đầu nhiệm kỳ đến nay, Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh đã lãnh đạo UBND tỉnh ban hành nhiều văn bản nâng cao chất lượng công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh và trách nhiệm thi hành của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND các cấp; về tăng cường công tác tham mưu, phối hợp, nâng cao tinh thần trách nhiệm của các sở, ban, ngành, địa phương trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao. Qua đó, hoạt động của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND các cấp đã có nhiều đổi mới, linh hoạt, bám sát chủ trương của Đảng, nghị quyết của HĐND cùng cấp, đề ra các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với nguồn lực và điều kiện thực tiễn của địa phương. Đồng thời, lãnh đạo UBND tỉnh ban hành nhiều đề án, chính sách để cụ thể hóa các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, của tỉnh về công tác xây dựng chính quyền, cải cách hành chính, đảm bảo thống nhất, đồng bộ, hiệu quả và phù hợp thực tiễn.

Tiếp tục thực hiện đồng bộ việc rà soát, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế các cơ quan, đơn vị theo tinh thần Nghị quyết của Đảng, sự chỉ đạo của Chính phủ²² bảo đảm tinh gọn bộ máy, biên chế, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị, vừa đảm bảo sự ổn định, không làm ảnh hưởng đến hoạt động của các cơ quan, đơn vị, tổ chức. Tăng cường kiểm tra việc thực hiện chế độ công vụ, công chức; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh, uốn nắn các trường hợp những nhiều, gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp; lề lối, tác phong, tinh thần trách nhiệm, thái độ trong thực thi nhiệm vụ và phục vụ nhân dân được nâng lên, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức “chuyên nghiệp, năng động, sáng tạo, liêm chính”, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hệ thống chính trị, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp các đơn vị hành chính (ĐVHC) cấp huyện, cấp xã; Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030; Nghị quyết số

²² Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII và Nghị định số 62/2020/NĐ-CP, ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức; chỉ đạo UBND tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt Đề án về thực hiện hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, số lượng cấp phó theo quy định tại Nghị định số 120/2020/NĐ-CP của Chính phủ (Quyết định số 1494/QĐ-UBND ngày 22/7/2021 của UBND tỉnh); Quyết định phê duyệt Đề án về thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, số lượng cấp phó theo quy định tại Nghị định số 107/2020/NĐ-CP, Nghị định số 108/2020/NĐ-CP của Chính phủ và phương án sắp xếp công chức có trình độ, chuyên ngành chưa phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm theo Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh (Quyết định số 1466/QĐ-UBND ngày 20/7/2021 của UBND tỉnh) và các Quyết định phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại, giải thể một số cơ quan đơn vị theo Nghị định số 120/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030; Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 30/7/2023 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025 và các Văn bản của Thủ tướng Chính phủ, Bộ, ngành Trung ương. Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh đã chỉ đạo quán triệt đầy đủ, kịp thời chủ trương của Bộ Chính trị, Quốc hội, Chính phủ sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030; đồng thời, quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan, ban, ngành cấp tỉnh và các địa phương tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ, kết quả sắp xếp ĐVHC cấp xã giai đoạn 2023-2025 tỉnh Yên Bái có 12 ĐVHC cấp xã thuộc diện phải sắp xếp, trong đó: sắp xếp 10 ĐVHC, 02 ĐVHC có yếu tố đặc thù nên không thực hiện sắp xếp.

Đẩy mạnh phân cấp về thẩm quyền, tăng tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm gắn với phát huy mạnh mẽ vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương, nâng cao khả năng chủ động, tích cực và hiệu quả hoạt động của các cơ quan, đơn vị bằng việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung về quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh; sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 106/2016/QĐ-UBND của UBND tỉnh về việc ban hành danh mục tài sản mua sắm tập trung và giao nhiệm vụ mua sắm tập trung trên địa bàn tỉnh Yên Bái; ban hành quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Yên Bái; Quy định về phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, các Hội có tính chất đặc thù từ cấp huyện trở lên, người giữ chức danh quản lý tại doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn góp của nhà nước tỉnh Yên Bái...

Công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, góp phần tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh với nhiều thành tích nổi bật²³. Cụ thể hóa triển khai xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số theo tinh thần Nghị quyết số 51-NQ/TU ngày 22/7/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIX đạt nhiều kết quả tích cực; hiện nay có 81,7% số nhà văn hóa các thôn, bản, tổ dân phố có sóng Wifi. Đến năm 2025, 100% số thôn, bản có điện lưới quốc gia được phủ sóng internet

²³ Năm 2021: Chỉ số CCHC (PAR INDEX) tỉnh Yên Bái xếp thứ 21/63 tỉnh, thành phố, tăng 03 bậc so với năm 2020; Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính (SIPAS) xếp hạng thứ 14/63 tỉnh, thành, tăng 02 bậc so với năm 2020; Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) thuộc nhóm "Trung bình cao". Năm 2022: Chỉ số CCHC tỉnh Yên Bái xếp thứ 14/63 tỉnh, thành phố, tăng 07 bậc so với năm 2021; Chỉ số SIPAS xếp hạng thứ 11/63 tỉnh, thành phố, tăng 03 bậc so với năm 2021; Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) tiếp tục duy trì ở nhóm "Trung bình cao". Năm 2023: Chỉ số CCHC tỉnh Yên Bái xếp thứ 10/63 tỉnh, thành phố, tăng 04 bậc so với năm 2022; Chỉ số SIPAS xếp hạng thứ 09/63 tỉnh, thành phố, tăng 02 bậc so với năm 2022; Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) tiếp tục duy trì ở nhóm "Trung bình cao".

(10% số xã, phường, thị trấn có sóng 5G); cơ bản 100% người dân được nghe, xem phát thanh, truyền hình; 87 thuê bao điện thoại/100 dân; 90 thuê bao Internet/100 dân.

Văn hóa - xã hội được quan tâm chăm lo, có nhiều tiến bộ; chỉ số hạnh phúc của Nhân dân không ngừng được nâng lên; tích cực đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp dạy - học từ truyền thống sang phương pháp giảng dạy tích cực, gắn với xây dựng “trường học hạnh phúc”, “trường học chuyển đổi số”, Công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân có nhiều tiến bộ, đổi mới mạnh cơ chế quản lý chuyên nghiệp, hiện đại, “lấy người bệnh làm trung tâm, chủ thể” gắn với gia tăng tỷ lệ tự chủ tài chính các cơ sở y tế công lập; các hoạt động văn hóa, thể thao, thông tin, truyền thông ngày chuyên nghiệp, chất lượng, hiệu quả, thiết thực nâng cao chỉ số hạnh phúc cho nhân dân; quan tâm công tác nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác hỗ trợ giải quyết việc làm, bảo đảm an sinh, phúc lợi xã hội, giảm nghèo nhanh, bền vững. Quản lý hiệu quả và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, quyền được sinh hoạt tôn giáo của nhân dân, các tôn giáo cơ bản hoạt động đúng hiến chương, điều lệ, tôn chỉ, mục đích và quy định của pháp luật.

Trong lãnh đạo, chỉ đạo công tác ứng phó, khắc phục hậu quả cơn bão số 3 (YAGI): Đã chủ động chỉ đạo từ sớm, từ xa, huy động cả hệ thống chính trị ứng phó và khắc phục mưa bão; đã di dời khẩn cấp 21.223 hộ dân ra khỏi vùng nguy hiểm; Tập trung nhân lực, vật lực vệ sinh môi trường, kiểm soát dịch bệnh, khắc phục cơ sở hạ tầng, đến nay đã cơ bản ổn định. Thực hiện tốt an sinh xã hội, đảm bảo lương thực thực phẩm, nước uống, xăng dầu, vật tư, y tế. Kịp thời trình hội đồng nhân dân tỉnh ban hành 02 nghị quyết²⁴ giúp Nhân dân sớm khôi phục sản xuất và ổn định cuộc sống. Tập trung triển khai các giải pháp, huy động lòng ghép các nguồn lực để khắc phục cơn bão số 3, đến nay đã phân bổ cho các địa phương, đơn vị 306 tỷ đồng; các địa phương, đơn vị mới phân bổ 214 tỷ đồng (đạt 70%), đã giải ngân 156 tỷ đồng (đạt 73% kinh phí phân bổ). Kịp thời di dời, có phương án bố trí tái định cư, thực hiện các thủ tục về đất đai cho các hộ dân bị ảnh hưởng để làm nhà, đến nay, đã hoàn thành 466 nhà, đã khởi công 764 nhà; đã hỗ trợ được 1.496/1.523 nhà (đạt 98%); hỗ trợ kinh phí từ các nguồn là 97,986 tỷ (trong đó ngân sách và nguồn MTTQ là 81,570 tỷ), đã giải ngân 77,310/81,570 tỷ, đạt 95%; Đã cấp gạo 343 tấn gạo cho các địa phương để hỗ trợ cho các hộ dân bị ảnh hưởng của bão số 3. Chỉ đạo UBND tỉnh đã ban hành Lệnh xây dựng khẩn cấp và cho phép chuẩn bị đầu tư 78 dự án, kinh phí 741,5 tỷ đồng.

²⁴ (1) Nghị quyết hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh, sinh viên đang học tại các cơ sở giáo dục công lập năm học 2024 - 2025; (2) Nghị quyết quy định một số nội dung và mức hỗ trợ thiệt hại sản xuất nông nghiệp do ảnh hưởng của bão số 3 năm 2024.

11. Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc; phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội

Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội các cấp đã bám sát nhiệm vụ chính trị của địa phương, phát huy vai trò, chức năng theo quy định; tăng cường củng cố mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân tộc thông qua việc thực hiện đa dạng hoá các hình thức tuyên truyền, vận động, tập hợp đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân, nhất là việc phát triển tổ chức đoàn, tổ chức hội và phát triển đoàn viên, hội viên²⁵.

Làm tốt công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên, đồng bào các dân tộc, tôn giáo và nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; đoàn kết giúp đỡ nhau phát triển kinh tế, xoá đói giảm nghèo xây dựng đời sống văn hoá, nâng cao chỉ số hạnh phúc của người dân, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; đấu tranh làm thất bại âm mưu của các thế lực thù địch. Qua đó nhân dân các dân tộc trong tỉnh luôn tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động do Đảng và Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc phát động, huy động được sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh²⁶, từng bước xây dựng được các mô hình hay, cách làm sáng tạo thu hút đông đảo sự tham gia của đoàn viên, hội viên và nhân dân²⁷.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm, kết quả nổi bật và nguyên nhân

1.1. Ưu điểm, kết quả nổi bật

- Công tác giáo dục chính trị tư tưởng có sự chuyển biến tích cực, góp phần tạo sự thống nhất trong Đảng và đồng thuận trong xã hội; trong đó, việc

²⁵ Hội Nông dân tỉnh kết nạp mới ... hội viên, nâng tổng số hội viên lên 120.827 người, chiếm 86% số hộ nông nghiệp trên địa bàn tỉnh. Liên đoàn lao động tỉnh thành lập mới ... Công đoàn cơ sở khu vực ngoài nhà nước, phát triển mới 43.720 đoàn viên, chiếm 97%. Hội Cựu Chiến binh tỉnh kết nạp được trên ... hội viên mới, nâng tổng số hội viên lên 38.022, chiếm 96%. Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh đã phát triển thêm hội viên, nâng tổng số hội viên phụ nữ toàn tỉnh lên 174.217 hội viên, chiếm 69%. Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh đã kết nạp mới ... đoàn viên nâng số đoàn viên, hội viên lên 130.127 đoàn viên, hội viên, chiếm 70,4%.

²⁶ Từ đầu nhiệm kỳ đến nay, MTTQ, tổ chức chính trị - xã hội các cấp vận động Nhân dân tự nguyện hiến hàng trăm nghìn m² đất, 470.000 ngày công, ủng hộ số tiền trên 100 tỷ đồng để xây dựng nhà văn hóa thôn và đồ bê tông đường giao thông nông thôn; vận động Nhân dân phát huy tinh thần tự quản xây dựng và duy trì 1.319 tuyến đường "Thấp sáng đường quê"; chăm sóc 853 tuyến đường hoa với 581,26 km; duy trì việc quét dọn, vệ sinh môi trường tại 1.318 tuyến đường giao thông nông thôn..

²⁷ Hội phụ nữ với mô hình "Câu lạc bộ gia đình hạnh phúc"; Đoàn Thanh niên phối hợp với ngành Giáo dục xây dựng "Trường học hạnh phúc"; Hội Nông dân với mô hình "Câu lạc bộ nông dân hạnh phúc", "Chi hội nông dân hạnh phúc"; Liên đoàn Lao động với mô hình xây dựng "Công đoàn cơ sở hạnh phúc". MTTQ cấp huyện bám sát nhiệm vụ của địa phương, tham mưu cho cấp ủy phát động các phong trào thi đua, cụ thể như huyện Văn Yên với phong trào "Lắng nghe dân nói và xây dựng văn hóa giữ gìn vệ sinh, môi trường sống"; huyện Yên Bình với Cuộc vận động thực hiện "06 không, 06 sạch"; huyện Mù Cang Chải với mô hình "Đồi cây kỷ niệm, đồi cây hạnh phúc", ra mắt mô hình thôn, bản hạnh phúc...

tuyên truyền, học tập, quán triệt, triển khai, tổ chức thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng được các cấp ủy quan tâm; việc đổi mới xây dựng, ban hành nghị quyết, kết luận, chương trình, kế hoạch công tác được chú trọng, bảo đảm phù hợp với tình hình thực tiễn.

- Việc triển khai học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị và các phong trào thi đua yêu nước ở nhiều đơn vị, địa phương đã tạo được sự chuyển biến tích cực trên các mặt công tác và các lĩnh vực của đời sống xã hội.

- Kịp thời tổng kết, đánh giá và thực hiện nghiêm túc, hiệu quả việc sắp xếp tổ chức, bộ máy, tinh giản biên chế trong hệ thống chính trị theo đúng chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương. Việc cụ thể hóa văn bản lãnh đạo, chỉ đạo về công tác cán bộ được thực hiện bài bản, khoa học; công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ có chuyển biến tích cực, ngày càng đi vào nền nếp và chặt chẽ hơn, từng bước khắc phục được bất cập, hạn chế trong công tác cán bộ; công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ được quan tâm, chú trọng; chất lượng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ chủ chốt các cấp được nâng lên, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức trong sáng, có trách nhiệm và động cơ đúng đắn, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Phương thức, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng ngày càng được đổi mới, nâng cao; vai trò, trách nhiệm cá nhân người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị được phát huy mạnh mẽ; tăng cường đoàn kết thống nhất trong Đảng, huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị.

- Công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng được chú trọng, tăng cường; kịp thời ban hành, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hệ thống các văn bản về công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở tạo điều kiện thuận lợi cho cấp ủy, tổ chức đảng và ủy ban kiểm tra các cấp triển khai thực hiện nhiệm vụ trong tình hình mới; chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng được nâng cao, góp phần giữ nghiêm kỷ luật đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các cấp ủy, tổ chức đảng, đảng viên, xây dựng Đảng bộ tỉnh ngày càng trong sạch, vững mạnh.

- Hoạt động của các cơ quan tư pháp tiếp tục được triển khai mạnh mẽ; nhận thức, ý thức tôn trọng, chấp hành pháp luật của cán bộ, đảng viên, nhân dân được nâng lên. Công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí được quan tâm thực hiện nghiêm túc.

- Công tác dân vận của hệ thống chính trị có bước tiến bộ, thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức cho nhân dân trong việc chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tạo sự đồng thuận trong nhân dân.

- Công tác xây dựng Đảng về đạo đức gắn với thực hiện trách nhiệm nêu gương đạt kết quả tích cực; việc tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trở thành việc làm thường xuyên của các cấp ủy. Việc xây dựng kế hoạch và tập trung chỉ đạo thực hiện các nội dung đột phá, trọng tâm trong học tập và làm theo Bác gắn với xây dựng kế hoạch khắc phục khuyết điểm, hạn chế dần đi vào nền nếp tạo chuyển biến tích cực trong thực hiện nhiệm vụ chính trị.

- Công tác chỉ đạo, quản lý, điều hành của các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị không ngừng được đổi mới, ngày càng hoạt động hiệu quả. Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh chủ động thực hiện tốt nhiệm vụ, chương trình công tác theo quy định. Hoạt động của HĐND các cấp có nhiều đổi mới, tham gia hiệu quả vào lãnh đạo, giám sát việc triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước. Công tác chỉ đạo, điều hành, quản lý của UBND các cấp được đổi mới theo hướng dân chủ, minh bạch, quyết liệt, kỷ cương, sâu sát, hiệu quả.

Chất lượng, hiệu quả văn hóa - xã hội có nhiều tiến bộ, bảo đảm mọi người dân đều được chăm lo, thụ hưởng các chế độ, chính sách an sinh, phúc lợi xã hội; gìn giữ và phát huy giá trị bản sắc văn hóa tốt đẹp của đồng bào các dân tộc, xây dựng hình ảnh con người Yên Bái "*thân thiện, nhân ái, đoàn kết, sáng tạo, hội nhập*". Giảm nghèo nhanh, bền vững với nhiều cách làm sáng tạo, hiệu quả; đời sống nhân dân tiếp tục được cải thiện.

- Vị trí, vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội được phát huy; nội dung, phương thức hoạt động có nhiều đổi mới, hướng mạnh về cơ sở; qua đó khơi dậy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân, sự đồng thuận của nhân dân góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của địa phương.

1.2. Nguyên nhân đạt được những ưu điểm, kết quả nổi bật:

- Tập thể Thường trực, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh có bản lĩnh, đoàn kết, thống nhất, lãnh đạo sáng suốt, hiệu quả, có nhiều đổi mới trong lãnh đạo, chỉ đạo với quyết tâm chính trị cao; đồng thời, có sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, sự ủng hộ, đồng tình của nhân dân các dân tộc trong tỉnh.

- Nhận thức của các cấp ủy, tổ chức đảng, đảng viên về ý nghĩa, tầm quan trọng và sự cần thiết phải tăng cường công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong tình hình mới được nâng lên.

- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của cấp ủy, chính quyền có nhiều chủ động, tích cực trong phối hợp tham mưu, triển khai thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao; thường xuyên hướng dẫn kiểm tra, đôn đốc, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

2. Hạn chế, khuyết điểm và nguyên nhân

2.1. Hạn chế, khuyết điểm

- Việc học tập, quán triệt, triển khai thực hiện nghị quyết của Đảng có nơi, có thời điểm chưa kịp thời, chưa sát tình hình, đặc điểm của địa phương, cơ quan, đơn vị. công tác cụ thể hóa chương trình, kế hoạch của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy trong thực hiện nghị quyết, kết luận của Trung ương về xây dựng chính đồn Đảng gắn với thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW ở một số cấp ủy cơ sở có mặt còn hạn chế; chưa thật chủ động, sáng tạo trong việc đề ra giải pháp thực hiện sát với thực tế địa phương, cơ quan, đơn vị và những khuyết điểm, hạn chế đã được chỉ ra sau kiểm điểm tự phê bình và phê bình.

- Việc khắc phục khuyết điểm, hạn chế sau kiểm điểm hằng năm theo yêu cầu Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII gắn với thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị ở một số cấp ủy, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị chưa sát sao, nghiêm túc, quyết liệt; Việc đưa nội dung học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Chủ tịch Hồ Chí Minh, đấu tranh ngăn chặn các biểu hiện suy thoái về tư tưởng, đạo đức, lối sống và nêu gương của cán bộ, đảng viên vào sinh hoạt chi bộ còn có mặt chưa đáp ứng yêu cầu; nội dung, hình thức, chất lượng sinh hoạt cấp ủy, sinh hoạt chi bộ ở một số nơi còn chậm đổi mới, công tác đấu tranh tự phê bình và phê bình của một số cấp ủy, tổ chức đảng, đảng viên còn hạn chế.

- Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng còn có nơi thiếu thường xuyên; công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch có mặt còn hạn chế; việc nắm bắt, định hướng dư luận có lúc, có nơi chưa kịp thời.

- Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của một số cấp ủy, tổ chức đảng, nhất là ở cơ sở có mặt còn hạn chế, mức độ chuyển biến chậm, không đồng đều giữa các loại hình tổ chức đảng; chưa chủ động sáng tạo, đột phá trong lãnh đạo tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị; công tác cán bộ vẫn còn những hạn chế, bất cập, nhất là việc đánh giá cán bộ; trình độ, năng lực, phẩm chất đạo đức, uy tín của một bộ phận cán bộ lãnh đạo, quản lý một số cấp ủy, chính quyền, địa phương, cơ sở còn hạn chế, chưa ngang tầm nhiệm vụ. Vai trò tiên phong, gương mẫu của một bộ phận cán bộ, đảng viên, trong đó có cán bộ lãnh đạo, quản lý chưa được phát huy đầy đủ; một số cán bộ lãnh đạo ngành, địa phương vi phạm phải xử lý kỷ luật, xử lý hình sự.

- Một số cấp ủy, ủy ban kiểm tra chưa chủ động trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát; thiếu quyết liệt, ngại va chạm, chất lượng, hiệu quả kiểm tra, xử lý và tham mưu xử lý vi phạm còn hạn chế. Công tác giám sát thường

xuyên, nắm tình hình của một số đồng chí cấp uỷ viên đối với hoạt động của cấp uỷ, tổ chức đảng được phân công phụ trách còn có thời điểm chưa chủ động, hiệu quả chưa cao. Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Đề án số 04-ĐA/TU ngày 01/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về “*Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát trong Đảng bộ tỉnh, giai đoạn 2021-2025*” kết quả còn có mặt hạn chế.

- Công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, có mặt chưa hiệu quả; việc phát hiện các vụ việc có dấu hiệu vi phạm qua công tác kiểm tra, thanh tra để chuyển cơ quan điều tra xử lý còn hạn chế; một số biện pháp phòng ngừa tham nhũng chưa được thực hiện nghiêm túc, quyết liệt; việc tự phát hiện tham nhũng, tiêu cực tại cơ quan, đơn vị, địa phương còn yếu. Kết quả cải cách tư pháp chưa rõ nét, vẫn còn một số vụ án về kinh tế, tham nhũng sau xét xử còn có kháng cáo, kháng nghị.

- Nhận thức của một bộ phận cán bộ, đảng viên, nhân dân về công tác dân vận chưa thực sự đầy đủ, sâu sắc; công tác tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tham gia thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn an ninh chính trị chưa có nhiều đổi mới rõ nét, có mặt hạn chế; việc nắm bắt, dự báo tình hình để kịp thời giải quyết những khó khăn vướng mắc trong nhân dân một số thời điểm chưa kịp thời; việc phát hiện, tuyên truyền, nhân rộng mô hình “Dân vận khéo” ở một số cơ quan, đơn vị cơ sở chưa tạo được sức lan tỏa sâu rộng.

- Hiệu lực, hiệu quả công tác giám sát của HĐND các cấp có mặt còn hạn chế, hiệu lực, hiệu quả chưa cao; việc đề xuất, lựa chọn các nội dung thảo luận, chất vấn còn chưa sát với tình hình thực tế phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, các vấn đề được nhiều đại biểu HĐND, cử tri quan tâm. Công tác quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực có mặt chưa đáp ứng yêu cầu; việc thể chế hoá, cụ thể hoá một số chủ trương, nghị quyết của cấp uỷ ở một số cơ quan, đơn vị còn chậm, chưa đồng bộ và chất lượng chưa cao; việc chỉ đạo điều hành ở một số cơ quan, đơn vị, địa phương có việc, có thời điểm còn thiếu chủ động, thiếu quyết liệt; cải cách chế độ công vụ, công chức, cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh còn có mặt bất cập; chất lượng, tiến độ xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật của một số cơ quan còn hạn chế; thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông ở một số cơ quan hiệu quả chưa cao; thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp công lập còn chậm.

- Hoạt động của chính quyền còn một số bất cập, quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực còn hạn chế; quản lý đầu tư xây dựng các công trình, dự án đầu tư công còn hạn chế, nhất là trong giải phóng mặt bằng, thi công các công

trình; quản lý đất đai, tài nguyên, bảo vệ môi trường còn bất cập; tình trạng vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường còn diễn biến phức tạp, nhất là trong khai thác, chế biến khoáng sản và chế biến nông, lâm sản; năng lực dự báo, cảnh báo, phòng chống thiên tai có mặt còn yếu; chính quyền cơ sở ở một số nơi chưa kịp thời nắm bắt và giải quyết theo thẩm quyền các vấn đề phát sinh, gây bức xúc trong nhân dân.

- Việc đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội còn chậm so với yêu cầu; hiệu quả công tác tuyên truyền, vận động, tập hợp đoàn kết, thuyết phục có mặt còn hạn chế. Công tác giám sát của Mặt trận ở một số địa phương đối với cán bộ, đảng viên, giám sát hoạt động của các cơ quan Nhà nước, các chương trình kinh tế - xã hội ở địa bàn dân cư còn lúng túng, hiệu quả chưa cao; phản biện xã hội chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đề ra.

2.2. Nguyên nhân của hạn chế, khuyết điểm

2.2.1. *Nguyên nhân khách quan:* Yên Bái là tỉnh miền núi nội địa, đa dân tộc, địa hình phức tạp, chia cắt, thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh; nhất là ảnh hưởng nghiêm trọng, nhiều mặt từ dịch bệnh Covid 19 và hoàn lưu cơn Bão số 3 (Yagi); quy mô nền kinh tế nhỏ, sức cạnh tranh thấp, nguồn lực đầu tư còn hạn chế, kết cấu hạ tầng chưa phát triển đồng bộ; tỷ lệ hộ nghèo cao... Do đó, ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị.

2.2.2. Nguyên nhân chủ quan:

(1) Một số cấp ủy, tổ chức đảng, người đứng đầu chưa nhận thức đầy đủ, sâu sắc về ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác xây dựng Đảng; một số nơi, người đứng đầu chưa phát huy hết tinh thần trách nhiệm, thiếu bản lĩnh, thiếu gương mẫu, ngại khó, ngại khổ, trông chờ, ỷ lại, chưa thực sự sâu sát cơ sở.

(2) Năng lực cụ thể hóa và lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ của một số cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền còn hạn chế, chậm đổi mới, chưa chủ động, sâu sát, thiếu quyết liệt; công tác kiểm tra, đôn đốc giám sát việc triển khai thực hiện nhiệm vụ còn chưa thực sự sát sao.

(3) Sự phối hợp giữa các cấp ủy, tổ chức đảng có lúc, có nơi chưa chặt chẽ, hiệu quả chưa cao; việc phân định trách nhiệm của người đứng đầu trong mối quan hệ với cấp ủy và tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị chưa rõ ràng.

(4) Năng lực, trình độ, phẩm chất đạo đức, uy tín của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức các cấp chưa đáp ứng được yêu cầu.

III. MỘT SỐ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

Một là, luôn kiên định nền tảng tư tưởng của Đảng, chấp hành nghiêm các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các quy định, quy chế, nhất là quy chế làm việc.

Hai là, không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết, thống nhất trong Đảng, hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết toàn dân, trước hết là đoàn kết, thống nhất trong Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Thường trực Tỉnh ủy.

Ba là, trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ phải có quyết tâm chính trị cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, đồng bộ, kịp thời, có tư duy đổi mới, sáng tạo; cách làm bài bản, dân chủ, chắc chắn, khoa học và có lộ trình, bước đi phù hợp; kiên trì, cầu thị, lắng nghe; không chủ quan, nóng vội, mất cảnh giác và không tự mãn với thành tích đạt được. Đối với những việc khó, việc mới, phức tạp thì tiến hành thí điểm để tìm ra cách làm phù hợp, hiệu quả nhất. Kết hợp chặt chẽ, khoa học, hợp lý giữa lãnh đạo, chỉ đạo với hướng dẫn, đôn đốc, phối hợp; tăng cường phân cấp, phân quyền đi đôi với kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực.

Bốn là, phải quan tâm xây dựng và tạo nguồn, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ các cấp trong hệ thống chính trị đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới; đồng thời, phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu, đề cao tính chủ động, tích cực, trách nhiệm nêu gương, tinh thần trách nhiệm, dám nghĩ dám làm, dám chịu trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, đặc biệt là người đứng đầu. Đồng thời, tăng cường kiểm tra, giám sát, phát hiện kịp thời, xử lý nghiêm các vi phạm; chủ động các giải pháp phòng ngừa tham nhũng, xử lý kịp thời, đúng pháp luật các hành vi tham nhũng để giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

Năm là, cần tăng cường công tác dân vận, phát huy hơn nữa vai trò, trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức đoàn thể trong việc tập hợp, đoàn kết, tuyên truyền, vận động quần chúng; thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tạo điều kiện, khuyến khích cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân tham gia xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị. Thực hiện nghiêm túc quan điểm “dân là gốc”, phát huy quyền làm chủ của nhân dân; thực sự lắng nghe, tiếp thu ý kiến của nhân dân, doanh nghiệp qua nhiều kênh thông tin để nâng cao hiệu quả phục vụ.

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ GIAI ĐOẠN 2026-2030

Những năm tới, tình hình thế giới và khu vực tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường. Đối với nước ta, sau 40 năm đổi mới, thế và lực, uy tín quốc tế của đất nước ngày càng được nâng cao; tuy nhiên, cuộc Cách mạng công nghiệp

lần thứ tư tác động trên nhiều phương diện, vừa là cơ hội nhưng cũng là thách thức đối với nền kinh tế trong nước; các thế lực thù địch tiếp tục tăng cường chống phá Đảng, Nhà nước; thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu ngày càng phức tạp.

Đối với tỉnh Yên Bái, tình hình chính trị - xã hội tiếp tục ổn định; quan hệ hợp tác phát triển giữa tỉnh Yên Bái với các tỉnh, thành phố trong khu vực và cả nước được thúc đẩy và mở rộng; Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ tiếp tục quan tâm, có cơ chế, chính sách phù hợp, thiết thực, tạo điều kiện thuận lợi cho tỉnh phát triển. Tuy nhiên, những ảnh hưởng bất lợi từ tình hình thế giới, cùng những khó khăn chung của đất nước, tội phạm trên không gian mạng, tác động của biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh... là những khó khăn, thách thức lớn đối với công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị của giai đoạn 2025-2030.

Vì vậy, cần tiếp tục đặc biệt coi trọng, tập trung thực hiện tốt các giải pháp xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị tỉnh Yên Bái thật sự trong sạch, vững mạnh, gắn bó mật thiết với nhân dân, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, quyết tâm thực hiện mục tiêu Đại hội Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2025-2030.

I. PHƯƠNG HƯỚNG

Cải tiến phương thức lãnh đạo của Đảng, xây dựng Đảng bộ, hệ thống chính trị ngày càng trong sạch, vững mạnh; đổi mới mạnh mẽ phương thức, vai trò lãnh đạo tuyệt đối, toàn diện của các cấp ủy đảng. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp ngang tầm nhiệm vụ; phát huy trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là đội ngũ lãnh đạo, quản lý trong hệ thống chính trị. Tăng cường mối quan hệ gắn bó mật thiết với nhân dân, củng cố và nâng cao niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh.

Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp, các cơ quan tư pháp, gắn với xây dựng chính quyền điện tử. Tăng cường vai trò, nòng cốt chính trị của MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc; phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị, sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân, đáp ứng yêu cầu đổi mới, hội nhập và phát triển, góp phần đưa đất nước vào kỷ nguyên phát triển mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam theo tinh thần chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Tiếp tục xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh; đẩy mạnh học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên

Tiếp tục quán triệt, triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch hành động của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương về xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị, về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; các quy định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, thực hiện văn hóa, đạo đức trong Đảng và hệ thống chính trị. Xây dựng, nhân rộng và kịp thời tuyên truyền, biểu dương các mô hình điển hình tiên tiến trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội gắn với thực hiện các phong trào thi đua yêu nước nhằm tạo sự chuyển biến thực sự mạnh mẽ, rõ nét, tạo sức lan tỏa sâu rộng trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

Tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng, hoàn thiện chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, đạo đức công vụ ở từng địa phương, cơ quan, đơn vị với phương châm “sát chức năng, nhiệm vụ, ngắn gọn, dễ nhớ, dễ thực hiện và đánh giá việc thực hiện”. Chỉ đạo tổ chức nghiêm túc việc xây dựng và thực hiện cam kết của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức trong việc tu dưỡng, rèn luyện về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống theo quy định.

Thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát đối với tổ chức đảng và đảng viên, khắc phục các biểu hiện sa sút, thoái hóa về phẩm chất, đạo đức, lối sống; tiếp tục rà soát, sàng lọc đảng viên theo Chỉ thị số 28-CT/TW ngày 21/01/2019 của Ban Bí thư, xử lý nghiêm minh các hành vi tham nhũng, tiêu cực, vi phạm của cán bộ, đảng viên nhằm củng cố lòng tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa.

2. Chú trọng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng; tiếp tục đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương pháp, hình thức công tác tư tưởng; đổi mới công tác dân vận của hệ thống chính trị; nắm chắc, dự báo đúng, định hướng chính xác, xử lý kịp thời các vấn đề tư tưởng, bảo đảm thống nhất trong Đảng, đồng thuận trong xã hội.

Tiếp tục đổi mới công tác tuyên truyền, quán triệt, học tập các nghị quyết theo hướng đúng người, đúng việc, nâng cao tính định hướng đối với hoạt động thực tiễn; cán bộ chủ chốt, những đồng chí có trách nhiệm lãnh đạo, quản lý, trực tiếp thực hiện lĩnh vực mà nghị quyết đề cập cần nghiên cứu sâu, trao đổi kỹ, nắm vững và đầy đủ tinh thần nghị quyết; cán bộ ở lĩnh vực khác cần nắm vững quan điểm cơ bản; đảng viên cần nắm tinh thần cốt lõi của nghị quyết; đồng thời, gắn kết chặt chẽ giữa quán triệt, học tập với thảo luận chương trình, kế hoạch hành động thực hiện nghị quyết.

Chủ động nắm bắt và dự báo đúng tình hình tư tưởng trên địa bàn, kịp thời xử lý thông tin, định hướng kịp thời dư luận xã hội bảo đảm thống nhất tư tưởng trong Đảng, đồng thuận trong xã hội. Tiếp tục kiện toàn, nâng cao hiệu

quả hoạt động của Ban Chỉ đạo 35 các cấp; tích cực đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, chống phá, xuyên tạc, bôi nhọ lãnh đạo Đảng, Nhà nước, nhất là trên internet, mạng xã hội làm ảnh hưởng đến hình ảnh và sự phát triển của tỉnh.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục về lịch sử Đảng, lịch sử truyền thống cách mạng của đảng bộ và nhân dân trong tỉnh. Tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc tuyên truyền, giáo dục, giảng dạy về lịch sử Đảng bộ, truyền thống cách mạng, bản sắc văn hóa các dân tộc tỉnh Yên Bái trong các cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp, đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị của tỉnh.

Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội về công tác dân vận; tầm quan trọng của việc xây dựng mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa Đảng với nhân dân. Gắn công tác dân vận với việc đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, học tập phương pháp dân vận của Bác.

Phát huy mạnh mẽ vai trò, sự tham gia của nhân dân trong xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện chủ trương, cơ chế, chính sách; tham gia xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị; phát hiện, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong cán bộ, đảng viên.

Tiếp tục thực hiện tốt phong trào thi đua “Dân vận khéo”, tuyên truyền, biểu dương, nhân rộng các mô hình, điển hình về công tác dân vận. Xây dựng, triển khai hiệu quả cơ chế phối hợp giữa chính quyền, các cơ quan, tổ chức với MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội trong thực hiện Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị.

Đẩy mạnh tổng kết thực tiễn, nâng cao chất lượng sơ kết, tổng kết các nghị quyết, chỉ thị nhằm đúc rút kinh nghiệm, cung cấp luận cứ khoa học và thực tiễn cho việc xác định chủ trương, định hướng lớn của tỉnh trong từng giai đoạn. Quan tâm kiện toàn tổ chức bộ máy, tăng cường đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác chính trị, tư tưởng, công tác dân vận của Đảng.

3. Tăng cường công tác tổ chức xây dựng Đảng; trọng tâm là công tác tổ chức và cán bộ.

Tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của Đảng và hệ thống chính trị mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; thực hiện tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm theo chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW. Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc việc lấy phiếu tín nhiệm đối với các chức danh, chức vụ lãnh đạo, quản lý trong hệ thống chính trị theo Quy định số 96-QĐ/TW ngày 02/02/2023 của Bộ Chính trị.

Thường xuyên củng cố, xây dựng, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các cấp ủy, tổ chức đảng, trọng tâm là tổ chức cơ sở đảng; làm cho tổ chức đảng ở cơ sở thực sự là cầu nối giữa Đảng với nhân dân, thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị và giải quyết được những vấn đề nảy sinh ở cơ sở. Kiện toàn tổ chức đảng đồng bộ, phù hợp với đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của Đảng đối với hệ thống chính trị. Chỉ đạo, hướng dẫn xây dựng đồng bộ quy chế làm việc của các cấp ủy, thể chế hóa, cụ thể hóa thẩm quyền, trách nhiệm mối quan hệ giữa tập thể, cá nhân, người đứng đầu bảo đảm đúng nguyên tắc, phát huy vai trò hạt nhân lãnh đạo của Đảng.

Quan tâm lựa chọn, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, năng lực, uy tín, tâm huyết của đội ngũ bí thư cấp ủy cơ sở, bí thư chi bộ; thực hiện bí thư cấp ủy đồng thời là thủ trưởng cơ quan, đơn vị; bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch HĐND hoặc chủ tịch UBND cấp xã; bí thư chi bộ đồng thời là trưởng thôn, bản, tổ trưởng tổ dân phố hoặc trưởng ban công tác mặt trận. Thường xuyên đổi mới nội dung, phương pháp nâng cao chất lượng sinh hoạt cấp ủy, sinh hoạt chi bộ gắn với lãnh đạo, giải quyết có hiệu quả nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị, địa phương. Phát huy mạnh mẽ vai trò của cấp ủy, tổ chức cơ sở đảng trong quản lý, giáo dục, rèn luyện, kiểm tra, giám sát, đánh giá cán bộ, đảng viên. Quản lý tốt đảng viên ở nơi công tác, nơi đến công tác, nơi cư trú; đảng viên tham gia sinh hoạt tôn giáo, học tập và công tác ở nước ngoài. Thực hiện nghiêm việc phân công nhiệm vụ cho đảng viên; đổi mới phương pháp giao nhiệm vụ đảm bảo mỗi đảng viên đều được phân công nhiệm vụ phù hợp.

Nâng cao chất lượng đảng viên ngay từ khâu kết nạp đảng viên mới; chấn chỉnh, khắc phục triệt để tình trạng chạy theo số lượng, xem nhẹ chất lượng trong công tác phát triển đảng. Thực hiện hài hòa nhiệm vụ phát triển đảng với sàng lọc đảng viên. Tích cực phát hiện, bồi dưỡng, phát huy vai trò những đảng viên ưu tú, trưởng thành trong phong trào lao động, học tập, lực lượng vũ trang, tạo nguồn cán bộ cho hệ thống chính trị, chú trọng xây dựng tổ chức đảng và phát triển đảng viên trong doanh nghiệp và khu vực kinh tế tư nhân. Đồng thời, kiên quyết sàng lọc, loại bỏ những cán bộ, đảng viên thoái hóa, biến chất, cơ hội, tham nhũng, “lợi ích nhóm”, quan liêu, yếu về năng lực, trình độ. Đổi mới công tác đánh giá xếp loại đảng viên đi vào thực chất; mở rộng thực hiện việc đánh giá, xếp loại hằng tháng đối với cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức làm căn cứ đánh giá, xếp loại hằng năm; cụ thể hóa quy định, hướng dẫn của Trung ương về kiểm điểm, đánh giá, xếp loại tổ chức đảng, đảng viên và cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp vào điều kiện của tình hình bảo đảm đồng bộ, liên thông giữa đánh giá, xếp loại của Đảng với chính quyền, đoàn thể.

Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác tổ chức, cán bộ. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cán bộ chủ chốt đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; có bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức trong sáng, năng lực nổi trội, luôn đổi mới, dám nghĩ, dám làm, dám đột phá, dám chịu trách nhiệm, có uy tín cao và thực sự tiên phong, gương mẫu, là hạt nhân đoàn kết. Tạo chuyển biến mạnh mẽ trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; đặc biệt, tập trung đổi mới nội dung chương trình, phương thức đào tạo; trong đó, yêu cầu đào tạo cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm, theo nhu cầu công việc, phù hợp với thực tiễn. Tăng cường liên kết với các cơ sở giáo dục, đào tạo có uy tín để đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng chuyên môn, lý luận chính trị, ngoại ngữ cho đội ngũ cán bộ các cấp.

Nâng cao chất lượng công tác quy hoạch cán bộ, bảo đảm sự chủ động, có tầm nhìn xa, đáp ứng cả nhiệm vụ trước mắt và lâu dài; lấy kết quả hoàn thành nhiệm vụ và uy tín, triển vọng, khả năng phát triển của cán bộ làm căn cứ để xây dựng quy hoạch cán bộ. Chú trọng cơ cấu hợp lý đối với cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số bảo đảm sự chuyển tiếp vững vàng, liên tục các thế hệ cán bộ. Thực hiện kiên trì, nhất quán mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp Đề án số 11-ĐA/TU ngày 08/8/2018 của Tỉnh ủy về “Xây dựng và tạo nguồn đội ngũ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý đến năm 2030, định hướng đến năm 2035” tạo nguồn cán bộ có chất lượng. Tiếp tục luân chuyển cán bộ trẻ, có trình độ chuyên môn, có phẩm chất đạo đức tốt, triển vọng phát triển từ cấp tỉnh về cấp huyện, cấp cơ sở và ngược lại; từng bước thực hiện chế độ thực tập, tập sự lãnh đạo. Xây dựng chính sách đào tạo, bồi dưỡng thu hút cán bộ thực đức, thực tài, có bản lĩnh chính trị, thực sự là “công bộc của dân”.

Tiếp tục cụ thể hóa, hoàn thiện quy định, quy chế về công tác cán bộ, tiêu chuẩn chức danh, tiêu chí đánh giá, giới thiệu, đề bạt, bổ nhiệm cán bộ; kiên quyết đấu tranh phòng, chống các biểu hiện cơ hội, thực dụng trong công tác cán bộ. Thực hiện quy trình công tác cán bộ theo hướng khách quan, công tâm, công khai, minh bạch, toàn diện, đi vào thực chất gắn với kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ và công việc được giao. Đẩy mạnh phân cấp trong công tác cán bộ gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực trong từng khâu của công tác cán bộ, chống chạy chức, chạy quyền. Thực hiện nghiêm túc quy định về thẩm quyền, trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác cán bộ và quản lý cán bộ. Mở rộng triển khai việc giao quyền cho người đứng đầu lựa chọn, giới thiệu với cấp ủy có thẩm quyền để bầu cử, bổ nhiệm cấp phó của mình; bí thư cấp ủy giới thiệu đề bầu ủy viên ban thường

vụ và chịu trách nhiệm về việc giới thiệu; giao quyền cho người đứng đầu bổ nhiệm, miễn nhiệm đối với cấp trưởng cấp dưới trực tiếp và chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Thực hiện thi tuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp sở, phòng của tỉnh.

Quan tâm thực hiện kịp thời, đầy đủ chế độ, chính sách đối với cán bộ (cả đương chức và nguyên chức theo từng cấp quản lý), tạo động lực cho cán bộ phấn đấu, yên tâm công tác, cống hiến lâu dài cho tỉnh. Làm tốt công tác bảo vệ cán bộ, bảo vệ chính trị nội bộ; nắm chắc lịch sử chính trị, đặc biệt quan tâm vấn đề chính trị hiện nay. Chủ động phòng ngừa, kịp thời phát hiện, kiên quyết đấu tranh với các biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” và các yếu tố ảnh hưởng đến an ninh chính trị nội bộ; ngăn chặn các hoạt động thâm nhập nội bộ, cài cắm nội gián, tác động chuyển hoá từ bên trong của các thế lực thù địch. Thực hiện nghiêm túc các quy định của Trung ương về công tác bảo vệ chính trị nội bộ và kết luận về tiêu chuẩn chính trị trong việc bố trí, sử dụng, bổ nhiệm và phân công giới thiệu ứng cử giữ các chức vụ chủ chốt ở các cấp uỷ, các cơ quan, đơn vị và trong công tác phát triển đảng viên.

4. Nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng; đổi mới phương pháp, kỹ năng, quy trình công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng, tập trung vào các cơ chế, biện pháp chủ động phát hiện sớm để phòng ngừa, ngăn chặn khuyết điểm, vi phạm của tổ chức đảng và đảng viên

Tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nghiêm túc Kết luận số 34-KL/TW, ngày 18/4/2022 của Bộ Chính trị về Chiến lược công tác kiểm tra, giám sát của Đảng đến năm 2030; Quyết định số 56-QĐ/TW, ngày 08/02/2022 của Bộ Chính trị “Về việc ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập”, Chỉ thị số 43-CT/TU, ngày 22/12/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giám sát thường xuyên của các cấp uỷ, uỷ ban kiểm tra và các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc cấp uỷ các cấp trong Đảng bộ tỉnh Yên Bái.

Thực hiện tốt công tác phổ biến, quán triệt các văn bản mới; kịp thời rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành văn bản thuộc thẩm quyền để lãnh đạo, chỉ đạo. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền nâng cao nhận thức của các cấp uỷ, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên về vị trí, vai trò, mục đích, ý nghĩa của công tác kiểm tra, giám sát. Thực hiện nghiêm túc việc sơ kết, tổng kết các nghị quyết, chỉ thị...

Bám sát yêu cầu công tác xây dựng đảng của Đảng bộ tỉnh, tiếp tục định hướng xây dựng chương trình kiểm tra, giám sát hằng năm tập trung vào người đứng đầu, những địa bàn, lĩnh vực nhạy cảm, dễ phát sinh sai phạm, địa phương

có nhiều vấn đề “nổi cộm”, dư luận “bức xúc”; hạn chế tối đa tình trạng chông chéo, trùng lặp về đối tượng, nội dung, thời gian kiểm tra, giám sát, thanh tra và kế hoạch kiểm toán trên địa bàn. Lãnh đạo thực hiện tốt việc tổ chức rà soát, đánh giá kết quả thực hiện các thông báo kết luận kiểm tra, giám sát của cấp ủy, uỷ ban kiểm tra các cấp sau ban hành.

Tiếp tục phát huy vai trò nòng cốt của uỷ ban kiểm tra các cấp; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra; tổ chức thực hiện tốt Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về luân chuyển cán bộ ngành kiểm tra Đảng giai đoạn 2024 - 2025; tăng cường công tác luân chuyển cán bộ kiểm tra theo tinh thần Kết luận số 23-KL/TW, ngày 10/12/2021 của Ban Bí thư.

5. Đổi mới phương thức lãnh đạo của các cấp ủy, tổ chức đảng; coi trọng việc nâng cao năng lực dự báo, tầm nhìn chiến lược, tính khả thi trong hoạch định chủ trương, chính sách và tính chủ động, sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ, mục tiêu mà nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX đề ra

Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của các cấp ủy, tổ chức đảng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; cụ thể hóa phương thức lãnh đạo của cấp ủy đảng bằng hệ thống các quy chế, quy định, quy trình, nhất là quy chế làm việc, bảo đảm sự lãnh đạo tuyệt đối, toàn diện, sâu sát, kịp thời, hiệu quả của cấp ủy; thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách. Nâng cao năng lực dự báo, bám sát tình hình, khả năng phát hiện, đánh giá, lựa chọn đúng vấn đề trọng tâm cần giải quyết để nghiên cứu, thể chế hóa, cụ thể hóa, hoạch định chủ trương, ban hành các nghị quyết, chỉ thị, quy định, chương trình, kế hoạch của cấp ủy có tính thực tiễn, ngắn gọn, rõ ràng, dễ hiểu, khả thi, dễ làm và có tầm nhìn dài hạn. Đồng thời, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, thực hiện cơ chế giao nhiệm vụ, khoán sản phẩm, khuyến khích tinh thần chủ động, đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm gắn với tăng cường kỷ luật, kỷ cương và trách nhiệm giải trình của tập thể, cá nhân người đứng đầu cấp ủy.

Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với chính quyền, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội, bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất của Đảng trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội; đồng thời, gương mẫu tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, tôn trọng các nguyên tắc tổ chức và hoạt động, vai trò, tính tự chủ, năng động sáng tạo của chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc tổ chức phổ biến, quán triệt và triển khai thực hiện nghị quyết; xây dựng phong cách, lề lối làm việc của cán bộ, đảng viên khoa học, gần dân, vì dân, bám sát thực tiễn, nói đi

đôi với làm bảo đảm chủ trương, nghị quyết của Đảng thực sự đi vào cuộc sống. Đẩy mạnh cải cách hành chính trong Đảng, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát của các cấp ủy, tổ chức Đảng, từng bước thống nhất, đồng bộ với công tác quản lý, điều hành của chính quyền, bảo đảm quy định của Điều lệ Đảng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

6. Tiếp tục phát huy vai trò của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh trong các hoạt động của Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội

Nâng cao chất lượng tham gia ý kiến vào các dự án luật, các nghị quyết của Quốc hội. Tăng cường chất lượng, hiệu quả hoạt động giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật tại địa phương theo các chuyên đề giám sát, khảo sát đã xây dựng. Nâng cao chất lượng tiếp xúc cử tri trước và sau kỳ họp. Thực hiện tốt việc tiếp nhận, xử lý đơn thư, theo dõi, đôn đốc và thông báo việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân mà đại biểu Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội đã chuyển đến các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, trách nhiệm để giải quyết.

7. Đổi mới mạnh mẽ, nâng cao chất lượng hoạt động của HĐND các cấp trong việc quyết định những vấn đề quan trọng của địa phương

Triển khai thực hiện đồng bộ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Tổ chức chính quyền địa phương, trong đó nghiên cứu đổi mới cơ cấu HĐND các cấp theo hướng tăng cường số lượng đại biểu HĐND chuyên trách. Nâng cao chất lượng ban hành chính sách để đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương và hiệu quả hoạt động giám sát, nhất là giám sát chuyên đề, kịp thời kiến nghị, giải quyết những vấn đề chính đáng cử tri quan tâm. Nâng cao hơn nữa chất lượng tổ chức các kỳ họp, hoạt động chất vấn và trả lời chất vấn; phát huy vai trò, trách nhiệm của các đại biểu HĐND trong việc tham gia chất vấn, thảo luận, cho ý kiến vào các nội dung kỳ họp.

8. Tiếp tục đổi mới tư duy và cách thức quản lý nhà nước để nâng cao năng lực quản lý, điều hành của UBND và trách nhiệm thi hành của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND các cấp

Hoàn thành việc sắp xếp, bố trí cán bộ, giảm số lượng cấp phó các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị của tỉnh theo khung vị trí việc làm; tăng cường xã hội hóa các loại hình sự nghiệp dịch vụ công trên địa bàn nhằm nâng cao chất lượng hoạt động, giảm gánh nặng cho ngân sách; chuyên đổi các đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác có đủ điều kiện thành công ty cổ phần.

Đổi mới, nâng cao năng lực quản lý, điều hành của UBND và trách nhiệm thi hành của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND các cấp theo hướng đề cao kỷ luật, kỷ cương hành chính và trách nhiệm giải trình của người đứng đầu cơ quan, đơn vị. Hoàn thiện cơ chế, quy định về phân cấp, phân quyền công khai, minh bạch, hiệu quả, thông suốt trong điều hành và tổ chức thực hiện từ tỉnh đến cơ sở, nhất là trong công tác tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức, quản lý đầu tư, đất đai, quản lý thu, chi ngân sách bảo đảm quản lý thống nhất, kiểm soát, kiểm tra chặt chẽ, phát huy vai trò chủ động, tinh thần trách nhiệm, thúc đẩy tính sáng tạo của từng cấp, từng ngành. Tiếp tục mở rộng đổi mới cơ chế quản lý tài chính theo hướng đặt hàng, khoán sản phẩm theo chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị nhằm phát huy tính chủ động, tích cực của các tập thể, cá nhân bảo đảm công bằng, khách quan, minh bạch.

Đổi mới, nâng cao hiệu quả ban hành và tổ chức thực hiện cơ chế, chính sách theo hướng đồng bộ, khả thi, hiệu quả. Chú trọng công tác rà soát, sơ kết, tổng kết, kịp thời điều chỉnh, bổ sung, thay thế các quy định, chính sách phù hợp với quy định của pháp luật và điều kiện thực tiễn của địa phương.

Xây dựng và thực hiện chương trình đột phá về cải cách hành chính toàn diện, đồng bộ, hướng vào cải cách chế độ công vụ, tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong thực thi công vụ của công chức, viên chức, phát huy rõ vai trò người đứng đầu các cấp, các ngành. Tiếp tục hoàn thiện vận hành hiệu quả đề án đô thị thông minh gắn với chính quyền điện tử, đáp ứng yêu cầu đổi mới công tác lãnh đạo, điều hành và quản lý nhà nước tại địa phương. Nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh và bộ phận phục vụ hành chính công cấp huyện, cấp xã, từng bước xây dựng chính quyền hiện đại, liêm chính, phục vụ và hiệu quả; mở rộng thực hiện dịch vụ công trực tuyến. Phấn đấu đến năm 2025, cung cấp 100% dịch vụ hành chính công trực tuyến, trong đó có ít nhất 50% dịch vụ hành chính công trực tuyến toàn trình; chỉ số cải cách hành chính (Par Index) thuộc nhóm 15 tỉnh; chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) thuộc nhóm 20 tỉnh dẫn đầu của cả nước; chỉ số quản trị hành chính công (PAPI) duy trì ở nhóm “Trung bình cao”.

Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức liêm chính, có phẩm chất đạo đức tốt, sức khỏe, bản lĩnh chính trị, năng lực, uy tín, chuyên nghiệp, tận tụy phục vụ nhân dân. Đẩy mạnh dân chủ trong công tác cán bộ, quy định rõ trách nhiệm, thẩm quyền của mỗi cơ quan, tổ chức và người đứng đầu trong việc xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong giai đoạn mới. Đổi mới công tác tuyển dụng, đánh giá cán bộ bảo đảm cạnh tranh, công khai, minh bạch, thật sự lấy hiệu quả công việc làm thước đo chủ yếu gắn với cơ chế động viên, khen thưởng xứng đáng, kịp thời, tạo động

lực cho cán bộ phần đầu, toàn tâm, toàn ý với công việc; tập trung thu hút, trọng dụng nhân tài, mạnh dạn đề bạt, bổ nhiệm cán bộ trẻ, bổ nhiệm vượt cấp những cán bộ nổi trội về năng lực, trách nhiệm, đạo đức, uy tín và hiệu quả công việc. Tăng cường công tác quản lý, nêu cao kỷ luật, kỷ cương trong thực thi công vụ của công chức, viên chức, gắn với vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị; xử lý nghiêm, kịp thời thay thế, bãi miễn những người không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm kỷ luật, đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp, không còn uy tín với nhân dân.

2. Tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đẩy mạnh thu hút đầu tư, ứng dụng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số để nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh, hướng tới phát triển xanh, bền vững. Cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả, giá trị gia tăng, phát triển mạnh kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới thực chất, văn minh, đáng sống. Phát triển công nghiệp thân thiện với môi trường, hàm lượng công nghệ cao, phù hợp với tiềm năng, lợi thế. Phát triển mạnh mẽ, đa dạng các ngành dịch vụ, thương mại gắn với thúc đẩy sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, trọng tâm là dịch vụ du lịch xanh, bản sắc, hấp dẫn.

3. Nâng cao hơn nữa chất lượng, hiệu quả toàn diện lĩnh vực giáo dục, đào tạo, y tế, dân số, việc làm, phát triển nguồn nhân lực... nhằm khai thác và phát huy mạnh mẽ nguồn lực con người cho phát triển; không ngừng nâng cao chất lượng cuộc sống, sự hài lòng và chỉ số hạnh phúc cho nhân dân.

4. Khơi dậy mạnh mẽ khát vọng vươn lên, bản sắc văn hóa và hệ giá trị con người Yên Bái “thân thiện, nhân ái, đoàn kết, sáng tạo, hội nhập” gắn với đổi mới phương thức quản lý phát triển xã hội tiến bộ, công bằng, kỷ cương, bền vững; triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2030; phát huy quyền làm chủ của nhân dân và sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, thực sự trở thành nền tảng tinh thần, động lực và nguồn lực quan trọng cho sự phát triển.

5. Quan tâm đầu tư cho đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thu hẹp khoảng cách phát triển kinh tế - xã hội vùng cao với vùng thấp, giữa đô thị và nông thôn, trọng tâm là tiếp tục triển khai chất lượng, hiệu quả 03 chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững.

9. Đẩy mạnh công tác nội chính và phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, tạo chuyển biến rõ nét trong công tác cải cách tư pháp

Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, thực hiện đồng bộ phương châm 4 không: “không thể”, “không dám”, “không muốn”, “không cần” trong đấu tranh phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Nâng cao

hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, tiêu cực tinh; tích cực phòng ngừa, chủ động phát hiện, xử lý kịp thời, nghiêm minh hành vi tham nhũng, lãng phí, bao che, dung túng, tiếp tay cho tham nhũng, can thiệp, cản trở việc chống tham nhũng. Tuyên truyền, phổ biến, tổ chức thực hiện có hiệu quả các quy định mới của Đảng, Nhà nước về phòng, chống tham nhũng, lãng phí trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và toàn dân. Tăng cường kiểm tra, đôn đốc công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí; chú trọng công tác tự kiểm tra, thanh tra, kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các sai phạm, tiêu cực, tham nhũng trong nội bộ. Thực hiện hiệu quả việc thu hồi tiền, tài sản bị chiếm đoạt từ tham nhũng. Phát huy vai trò của nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên, báo chí trong phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc công tác sơ kết, tổng kết các văn bản của Trung ương, của Tỉnh ủy về lĩnh vực thi hành pháp luật, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực để kịp thời phát hiện những hạn chế, khó khăn, vướng mắc, bất cập, không đồng bộ, thống nhất để sửa đổi, bổ sung hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Tiếp tục thực hiện Chiến lược cải cách tư pháp trong tình hình mới; công khai, minh bạch các hoạt động tố tụng theo quy định, bảo đảm quyền con người, quyền công dân. Quan tâm lãnh đạo chặt chẽ về chính trị, tổ chức, hoạt động của các cơ quan tư pháp; tôn trọng chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan tư pháp, bảo đảm tính độc lập, tuân thủ pháp luật của các chức danh tư pháp; không để xảy ra tình trạng cấp uỷ buông lỏng lãnh đạo hoặc can thiệp không đúng vào hoạt động tư pháp. Kịp thời thể chế hóa các chủ trương, nghị quyết của Đảng trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; nâng cao chất lượng xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của các cơ quan bảo vệ pháp luật trong công tác điều tra, truy tố, xét xử, xử lý các vụ án, vụ việc kinh tế, tham nhũng, vụ án nghiêm trọng mà dư luận quan tâm. Tiếp tục củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy, xây dựng đội ngũ cán bộ tư pháp, bổ trợ tư pháp tinh gọn, chất lượng, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Nâng cao chất lượng công tác điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án, trọng tâm là đổi mới tổ chức, hoạt động của Tòa án nhân dân, nâng cao chất lượng nghiên cứu hồ sơ, đánh giá chứng cứ và xét xử tại phiên tòa, không để xảy ra oan sai, bỏ lọt tội phạm ở tất cả các bước trong quy trình tố tụng. Quan tâm đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý; nâng cao nhận thức, ý thức tự giác chấp hành pháp luật của nhân dân. Thực hiện tốt việc hòa giải, đối thoại nhằm góp phần ngăn ngừa tranh chấp, khiếu kiện, tạo sự đồng thuận, xây dựng khối đại đoàn kết trong nhân dân.

10. Tăng cường vai trò, nòng cốt chính trị gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, dân chủ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ của nhân dân

Tiếp tục củng cố tổ chức và hoạt động các đoàn thể theo hướng đồng bộ, liên thông, tránh chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ giữa các tổ chức; coi trọng và nâng cao chất lượng đoàn viên, hội viên, người lao động, gắn việc triển khai các phong trào, cuộc vận động với việc chăm lo bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đoàn viên, hội viên, người lao động. Nâng cao trách nhiệm của đội ngũ cán bộ Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, hướng mạnh về cơ sở, địa bàn dân cư; đa dạng hoá các hình thức tập hợp nhân dân, nhất là đối với các đối tượng đặc thù bằng các hình thức linh hoạt; khắc phục tình trạng hành chính hoá, bệnh hình thức, thành tích. Tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong bảo đảm tổ chức tinh gọn, hiệu quả. Nghiêm túc thực hiện quy chế giám sát đảng viên ở khu dân cư.

Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa. Phát huy mạnh mẽ vai trò, trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tập hợp, vận động nhân dân đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, thực hành dân chủ, tạo sự đồng thuận xã hội. Tập trung vào các hoạt động thiết thực gắn với nhiệm vụ chính trị trọng tâm của tỉnh như xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo, giải phóng mặt bằng... Quán triệt và thực hiện tốt quan điểm “*dân là gốc*” và phương châm “*dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân hưởng thụ*”; khơi dậy tiềm năng, sức sáng tạo, sự chung sức, đồng lòng của nhân dân hướng vào xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp, hạnh phúc; phát huy vai trò người có uy tín, tiêu biểu trong cộng đồng các dân tộc, tôn giáo. Tiếp tục nâng cao vai trò, trách nhiệm của nông dân, chủ thể của quá trình phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới; xây dựng lực lượng công nhân đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa; phát triển đội ngũ doanh nhân đông đảo, có trình độ quản lý, kinh doanh giỏi, có đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội cao. Quan tâm chăm lo bồi dưỡng, giáo dục và phát huy vai trò xung kích, tình nguyện của thế hệ trẻ, tạo điều kiện cho thanh niên học tập, phấn đấu, rèn luyện, trưởng thành. Nâng cao trình độ và đời sống vật chất, tinh thần của phụ nữ, tạo điều kiện để phụ nữ thực hiện vai trò, trách nhiệm giới và chủ động, tích cực tham gia sự nghiệp đổi mới, hội nhập, phát triển; đồng thời là nòng cốt xây dựng gia đình ấm no, bình đẳng, hạnh phúc, tiến bộ. Phát huy truyền thống “Bộ đội Cụ Hồ” của cựu chiến binh, tích cực tham gia xây dựng và bảo vệ Đảng, chính quyền, giáo dục thế hệ trẻ, đoàn kết, chung sức xây dựng quê hương.